

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

**TRUNG ƯƠNG CỤC
MIỀN NAM
CHIẾN KHU Đ
(1961–1962)**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

2004

Chủ trương:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai

Ban Chỉ đạo:

- Đồng chí Lê Hoàng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban.
- Đồng chí Trần Đình Thành, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó ban.
- Đồng chí Võ Văn Một, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.
- Đồng chí Dương Thanh Tân, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo, Ủy viên.

Ban Nội dung:

- Đồng chí Dương Thanh Tân, Trưởng ban.
- Đồng chí Trần Quang Toại, Giám đốc Nhà Bảo tàng, Phó Ban thường trực
- Đồng chí Phan Đình Dũng, Ủy viên.
- Đồng chí Đặng Tấn Hương, Giám đốc Nhà Xuất bản Đồng Nai, Ủy viên.

Các cơ quan, đơn vị phối hợp:

- Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Nai.
- Nhà Bảo tàng tỉnh Đồng Nai.

LỜI GIỚI THIỆU

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975), Biên Hòa – Đồng Nai và miền Đông Nam bộ là địa bàn chiến lược rất quan trọng, với địa hình rừng núi trải rộng nối liền Tây Nguyên, cực Nam Trung bộ tiếp giáp với đồng bằng, đặc biệt nhân dân các dân tộc có truyền thống yêu nước, vì vậy Đảng đã chỉ đạo hình thành nhiều căn cứ kháng chiến, xây dựng hệ thống căn cứ địa liên hoàn, tạo thế đứng vững chắc cho các lực lượng kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Một trong những căn cứ lớn đó chính là Chiến khu Đ trong kháng chiến chống Pháp và Chiến khu A ⁽¹⁾ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đặc biệt, trong kháng chiến chống Mỹ, sau phong trào Đồng khởi năm 1960, tình hình và cục diện đấu tranh cách mạng ở miền Nam chuyển biến rất nhanh: từ đấu tranh chính trị chuyển sang kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang; phong trào đấu tranh ở miền Nam chuyển thành cuộc chiến tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo thống nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Để đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở miền Nam, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III quyết định giải thể Xứ ủy Nam bộ thành lập Trung ương Cục miền Nam.

Xứ ủy Nam bộ quyết định xây dựng, phát triển căn cứ địa Chiến khu Đ thành Chiến khu A, trung tâm đặt tại rừng Mã Đà (nay thuộc xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai), đảm bảo nơi đứng chân xây dựng các cơ quan đầu não, xây dựng lực lượng kháng chiến.

Sau một thời gian tập trung chuẩn bị cho sự kiện chính trị rất quan trọng này, ngày 10 tháng 10 năm 1961, Hội nghị lần thứ 1 Trung ương Cục miền Nam đã diễn ra tại Mã Đà, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

Tại căn cứ này, Trung ương Cục đã xây dựng và kiện toàn bộ máy lãnh đạo, các cơ quan tham mưu, xây dựng Quân Giải phóng miền Nam, đón tiếp lực lượng cán bộ tập kết và chi viện từ hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa cho miền Nam “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”, xây dựng hậu cần, tích lũy lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tuy Trung ương Cục miền Nam ở Chiến khu Đ một thời gian không lâu (1961-1962), nhưng căn cứ kháng chiến này đã trở thành ý chí, biểu tượng cho lý

¹ Chiến khu A tức căn cứ Chiến khu Đ mở rộng trong kháng chiến chống Mỹ.

tưởng giải phóng dân tộc, lòng quyết tâm của toàn Đảng bộ và quân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Được sự đồng ý của Ban Bí thư, nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lịch sử trong 2 năm (2004-2005): 60 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam; 75 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 30 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc; 115 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch; 60 năm ngày thành lập Nước, và kỷ niệm 43 năm ngày thành lập Trung ương Cục miền Nam, cùng với việc khánh thành công trình trùng tu, tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai chủ trương biên soạn quyển sách **“Trung ương Cục miền Nam Chiến khu Đ (1961–1962)”** gồm bài viết của các đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo của Trung ương Cục, các nhà nghiên cứu lịch sử và các đồng chí đã từng sống, chiến đấu, lao động tại khu căn cứ kháng chiến này. Thông qua những tư liệu sống, chân thực, quyển sách đã thể hiện được quá trình hình thành, phát triển của căn cứ, vai trò quan trọng của căn cứ địa trong cuộc kháng chiến, sự lãnh đạo của Trung ương Cục, cuộc sống đầy gian khổ, hy sinh, nhưng rất anh hùng của Đảng bộ, quân dân miền Nam với quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược.

Do hạn chế về thời gian, còn rất nhiều bài viết của các đồng chí chưa được tập hợp. Chúng tôi rất mong được sự thông cảm chia sẻ và trân trọng đón nhận ý kiến của các đồng chí để có thể bổ sung hoàn thiện trong lần tái bản sau.

Thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xin trân trọng giới thiệu quyển sách **“Trung ương Cục miền Nam Chiến khu Đ (1961–1962)”** với đông đảo bạn đọc.

Biên Hòa, ngày 02–10–2004

LÊ HOÀNG QUÂN

Ủy viên Trung ương Đảng,

Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai

XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY
HÀO KHÍ ĐỒNG NAI,
TRUYỀN THỐNG
MIỀN ĐÔNG GIÀN LAO MÀ ANH DŨNG

DI TÍCH LỊCH SỬ CÓ Ý NGHĨA QUAN TRỌNG

VÕ VĂN KIỆT (*)

(Lược trích lời phát biểu của đồng chí Võ Văn Kiệt tại Lễ Khởi công tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai ngày 13-3-200.)

Việc bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia Căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại Mã Đà là việc làm hết sức cần thiết và có ý nghĩa quan trọng.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta, vào năm 1961, đứng trước yêu cầu của tình hình mới, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về nhiệm vụ của cách mạng miền Nam. Trung ương Cục miền Nam được thành lập thay cho Xứ ủy Nam bộ, làm nhiệm vụ trực tiếp lãnh đạo cách mạng miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào.

Tuy thời gian Trung ương Cục miền Nam đóng chân trên địa bàn Mã Đà, Chiến khu Đ không lâu nhưng lại có ý nghĩa lịch sử rất lớn. Đây chính là nơi ra đời và thành lập Trung ương Cục miền Nam đầu tiên trong thời kỳ chống Mỹ, là nơi Trung ương Cục miền Nam quyết định xây dựng Chiến khu Đ mở rộng thành khu A, nơi thành lập các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo và tham mưu của Trung ương Cục miền Nam.

Việc bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia Trung ương Cục miền Nam là việc làm cần thiết nhằm ghi lại một cột mốc lịch sử lớn có ý nghĩa quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân ta cho các thế hệ mai sau. Yêu cầu đặt ra là việc bảo tồn, tôn tạo di tích phải đi đôi với bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên. Phương pháp bảo tồn, tôn tạo phải kết hợp với yếu tố bền vững và giữ được giá trị lịch sử của di tích. Đồng thời, phải đặt di tích này trong mối tương quan với các di tích quốc gia trong vùng, tạo thành hệ thống cụm di tích có ý nghĩa lịch sử, văn hóa và sinh thái.

* Nguyên Ủy viên Trung ương Cục miền Nam, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Thủ tướng Chính phủ.

MỘT DI TÍCH CÓ Ý NGHĨA LỊCH SỬ, TÍNH NHÂN VĂN SÂU SẮC

NGUYỄN TẤN DŨNG (*)

(Lược trích lời phát biểu của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng tại Lễ Khởi công tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai ngày 13-3-2004)

Tôi rất tự hào khi đến đây dự lễ khởi công công trình bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia Căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ (1961-1962). Trung ương Cục miền Nam là một bộ phận của Trung ương Đảng, thay mặt Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam.

Đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam là chiến công oanh liệt của toàn dân tộc ta. Trong đó, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam là rất lớn. Điều đó có nghĩa là, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam là một trong những nhân tố quyết định đến thắng lợi chung.

Tôi đánh giá rất cao quyết định của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tiến hành công việc bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử này. Đây là việc làm đúng đắn, thiết thực, có ý nghĩa nhiều mặt. Việc sưu tầm, tái tạo các hiện vật, các cơ quan của Trung ương Cục miền Nam không chỉ có ý nghĩa lịch sử mà còn là công trình mang tính nhân văn sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục truyền thống đối với mọi người, nhất là thế hệ trẻ.

Tỉnh Đồng Nai nên tiếp tục tiếp thu ý kiến đóng góp của các đồng chí lão thành cách mạng và các cơ quan khoa học để tiếp tục hoàn thiện dự án. Gắn khu di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam với quần thể di tích Chiến khu Đ để thành một cụm quần thể di tích lịch sử có ý nghĩa của khu vực và của cả nước... Tôi mong rằng công trình sẽ sớm đưa vào sử dụng, đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân.

* Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ.

CHIẾN KHU Đ – CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG CỦA CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM

NGUYỄN VĂN LINH (*)

Việt Nam từ nhiều thế kỷ đã được liệt vào hàng ngũ các nước đã nhiều lần tiến hành chiến tranh nhân dân để lấy lại chủ quyền và giữ nền độc lập quốc gia.

Theo tôi, Việt Nam ta, từ những thế kỷ phải chống lại bọn phong kiến xâm lược nước ngoài thì thường thường lúc ban đầu chẳng những không có quân đội, thậm chí không có vũ khí. Nhưng nhân dân, tuyệt đại đa số nhân dân yêu nước đã lần lượt nghe theo lãnh đạo để đứng lên giữ nước. Các nhà lãnh đạo từ các vua chúa đến các nhà cách mạng sau này, để đi đến toàn thắng, luôn luôn đều đứng về dân, đều vì nhân dân mà chiến đấu. Cán bộ, chiến sĩ chẳng những không tư hào cây kim, sợi chỉ của dân mà còn ra sức giúp dân tăng gia sản xuất, ngày đêm chăm lo đời sống của dân. Chính vì thế mà các gia đình đều cho con em xung phong vào nghĩa quân, nuôi quân sống và tìm mọi cách để tạo nên vũ khí cho quân cách mạng, từ những vũ khí thô sơ, gậy gộc, dao búa. Lần lần một số con em còn chui vào hàng ngũ của địch và trốn ra mang theo vũ khí của chúng.

Chiến tranh nhân dân Việt Nam chủ yếu là chiến tranh của dân, do dân và vì dân.

Chiến tranh đi từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ lúc đầu không có đơn vị chiến đấu nào, sau thành lập lần được các đơn vị chiến đấu từ nhỏ, vừa đến lớn. Các vị tướng tá cũng lần lần xuất hiện, học tập, rèn luyện trong chiến đấu. Nay, nếu giờ lịch sử ra tra cứu sẽ thấy rất nhiều vị tướng tài, có tên tuổi đều xuất hiện như vậy.

Ở nước ta, qua nhiều thời kỳ, không chỉ có những vị võ tướng mới đánh giặc mà ngay nhiều cán bộ lãnh đạo chung cũng đánh giặc. Có nhiều lần, nhiều vị thực tế đã làm việc ấy và sử sách cũng đã ghi lại.

*

Chiến tranh nhân dân Việt Nam có những nội dung đặc biệt của nó. Ta xét từ thời Lê Lợi, Nguyễn Trãi hay sau này là thời kỳ Hồ Chí Minh thì phải thấy rằng những đặc điểm đó chưa có một tài liệu, văn kiện lịch sử nào viết rõ (hay hoặc đã có mà tôi chưa được đọc).

* Nguyên Bí thư Trung ương Cục miền Nam, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Bài viết năm 1997.

Thực tiễn hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cho thấy: Chiến tranh nhân dân ở Việt Nam không giống chiến tranh Vệ quốc ở Liên Xô có các giai đoạn: phòng ngự, cầm cự rồi tổng phản công. Cũng không giống chiến tranh nhân dân của Trung Quốc lấy nông thôn bao vây thành thị, tiến lên giải phóng thành thị.

Chiến tranh nhân dân Việt Nam là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, đánh địch ở cả ba vùng chiến lược, bằng ba mũi giáp công, bằng lực lượng ba thứ quân. Ở Việt Nam, cách mạng luôn thể hiện tinh thần cách mạng tiến công bằng mọi hình thức hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp, tiến công từ nhỏ đến lớn, giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Ngay ở vùng địch tạm chiếm đóng, ta vẫn tiến công địch, sử dụng các hình thức công khai hợp pháp để giành từng thắng lợi – dù nhỏ – cho cách mạng, kết hợp từng lúc một có những hoạt động vũ trang phá hoại kho tàng địch hay diệt ác, trừ gian trong lòng địch, làm địch rún động, lo sợ, đồng thời gây niềm tin trong đồng bào.

Để tạo thế tiến công cho cách mạng, vai trò của căn cứ địa được Đảng đặc biệt quan tâm.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến Nam bộ, trong Chỉ thị của Trung ương Đảng ngày 25 tháng 12 năm 1945, việc xây dựng căn cứ địa đã được đặt ra: *“Phải chọn đóng ở những địa điểm chiến lược lợi hại: tiến có thể đánh, lùi có thể giữ... Kế hoạch tiến công cũng như kế hoạch rút lui phải hết sức chu đáo (phòng đủ mọi mặt: địa điểm, cán bộ, lương thực, thuốc men, quần áo, vũ khí, vật liệu, cơ kiện...)”*

Sau đó, trong nhiều văn kiện và chỉ thị khác, đặc biệt là trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2–1951) đã nêu rõ: Công tác xây dựng căn cứ địa là *“một vấn đề chiến lược quan trọng ngang hàng với vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang, không thể tách rời vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang. Vì không xây dựng căn cứ địa cách mạng tức là không tích cực bồi dưỡng nguồn nhân lực, vật lực cần thiết cho việc xây dựng và phát triển quân đội”*.⁽¹⁾

Chấp hành nghiêm chỉnh tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, ở chiến trường Nam bộ, Chiến khu Đ đã được hình thành, củng cố và phát triển qua các giai đoạn của cách mạng miền Nam.

Từ là căn cứ đầu tiên của tỉnh Biên Hòa được xây dựng vào tháng 2 năm 1946, sau Hội nghị cán bộ quân sự ở Lạc An (huyện Tân Uyên), Chiến khu Đ lần lần được mở rộng, bao trùm toàn bộ vùng rừng ngang đường 16, trải dọc lưu vực hữu ngạn sông Đồng Nai, đổ về thượng nguồn giáp giới Sông Bé, thành căn cứ địa

¹ Văn kiện toàn quốc Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng (2–1951) – Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng.

không chỉ của tỉnh Biên Hòa, mà cả của Quân khu 7 trong kháng chiến chống Pháp, từ đầu năm 1947 đến cuối 1950.

Vừa sản xuất vừa gây dựng cơ sở cách mạng trong các buôn, sóc, trong đồng bào dân tộc, vừa bảo đảm nuôi dưỡng bảo vệ cán bộ và cơ quan lãnh đạo vừa chiến đấu, Chiến khu Đ đã làm tròn nhiệm vụ giữ vững và mở rộng địa bàn của mình, trở thành nơi dưỡng quân, huấn luyện, nâng cao chất lượng bộ đội và du kích, đáp ứng nhu cầu kháng chiến của miền Đông Nam bộ lúc bấy giờ. Chính hai đơn vị mạnh: Liên trung đoàn 301 – 310 và Tiểu đoàn chủ lực 303 đã hình thành và phát triển ở đây.

Đến tháng 5 năm 1951, Chiến khu Đ đã trở thành một trong những căn cứ địa của hệ thống căn cứ địa của Nam bộ, gồm: Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, Chiến khu Đồng Tháp Mười và Chiến khu U Minh.

Là một căn cứ chính của Nam bộ, Chiến khu Đ, ngoài nhiệm vụ chính của mình như trước đây, từ 1 tháng 5 năm 1952 còn được Trung ương Cục miền Nam giao cho nhiệm vụ tiếp nhận hàng hóa của Trung ương do Liên khu V chuyển giao từ Bình Thuận vào để từ đó phân cho các đơn vị trên chiến trường. Tiểu đoàn 320 được thành lập làm nhiệm vụ nói trên đã giữ vững đường liên lạc giữa Nam bộ với Trung ương, đưa đón các đoàn cán bộ qua lại trên tuyến đường này.

Suốt thời gian từ 1951 đến khi ký kết Hiệp định Giơnevơ, các cơ quan đơn vị ta tại Chiến khu Đ đã vượt qua nhiều khó khăn: nào thiên tai (đặc biệt là cơn bão lụt khốc liệt năm Nhâm Thìn 1952), nào địch họa do càn quét, đánh phá bằng bom đạn, phá hoại kinh tế, gài do thám chỉ điểm, biệt kích... đã giữ vững căn cứ địa cách mạng, góp phần vào thắng lợi chung của quân dân cả nước, đưa đến việc ký Hiệp định Giơnevơ năm 1954.

Đến kháng chiến chống Mỹ, Trung ương Cục miền Nam được Trung ương giao nhiệm vụ lãnh đạo từ Khu 5 trở vào. Trung ương Cục đã chọn Chiến khu Đ làm căn cứ đặt cơ quan lãnh đạo của Trung ương Cục. Chiến khu Đ, trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, đã mở rộng địa bàn, vượt ra khỏi phạm vi cũ trong kháng chiến chống Pháp, phát triển về phía Đông và Đông Bắc giáp với biên giới Campuchia và địa giới Đarlac Nam Tây Nguyên. Chính nơi đây là một trong những nơi ra đời đầu tiên của các đơn vị vũ trang miền Đông và chủ lực Miền. Đường hành lang từ Trung ương theo đường Trường Sơn xuống Nam Tây Nguyên được nối thông với Chiến khu Đ.

Sau này, do tình hình phát triển của cách mạng, Trung ương Cục và Quân ủy Miền không đóng ở Chiến khu Đ nữa, nhưng Chiến khu vẫn là căn cứ địa lớn của cách mạng miền Nam, đóng vai trò hậu phương tại chỗ của miền Đông, là bàn đạp để lực lượng ta tiến công vào các cơ quan đầu não, căn cứ quân sự, kho tàng, đường giao thông chiến lược của địch.

*

Tôi bị bắt, bị đế quốc Pháp đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mỗi khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi, các đồng chí mới đem tàu thuyền ra chở về và lãnh đạo giao cho tôi làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn – Chợ Lớn, sau thêm cả tỉnh Gia Định.

Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định là một trong những trung tâm chính trị, quân sự lớn của đế quốc Pháp. Chúng đứng vững ở đó, cố dập tắt phong trào cách mạng rồi lần lần đánh nong ra các tỉnh chung quanh. Do đó, với tư cách là Bí thư Thành ủy Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định, tôi phải cùng với một số cán bộ (lúc đó chưa thành lập được Thành ủy) một mặt củng cố phát triển lực lượng cách mạng ở nội ngoại thành, lần lần thành lập các đơn vị vũ trang để phối hợp chặt chẽ với các chi đội (đang có khuynh hướng kéo về các tỉnh xa).

Tôi và một số đồng chí lãnh đạo phải đóng căn cứ ở Chiến khu Đ. Trong tay chúng tôi chỉ có một cây súng sáu. Nhưng vì liên lạc chặt chẽ với các đồng chí Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Long An nên đứng vững được ở chung quanh thành, thành lập nhiều căn cứ cách mạng, hòng đánh địch không chỉ ở nông thôn ngoại thành mà còn đánh địch ở nội thành bằng những đội đặc công, biệt động. Có nhiều dịp phối hợp với các tỉnh chung quanh tiến công địch tới tấp thành một chiến dịch vừa rộng, vừa lớn làm địch tổn thương rất nhiều sĩ quan nguy trong nội thành.

Một vấn đề quan trọng nữa là thành phố phải bàn với các tỉnh chung quanh lập căn cứ địa để vừa có đất dưỡng quân vừa điều động các công nhân kỹ thuật lấy máy móc của địch trở ra lập các binh công xưởng để sửa vũ khí đã bị hư, vừa nạp lại đạn đã dùng và có nơi công nhân còn có sáng kiến làm ra những cây súng tự tạo bắn ra cùng lúc 3, 4 quả lựu đạn xa đến hơn 100 thước.

Sau này, với cương vị mới được giao là Bí thư Xứ ủy Nam bộ, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, trong công tác lãnh đạo của mình, tôi rất quan tâm chăm sóc, chỉ đạo củng cố và xây dựng vững chắc căn cứ địa cách mạng ở miền Nam. Trong đó, Chiến khu Đ là một căn cứ rất quan trọng.

Trong các bài học của chiến tranh nhân dân Việt Nam, việc xây dựng và củng cố hậu phương, căn cứ địa cách mạng chiếm một vị trí rất lớn.

Chiến khu Đ, với quá trình xây dựng, phát triển và chiến đấu suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đã lập được những chiến công vẻ vang, mãi mãi là niềm tự hào của Đảng bộ, quân dân Việt Nam ta nói chung, Đảng bộ và quân dân miền Nam nói riêng.

BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI

VÙNG ĐẤT GIÀU TRUYỀN THỐNG VÀ TIỀM NĂNG

NGUYỄN VĂN LINH (*)

Là một người đã từng sống và chiến đấu trên vùng đất “*Miền Đông gian lao mà anh dũng*” này, tôi vô cùng xúc động và tự hào chào đón sự kiện có ý nghĩa rất to lớn: Xuân Mậu Dần 1998, tỉnh Biên Hòa trước đây, Đồng Nai ngày nay bước vào tuổi 300 đầy sức sống!

*

Theo các nhà sử học, khảo cổ học: Biên Hòa – Đồng Nai là vùng đất quần cư của con người cách đây hàng ngàn năm. Những di chỉ khảo cổ học ở Hàng Gòn, Bình Đa, Suối Chồn, Cái Vạn... cho thấy người xưa ở Đồng Nai có một cuộc sống vật chất và tinh thần khá phong phú. Từ thế kỷ 17, người Việt đã có mặt cùng với các dân tộc anh em khai phá, mở mang vùng đất mới phương Nam của Tổ quốc.

Mùa xuân Mậu Dần 1698 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong công cuộc phát triển đất nước. Đó là năm Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu vào kinh lý và xây dựng, ổn định bộ máy quản lý hành chính, từ đây chính thức đưa vùng đất phương Nam vào lãnh thổ nước Đại Việt. Huyện Phước Long với dinh Trấn Biên được thành lập. Đó chính là tiền thân của tỉnh Biên Hòa – Đồng Nai ngày nay. Huyện Phước Long bấy giờ rất rộng, bao gồm cả các tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu, Bình Dương và một phần tỉnh Bình Phước ngày nay.

Điều tôi muốn nhấn mạnh trong tiến trình lịch sử 300 năm Biên Hòa – Đồng Nai: Đây là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, truyền thống văn hóa rất đáng trân trọng và tự hào. Trên vùng đất này, cha ông chúng ta lao động, đấu tranh với thiên nhiên, vượt qua biết bao gian khổ, hi sinh để biến rừng hoang thành đồng ruộng phì nhiêu, xóm làng trù phú. Bằng lao động và trí tuệ, mồ hôi và xương máu, nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai cùng các dân tộc anh em đã xây dựng nên Nông Nại Đại phố, một thương cảng sầm uất vào bậc nhất lúc bấy giờ ở phương Nam của Tổ quốc. Những sản vật như: đá Biên Hòa, gốm Biên Hòa, đường mía Biên Hòa... một thời nổi tiếng và được ưa chuộng khắp xứ “Đàng Trong”. Sách ***Đại Nam nhất thống chí*** còn ghi rõ: *Người Biên Hòa chuộng thơ văn, siêng cày cấy, sống giản dị, thủy chung, nghĩa tình.*

* Nguyên Bí thư Trung ương Cục miền Nam, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Bài viết nhân kỷ niệm 300 năm hình thành phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Biên Hòa – Đồng Nai là nơi có Văn miếu được xây dựng đầu tiên ở phía Nam với tên gọi Văn miếu Trấn Biên (1715). Đó là biểu tượng của truyền thống văn hóa dân tộc hiếu học, “tôn sư trọng đạo”, là nơi đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, là nơi giữ gìn tinh hoa của nền văn hóa dân tộc ngàn đời của cha ông. Từ truyền thống văn hóa đó, vùng đất Biên Hòa đã sản sinh biết bao nhà khoa bảng, nhà văn hóa, trong đó Trịnh Hoài Đức là một nhân vật tiêu biểu. Ông là người tài cao học rộng, một vị quan thanh liêm, nhưng hơn hết ông là nhà văn hóa lớn của dân tộc, được xưng tụng là một trong “Gia Định tam gia”. Ông để lại nhiều tác phẩm, trong đó có bộ sách ***Gia Định thành thông chí*** là một công trình văn hóa, lịch sử đồ sộ rất giá trị và không thể thiếu trong việc nghiên cứu con người, vùng đất, văn hóa ở phía Nam trong quá trình hình thành và phát triển.

Khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta lần thứ nhất (1858), đặc biệt khi Gia Định thành thất thủ (1861), Biên Hòa trở thành nơi đứng chân xây dựng lực lượng nghĩa quân chống Pháp của nhiều lực lượng yêu nước. Nhân dân Biên Hòa cùng các dân tộc anh em – dưới ngọn cờ khởi nghĩa của “Bình Tây Đại nguyên soái” Trương Định – đã xây dựng căn cứ kháng chiến ở Bàu Cá, Giao Loan chống lại giặc Pháp rất anh dũng. Những phong trào kháng chiến chống Pháp sau đó như Đông Du, Duy Tân, các phong trào Hội kín như Đoàn Văn Cự, Trại Lâm Trung... những năm đầu thế kỷ XX tuy không thành công, nhưng đã thể hiện rõ lòng yêu nước và ý chí quật cường của các tầng lớp nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai.

Trước cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước và giải phóng dân tộc, sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương (ngày 3-2-1930), nay là Đảng Cộng sản Việt Nam, đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Tại Biên Hòa, giai cấp công nhân hình thành khá sớm, tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, trở thành lực lượng nòng cốt lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương. Chi bộ Đảng Cộng sản ở Đồn điền cao su Phú Riềng (1929), chi bộ Cộng sản Bình Phước – Tân Triều (1935) là những hạt giống đỏ để lãnh đạo và phát triển phong trào giải phóng dân tộc ở Biên Hòa – Đồng Nai. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai đã tham gia các cuộc diễn tập lớn (1930-1931, 1936-1939), giúp đỡ cách mạng vượt qua mọi sự khủng bố, đàn áp của thực dân, khôi phục phong trào cách mạng, tiến tới cùng cả nước giành lấy chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

Truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai càng được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống thực dân, đế quốc vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Với Chiến khu Đ oai hùng, Đảng bộ Đồng Nai đã lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ, lập nên những chiến công to lớn. Trong đó, chiến thắng La Ngà năm 1948 là một sự kiện tiêu biểu cho ý chí chiến đấu bất khuất, tinh thần tự lực tự cường, chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, sự gắn bó keo sơn giữa quân và dân Biên

Hòa – Đồng Nai. Với quyết tâm cao, tinh thần vượt khó, quân và dân Biên Hòa đã sáng tạo nên cách đánh đặc công, mở đường cho việc hình thành Binh chủng Đặc công – binh chủng đặc biệt tinh nhuệ của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

*

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tôi được vinh dự sống và lãnh đạo, chỉ đạo cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ, ác liệt nhưng hết sức anh dũng của quân dân “**Miền Đông gian lao mà anh dũng**”, trong đó có quân dân Biên Hòa – Đồng Nai. Nhân dân và đồng bào các dân tộc ở Biên Hòa, Chiến khu Đ đã hết lòng tham gia kháng chiến, ủng hộ kháng chiến, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của Liên Tỉnh ủy miền Đông, Khu ủy miền Đông, Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam. Cuộc chiến tranh nhân dân của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai trong suốt 30 năm kháng chiến cực kỳ gian khổ, ác liệt, nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương, đã phối hợp rất nhịp nhàng, kịp thời cùng chiến trường toàn miền Nam, góp phần đánh bại 5 chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai, lập nên nhiều chiến công vang dội như: Nhà Xanh (BIF), Chiến thắng sân bay Biên Hòa, Bình Giã, Tổng kho Long Bình, Xuân Mậu Thân, Xuân Kỷ Dậu, Chiến thắng Rừng Sác... Đặc biệt, bằng Chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh tháng 4–1975, quân dân Biên Hòa – Đồng Nai góp phần quan trọng cùng với lực lượng chủ lực đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của Mỹ nguy ở hướng Đông Nam Sài Gòn, tạo điều kiện cho Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa đất nước bước vào một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày đất nước thống nhất, cuộc chiến tranh đã để lại những hậu quả khá nặng nề cho tỉnh Đồng Nai: Tình trạng thất nghiệp, tệ nạn xã hội, ruộng đất bị bỏ hoang vì bom đạn chiến tranh, thiếu lương thực, kẻ thù không ngừng phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội... Đảng bộ Đồng Nai đã thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân, khắc phục hậu quả chiến tranh, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội, tháo gỡ từng bước khó khăn, vướng mắc, phát huy được sức mạnh toàn dân, từng bước khắc phục và phát triển kinh tế, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Đặc biệt, từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến nay, đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã tạo ra thời cơ, vận hội mới để Đảng bộ và quân dân Đồng Nai phát huy mọi tiềm lực và khả năng về kinh tế, lao động, tài nguyên và quản lý để xây dựng và phát triển địa phương ngày càng giành được những thành tựu trên các lĩnh vực. Với việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế hợp lý, ngày nay Đồng Nai là một tỉnh có tiềm lực mạnh về công nghiệp. Là một trong những

tỉnh, thành có tốc độ phát triển kinh tế khá cao và ổn định. Trên lĩnh vực công nghiệp, với 8 khu công nghiệp ⁽¹⁾ đã đi vào hoạt động bước đầu có hiệu quả, Đồng Nai đang và sẽ vững bước cùng cả nước trên con đường công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng... Đồng Nai đều đạt được những thành tựu đáng phấn khởi. Điều tôi lưu ý là các đồng chí không chỉ chú trọng phát triển kinh tế mà còn quan tâm đầu tư nhiều trong việc thực hiện tốt chính sách xã hội, sự nghiệp văn hóa ở địa phương, chăm lo tốt hơn cho con người. Bởi thực hiện tốt chính sách xã hội, biết giữ gìn các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình là tạo thêm động lực và điều kiện phát triển các nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa của địa phương.

*

Chào mừng vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai bước vào tuổi 300 chính là một đợt sinh hoạt chính trị – xã hội – lịch sử rất quan trọng của Nam bộ nói chung và nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng, để chúng ta tự hào và tưởng nhớ công lao của những lớp người đi trước đã khai phá, xây dựng vùng đất mới của Tổ quốc; cũng là dịp phát huy mạnh mẽ, sáng tạo hơn nữa **“Hào khí Đông A”** của thời kỳ dựng nước, làm rạng danh **“Hào khí Đồng Nai”** cùng truyền thống **“Miền Đông gian lao mà anh dũng”**, thực hiện trọn vẹn di chúc thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu: *Thắng để quốc Mỹ chúng ta sẽ xây dựng đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn*. Đó là truyền thống, đạo lý vô cùng cao đẹp của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Nhân dịp Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai cùng với nhân dân Sài Gòn – thành phố Hồ Chí Minh bước vào các hoạt động kỷ niệm trọng thể 300 năm hình thành và phát triển vùng đất lịch sử này, tôi nhiệt liệt biểu dương những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đã đạt được trong những năm qua. Chúc Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai phát huy mạnh mẽ truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc, đồng tâm nhất trí, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, mưu trí, sáng tạo, ra sức thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa vì mục tiêu ***Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh*** theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

¹ Tính đến thời điểm tháng 8-2004 là 15 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động. (Bt)

MÃ ĐÀ – CHIẾN KHU Đ HÀO KHÍ ĐỒNG NAI

PHAN VĂN KHẢI (*)

Thưa các mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang!

Thưa đồng bào và các đồng chí!

Với tinh thần phấn khởi trước những thành tích to lớn mà cả nước và Đảng bộ, nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tích cực phấn đấu đạt được trong năm qua, trong không khí vui tươi của những ngày đầu xuân Quý Mùi, chúng ta về họp mặt tại Chiến khu Đ – một địa danh từ lâu đã được ghi vào biên niên sử, để kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 ; 3-2-2003), 35 năm ngày Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 (1968 – 2003).

Gặp lại các đồng chí, đồng đội, với tình cảm gắn bó thủy chung, tôi xin thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, thân ái gửi đến Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Thưa các đồng chí và các bạn!

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mùa xuân năm 1930 đã kết hợp chặt chẽ giữa nguyện vọng dân tộc của một nước thuộc địa nghèo với xu thế giải phóng con người theo những quan điểm thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh (bấy giờ lấy tên là Nguyễn Ái Quốc) suốt 20 năm lặn lội tìm đường cứu nước, đã tìm ra cho dân tộc một phương hướng cách mạng đúng đắn, thiết thực, đồng thời đã xây dựng được một đội tiên phong có đầy đủ bản lĩnh để gánh vác trách nhiệm lớn lao và vinh quang do dân tộc và nhân dân giao phó. Suốt 73 năm đứng trên vị trí lãnh đạo, tổ chức tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là Đảng Cộng sản Việt Nam – Đảng thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh – đã không phụ lòng mong ước của đồng bào và của những người yêu chuộng công lý, những người cùng khổ trên thế giới. Trên bước đường đi của mình, dù ở giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc hay giai đoạn xây dựng xã hội mới, dù bằng phương thức vận động quần chúng hay đấu tranh vũ trang, hay lãnh đạo, điều khiển công cuộc xây dựng đất nước, dù lúc thuận hay trong những khúc quanh nhiều bất trắc giữa đông bão, Đảng ta không ngừng rút kinh nghiệm, tự hoàn thiện chính mình về trí tuệ và từng đảng viên tự rèn luyện bằng tấm lòng yêu nước, thương dân, đưa cách mạng vượt

* Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ. Bài phát biểu trong lễ kỷ niệm 73 năm thành lập Đảng và 35 năm cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 (ngày 3-2-2003 tại Đồng Nai). Tựa bài do Ban biên tập đặt.

qua thử thách và giành thắng lợi. Chúng ta khẳng định rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức không thể thay thế được suốt 73 năm ấy và nghĩa vụ của chúng ta là phải bảo vệ vị trí của Đảng bằng những cống hiến ngày một lớn hơn về trí tuệ, lương tâm và phẩm chất. Công việc giữ gìn vị thế của Đảng trong dân tộc không dễ dàng, nếu chúng ta hờ hững thì đất nước sẽ gặp khó khăn, thậm chí khó khăn nghiêm trọng.

Trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam nói chung và của miền Nam nói riêng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo và phát huy cao nhất trí thông minh và tinh thần dũng cảm của toàn dân tộc với tư tưởng: **“Không có gì quý hơn độc lập tự do”** của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chiến dịch Mậu Thân thể hiện quan điểm này và ý chí quyết tâm không gì lay chuyển nổi mà Bác Hồ đã chỉ rõ: **“Đánh cho Mỹ cút đánh cho ngụy nhào”**. Đảng ta đã cụ thể hóa tư tưởng chiến lược ấy bằng sách lược rất Việt Nam: Đẩy lùi địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, phối hợp ba vùng chiến lược, hai chân, ba mũi, tạo ra quả đấm thối động nơi thâm nghiêm nhất của đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn là thành phố Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định. Qua Mậu Thân, lòng tin vào khả năng đánh bại cách mạng Việt Nam bằng quân sự của đế quốc Mỹ bị lung lay. Cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước của nhân dân miền Nam, của cả nước đã trở thành **“Tiếng nói lương tri của loài người”** và cuộc chiến đấu của nhân dân ta được những người lương thiện khắp các châu lục ủng hộ. Đặc biệt, sự đoàn kết đấu tranh với chúng ta đã thành phong trào mạnh mẽ của nhân dân trên đất Mỹ. Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân 1968 là một cuộc đấu tranh vĩ đại, kết nối cuộc Đồng khởi năm 1959-1960 với ngày toàn thắng 30-4-1975. Không có tầm nhìn thấu đáo, không có những hy sinh cực kỳ to lớn ấy, đất nước ta không giành được thắng lợi 30-4 năm 1975 cũng như thắng lợi ngày hôm nay.

Trong thắng lợi của mùa Xuân Mậu Thân 1968 có phần đóng góp quan trọng của Đảng bộ và quân dân Biên Hòa – Đồng Nai, trong đó có đồng bào các dân tộc trên địa bàn Chiến khu Đ, đồng thời đã góp sức làm nên truyền thống **“Miền Đông gian lao mà anh dũng. Đất thép thành đồng rạng núi sông”**. Truyền thống đó chính là nền tảng, nguồn sức mạnh để các đồng chí tiếp tục phấn đấu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nơi chúng ta gặp mặt hôm nay – Chiến khu Đ – đã nổi tiếng hơn nửa thế kỷ. Chiến khu Đ, cùng với Chiến khu Dương Minh Châu ở miền Đông, Chiến khu Đồng Tháp ở miền Trung và Chiến khu U Minh ở miền Tây Nam bộ – trong cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm và cuộc kháng chiến chống Mỹ dài 21 năm – đã có những **thủ đô kháng chiến** đầy sự tích hào hùng.

Ở miền Đông, Chiến khu Đ và Chiến khu Dương Minh Châu đã trở thành niềm tin và hy vọng của miền Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ. Chiến khu Đ là trung tâm kháng chiến của miền Đông Nam bộ, là nơi

đặt những cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng ở miền Nam như: Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam. Đặc biệt, tại vùng đất lịch sử này, trong hai năm 1950 – 1951, đồng chí Lê Duẩn – một trong những người học trò xuất sắc của Bác Hồ kính yêu, một trong những vị lãnh đạo cao cấp của Đảng tại miền Nam – đã khởi thảo Đề cương chính sách cải cách ruộng đất ở miền Nam để góp phần chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng. Cũng chính tại cánh rừng miền Đông này, tháng 1–1961, thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III, Trung ương Cục miền Nam đã ra đời, trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam. Đây cũng là nơi rèn cán, chỉnh quân, xây dựng lực lượng, tiếp nhận sự chi viện to lớn của hậu phương miền Bắc.

Ở nơi mà anh dũng và gian lao cặp kè, ai từng sống qua tại đây đều biết: Đường đời độc chập chùng, đầy muỗi và vắt, âm khí nặng nề, bệnh sốt rét ác tính đã thành đại dịch, lại thiếu lương thực nghiêm trọng và luôn nằm trong tầm phục kích của địch... Mã Đà – địa danh đồng nghĩa với thử thách – suốt hai cuộc kháng chiến. Trong kháng chiến chống Mỹ, các cơ quan lãnh đạo cao nhất của miền Nam là Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã từng đóng tại đây. Chúng ta không thể nào quên trận Tua Hai lừng lẫy ở rìa Chiến khu Dương Minh Châu và liền sau đó, đêm 17–9–1961, Tiểu đoàn 800 cùng Đại đội đặc công 260 của Ban Quân sự Miền bao vây và tiến công san bằng tỉnh lỵ Phước Thành, đập tan ý đồ của chính quyền Ngô Đình Diệm hòng thọc sâu vào căn cứ của ta.

Gặp mặt tại Chiến khu Đ, tại Mã Đà, với vùng đất Đồng Nai thượng hùng vĩ, đầu nguồn của sông Đồng Nai và cũng có thể nói, đầu nguồn của sự hình thành đất mới phương Nam, chúng ta nhớ lại thuở cách mạng vừa nhen những tia lửa đầu tiên, thuở chúng ta thực hiện một Mậu Thân trăm phần khó khăn, ác liệt. Chúng ta có dịp ôn lại cả một chặng đường thắng lợi với những thắng trận của nó. Trong chúng ta, nhiều người không thể quên hai câu thơ xúc động và mang ý nghĩa tổng kết sâu nặng:

Từ độ mang guom đi mở cõi

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long

Thưa đồng bào, đồng chí!

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đặc biệt vào những năm đầu của thiên niên kỷ và thế kỷ, đất nước ta đã có những bước phát triển rõ rệt. Hai năm 2001 và 2002 đã phát huy sức mạnh của nhiều năm tháng trước đó, đưa đất nước tiến lên một tầng nấc cao hơn. Đây là một tiến trình tất yếu, nhưng không phải tự nhiên mà có. Đó là kết quả của sự lãnh đạo, chỉ đạo nhanh nhạy, kịp thời, sát sao của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ. Đặc biệt là tính năng động sáng tạo của toàn dân, toàn quân được khơi dậy từ sự kiên trì phấn đấu, chịu khổ, chịu cực, nhịn ăn, nhịn mặc hàng chục năm trước đây với biết

bao thử thách. Chính những thử thách đó đã rèn luyện chúng ta thêm cứng cáp để tiếp tục vượt qua khó khăn thách thức và nắm bắt, tận dụng các cơ hội để đưa đất nước phát triển bền vững.

Tỉnh Đồng Nai – với các khu công nghiệp không ngừng phát triển – cùng thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông đã hình thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. So với cả nước, vùng có diện tích chiếm gần 4%, dân số chiếm trên 10%. Song, tổng sản phẩm trong nước (GDP) bằng khoảng 1/3 cả nước, vốn đầu tư phát triển bằng khoảng 1/3 cả nước, giá trị sản xuất công nghiệp gần 50%, xuất khẩu chiếm 60% và thu ngân sách chiếm 62% của cả nước. Với những ý nghĩa đó, vùng kinh tế này đã thực sự là vùng kinh tế động lực của cả nước.

Đồng Nai là một tỉnh bán sơn địa, ít ruộng lúa nước. Song lịch sử đã hội tụ ở đây nhiều điều kiện thuận lợi vô giá. Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai đã vận dụng tốt những bài học lịch sử trong kháng chiến như: đoàn kết toàn dân, huy động sức mạnh tổng hợp để vượt qua khó khăn thử thách, vươn lên đạt thành tích khá toàn diện về kinh tế – xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Với tốc độ phát triển bình quân mỗi năm khá cao (trên 12%), Đồng Nai cùng với miền Đông đã phát huy truyền thống ***Miền Đông gian lao mà anh dũng*** trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc để phấn đấu đưa ***Miền Đông đi trước về trước*** trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thay mặt Chính phủ, tôi nhiệt liệt biểu dương những thành tích xuất sắc mà Đảng bộ, quân dân Đồng Nai đã liên tục phấn đấu giành được trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong những năm vừa qua.

Năm 2003, chúng ta thực hiện sâu rộng hơn những cam kết AFTA, đẩy mạnh hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Cả nước và Đồng Nai đang tiếp cận với những vận hội lớn và đứng trước những thách thức mới. Chúng ta không tự thỏa mãn với thành tích đạt được vì nó còn quá nhỏ bé so với yêu cầu của quá trình sánh vai với các nước chung quanh. Từ trong lịch sử đấu tranh giữ nước cũng như từ trong sự chuyển động của những năm gần đây, ta đã rút ra được bài học rất quý: *không tự mãn, đồng thời phải biết tự tin*.

Để vượt qua thách thức, tiếp tục phát triển với nhịp độ cao hơn, toàn Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai phải tăng cường đoàn kết; thu hút cao hơn nguồn lực từ bên ngoài, đồng thời phát huy nguồn lực của các thành phần kinh tế trên địa bàn, mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, đẩy mạnh phục vụ thị trường trong nước và phát triển thị trường ngoài nước; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm phát huy thế mạnh của từng vùng và của mỗi ngành; phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo đảm cho sự phát triển bền vững; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo lao động kỹ thuật và công nghệ; thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với phong trào xóa đói giảm nghèo, đặc biệt tập trung

cho vùng đồng bào dân tộc ít người và đồng bào có đạo; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho nhân dân. Vấn đề có tính chất cốt lõi là phải chú trọng tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực quản lý điều hành của Nhà nước, phát huy dân chủ cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tham ô.

Chìa khóa mở đến tương lai nằm trong tay và trong tâm trí của chúng ta. Trên tất cả, điều đó nằm trong lòng yêu nước của nhân dân, trong sự sáng suốt của Đảng, cũng như trong năng lực, phẩm chất của toàn bộ hệ thống chính trị mà chúng ta đang phải khẩn trương củng cố và nâng cao.

Nhân dịp này, thay mặt Trung ương Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tôi chúc sức khỏe các đồng chí đã từng sống và chiến đấu tại Chiến khu Đ, tại miền Đông Nam bộ, tại Nam bộ. Chúc tất cả các đồng chí đã trải qua những năm tháng ở Khu 7, Khu 8, Khu 9 và Khu Sài Gòn – Gia Định, các bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các cựu chiến binh, các đồng chí đương chức và chúc lớp trẻ Đồng Nai, Vĩnh Cửu, lớp trẻ Mã Đà – nơi có Chiến khu Đ, một năm mới dồi dào sức khỏe, phát huy cao độ **“Hào khí Đồng Nai”** để giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Chúc mọi người và mọi gia đình an khang, thịnh vượng.

Xin cảm ơn các đồng chí, các bạn.

**TRUNG ƯƠNG CỤC
MIỀN NAM CHIẾN KHU Đ
(1961 – 1962)**

**NHỮNG NĂM THÁNG
KHÔNG QUÊN**

VỀ CÁCH MẠNG MIỀN NAM ⁽¹⁾

LÊ DUẨN ^(*)

Ba ⁽²⁾ gửi T.W.C ⁽³⁾.

Cuộc cách mạng miền Nam rõ ràng đang ở trong thế ngày càng thuận lợi, còn địch thì ngày càng bị động. Mặc dù cuộc cách mạng còn sẽ gặp nhiều khó khăn phức tạp, nhưng ngó lại bước đường đã qua trong tám năm, chúng ta phải thấy rõ rằng cách mạng không ngừng phát triển. Đã có lúc ở Nam Bộ cũng như ở Khu 5 tình hình cách mạng hình như vô cùng khó khăn không thể duy trì và phát triển được. Song vì ta đã đánh giá đúng tình hình, ta đã thấy được địch tuy bề ngoài có mạnh, nhưng bên trong ở vào thế bị động. Ta có khó khăn nhưng ta đã thắng lợi căn bản về chính trị, quần chúng đại bộ phận không theo địch mà đồng tình với ta. Và sau khi đã nắm được những phương pháp đấu tranh tích cực, thích hợp thì phong trào đã vùng lên. Hiện nay phong trào miền Nam đang tiến lên, đồng thời cũng đang gặp những khó khăn mới. Chúng ta không thể coi thường địch nhưng nhất định chúng ta không sợ khó khăn, chúng ta tin rằng thắng lợi nhất định về ta. Điều căn bản là người lãnh đạo phải luôn luôn vững vàng, đi cho đúng phương hướng, nắm thật chắc, thật rõ tình hình, nhất định quần chúng cách mạng, được sự lãnh đạo của Đảng tiên phong, có đủ phương pháp để giành thắng lợi cho cách mạng.

Hiện nay tình hình miền Nam đang ở vào giai đoạn bước đầu của cuộc cách mạng nhưng lại là một giai đoạn rất quyết liệt, vì đây là một sự thử thách đầu tiên giữa ta với địch, một cuộc tranh chấp gay go nhất, phức tạp nhất ở trên thế giới mặc dầu cuộc tranh chấp ấy chỉ nằm trong một phạm vi nhỏ.

... Mỹ cho rằng nếu buông lỏng miền Nam Việt Nam thì nhất định miền Nam sẽ rơi vào thế lực cộng sản. Nếu miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản thì cả Đông Nam á sẽ bị lung lay. miền Nam không phải chỉ là một bàn đạp của đế quốc chủ nghĩa để chuẩn bị tấn công ta và phe ta mà còn là một bức tường để ngăn cản phong trào cộng sản tràn xuống Đông Nam á. Đế quốc Mỹ và bọn đồng lõa đang lo sợ bức tường đó phải đổ, chúng quyết tâm bảo vệ cho kỳ được bức tường đang lung lay đó. Đó là những sự phức tạp và gay go của tình hình miền Nam.

¹ Thư của đồng chí Lê Duẩn gửi cho đồng chí Nguyễn Văn Linh và Trung ương Cục miền Nam, ngày 18 tháng 7 năm 1962. (Theo bản in *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 23*. Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2002, tr.705-725.)

^{*} Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

² Túc đồng chí Lê Duẩn.

³ T.W.C: Trung ương Cục miền Nam.

... Nhiệm vụ của cách mạng thế giới là phải giữ gìn hòa bình, chống đế quốc gây chiến tranh, bảo vệ sự an ninh cho công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đồng thời phải biết đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận của đế quốc chủ nghĩa. Hai mặt đó đều phải có sự phát triển biện chứng khăng khít với nhau trong những mức độ phát triển cần thiết của mỗi sự vật. Nghệ thuật lãnh đạo cách mạng hiện nay là nắm vững sự phát triển hai mặt ấy trong những mức độ phát triển cần thiết của nó. Cố nhiên hai mặt đó không phải nhất thiết ở đây hay lúc nào cũng giống nhau... Sự khác nhau đó tùy thuộc ở tương quan lực lượng bên trong của mỗi một nơi, mỗi một vùng đồng thời tùy thuộc ở vị trí của từng nơi, từng vùng trên thế giới...

... Đối với miền Nam, đế quốc Mỹ quyết tâm giành giật với ta vì miền Nam có miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đế quốc cho rằng, bất cứ bằng hình thức nào mà buông lỏng miền Nam, thì cộng sản sẽ thắng...

... Sự phản ứng của phe ta đối với việc đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam thì trước hết là miền Bắc Việt Nam. Đương đầu với miền Bắc Việt Nam, đế quốc Mỹ thấy không nguy hiểm như phải đương đầu với Trung Quốc. Do đó đế quốc Mỹ có khả năng nhảy vào miền Nam hơn ở Lào. Nhưng nếu đế quốc Mỹ vì miền Nam mà nhảy ra miền Bắc thì lại là một vấn đề khác. Chúng ta biết rằng đế quốc Mỹ là bọn đế quốc hiếu chiến, là tên sen đầm của chế độ tư bản trên thế giới, hằng giờ hằng ngày đang xây dựng lực lượng chiến tranh, đã nêu ra ba loại chiến tranh để đối phó với thời cuộc hiện nay, chuẩn bị chiến tranh lớn thế giới, xúc tiến chiến tranh cục bộ, và chiến tranh chống cách mạng, chống du kích. Nhưng trong đế quốc Mỹ cũng có bọn liều lĩnh muốn chiến tranh, bọn tư bản độc quyền súng ống, nhưng cũng có bọn lo ngại sự sụp đổ của chế độ chúng, nên chiến tranh chúng gây ra bị thất bại. Do đó cuộc chiến tranh ở miền Nam có thể trở thành một cuộc chiến tranh lớn hay nhỏ còn tùy thuộc nhiều sự kiện do phong trào riêng và chung của cách mạng phát triển. Nhưng có một điều quan trọng là đứng về ta, ta phải hướng dẫn phong trào cách mạng đi đúng đường lối cách mạng của Đảng, đi đúng nhiệm vụ và yêu cầu cách mạng của ta.

Nhiệm vụ cách mạng của cả nước ta hiện nay là bảo vệ và giữ gìn hòa bình ở miền Bắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng miền Nam để tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Nhiệm vụ và yêu cầu đó đề ra cho ta phải có phương châm hoạt động đúng từng miền và chung cho cả nước.

Vì vậy, hoạt động cách mạng của chúng ta để giải phóng miền Nam đồng thời có nhiệm vụ bảo vệ và giữ gìn hòa bình ở miền Bắc. Trong một mức độ nào, tình hình trong nước ta hiện nay là sự thu hẹp nhỏ lại tình hình chung trên thế giới.

Rõ ràng là nếu không chống đế quốc chủ nghĩa và bọn tay sai ở miền Nam để giải phóng miền Nam, thì không thể bảo vệ và giữ gìn hòa bình ở miền Bắc một

cách vững chắc được. Ngược lại nếu không bảo vệ và giữ gìn hòa bình ở miền Bắc thì cả nước sẽ gặp nhiều khó khăn phức tạp không những cho miền Bắc mà cả cho miền Nam. Một mặt khác, nếu lãnh đạo cách mạng miền Nam không đúng phương hướng, không thấy đầy đủ tương quan lực lượng hiện nay giữa ta và địch, đẩy cuộc cách mạng miền Nam đi quá mức độ cần thiết trong giai đoạn hiện nay thì hậu quả của phong trào sẽ không đem lại thắng lợi cho cách mạng miền Nam đồng thời cũng không nhằm thực hiện đúng mục đích và yêu cầu của cuộc cách mạng chung cho cả nước. Do đó nghệ thuật lãnh đạo phong trào cách mạng phải đo lường cho đúng mức độ...

...Cổ nhiên như trên kia đã nói, cách mạng miền Nam sẽ có những khó khăn... nhưng không phải là cách mạng miền Nam không thể vượt qua được những khó khăn đó. Ngược lại cách mạng miền Nam có những thuận lợi... Miền Nam có 13 triệu người, Đảng miền Nam mạnh, nhân dân miền Nam rất giàu kinh nghiệm chiến đấu và có nhiều khả năng chiến đấu.

Căn cứ vào tương quan lực lượng ở vùng Đông Nam á giữa ta và địch, chúng ta đã đề ra yêu cầu của cách mạng miền Nam là đánh lui từng bước đế quốc Mỹ, làm thất bại chính sách xâm lược và chiến tranh của chúng, làm thất bại chính sách nô dịch của chúng, bằng cách là phải đánh đổ chính quyền tay sai của chúng, xây dựng lên một chính quyền *độc lập và trung lập*. Như vậy là ta đã đề ra yêu cầu *đúng mức* của cuộc cách mạng. Mười khẩu hiệu của Mặt trận giải phóng miền Nam đã cụ thể hóa cái mức yêu cầu thông thường của một chế độ dân chủ thông thường. Đó là chiến thuật hay, thích hợp, đúng mức.

Nhưng để đi tới thực hiện những khẩu hiệu ấy thì phải có những hành động cách mạng rất quyết liệt, rất kiên cường, những hành động vô cùng ác liệt và phức tạp giữa ta và địch trong phạm vi của cuộc chiến tranh theo kiểu mới giữa ta với địch. Chúng ta đã đo lường hết những sự ác liệt đó. Vì vậy chúng ta đã đề ra phương châm phải nắm vững đấu tranh chính trị với quân sự. Nội dung đấu tranh chính trị và quân sự của ta là một nội dung rất mới để có thể đương đầu với bọn đế quốc và tay sai rất nguy hiểm và rất tàn bạo.

Ta đã dùng lực lượng chính trị và quân sự để cướp lấy những vùng thôn quê rộng lớn nhưng chúng ta vẫn giữ thế hợp pháp của quần chúng. Làm như vậy là vì chúng ta thấy phải có một cuộc chiến đấu lâu dài và quyết liệt với địch. Thế hợp pháp đây cũng giống như cái khiên của quần chúng; quần chúng không phải chỉ có cái khiên để chống đỡ giặc, mà đồng thời phải có gươm giáo để giết giặc. Nếu chỉ dùng gươm giáo mà không có khiên tức là không thấy hết sức tàn sát của địch; nhưng nếu chỉ có cái khiên mà không có gươm giáo để chống giặc thì cũng không thấy hết sự tàn bạo hung dữ của giặc. Gươm giáo đây không phải chỉ là lực lượng quân sự mà kể cả lực lượng chính trị. Nếu không thấy hết sự hung bạo của địch thì cũng không thấy hết sự cần thiết phải nắm thật vững, dùng thật khéo, tổ chức thật

mạnh lực lượng chính trị của quần chúng để chiến thắng địch, và ngược lại nếu không thấy hết sức tàn ác của địch thì cũng không thấy hết sự quyết định phải có đầy đủ lực lượng quân sự của quần chúng để chống địch và đánh bại địch.

... Hiện nay địch cũng đang dùng một hình thức đấu tranh chính trị và quân sự vô cùng quyết liệt với ta. Đó là chính sách áp chiến lược của địch. Địch định dùng một hình thức trại tập trung khổng lồ để chống lại cuộc cách mạng của nhân dân, chống lại phong trào chiến tranh du kích của quân đội nhân dân. Nhiệm vụ bức thiết và lâu dài của ta là phải đánh bại âm mưu tàn ác ấy của địch.

... Về phần chúng ta, chúng ta cũng thấy rất rõ rằng để đánh bại địch để đưa cách mạng đến thành công thì *một mặt phải phá cho được áp chiến lược của địch, một mặt phải biết xây dựng lực lượng ngày càng mạnh, đặc biệt là lực lượng quân sự.*

Trước khi nói đến việc xây dựng lực lượng quân sự ngày càng mạnh, ta cần phải nhận định lại một cách đầy đủ rằng lực lượng quân sự cách mạng của quần chúng không thể lớn mạnh được, *nếu nó tách khỏi lực lượng chính trị của quần chúng.*

... Vì lợi ích chung của toàn quốc và của phe ta, chúng ta phải biết kìm chế địch trong loại chiến tranh đó, và không cho chúng có thể mở rộng chiến tranh miền Nam thành một loại chiến tranh cục bộ lớn.

... Ta phải khôn khéo biết giới hạn mức độ, không hành động để có thể đưa đến một tình trạng bức thiết buộc đế quốc không làm không được. Do đó sự kìm chế cuộc chiến tranh trong phạm vi nhỏ ở miền Nam còn tùy thuộc phương hướng điều khiển cuộc chiến tranh của ta ở miền Nam. Vì vậy khi nói đến vấn đề bộ đội của nhân dân cách mạng phải lớn mạnh như thế nào, mục đích, yêu cầu của bộ đội phải giải quyết những vấn đề gì để đưa cách mạng đến thành công thì phải nắm rất vững phương hướng của cách mạng. Phương hướng của chúng ta là phải biết kìm chế địch... và phải biết thắng địch... với yêu cầu cụ thể của ta.

... Do đó việc xây dựng bộ đội và phương châm tác chiến của ta ở miền Nam đều phải phục vụ cho yêu cầu chính trị đó. Căn cứ vào phương hướng của sự phát triển của cách mạng miền Nam, xét cả hai phương diện quân sự và chính trị, quân đội nhân dân miền Nam cần phải nắm vững đường lối quân sự là phát động một cuộc chiến tranh du kích trường kỳ để chống địch và thắng địch.

Nếu như ở miền Nam ta đánh địch trong mức độ nhất định thì rõ ràng là ta không thể tiêu diệt được quân đội của địch, nhưng đây lại là một yêu cầu chính trị của ta vì ta không muốn buộc địch trước nguy cơ phải bị tiêu diệt ở miền Nam mà chúng phải mở rộng cuộc chiến tranh ra miền Bắc... Không nhất thiết phải tiêu diệt hoàn toàn quân đội địch thì mới đánh bại được địch. Ta không thể tiêu diệt hết

quân đội địch, nhưng ta phải đánh bại mục đích yêu cầu của quân đội địch thì mới đạt được mục đích chính trị của ta.

... Quân đội nhân dân muốn tránh chỗ mạnh của địch và đánh vào chỗ yếu của địch, muốn dùng cái sức mạnh của mình mà địch không thể có được, thì phải *phát động một cuộc chiến tranh du kích toàn dân và toàn diện để chiến thắng địch*. Về mặt chiến lược và chiến thuật của du kích chiến tranh các đồng chí Tổng quân ủy sẽ bàn rõ thêm với các đồng chí, và chính các đồng chí với kinh nghiệm chín năm kháng chiến và những kinh nghiệm chiến đấu hiện nay các đồng chí cần phải tổng kết để kịp thời giáo dục huấn luyện cho bộ đội và dân quân. Chúng tôi chỉ cần nhắc lại một điều là luôn luôn phải nắm phương châm càng đánh càng mạnh, không chắc thắng thì không đánh, phải biết đánh địch khắp mọi nơi, đồng thời cũng phải biết tránh địch, luôn luôn làm chủ tình hình, củng cố tăng cường mở rộng khu căn cứ ở vùng rừng núi và ở đồng bằng, nắm vững hơn nữa phương châm chiến đấu ở ba vùng, rừng núi, đồng bằng, đô thị. Phải biết phá những trận đánh lớn của địch nhằm chiếm đóng khu căn cứ quan trọng, nhưng luôn luôn nắm vững việc bảo tồn lực lượng.

... Phải cố gắng tiến lên làm chủ ở vùng rừng núi và nông thôn. Ở các đô thị chỉ cần hoạt động lẻ tẻ, hiện nay dù có những thành phố sơ hở của địch chúng ta cũng chưa nên đánh chiếm. Về mặt chiến lược chung sự thắng lợi đó không đem lại kết quả tốt trong lúc này, vì nó có thể kích động mạnh sự can thiệp của đế quốc Mỹ, có thể làm mở rộng cuộc chiến tranh ra ngoài phạm vi yêu cầu của ta.

... Không có lý do gì mà cả miền Bắc và phe ta không tìm đủ mọi cách để viện trợ cho cách mạng miền Nam, *làm cho sự đau thương của miền Nam càng giảm bớt được bao nhiêu và càng giành thêm được thắng lợi càng tốt bấy nhiêu*. Các đồng chí không nên có một sự nghi ngờ gì về sự lo lắng và quan tâm của miền Bắc đối với miền Nam.

... Trên đây là một số ý kiến lớn để các đồng chí nắm vững đường lối phương hướng cách mạng miền Nam và vận dụng theo mức độ cần thiết trong cuộc đấu tranh quân sự và chính trị ở miền Nam hiện nay. Ngoài ra cần phải xúc tiến một số việc làm cụ thể sau đây:

1. Trong quá trình đấu tranh giữa ta và địch ở miền Nam, có thể địch sẽ lần lượt cải tổ hoặc thay đổi chính phủ Diệm, hoặc đánh lâu dài mà địch không thể thắng được ta, phải thương lượng và phải chấp nhận thành lập chính phủ liên hiệp có ta có địch. Để có thể đưa một số người tiến bộ vào trong chính phủ này, ta nên liên lạc với những nhân sĩ tiến bộ có uy tín, có thiện cảm với ta, nhưng chưa bị lộ với địch, như anh Văn Vỹ chẳng hạn, nhắc họ tìm cách bề ngoài có quan hệ với Mỹ nhưng bí mật vẫn có quan hệ và thiện cảm với ta, để sau này khi Mỹ phải thay đổi những tên bất lực trong chính quyền miền Nam sẽ có thể sử dụng tới họ. Giao

công tác trên phải hết sức bí mật và phải tìm cách thuyết phục họ, vì có thể họ sợ có quan hệ với Mỹ sẽ mất uy tín của họ và có thể bị ta hiểu lầm.

2. Về công tác binh vận, ta đã làm tương đối tốt trong quần chúng binh sĩ, trong việc vận động nhân dân làm binh vận và tổ chức, công tác trong các gia đình binh sĩ của Diệm, nhưng trong sĩ quan nhất là sĩ quan trung cao cấp, ta làm được rất ít. Cần phải cố gắng vận động và nắm một số sĩ quan của địch. Phải cố gắng đi vào cụ thể hơn nữa, ở mỗi xã, mỗi huyện, mỗi tỉnh, mỗi khu, mỗi đơn vị binh, quân chủng, cụ thể phải nắm được sĩ quan nào, đến mức độ nào, có thể giao công tác gì cho họ và khi cần thiết ta định giải phóng một địa phương hay có những hành động gì lớn thì mỗi sĩ quan của địch mà ta nắm được có thể làm được việc gì.

3. Phải luôn luôn cải tạo địa hình và thay đổi địa hình, làm cho địa hình ngày càng thuận lợi cho ta và quen thuộc với ta, và ngày càng không lợi cho địch và xa lạ với địch. Trong lúc địch sử dụng nhiều phương tiện vận chuyển cơ giới, lập áp chiến lược để tạo địa hình thuận lợi cho chúng và tích cực dùng biệt kích thì việc cải tạo, thay đổi địa hình có lợi cho ta, phá áp chiến lược của địch và lập làng chiến đấu của ta, đào mương phá lộ, trồng cây, rào làng... là những biện pháp rất tốt.

4. Cần phải hết sức tranh thủ thời gian để luyện tập cho bộ đội. Hiện nay, địch đang ra sức huấn luyện cho bộ đội địch thường xuyên về chiến thuật kỹ thuật đánh biệt kích, chống du kích trong mọi trường hợp và địa hình rất công phu. Vậy ngoài thì giờ tác chiến, sản xuất, công tác dân vận, ta phải hết sức tranh thủ để ưu tiên thì giờ huấn luyện chính trị và quân sự cho bộ đội. Phải ra sức luyện tập kỹ thuật, chiến thuật chống với lực lượng Diệm có những phương tiện kỹ thuật và chiến thuật mới của Mỹ, trong các địa hình và thời tiết khác nhau. Phải hết sức tránh chủ quan về mặt này, không nên đánh giá chung chung và chỉ dựa vào tinh thần quân ta mạnh, tinh thần quân địch yếu, mà phải ra sức luyện tập bộ đội. Phải nhớ kỹ câu: càng đổ nhiều mồ hôi ở thao trường, càng đỡ tổn máu ở chiến trường.

5. Về vấn đề căn cứ, chúng tôi đề nghị các đồng chí cần suy nghĩ kỹ. Trước khi anh L. ⁽¹⁾ vào tôi có bàn nhiều với anh L. về căn cứ. Chúng ta cần phải có căn cứ rộng và vững chắc. Có căn cứ để tiến hành xây dựng bộ đội có thể tiếp thu được sự giúp đỡ dễ dàng để có thể triển khai tiêu diệt được nhiều sinh lực địch. Nhưng phải có căn cứ thuận lợi cho việc lãnh đạo cả quân sự và chính trị. Tình hình cách mạng miền Nam phải coi trọng cả hai mặt chính trị và quân sự và chiến trường chính trị là đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn. Xa chiến trường chính trị đó sẽ bỏ nhiều cơ hội, không kịp thời nắm cơ hội để xúc tiến cách mạng trong những giờ phút quyết liệt của cách mạng. Cho nên các đồng chí cần phải nghĩ kỹ. Chúng tôi nghĩ rằng tăng cường cho khu căn cứ của anh Sơn là cần thiết nhưng về chỉ đạo toàn cục thì

¹ Anh L: Trần Lương, tức Trần Nam Trung.

vị trí ở giữa miền Trung và miền Nam là thuận lợi. Mặc dầu ở đây việc xây dựng có khó khăn nhưng cũng là một khu vực rất rộng, nếu chúng ta biết tổ chức gọn nhẹ và có những phương tiện kiên cố hơn chúng ta có thể đứng vững trên căn cứ đó để lãnh đạo chung. Trong căn cứ cần phải có địa đạo chiến, có những đường hầm mấy chục cây số có thể đối phó với những loạt đột kích quy mô về bom cũng như về binh lực của địch bằng không vận.

Tất cả những ý kiến chúng tôi trình bày với các đồng chí là xuất phát từ mấy nhận định cơ bản này:

1. Ta phải biết địch của ta là ai với tất cả âm mưu và khả năng của nó.
2. Ta phải biết đề ra yêu cầu cách mạng chính xác với tương quan lực lượng và tình hình chung hiện nay.
3. Phải có những biện pháp thích đáng để đạt được yêu cầu trong tình hình cụ thể chung.

Và nói tóm lại là phải biết phá âm mưu của địch, biết giữ gìn và xây dựng lực lượng và trường kỳ chiến đấu với địch.

Các đồng chí có ý kiến gì xin cho chúng tôi biết.

Thân ái chúc các đồng chí chiến thắng.

NHỮNG ĐIỀU NHỚ LẠI VỀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM THỜI GIAN 1961-1962 Ở CHIẾN KHU Đ

VÕ CHÍ CÔNG (*)

Để góp phần biên soạn tập sách về quá trình thành lập và chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam trong thời gian 1961-1962 tại Chiến khu Đ, các đồng chí Tỉnh ủy Đồng Nai có đề nghị tôi viết bài về vấn đề này. Tôi nghĩ đây là một vấn đề lớn mà người có thể phát biểu đầy đủ và sâu sắc nhất là đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư của Đảng, nguyên Bí thư Trung ương Cục, người đã chủ trì công việc của Trung ương Cục trong một thời gian dài cả trước và sau khi Trung ương Cục được thành lập. Tiếc rằng đồng chí đã qua đời. Vì vậy, đối với tôi, trong phạm vi trách nhiệm và với những điều kiện nhất định của mình lúc đó, tôi chỉ xin ghi lại những điều chủ chốt còn nhớ được và cảm nhận được về sự chỉ đạo của Trung ương Cục trong mấy năm đó.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 3 của Đảng, đầu năm 1961, thực hiện Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị đã ra quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam để chỉ đạo toàn bộ công tác của Đảng ở miền Nam (lúc này bao gồm cả Trị Thiên, Liên khu 5, Khu 6 và Nam bộ). Theo sự ủy nhiệm của Trung ương, Bộ Chính trị chỉ định Trung ương Cục miền Nam gồm có đồng chí Nguyễn Văn Linh là Bí thư, đồng chí Phan Văn Đáng và tôi là Phó Bí thư và một số ủy viên Trung ương khác là Ủy viên Thường vụ và Ủy viên Trung ương Cục.

Chấp hành Chỉ thị của Bộ Chính trị, ngày 19-5-1961, tôi lên đường từ Liên khu 5 vào Nam bộ. Theo hành lang của Trung ương, dọc đường Trường Sơn, qua Nam Tây Nguyên nối thông với miền Đông Nam bộ, ngày 19-8-1961, tôi đặt chân đến Chiến khu Đ (Mã Đà, Dakcuốc), lúc đó đang là căn cứ của Trung ương Cục. Tôi gặp anh Linh, anh Hai Văn cùng nhiều anh khác. Ngay hôm sau, chúng tôi đã có cuộc hội ý để thông báo sơ bộ với nhau về tình hình các chiến trường và trao đổi một số công việc cấp bách. Những ngày tiếp theo chúng tôi cùng tập trung vào việc chuẩn bị cho cuộc Hội nghị thành lập Trung ương Cục.

Đúng ngày 10-10-1961, Hội nghị đã khai mạc. Đây là Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Cục, *đánh dấu một bước ngoặt mới của phong trào cách mạng miền Nam chống cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.*

* Nguyên Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cao trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương đã làm cho chính quyền tay sai của Mỹ ở miền Nam đứng trước nguy cơ bị sụp đổ. Mỹ phải chọn con đường chiến tranh, chuyển từ chính sách viện trợ và cố vấn sang chiến lược chiến tranh đặc biệt hòng đè bẹp cách mạng miền Nam. Chúng lập ra bộ chỉ huy quân sự đặc biệt của Mỹ ở miền Nam; ráo riết đẩy mạnh và xây dựng quân nguy – lực lượng chiến lược chủ yếu trong chiến tranh đặc biệt; đề ra kế hoạch Stalây–Taylo (Staley–Taylor) gom dân lập ấp chiến lược, coi đó là “quốc sách” của chế độ Mỹ–ngụy; đưa hàng trăm máy bay trực thăng và thiết xa vào miền Nam, nong ra đóng thêm đồn bót, liên tục mở các cuộc càn quét, khủng bố ác liệt đánh vào vùng đông dân cư, vùng căn cứ và vùng giải phóng của ta. Tham vọng của chúng là tiêu diệt lực lượng vũ trang còn non trẻ của ta, dập tắt phong trào nổi dậy của nhân dân, bình định miền Nam trong vòng 18 tháng bằng cách gom cho được 9 đến 10 triệu dân vào ấp chiến lược. Thời gian đầu, tuy đã vấp phải sự chống đối quyết liệt của quân dân ta, nhưng do ta đối phó chưa tốt, nên mặt địch đã phần nào tăng cường được lực lượng và năng lực hoạt động của quân nguy, mặt khác đã gây cho ta không ít khó khăn, thậm chí nhiều nơi phong trào còn bị thiệt hại nặng.

Trước âm mưu mới của Mỹ, ngay từ những ngày đầu tháng 1–1961, với những tiên liệu sáng suốt về sự phát triển của tình hình sau cao trào Đồng khởi, Trung ương đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, khẳng định quyết tâm đẩy mạnh cuộc chiến đấu chống Mỹ–ngụy lên một bước mới, bằng phát triển đấu tranh quân sự lên song song với đấu tranh chính trị để đánh bại mọi âm mưu của địch, giành thắng lợi từng bước, tiến tới đánh đổ chế độ thống trị của Mỹ–ngụy, giải phóng miền Nam. Theo phương hướng của Trung ương, cuối tháng 1–1961, Bộ Chính trị đã có Chỉ thị vạch ra nhiệm vụ và phương châm đấu tranh của cách mạng miền Nam trong tình hình mới.

Chỉ thị nêu rõ: “*Thời kỳ tạm ổn của chế độ Mỹ – Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu, các hình thức du kích cục bộ, khởi nghĩa bộ phận đã xuất hiện, mở đầu cho cao trào cách mạng mới ngày càng lớn*”. Vì vậy, nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam là “*Ra sức xây dựng mau chóng lực lượng của ta về cả hai mặt chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng trong Mặt trận Dân tộc giải phóng, phát động một phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo toàn và phát triển lực lượng của ta, làm tan rã chính quyền và lực lượng của địch trên phạm vi ngày càng rộng lớn, tiến tới làm chủ vùng rừng núi, giành lại toàn bộ vùng đồng bằng, ra sức xây dựng cơ sở và đẩy mạnh đấu tranh chính trị, tạo mọi điều kiện và nắm mọi thời cơ để đánh đổ chính quyền Mỹ Diệm, giải phóng miền Nam*”. Bộ Chính trị nhận định: Mỹ ngụy tăng cường đánh phá có gây cho ta nhiều khó khăn, làm cho cuộc chiến tranh thêm ác liệt, nhưng chẳng những

chúng không ngăn chặn được phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam mà trái lại càng làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và tay sai phát triển sâu sắc thêm. Về phương châm đấu tranh, Chỉ thị nhấn mạnh: *“Từ lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu, sử dụng vũ trang tuyên truyền có mức độ để hỗ trợ đấu tranh chính trị trong thời kỳ trước, nay do lực lượng so sánh đã thay đổi, cần phải chuyển phương châm đấu tranh: đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự”*. Do so sánh lực lượng ở các vùng không đều nên việc vận dụng phương châm phải linh hoạt, phù hợp với từng vùng: vùng rừng núi lấy đấu tranh quân sự làm chủ yếu; vùng đồng bằng thì đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự ngang nhau nhưng tùy từng nơi mà cân nhắc mức độ giữa hai hình thức; vùng đô thị lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu, kết hợp đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp.

Tiếp theo Chỉ thị trên đây, Bộ Chính trị đã quyết định một loạt vấn đề về tổ chức và hoạt động quân sự có liên quan như kế hoạch quân sự trước mắt trong cả nước: thành lập Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, coi đó là một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam; chỉ đạo cho Quân ủy Trung ương vạch ra kế hoạch chi viện toàn diện về lực lượng, vũ khí, trang bị cho miền Nam và xây dựng củng cố hệ thống giao thông, vận chuyển Bắc Nam, đưa các đoàn cán bộ quân sự vào miền Nam... Đặc biệt, về xây dựng lực lượng vũ trang ở miền Nam, Bộ Chính trị đã ra quyết định nhấn mạnh: Phải xây dựng ở miền Nam một lực lượng vũ trang đủ mạnh, được bảo đảm tốt về trang bị kỹ thuật, cung cấp vật chất và chỉ đạo tác chiến. Bộ đội địa phương huyện tổ chức đến trung đội, đại đội; bộ đội địa phương tỉnh đến đại đội, tiểu đoàn; xây dựng từ 10 đến 15 trung đoàn mạnh về xung lực và một số đơn vị binh chủng hỗn hợp cần thiết.

Hội nghị Trung ương Cục lần thứ nhất (tháng 10–1961) đã thảo luận, nghiên cứu rất kỹ các Nghị quyết, Chỉ thị vừa nêu của Trung ương và Bộ Chính trị để quán triệt sâu sắc phương hướng, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Từ đó, Hội nghị đã nêu ra 10 nhiệm vụ cụ thể để thực hiện:

- Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng rộng trên khắp 3 vùng;

- Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang phối hợp với đấu tranh chính trị phá tan kế hoạch Stalây–Taylor của địch, chuẩn bị mọi mặt cho tổng khởi nghĩa và đối phó với âm mưu mới của địch (Hội nghị Trung ương Cục diễn ra trong tháng 10–1961 là lúc địch đã triển khai kế hoạch Stalây–Taylor);

- Tăng cường vận động binh lính và sĩ quan trong quân đội ngụy, đây là công tác có tính chất chiến lược cần quán triệt trong quá trình cách mạng;

- Đẩy mạnh công tác Mặt trận – dân vận, tập hợp mọi lực lượng, mọi khả năng chống Mỹ Diệt;
- Tiếp tục xây dựng và mở rộng căn cứ địa;
- Xây dựng và củng cố chính quyền ở vùng giải phóng;
- Đẩy mạnh công tác kinh tế, tài chính nhằm cải thiện đời sống nhân dân; đáp ứng nhu cầu to lớn của cách mạng;
- Xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng ở thành thị;
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục;
- Củng cố, xây dựng, phát triển Đảng, Đoàn.

*

Hội nghị đã nhấn mạnh phải quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương và Bộ Chính trị về việc vận dụng đúng đắn, linh hoạt phương châm đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang song song đối với 3 vùng để thực hiện cụ thể trên từng chiến trường; lưu ý các cấp phải vừa chú trọng đánh địch mạnh ở vùng rừng núi, giáp ranh căn cứ, vừa hết sức chú trọng khôn khéo đưa lực lượng vũ trang thọc sâu vào vùng địch sơ hở để tiêu hao tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, phân tán địch trên một quy mô lớn, phá thế kìm kẹp của địch ngày càng nhiều.

Sau Hội nghị, Trung ương Cục đã cử một đồng chí Ủy viên Trung ương Cục cùng cán bộ xuống trực tiếp các địa phương để giúp các cấp ủy chỉ đạo triển khai các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị và Nghị quyết trên đây của Hội nghị Trung ương Cục. Đồng thời, liên tiếp trong mấy tháng cuối năm 1961 sang đầu năm 1962, Trung ương Cục đã triển khai chỉ đạo một số công tác cơ bản và cấp bách để thực hiện Nghị quyết đã đề ra.

Để cơ quan lãnh đạo có điều kiện tiếp cận thuận lợi hơn với phong trào, nhất là Sài Gòn – trung tâm đầu não của địch, cuối tháng 1-1961, Trung ương Cục đã rời căn cứ từ Chiến khu Đ về khu vực Bắc Tây Ninh, nhưng vẫn chỉ đạo cho một số đơn vị và địa phương tiếp tục củng cố xây dựng Chiến khu Đ thành căn cứ của khu miền Đông Nam bộ và đầu mối giao thông, tiếp nhận chi viện từ Trung ương vào. Xác định khâu cơ bản và cấp bách nhất cần tập trung chỉ đạo là việc tăng cường tổ chức và thống nhất chỉ đạo các cấp đi đôi với việc xây dựng cơ sở Đảng, Trung ương Cục đã quyết định điều chỉnh lại địa giới các khu, chuyển các liên tỉnh ủy thành khu ủy, đề ra cuộc vận động xây dựng chi bộ 4 tốt, đảng viên 4 tốt, chủ trương thành lập ở cơ sở vùng địch gom dân và áp chiến lược 2 chi bộ: chi bộ mật hoạt động trong dân và chi bộ hoạt động bất hợp pháp. Để nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang đủ mạnh, Trung ương Cục đã chỉ đạo các cấp trên cơ sở các lực lượng vũ trang đã hình thành trong Đồng khởi tích cực xây dựng củng cố 3 thứ

quân. Đến cuối năm 1961, phần lớn các khu đã cơ bản đạt được các chỉ tiêu do Trung ương Cục đề ra. Riêng Trung ương Cục đã xây dựng được trung đoàn chủ lực miền với 2 tiểu đoàn và một bộ phận trợ chiến cần thiết. Ta cũng đã hình thành được hệ thống hậu cần ở Miền và các khu, xây dựng thông suốt các đường giao thông vận chuyển đường bộ và đường biển từ Bắc vào Nam.

Về chỉ đạo phong trào và xây dựng lực lượng chính trị, điểm nổi bật trong mấy tháng cuối năm 1961 sang đầu năm 1962 là Trung ương Cục tập trung chỉ đạo tiến hành Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Sau quá trình chuẩn bị – trong đó có việc tổ chức giải thoát luật sư Nguyễn Hữu Thọ đang bị địch giam cầm ở Càng Sơn (Phủ Yên) và bảo vệ đồng chí trở về căn cứ Trung ương Cục – tháng 2 năm 1962, Đại hội Mặt trận đã tiến hành ở căn cứ Bắc Tây Ninh, quy tụ trên 300 đại biểu gồm đầy đủ các thành phần, các giới, nhân sĩ, trí thức, tôn giáo dân tộc, các vùng, các miền từ Trị Thiên trở vào, từ đồng bằng, rừng núi, đô thị tập hợp về. Đại hội đã thông qua cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, bầu ra Ủy ban Trung ương Mặt trận do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, ra lời kêu gọi các tầng lớp nhân dân đoàn kết rộng rãi xung quanh Mặt trận đứng lên chống đế quốc Mỹ và tay sai.

Những công tác rất cơ bản nói trên đã góp phần quan trọng làm tăng thêm sức mạnh của cách mạng miền Nam trong cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước. Tuy nhiên, cũng trong thời gian này, địch đang tiến hành rất quyết liệt chương trình gom dân lập ấp chiến lược. Sự chỉ đạo đối phó của ta chưa có sự tập trung tương xứng làm cho phong trào gặp không ít khó khăn. Trước tình hình đó, sau khi tiếp nhận chỉ thị của Bộ Chính trị về việc tăng cường chỉ đạo đánh phá, làm thất bại kế hoạch Stalây–Taylo, đặc biệt là chương trình gom dân lập ấp chiến lược của địch, tháng 4–1962, Trung ương Cục đã có chỉ thị khẩn cấp chỉ đạo các cấp và tháng 6–1962 đã tiến hành Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 2 (mở rộng) để nghiên cứu thảo luận kỹ chỉ thị của Bộ Chính trị và đề ra chủ trương kế hoạch chống phá ấp chiến lược trên toàn Miền.

Hội nghị đã có sự kiểm điểm nghiêm túc về sự chỉ đạo của Trung ương Cục, xác định: Trong Hội nghị tháng 10–1961, Trung ương Cục chưa thấy hết được âm mưu mới của đế quốc Mỹ như Bộ Chính trị đã nhận định nên việc chỉ đạo đối phó chưa tốt, phong trào chưa đồng đều, việc đẩy mạnh đấu tranh quân sự song song với đấu tranh chính trị còn yếu, căn cứ địa và vùng giải phóng chưa được xây dựng vững chắc, phong trào đô thị còn yếu v.v... Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Hội nghị đề ra 3 nhiệm vụ trọng tâm nhằm đánh bại âm mưu mới của địch. Trong đó, đẩy mạnh đấu tranh toàn diện đều khắp các vùng, kiên quyết đánh bại kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng nhất. Đồng thời ra sức xây dựng củng cố vững chắc vùng căn cứ và giải phóng, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang cả ba thứ quân mau chóng lớn mạnh để đủ sức chặn đứng và

đập tan những âm mưu quân sự mới của địch. Hội nghị đã đi sâu đề ra nhiều biện pháp cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ trên. Đề nghị quyết của Trung ương Cục được triển khai đầy đủ đến các cấp, Trung ương Cục cử một số ủy viên Trung ương Cục và các đoàn cán bộ về các khu, vừa để giúp các cấp trong việc quán triệt nghị quyết, đề ra kế hoạch biện pháp cụ thể để thực hiện, vừa để nghiên cứu chiến trường tại chỗ, phản ánh kịp thời về Trung ương Cục.

Sau Hội nghị, Trung ương Cục đã huy động các ban ngành, một mặt, giúp Trung ương Cục tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh những công tác cơ bản gắn chặt với đánh phá ấp chiến lược; mặt khác, tập trung chỉ đạo chuyên sâu công tác phá ấp chiến lược là nhiệm vụ trọng tâm quan trọng nhất đã đề ra. Đối với những công tác cơ bản, trước hết Trung ương Cục đã có chỉ thị bổ sung về củng cố chi bộ đáp ứng tình hình mới cả về tư tưởng và tổ chức, chủ yếu là làm cho chi bộ thực sự phát huy vai trò, chức năng tập hợp, lãnh đạo quần chúng chống lại và phá tan kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch, khắc phục tư tưởng bi quan, ngán ngại, trông chờ, ỷ lại, bỏ dân chạy xà dừa v.v... Về công tác xây dựng, củng cố vùng căn cứ và giải phóng, Trung ương Cục ra Chỉ thị nêu rõ: Vùng căn cứ và giải phóng của ta đang bị địch ra sức đánh phá ác liệt, nhưng ta xây dựng chưa vững chắc. Do đó các cấp cần nhận thức lại đúng mức và có kế hoạch tiến hành xây dựng cụ thể, tùy khả năng phương tiện nhằm từng thời gian đạt được từng mức yêu cầu nhất định đối với vấn đề này. Trung ương Cục đã đề ra yêu cầu, nội dung đối với từng loại vùng căn cứ và giải phóng, và đã có chỉ thị riêng đối với Tây Nguyên cũng như các vùng rừng núi nói chung ở miền Nam. Trước những biến động mới về chính trị, xã hội trong các tầng lớp nhân dân miền Nam, ở đô thị và nông thôn do Mỹ tăng cường chiến tranh, can thiệp vào miền Nam, Trung ương Cục đã chỉ đạo các cấp tiếp tục củng cố, mở rộng và phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam và các đoàn thể cách mạng, biến thành một lực lượng cách mạng to lớn đánh bại âm mưu mới của địch; đồng thời cũng xúc tiến việc nghiên cứu thành lập Mặt trận Liên hiệp dân tộc rộng rãi hơn ở miền Nam để thu hút mọi thành phần, khuynh hướng chống Mỹ Diệt, muốn miền Nam hòa bình, trung lập. Để công tác binh vận đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, Trung ương Cục đã chỉ đạo các cấp phải tăng cường xây dựng, củng cố và lãnh đạo công tác binh vận từ khu đến cơ sở để phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với đấu tranh chính trị, vũ trang, đẩy mạnh tiến công đánh bại mọi âm mưu của địch, trước hết là đánh bại kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của chúng.

Việc chỉ đạo công tác quân sự cũng được đẩy lên một bước mới. Để khắc phục tình trạng đấu tranh quân sự chưa được đẩy mạnh song song với đấu tranh chính trị, tháng 12-1962, Trung ương Cục đã có một chỉ thị rất cơ bản về đẩy mạnh đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang trên toàn Miền. Chỉ thị xác định: Do địch tiến hành một cuộc chiến tranh thực sự ở miền Nam nên ta cần

tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích lâu dài để chống phá lại chúng. Vì vậy, phải có đông đảo nhân dân tham gia đánh giặc, có 3 thứ quân, có căn cứ địa cách mạng, phải tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch gắn liền với phát động chiến tranh du kích chống càn quét, chống gom dân lập ấp chiến lược, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, phục vụ và kết hợp chặt chẽ với phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Chỉ thị còn nêu rõ nhiệm vụ yêu cầu của việc xây dựng và phát triển 3 thứ quân. Trước đó, tháng 11-1962, tại khu căn cứ, Trung ương Cục đã mở Hội nghị tổng kết lần thứ nhất về phong trào du kích chiến tranh để bước đầu rút kinh nghiệm, phát huy hoạt động của dân quân du kích trên toàn Miền, nhất là trong đánh phá gom dân lập ấp chiến lược, xây xã, ấp chiến đấu, xây dựng và bảo vệ vùng căn cứ giải phóng. Hội nghị đã biểu dương hàng trăm cán bộ, chiến sĩ du kích xuất sắc, trong đó có các chị Út Tịch, Tạ Thị Kiều v.v... và hàng chục xã có phong trào du kích chiến tranh mạnh.

Đồng thời với việc triển khai chỉ đạo các công tác cơ bản nói trên, Trung ương Cục vẫn thường xuyên tập trung chỉ đạo ngày càng chuyên sâu công tác đánh phá ấp chiến lược bằng cách theo dõi nắm chắc tình hình, phát hiện kịp thời những thủ đoạn đánh phá mới của địch để chỉ đạo cho các địa phương đối phó, đi đôi với việc đúc rút kinh nghiệm từ thực tế chiến đấu của các địa phương để không ngừng nâng cao sự chỉ đạo của các cấp, đặc biệt trong việc vận dụng phương châm, phương thức đánh phá kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược của địch. Từ những tháng cuối năm 1962 qua 6 tháng đầu năm 1963, Trung ương Cục đã liên tiếp đề ra 3 chỉ thị về vấn đề này và tháng 6-1963 đã tổ chức một cuộc Hội nghị lớn toàn miền Nam tổng kết kinh nghiệm đánh phá ấp chiến lược.

Qua quá trình chỉ đạo trên, công tác đánh phá ấp chiến lược, đặc biệt là việc vận dụng phương châm phương thức ngày càng được nâng cao, phong phú và sát hợp với diễn biến thực tế trên chiến trường. Trước hết, phải vận dụng lãnh đạo, đảng viên, nhân dân, du kích, bộ đội nâng cao tư tưởng tiến công, quyết tâm đánh địch, thực hiện 3 bám: bám dân, bám đất, bám địch, khắc phục tư tưởng không chạy xa dừa, bỏ dân.

Về vận dụng phương châm, chủ yếu là phá từ bên trong, đồng thời hỗ trợ, phối hợp với lực lượng vũ trang bên ngoài là cực kỳ quan trọng. Bên trong phải phát động quần chúng đứng lên đấu tranh, diệt ác phá kềm, làm cho địch lỏng rãi thì dân mới bung ra ngoài được, cơ sở mới bám vào được. Đồng thời, phải ra sức phát huy vai trò của lực lượng vũ trang để phối hợp hỗ trợ đúng lúc, đúng nơi và hiệu quả cho quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược. Việc kết hợp hai chân, ba mũi trong đánh phá ấp chiến lược phải không ngừng nâng cao theo kịp yêu cầu mới trên chiến trường, nhất là khi xuất hiện việc địch sử dụng trực thăng, thiết xa, thì một mặt phải lãnh đạo quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, mặt khác phải sử dụng 3 thứ quân đánh mạnh vào các loại quân cơ động, ứng chiến của địch đi càn

quét khủng bố yểm trợ cho gom dân lập ấp chiến lược. Đặc biệt, phải nhằm bẻ gãy cho được chiến thuật “*trục thăng vận, thiết xa vận*” của địch. Đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang chống địch càn quét khủng bố, gom dân lập ấp chiến lược cũng phải nâng từ đấu tranh của quần chúng tại chỗ tiến lên tổ chức những đội quân tóc dài gồm cả quần chúng và gia đình binh sĩ nguy trong và ngoài ấp chiến lược, kể cả các xã xung quanh kéo vào thị xã, thị trấn đấu tranh trực diện với địch.

Về tổ chức chỉ đạo chống phá ấp chiến lược, Trung ương Cục yêu cầu các cấp phải kết hợp tiến công địch với xây dựng ta, kết hợp chặt chẽ chống và phá ấp chiến lược. Vì vậy, phải xây dựng vững chắc cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng, xây dựng xã, ấp chiến đấu, phát triển du kích chiến tranh, phối hợp với lực lượng vũ trang đánh bại kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch. Khi địch lập được ấp chiến lược thì phải tùy từng nơi từng lúc mà lãnh đạo quần chúng phá lỏng kèm, diệt ác ôn, phá hàng rào, bung ra ngoài đến phá banh, phá rã ấp chiến lược, kết hợp với lực lượng 3 thứ quân đánh bại các cuộc càn quét khủng bố của địch. Phải kết hợp chống phá lẻ tẻ tại chỗ với chống phá trên diện rộng, đồng loạt, từng mảng, từng dề bằng cả 3 mũi chính trị, vũ trang, binh vận với nhiều mức độ; liên kết giữa phong trào ở nông thôn với đô thị, tạo thành thể liên hoàn rộng lớn tiến công địch, tiến tới một cao trào nổi dậy phá ấp chiến lược để đẩy lùi địch từng bước, tiến lên đánh bại âm mưu của chúng. Trung ương Cục yêu cầu các cấp rà soát lại toàn bộ các ấp chiến lược để chuẩn bị cao trào phá ấp chiến lược ở địa phương, phân ra từng loại và có yêu cầu kế hoạch sâu sát với từng loại, có trọng tâm, có trọng điểm.

Sự chỉ đạo Trung ương Cục đã có nhiều cố gắng, ngày càng đáp ứng được yêu cầu của tình hình và đã được các cấp triển khai rất tích cực, có nhiều sáng tạo. Các địa phương, trước hết là các khu ủy, từ đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông, Khu 6, Liên khu 5, Trị Thiên, Sài Gòn, Chợ Lớn đều đã căn cứ vào đặc điểm tình hình và lực lượng so sánh trên chiến trường mà có sự vận dụng thích hợp làm cho kế hoạch, biện pháp, việc vận dụng phương châm, phương thức đánh phá ấp chiến lược ngày càng phong phú, sát hợp hơn, đem lại kết quả ngày càng rõ rệt, càng về sau càng chuyển biến mạnh. Đặc biệt, từ sau Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 2, với sự chỉ đạo chặt chẽ và sâu sát hơn của Trung ương Cục và những cố gắng to lớn của các Đảng bộ, phong trào đánh phá ấp chiến lược đã phát triển rộng mạnh hơn, từng bước đẩy lùi địch và giành được những thắng lợi rất có ý nghĩa. Tiêu biểu nhất là thắng lợi trận Ấp Bắc lịch sử. Trong trận này, ta đã đánh bại cuộc càn quét qui mô lớn của địch vào vùng căn cứ và giải phóng của ta, mở ra cao trào chống phá ấp chiến lược trên toàn Miền. Tính đến hết năm 1962, trên toàn Miền, ta đã phá rã kèm kẹp trên 9.000 ấp chiến lược, giải phóng hoàn toàn 4.500 ấp chiến lược trong tổng số 17.000 ấp, giải thoát 7,5 triệu dân, trong khi kế hoạch của địch là hết năm 1962 chúng phải xây dựng cho được 16.000 ấp chiến lược. Đi đôi với

việc chống phá áp chiến lược, ta đã tiêu hao tiêu diệt, làm tan rã một bộ phận quân nguy, làm cho quân nguy tuy cố gắng bổ sung, nhưng tinh thần sa sút và bị căng kéo khắp nơi.

Như vậy, dưới sự chỉ đạo sáng suốt và kịp thời của Trung ương Bộ Chính trị cùng với những cố gắng to lớn của Trung ương Cục, toàn Đảng bộ và quân dân miền Nam, đến cuối năm 1962 đầu năm 1963, đã giành được thắng lợi bước đầu rất quan trọng, làm thất bại kế hoạch Stalây–Taylo, từng bước giành lại thế chủ động và đẩy lùi địch.

Sau lưng túng khó khăn ban đầu, lực lượng chính trị, vũ trang của ta được giữ vững và phát triển. Vùng căn cứ và giải phóng của ta ngày càng mở rộng. Việc ra đời và phát huy thanh thế của Mặt trận Dân tộc giải phóng đã tạo ra sức mạnh chính trị rất có ý nghĩa cho cách mạng miền Nam. Các chiến trường đều có chuyển biến mới. Đồng bằng sông Cửu Long chuyển biến mạnh, các chiến trường miền Đông, Khu 6, Liên khu 5, Trị Thiên đều khắc phục được khó khăn và có bước phát triển mới.

Tuy phong trào còn nhiều hạn chế, giữa các chiến trường chưa có sự phát triển thật đồng đều, nhưng thắng lợi to lớn mà ta đã thu được là cơ sở và tiền đề vững chắc để những năm tiếp theo ta tiến lên đánh bại hoàn toàn chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của đế quốc Mỹ, đưa phong trào cách mạng miền Nam phát triển lên một bước mạnh mẽ hơn.

Đầu năm 1964, trong khi đang cùng với các đồng chí Trung ương Cục triển khai chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương và Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, tôi nhận được quyết định của Bộ Chính trị trở về Liên khu 5 làm Bí thư Liên khu ủy. Cũng theo quyết định của Bộ Chính trị thì từ đây Liên khu 5 và Trị Thiên trực thuộc sự chỉ đạo của Trung ương.

Tôi rời Nam bộ, Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu trở về Liên khu 5, lòng đầy lưu luyến và vô cùng biết ơn đồng bào, đồng chí, cán bộ và chiến sĩ đã đùm bọc, giúp đỡ tôi hoàn thành nhiệm vụ, học tập và tích lũy được những kinh nghiệm quý báu cho bước đường công tác tiếp theo của tôi.

Ngày 10 tháng 8 năm 2004

THỰC TIỄN ÁC LIỆT VÀ NHỮNG BƯỚC ĐI “HAI CHÂN, BA MŨI”

PHẠM VĂN XÔ (*)

Tình hình miền Nam sau Hiệp định Gionevơ (Genève) rất căng. Nhiều đồng chí bị địch bắt. Trước tình hình đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh đề nghị đưa đồng chí Lê Duẩn đi và dòi cơ quan Xứ ủy vì không thể nằm ở thành phố Sài Gòn được nữa.

Trong hai năm đầu, xu hướng chủ yếu là đấu tranh hòa bình đòi thi hành Hiệp định Gionevơ. Đến tháng 4-1956, Xứ ủy Nam bộ chủ trương đấu tranh chống khủng bố đàn áp vì Mỹ-Diệm đánh phá mạnh cơ sở cách mạng. Sau khi dẹp các lực lượng giáo phái, địch quay lại công khai tuyên bố “Lập sông Bến Hải”, “Tiền công miền Bắc”. Ngay trong nội bộ, nó cũng thanh trừng quyết liệt với khẩu hiệu: “Chống Việt cộng nằm vùng”, “Chống bọn ăn cơm quốc gia mà thờ ma cộng sản”.

Địch hành quân từng sư đoàn, đàn áp khủng bố nhân dân ta rất khốc liệt. Có lúc dân chúng đã nghi ngờ chủ trương đấu tranh hòa bình đòi thi hành Hiệp định Gionevơ. Vì thế, Xứ ủy tổ chức một cuộc họp do đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc ấy là Quyền Bí thư Xứ ủy Nam bộ chủ trì (đồng chí Lê Duẩn ra Bắc). Cuộc họp bàn cãi rất dữ, nhiều ý kiến được nêu ra. Có ý kiến hỏi: “Miền Nam với miền Bắc là hai hay một?”. Hội nghị đều cho là hai, bởi vì miền Bắc đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, còn miền Nam phải tiếp tục đấu tranh vì chưa hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Có đồng chí phát biểu: “Tình hình miền Nam bây giờ như là tình hình trước Cách mạng tháng Tám, cần phải lập căn cứ. Muốn chống địch thì phải lập căn cứ. Căn cứ chính trị có vũ trang tự vệ tức là có tổ chức quần chúng cách mạng, không để một thằng gián điệp nào lọt vào được hết, quần chúng làm chủ tình hình”. Đại thể là như thế.

Trước tình hình đó, năm 1958, tôi và anh Hai Văn được cử ra miền Bắc để xin ý kiến Trung ương. Đến tháng 2-1959, ăn Tết xong Trung ương họp Hội nghị lần thứ 15, bàn bạc rất kỹ. Bác Hồ chủ trì cuộc họp Hội nghị Trung ương. Cán bộ miền Nam ra báo cáo với Trung ương nhiều vấn đề rất bi đát. Ví dụ: Bọn địch lừa bắt một số quần chúng rồi giao cho mỗi người một bó đuốc để vô rừng bao vây dập tắt cán bộ. Khi bắt được người mình rồi thằng địch nó đưa dây bắt quần chúng trói cán bộ lại rồi đánh đập. Quần chúng vừa đánh vừa khóc là bởi vì trước đây đã từng nuôi giấu, bảo vệ những cán bộ này. Có thể nói địch làm đủ mọi cách, mượn tay

* Nguyên Ủy viên Trung ương Cục miền Nam.

quần chúng đàn áp khủng bố cán bộ ta, đẩy quần chúng đến chân tường (tình hình này do đồng chí Ba Bường ở Khu IX báo cáo).

Trước khi tôi và anh Hai Văn về, Bác gọi chúng tôi đến nói tình hình chung và bảo: *“Tình hình miền Nam bây giờ nó đánh phá càn quét dữ dội như vậy, Xứ ủy phải bàn kỹ đối chiếu với tình hình mà giải quyết vấn đề!”*.

Ý của Bác Hồ và đồng chí Lê Duẩn như vậy.

Khi hai chúng tôi về đến nơi, báo cáo lên Xứ ủy thì Xứ ủy họp lại liền. Đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trì cuộc họp. Ý kiến của đồng chí Linh: *“Tình hình quần chúng bị o ép như vậy, bị dồn đến chân tường như vậy mà không có chủ trương, không có một hình thức đấu tranh gì khác thì không thể được”*. Đồng chí Linh cũng khẳng định: *“Nếu mình phát động đấu tranh vũ trang thì nhất định quần chúng đứng về phía ta thôi”*.

Lúc ấy, vấn đề thành lập lực lượng vũ trang chống lại địch là vấn đề bức xúc. Nhưng đối phó với cuộc chiến tranh giữa ta và địch thì phải làm như thế nào? Trước kia, hồi đánh Pháp, ta cũng có một vùng căn cứ rộng. Bây giờ thì khắp nơi địch đóng đồn bót như vậy ta phải có phương châm biện pháp sao đây?

Hội nghị Xứ ủy bàn rất kỹ, kiểm điểm đánh giá tình hình địch và ta lúc bấy giờ. Lúc đó, ai cũng thấy *nổi dậy* là một đòi hỏi bức xúc của quần chúng. Tất cả các xã đều có cơ sở cách mạng. Quần chúng căm thù địch cao độ cho nên cần phải vũ trang đấu tranh. Quần chúng nói: *“Nếu mình không chống lại chúng thì để nó giết hết sao?”*. Các cơ sở hồi kháng chiến chống Pháp lại càng hăng hái. Ai cũng sốt ruột bởi lẽ nếu để kẻ thù mặc sức làm mưa làm gió thì công lao chín năm đánh Pháp coi như không còn nữa. Vì thế, đấu tranh vũ trang phải làm trên diện rộng, làm ở toàn Nam bộ vì ở các tỉnh Nam bộ, xã nào cũng có cơ sở nổi dậy từ thời kháng chiến chống Pháp với danh nghĩa là quần chúng vũ trang tự vệ chống khủng bố. Đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng tán thành các ý kiến đó. Hội nghị nhất trí chọn thời điểm nổi dậy vào ngày Tết âm lịch năm 1960. Thời điểm này rất thuận lợi. Trước hết, địch lo ăn Tết nên có nhiều sơ hở. Hơn nữa, khi đó dân ta đã gặt xong lúa, lúa đã được đổ vào bồ, đảm bảo lương ăn cho quần chúng và lực lượng cách mạng. Hội nghị cũng bàn các bước tiến hành và đặt ra nhiều phương án cụ thể. Ví dụ: khi nổi dậy đánh và cướp súng bọn dân vệ (tức bọn tề xã ngụ) nhất định bọn bảo an ở huyện, ở tỉnh và bọn chủ lực sẽ kéo về. Lúc đó ta hướng dẫn quần chúng đối phó bằng cách nào? Làm sao bảo vệ được lực lượng? Nhớ hồi chống Pháp, mỗi lần có đánh trận, ta sơ tán đồng bào đi sâu vào vùng căn cứ. Nhưng bây giờ chỗ nào cũng có địch, phải có biện pháp khác. Ta phải tổ chức quần chúng tản cư ngược vào trong lòng địch, nghĩa là vùng thành thị. Đồng thời, cũng trang bị lập luận cho quần chúng đấu tranh như: *Các ông nói quốc gia bảo vệ nhân dân. Khi đêm, cộng sản nổi dậy đánh tề, tước súng dân vệ. Bây giờ, xóm ấp không*

yên nữa nên chúng tôi phải kéo ra đây báo cho các ông biết. Những người già thì đầu tranh tại chỗ ngăn không cho lính đốt nhà. Có cụ già cầm dao dọa: *Nếu đốt nhà tao thì tao chém bậy.* Một số thanh niên – lực lượng nòng cốt trong diệt tề trừ gian – thì vẫn bám trụ ngoài đồng để nếu cần thì chiến đấu. Nếu bọn lính bảo an và chủ lực địch thấy một số người chạy trên đồng, chúng lấy cớ định bắn về phía đó thì các bà mẹ la lớn: *Đừng bắn, mấy đứa đó là con em chúng tôi, vì thấy các ông vào nó sợ bắt lính nên chạy ra đồng trốn chứ không phải Việt cộng đâu.* Anh em du kích cũng đã chuẩn bị sẵn sàng trong tư thế chiến đấu. Anh em đã làm hầm chông, hố đinh tại xã, ấp chiến đấu của mình, chờ địch tới là tiêu diệt chúng. Tổ chức như vậy mới giữ được thể hợp pháp của quần chúng.

Tôi nhớ Hội nghị Xứ ủy cuối năm 1954 ở tại Chấn Bạng có Nghị quyết là bắt đầu giải tán tất cả các tổ chức công, nông, thanh, phụ. Đến tháng 10-1961, Hội nghị Trung ương Cục do đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trì bàn về vấn đề Đồng khởi, cạnh đó cũng quyết định phục hồi các tổ chức quần chúng như Nông hội giải phóng, Công hội giải phóng, Phụ nữ giải phóng, Thanh niên và Trí thức yêu nước.

Vấn đề thực hiện phương châm *hai chân ba mũi* là tổ chức quần chúng vừa tham gia đấu tranh vũ trang đồng thời đấu tranh chính trị (đi hai chân). Đấu tranh chính trị không phải đấu tranh trong nghị viện mà là đấu tranh chống khủng bố, chống đàn áp, đòi tự do dân chủ... kết hợp với đấu tranh vũ trang và binh vận. Khi quần chúng Đồng khởi rồi thì một số bộ phận ém lại để đấu tranh vũ trang, dân thường nói là *đá song phi để giải quyết vấn đề ta địch*. Hội nghị Trung ương Cục cũng bàn kỹ: đi hai chân nhưng có chân chính và chân phụ, tùy theo vùng chiến lược. Ở rừng núi có căn cứ kháng chiến thì đấu tranh vũ trang là chính. Ở vùng tranh chấp giữa ta và địch thì đấu tranh vũ trang và chính trị song song. Vùng đô thị tạm chiếm thì đấu tranh chính trị là chính, có vũ trang hỗ trợ. Bắt đầu từ đó vận dụng phương châm này cho đến khi Chiến dịch Hồ Chí Minh giành toàn thắng.

Trong suốt cuộc đấu tranh, từ giai đoạn chống Mỹ cho đến khi kết thúc cuộc chiến tranh, đồng chí Nguyễn Văn Linh luôn luôn nhấn mạnh vấn đề củng cố chi bộ. Lúc tình hình gay gắt nhất thì đồng chí chủ trương: Ở mỗi xã có hai chi bộ, tách ra một chi bộ tổ chức vũ trang bất hợp pháp, còn một chi bộ lãnh đạo đấu tranh hợp pháp chống địch. Chi bộ hợp pháp ở trong ấp chiến lược của địch hàng ngày lãnh đạo quần chúng đấu tranh giữ thể hợp pháp. Đây là quyền của dân, quyền tự do sinh sống làm ăn. Chi bộ hợp pháp đồng thời cũng làm cơ sở bí mật cho chi bộ bất hợp pháp. Chi bộ bất hợp pháp ban ngày xuống hầm, ban đêm thì ra ngoài hoạt động. Vấn đề kết hợp hai chi bộ là ý kiến của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

Trong suốt thời gian của cuộc chiến tranh, đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trương cán bộ cơ sở phải tiến hành năm bước công tác:

Một là, công tác điều tra (điều tra ai tốt, ai xấu, điều tra tình hình quần chúng, cốt là đề củng cố chi bộ);

Hai là, công tác tuyên truyền;

Ba là, công tác tổ chức;

Bốn là, huấn luyện cho cán bộ đảng viên, cho các đoàn thể quần chúng và cả quần chúng nữa;

Năm là, công tác đấu tranh: đấu tranh cách nào để chống địch có hiệu quả, quán triệt khẩu hiệu “*Một bước không đi một ly không rời*”.

Bám sát thực tiễn, đồng chí Nguyễn Văn Linh là một người lãnh đạo rất nhạy bén trong chủ trương và trong việc thực hiện các bước đi chiến lược của cách mạng miền Nam.

GIẢI THOÁT LUẬT SƯ NGUYỄN HỮU THỌ

(Tư liệu sưu tầm theo hồi ký **đồng chí Võ Chí Công ?**)

NGUYỄN ĐÔN (*)

Trong thời gian họp hội nghị Trung ương lần thứ XV, anh Ba Duẩn có bàn với anh Năm Công⁽¹⁾: *Cách mạng miền Nam cần lập mặt trận sớm và rộng rãi để tập hợp các tầng lớp nhân dân chống Mỹ cứu nước, phải có người tri thức có tiếng tăm tiêu biểu nhưng vững vàng.* Anh giới thiệu và bảo anh Năm Công lấy anh Nguyễn Hữu Thọ đang bị địch an trí ở Phú Yên ra làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Trung ương. Anh Nguyễn Hữu Thọ có văn phòng luật sư ở Sài Gòn, đã từng lãnh đạo nhiều phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Sài Gòn nên bị địch đẩy đi an trí ở Lai Châu. Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, anh được trả về Sài Gòn. Dưới chính quyền Ngô Đình Diệm tay sai, anh cũng lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh đòi hiệp thương thống nhất nước nhà, đấu tranh đòi hòa bình và cũng từng làm luật sư bào chữa cho những đồng chí cách mạng trước tòa án địch. Do đó, Ngô Đình Diệm đưa anh Thọ và một số nhân sĩ Sài Gòn ra quản thúc ở Cùmp Sơn, Phú Yên. Đây là một vùng rừng núi hiểm yếu bên dòng sông Ba, có quận lỵ Càng Sơn và chi khu quân sự. Địch đưa các nhân sĩ yêu nước đến giam giữ ở đây để chuốc lấy bệnh tật, để chết dần chết mòn.

Địch ở Càng Sơn tàn bạo nhưng chúng không thể diệt hết cơ sở cách mạng trong nhân dân. Khi đoán anh Thọ đến Càng Sơn, chi bộ địa phương được phổ biến chỉ thị của Khu ủy theo dõi âm mưu địch đối với các anh, tìm cách liên lạc với các anh và bảo vệ các anh. Chúng cấm đồng bào không được liên hệ bán gạo, đưa gạo, thịt, rau cho các anh. Đồng bào kiện tên quận trưởng ác ôn, tố cáo hấn đánh – giết người, ăn hối lộ, tịch thu trâu bò bán lấy tiền bỏ túi. Địch sợ dân bằng cách đổi tên quận trưởng khác. Trong lúc anh Thọ bị bệnh nặng, chi bộ vận động đồng bào đòi đưa anh Thọ về nhà thương Tuy Hòa chữa bệnh.

Theo chỉ thị của Trung ương, đầu năm 1961, Thường vụ Khu ủy đã bàn các phương án đưa cho được anh Thọ ra. Anh Tư Khiêm (Bình Định), Thường vụ Khu ủy, đến Phú Yên bàn kế hoạch thực hiện. Trên đường vào công tác ở Trung ương Cục, anh Năm Công sẽ ghé lại Tỉnh ủy Phú Yên góp ý kiến.

* Trung tướng, nguyên Bí thư kiêm Tư lệnh Khu 5.

¹ Túc đồng chí Võ Chí Công (Bt).

BA LẦN GIẢI THOÁT ANH THỌ

LẦN THỨ NHẤT

Trong dịp Tỉnh ủy Phú Yên họp bàn thực hiện nghị quyết Khu ủy, anh Sáu Suyền – Bí thư Tỉnh ủy – gọi anh Bốn Minh nói riêng: *Khu ủy chỉ thị cho chúng ta phải đưa luật sư Nguyễn Hữu Thọ ra căn cứ. Đồng chí về nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ này, cấp trên sẽ đưa lực lượng đặc công, bộ binh, quân báo đến tận nơi hỗ trợ.*

Nhận nhiệm vụ, anh Bốn Minh về suy nghĩ tính toán chọn lựa được hai cán bộ vững vàng, mưu trí, dũng cảm để thực hiện nhiệm vụ này. Đó là chị Võ Hồng Giác và thanh niên Nguyễn Sự. Hai anh chị này là cơ sở tốt của thị xã Tuy Hòa. Họ nắm được những cốt cán trung thành với cách mạng như bà Thừa Hoàng. Anh Bốn Minh định kế hoạch đưa anh Thọ ra bằng cách giao cho chị Giác tìm cách liên lạc với anh Thọ. Lúc này, anh đang bị đau, phải nằm điều trị tại nhà thương Tuy Hòa. Vấn đề phải tập trung bàn là tìm người tin cậy tìm ra cái cớ đến nhà thương Tuy Hòa gặp anh Thọ khiến anh tin đây là người của (ta) cách mạng. Cớ thì có bức thư của Giáo sư Phạm Huy Thông từ Hà Nội gửi vào cho Khu ủy, vì anh Phạm Huy Thông là bạn của anh Thọ nên nhận được thư thì Luật sư sẽ tin. Giác và Sự thống nhất lấy bà Thừa Hoàng là người trực tiếp gặp đưa cho Luật sư, bởi bà có quen biết và anh Thọ cũng có đến nhà bà. Sau khi đưa thư và liên lạc mấy lần, Luật sư trả lời sẽ theo kế hoạch đã bàn. Bà Thừa Hoàng đưa tiền cho anh Bản, cháu bà, mua một xe đạp và hẹn đúng 6g30 chiều 10-05-1961, Bản đạp xe đến nhà thương giao cho Luật sư. Luật sư nhận xe đạp và đạp xe của cơ sở đến chùa núi Cam vào lúc 7g30. Tại đây có đặc công, trung đội bảo vệ và cán bộ đưa anh lên căn cứ của Tỉnh ủy. Đến giờ hẹn, Giác không thấy Bản đưa xe đến liền đi tìm mới biết trên đường đi giao xe Bản đã bị bắt. Bị địch đánh đau quá, Bản khai mua xe cho chị Giác để giao cho anh Thọ. Luật sư ở nhà thương cũng chờ quá giờ hẹn mà không thấy anh Sự đến nên đã đi khỏi từ lâu. Anh Thọ đứng ngồi không yên, thao thức không ngủ được. Ngoài đường, địch la lối nhốn nháo, chắc đã xảy ra chuyện lòi thối. Anh chuẩn bị tinh thần nếu địch có vào sẽ tìm cách đối phó. Sự đạp xe lên báo cáo cho anh em đón ở chùa núi Cam biết tình hình xảy ra ở thị xã. Giữa đường, Sự bị địch bắt. Chúng tra tấn dã man, anh Sự và chị Giác chết đi sống lại nhiều lần nhưng hai người không khai một lời. Chúng đưa một người tên Thọ đến đối chứng nhưng người này là anh Thọ sửa đồng hồ chứ không phải luật sư Thọ. Sau khi tổ chức giải thoát anh Thọ ở nhà thương không thành, Sự và Giác bị cầm tù ở Nha Trang, còn bà Thừa Hoàng trốn ra căn cứ.

LẦN THỨ HAI

Anh Tư Khiêm, Thường vụ Khu ủy vào tỉnh Phú Yên. Trên đường đi Trung ương Cục, anh Năm Công cũng ghé lại Tỉnh ủy cùng họp bàn với Tỉnh ủy, đi đến nhất trí thực hiện chỉ thị của Khu ủy bằng mọi giá phải đưa anh Thọ ra khỏi căn cứ. Khu ủy tăng cường cho Phú Yên một số cán bộ đặc công, quân báo, bộ binh, thành lập đơn vị đặc nhiệm để thực hiện “Kế hoạch anh Thọ”.

Anh Tư Khiêm và đồng chí Lầu – tỉnh đội Phú Yên – là chỉ huy chung cho các đơn vị phối hợp chiến đấu. Ta sẽ sử dụng lực lượng quân sự tập kích bất ngờ vào chi khu quận lỵ Củng Sơn, làm chủ quận lỵ, đưa anh Thọ ra căn cứ.

Đêm 19-6-1961, quân ta tiến công vào chi khu, tiêu diệt đại đội đóng giữ. Khi ta làm chủ trận địa, một tổ chức đặc công theo chân cơ sở đến nhà Luật sư thì lúc 6 giờ chiều hôm ấy Luật sư được đích cho phép theo xe đồ về Tuy Hòa gặp con từ Sài Gòn ra thăm. Anh em vận động ba vị thân sĩ còn lại ra vùng giải phóng, hai vị xin đi theo, còn một vị già quá không đi được.

LẦN THỨ BA

Anh Sáu Suyền –Bí thư Tỉnh ủy– trực tiếp phụ trách kế hoạch giải thoát Luật sư Nguyễn Hữu Thọ. Anh Sáu Suyền giao cho anh Ba Suối, một cơ sở hợp pháp xuống Tuy Hòa điều tra và liên lạc với anh Thọ. Theo kế hoạch, tối 30-10-1961, anh Thọ đạp xe ra mộ bà Du Ký, một đơn vị đặc công do anh Thanh chỉ huy sẽ đến ở chân núi Chóp Chài chờ anh Thọ để đưa anh vượt qua đồng Màng Màng, hướng lên Thọ Vực – Hòa Quang. Anh Mười Lầu –chỉ huy đơn vị hộ tống– mời anh Thọ về cơ quan Tỉnh ủy Phú Yên. Kế hoạch lần này đơn giản nhưng thắng lợi.

Anh Thọ nghỉ lại cơ quan Tỉnh ủy mấy hôm rồi lên đường về Trung ương Cục.

*

Như vậy, Liên khu ủy 5 đã thực hiện chỉ thị của Trung ương: Phải sớm giải thoát anh Nguyễn Hữu Thọ. Do đó, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 tuy mới thành lập nhưng đã tập trung cán bộ cùng Tỉnh ủy Phú Yên hoàn thành nhiệm vụ tốt đẹp.

NHỚ NHỮNG NGÀY Ở CHIẾN KHU MÃ ĐÀ

TRẦN BẠCH ĐĂNG (*)

Mã Đà nằm giữa Chiến khu Đ, phía bên trên thác Trị An, thời xưa dân quen gọi là Hàn Trị An. Thật ra, danh xưng Chiến khu Đ chỉ xuất hiện khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bắt đầu sau Cách mạng tháng Tám 1945. Chiến khu Đ nổi tiếng trong lịch sử Nam Bộ kháng chiến bởi đây là vùng căn cứ trung tâm Đông Nam Bộ, nơi đặt Bộ Chỉ huy Khu VII và các cơ quan đầu não của tỉnh Biên Hòa.

Tuổi thiếu nhi của tôi trải qua hơn 10 năm ven Chiến khu Đ. Con đường đá men tả ngạn sông Đồng Nai, xuyên qua một số sở sở nhỏ, chủ yếu xuyên qua rừng rậm, nơi đêm đêm người ta vẫn nghe tiếng cộp rỗng. Bây giờ, khó mà tưởng tượng một vùng hẻo lánh, âm khí nặng nề như thế lại chỉ cách thành phố Biên Hòa vài chục cây số đường chim bay. Các làng thuộc tổng Phước Vinh Hạ, quận Tân Uyên – quận Tân Uyên bây giờ do tỉnh Biên Hòa quản lý, các xã nằm ở hữu và tả ngạn sông Đồng Nai, dân cư rất thưa thớt. Từ xa xưa, đây là lãnh địa của những nhom giang hồ, trong có có không ít nhóm khét tiếng, dám đương đầu với lính Pháp. Khi tôi còn nhỏ, đã có lần chứng kiến lính Pháp nã đại bác vào vùng Đất Cuốc, Lạc An. Hiện nay, khu vực Chiến khu Đ thuộc huyện Vĩnh Cửu, một cái tên có sau này.

Rời ven Chiến khu Đ sau khởi nghĩa Nam kỳ, mãi năm 1949, trên đường hành quân, tôi trở lại Chiến khu Đ, dừng chân đôi ngày, gặp bạn cũ là Nguyễn Văn Quảng – Nam Phòng – và anh Huỳnh Văn Nghệ. Chiến khu Đ lúc ấy đã khác thuở tôi còn bé.

Sau Đồng khởi, cơ quan lãnh đạo của Xứ ủy Nam Bộ đứng chân trên Chiến khu Dương Minh Châu, đầu nguồn sông Vàm Cỏ Đông. Cơ ngơi của tổ chức vừa được gây dựng thì một sự cố xảy ra. Chính quyền Ngô Đình Diệm cho ủi một con lộ cập biên giới Campuchia từ Sóc Con Trăn, thượng nguồn sông Sài Gòn chạy qua Samat, Taxia, “bọc hậu” cơ quan lãnh đạo của Xứ ủy. Giữa ruột Chiến khu Dương Minh Châu, địch cũng ủi một con đường từ Đồng Pan đến cầu Cần Đăng, xuyên trung tâm chiến khu. Trong tình thế ta mới hình thành bộ máy, lực lượng còn rất mỏng, khó mà đứng được giữa hai gọng kìm, hai con lộ ủi, thường được gọi là “Lộ ủi Trần Lệ Xuân”. Các nhóm di cư từ Bắc vào được Trần Lệ Xuân cho phép khai thác gỗ vùng này nên có tên như thế. Thường vụ Xứ ủy quyết định toàn bộ cơ quan Xứ ủy và trực thuộc chuyển căn cứ sang Chiến khu Đ, chính xác là

* Nhà nghiên cứu, nguyên Phó ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam.

sang vùng Ma Đà. Đó là giữa mùa mưa năm 1961. Chúng tôi chưa ai hình dung sẽ xây dựng căn cứ ở Mã Đà như thế nào, chỉ biết rằng đây là vùng khan hiếm lương thực, lắm muỗi Anophèle, rất xa nơi dân cư. Hàng mấy trăm con người băng rừng, vượt sông Sài Gòn, lộ 13, vượt nhiều lần thượng nguồn sông Đồng Nai, sông Bé, theo hướng dẫn của Ban Căn cứ Xứ ủy, bấy giờ người phụ trách chung căn cứ là đồng chí Cao Đăng Chiếm. Chúng tôi chọn nơi đóng cơ quan trên bản đồ. Lúc ấy, định lại thành lập tỉnh Phước Thành, với Phước Vĩnh là tỉnh lỵ, gấp rút xây dựng một sân bay. Xứ ủy và các cơ quan chủ yếu của Xứ ủy đóng gần nhau trên những ngọn đồi, đường đồi trơn trượt. Đồng chí Phạm Văn Xô được Xứ ủy phân công lo hậu cần cho các cơ quan. Một công việc hết sức khó khăn. Song dù sao, nhất thiết phải có nơi ở, nơi làm việc. Tôi phụ trách cơ quan Tuyên huấn, là cơ quan lớn nhất và đông nhất trong các cơ quan của Xứ ủy.

Cái khó đầu tiên là lợp các chòi bằng chất liệu nào. Mã Đà không có lá tranh, rất ít lá trung quân, đành phải dùng lá mây, thân lá nhỏ. Bởi vậy, chòi không trú được mưa, đêm nằm ngó thấy cả sao trên trời. Có thể đây là lần đầu tiên sau nhiều năm Mã Đà đông người đến như vậy. Không biết dùng hình tượng gì để phản ánh cho chính xác, song cái mà cán bộ nhân viên sợ nhất là vắt – vắt đánh hơi người lao rào rào trên lá khô. Chúng tôi thực sự đổ máu vì vắt. Kể đến, đây là ổ của sốt rét ác tính, chưa dựng xong chòi thì nhiều người đã run cầm cập, sốt ở độ cao. Rừng Mã Đà nhiều cây to, những cây “cổ thụ” lại mọc trên nền đất đầy đá ong, gốc không vững, những trận mưa đêm lớn có đông thường xô cây đổ, khá nguy hiểm. Dự trữ lương thực rất mỏng, nên chỉ mấy hôm sau sang đây, Ban Căn cứ đã tổ chức những đoàn đi tải gạo, vượt lộ 16 phía bắc huyện lỵ Tân Uyên, đến vùng xã Tân Long, nơi đặt trạm phân phối lương thực của hậu cần Xứ ủy. Đường từ cơ quan đến Tân Long không xa, nhưng mưa trơn trượt, đèo dốc, bận đi mất 1 đêm ngủ rừng và bận về, do tải nặng, mất đến 2 đêm. Tải đủ thứ: gạo, muối, nước mắm, thuốc men, đường, sữa cho bệnh nhân và hơn thế nữa, như cơ quan của chúng tôi, tải xăng, vì Đài Phát thanh Giải phóng đang thí nghiệm phát sóng.

Thành phần của các cơ quan Xứ ủy và chung quanh Xứ ủy là những đồng chí lãnh đạo – có đồng chí tuổi cao, là các chị, một số nhân sĩ, trí thức trong Mặt trận Dân tộc giải phóng, là các văn nghệ sĩ. Số khá đông hoặc từ đồng bằng lên, từ Sài Gòn ra, hoặc từ Nam Vang xuống. Cái thử thách đầu tiên đối với họ thật quá lớn. Tôi còn nhớ những hình ảnh thành ấn tượng cả đời tôi: Bà bác sĩ Phùng Văn Cung ăn củ chụp rừng, nhà soạn kịch Trần Hữu Trang, nữ nghệ sĩ Thanh Loan đi tải gạo... Gần như mọi người đều luân phiên đi tải gạo, trừ một số ít. Nhà báo Tân Đức, nổi tiếng vì mang bông gạo vượt đồi trượt té, ngọn đồi đó mang tên “ông Tám Râu” – tên quen gọi anh Tân Đức. Các anh Trần Bửu Kiếm, Nguyễn Văn Hiếu có thể phổ biến kinh nghiệm tải gạo như thế nào. Thức ăn thì quanh đi quẩn lại chỉ có mắm ruốc, muối. Một lần, người nấu bếp cho chúng tôi – nguyên là phu

cao su, người Bắc, rất vui tính – đi giữa rừng nghe tiếng tắc kè, nói tỉnh bơ: “*Sao ninh (linh) thế, biết tôi là Bắc kỳ!*” – anh nẫu trái trường chua thành một thứ cao, pha vào mắm ruốc mà anh Nguyễn Văn Hiếu khen ngợi hết lời. Đoàn Văn công Giải phóng mới thành lập do nhà văn Lý Văn Sâm chỉ đạo đã đi đào củ chup – một loại củ rừng. Cả đoàn phải lang thang hàng tuần lễ trong rừng sâu để kiếm cái ăn và thực sự không mang về cơ quan được bao nhiêu. Các chị Lê Thị Riêng, Duy Liên, Nguyễn Thị Chơn, Nguyễn Thị Thanh cũng đi đào củ chup. Rừng Mã Đà nhiều xoài hoang, gọi là “xoài mút”, trái lớn cỡ ngón tay cái, khi chín rất ngọt. Nhưng làm sao “cung” đáp ứng nổi “cầu”? Một kỷ niệm khó quên đối với chúng tôi: trong rừng, nhiều huệ củ, không biết ai lại gợi ý xào củ huệ với mỡ voi làm thức ăn. Quả thức ăn rất ngon, song tất cả đều bị ói mửa đến độ y tế phải cấp cứu và Ban Căn cứ cấm ăn. Chúng tôi quen với trái trường, trái sấu, với đợt ngành ngành, lá giang, đợt kim cang và tất nhiên, với cả gùi, đành phải sống trở lại thời kỳ “hái lượm”.

Một chuyện vui khác, cũng độc đáo: Trong trận đánh Dầu Tiếng, anh Tám Lê Thanh thu được một máy chiếu phim 8 ly và một cuộn phim, trao cho anh Nguyễn Văn Hiếu. Giữa rừng, không có gì để giải trí, anh Nguyễn Văn Hiếu, vị Bộ trưởng Bộ Văn hóa sau này của nước ta, yêu cầu bộ phận Đài Phát thanh chạy máy nổ để chiếu cuộn phim “chiến lợi phẩm” ấy. Đó là phim câm, dài độ mười phút, không phải phim truyện, chỉ là một phim nhảy claquette của Tây Ban Nha. Vậy mà các anh Nguyễn Văn Linh, Phan Văn Đáng, Phạm Văn Xô, Phạm Thái Bường, cùng tất cả chúng tôi đều yêu cầu anh Hiếu chiếu nhiều lần. “*Coi cho đỡ nguyền!*” – một anh trong Ủy ban Trung ương Mặt trận đã nói.

Gian nan là thế, nhưng Mã Đà lại trở thành một địa điểm lịch sử của cuộc kháng chiến ở miền Nam. Hội nghị thành lập Trung ương Cục miền Nam diễn ra tại đây, Đài phát thanh Giải phóng thử nghiệm thành công các buổi phát tại đây. Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng đón Luật sư Nguyễn Hữu Thọ từ Phú Yên về; cũng tại đây, Đoàn Văn công Giải phóng xuất phát từ Mã Đà đi lưu diễn ở một số tỉnh miền Đông.

Nhiều dự án hoạt động đưa phong trào miền Nam lên cao, tiến hành dưới những mái chòi lợp lá mây, trên những ngọn đồi đầy vất trơn trượt, cây đổ bất thần... Sự tương phản về điều kiện ăn ở cùng trí tuệ sáng tạo của tập thể chịu trách nhiệm lãnh đạo phong trào cách mạng ở miền Nam càng làm nổi bật giá trị của những gì mà cách mạng thu hoạch được trong những năm tháng tiếp sau. Cuối năm, lực lượng bảo vệ căn cứ Chiến khu Dương Minh Châu ngăn chặn và đánh bật đám lộ ủi ra khỏi Bắc Tây Ninh. Trung ương Cục miền Nam quyết định chuyển căn cứ trở lại đầu nguồn sông Vàm Cỏ Đông. Đương nhiên, điều kiện của Chiến khu Tây Bắc – tức Dương Minh Châu – tốt hơn điều kiện ở Chiến khu Đông Bắc – tức Mã Đà – song tất cả chúng tôi rời những ngọn đồi Chiến khu Đ với không biết

bao nhiêu kỷ niệm sâu sắc. Chỉ vài tháng thôi, những ai đã trải qua thời gian sống ở căn cứ này đều giữ riêng cho mình một cái gì để nhớ đời.

Sau này, Khu ủy Đông Nam Bộ tiếp tục trụ tại đây. Nó là đầu mối nối với Khu V, Khu VI và Trung ương, tỏa xuống đồng bằng sông Cửu Long. Đời sống ở Chiến khu Đ gian khổ như thế song nó vẫn là một điểm hẹn của bao nhiêu đoàn quân từ hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn, lấy sức tại đây trước khi xung trận. Ở trên tôi có nhắc đến một người bạn học cũ của tôi là Nguyễn Văn Quảng, Chính ủy quân đoàn sau này. Quảng quê ở ven Chiến khu Đ, nhà tôi và nhà Quảng gần nhau, chúng tôi trải qua thời niên thiếu bên con suối tên là Vũng Vọng. Quảng tham gia lực lượng kháng chiến chống Pháp ở Biên Hòa, tập kết ra Bắc và theo đoàn Phương Đông trở về. Tôi mời Quảng về cơ quan tôi nghỉ ngơi. Theo yêu cầu của Quảng, tôi chiêu đãi Quảng mấy bữa ăn, anh thêm cơm da diết suốt những tháng vượt Trường Sơn. Mỗi bữa, Quảng ăn đến 2 hăng gô cơm, tức 1 lít gạo, dù thức ăn chỉ có cao trái trường trộn với mắm ruốc, đặc biệt, thêm một bát canh rau tàu bay nấu với thịt voi hun khói. Tôi bảo Quảng: *“Mày về quê và tao đón mày ngay trên quê của tụi mình, nay mai mày xuống chiến trường, có thể có nhiều gạo hơn”*. Quảng bảo tôi: *“Không thể nào so nổi với mấy bữa ăn mà mày đãi tao, tao biết mày và những người làm việc quanh mày nhường phần gạo cho tao...”*. Đúng vậy.

Gần đây, thỉnh thoảng tôi có trở lại Mã Đà, hoặc men đường ven sông Đồng Nai lên Trị An, hoặc theo đường từ Trảng Bom vào huyện lỵ Vĩnh Cửu. Tất cả đã thay đổi, trừ tấm lòng của Mã Đà, của Chiến khu Đ đối với những người đến đó và từ đó ra đi vì sự nghiệp lớn. Trong lịch sử kháng chiến của miền Nam, Mã Đà có một chỗ đứng rất trang trọng, một địa phương lịch sử của tỉnh Đồng Nai.

Không hẳn là ngẫu nhiên khi Mã Đà chính là phần cuối của Nam Cát Tiên cặp sông La Ngà – khu Cát Tiên tự xa xưa được vương quốc Phù Nam chọn làm một trong những nơi xây thành lũy. Di tích nay vẫn còn. Nghĩa là địa thế cho phép con người đứng chân. Chẳng thế mà, trong kháng chiến chống Pháp, quân ta thực hiện một cuộc “trình diễn” Mã Đà độc đáo: Mời hành khách từ Sài Gòn lên Đà Lạt dự một cuộc gặp gỡ quy mô lớn. Nhà báo Bùi Thanh Khiết, lúc ấy làm ở Phòng Chính trị Khu VII (sau ngày toàn thắng 1975, anh Khiết là Ủy viên Trung ương Đảng) đã viết trên báo *Tiền Đạo*, cơ quan của Vệ quốc đoàn Khu VII một bài báo tường thuật cái cảnh “khách đô chính viếng chiến khu xanh” ấy – bài báo đưa Mã Đà vào bất tử...

8.2004

TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM SỰ RA ĐỜI VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ

NGUYỄN HUY PHÚC (*)

Phong trào Đồng khởi năm 1960 đã đưa cách mạng miền Nam lên bước phát triển mới: thời kỳ tiến hành chiến tranh cách mạng để hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Thất bại trong chiến lược áp đặt và thực hiện một hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược quân sự từ “trả đũa ồ ạt” sang chiến lược “phản ứng liên hoạt” hòng tăng cường đàn áp, chống phá phong trào giải phóng dân tộc ở mọi nơi trên thế giới, trong đó trọng điểm là miền Nam Việt Nam. Từ đó, đế quốc Mỹ đề ra và thực hiện chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”, chống lại chiến tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam.

Trước yêu cầu phát triển của chiến tranh cách mạng ở miền Nam, cần phải có cơ quan lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng ngay tại chiến trường, sớm nhận rõ điều đó, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9–1960) đã có chủ trương thành lập *Trung ương Cục miền Nam* để thay thế cho *Xứ ủy Nam bộ*.

Điều lệ Đảng do Đại hội III thông qua, tại Điều 24 đã ghi rõ: “*Ban Chấp hành Trung ương có thể cử ra một số ủy viên Trung ương thành lập Trung ương Cục phụ trách chỉ đạo công tác Đảng ở những Đảng bộ đặc biệt trọng yếu. Trung ương Cục đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng*”.⁽¹⁾

Sau Cách mạng tháng Tám, Xứ ủy Nam bộ là cơ quan lãnh đạo trong kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Nam. Giữa năm 1951, Trung ương Cục miền Nam được thành lập. Do tình hình cụ thể của miền Nam khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 9–1954, Bộ Chính trị đã quyết định giải thể Trung ương Cục và lập lại Xứ ủy Nam bộ. Suốt từ 1954 đến 1961, vượt qua những khó khăn thử thách và tổn thất nặng nề, sự phát triển của phong trào cách mạng gắn liền với vai trò lãnh đạo của Xứ ủy Nam bộ. “*Xứ ủy đã kiên trì lãnh đạo phong trào quần chúng, tiến hành đấu tranh bền bỉ với địch, giữ vững được phong trào trong một thời gian dài và từng lúc đã chỉ đạo quần chúng tấn công địch, gây nên thanh thế lớn cho phong trào cách mạng và cho Đảng*”.⁽²⁾

Thực hiện chủ trương của Đại hội III của Đảng và đáp ứng đòi hỏi của phong trào cách mạng, ngày 23–1–1961, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 21, tr.797.

² Kết luận của Xứ ủy Nam bộ về báo cáo tình hình từ hòa bình lập lại cho đến giữa năm 1961 trong Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ nhất, trang 10. Lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

thứ ba (khóa III) đã quyết định thành lập *Trung ương Cục miền Nam*. Đó là quyết định đúng đắn, cần thiết và kịp thời. Trung ương Cục không phải là một cấp trong hệ thống tổ chức của Đảng như cấp Xứ ủy trước đó. Trung ương Đảng, trong Điện mật số 28-ĐM ngày 14 tháng 3 năm 1961 gửi Xứ ủy Nam bộ, Liên khu ủy V đã nêu rõ *Về tổ chức và nhiệm vụ của Trung ương Cục miền Nam*:

1. *Trung ương Cục miền Nam là một bộ phận của Ban Chấp hành Trung ương, gồm một số đồng chí Ủy viên Trung ương được Ban Chấp hành Trung ương cử ra và ủy nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác của Đảng ở miền Nam.*

2. *Trung ương Cục miền Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, thường xuyên do Bộ Chính trị thay mặt chỉ đạo.*

3. *Trung ương Cục có nhiệm vụ:*

– *Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng và những chỉ thị, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị về cách mạng miền Nam mà đề ra chủ trương, chính sách, phương châm, kế hoạch công tác và chỉ đạo thực hiện cụ thể ở miền Nam. Đối với những vấn đề quan trọng có quan hệ đến toàn quốc hoặc đối với nhiệm vụ chiến lược chung toàn miền Nam thì phải xin chỉ thị của Trung ương và Bộ Chính trị. Nhưng trong những trường hợp đặc biệt cấp bách không kịp xin chỉ thị Trung ương, Trung ương Cục có quyền đề ra những chủ trương chính sách lớn để đối phó kịp thời với tình hình; nhưng một mặt phải báo cáo ngay với Trung ương và Bộ Chính trị.*

– *Chấp hành cương lĩnh và những quy định cụ thể về Điều lệ Đảng ở miền Nam. Căn cứ vào những quy định cụ thể và Điều lệ Đảng, đối với Đảng bộ miền Nam và lãnh đạo các Đảng bộ đó hoạt động.*

– *Thành lập các Đảng đoàn trong các tổ chức quần chúng ở miền Nam để giúp đỡ cấp ủy lãnh đạo trực tiếp các tổ chức đó.*

– *Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương quản lý và phân phối cán bộ của Đảng ở miền Nam.*

– *Quy định Đảng phí, quản lý và phân phối tài chính của Đảng ở miền Nam.*

– *Từng thời kỳ, báo cáo mọi mặt tình hình và công tác của Đảng bộ miền Nam lên Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.*

4. *Trung ương Cục miền Nam có một Bí thư, một hoặc hai Phó Bí thư, do Ban Chấp hành Trung ương chỉ định và Ban Thường vụ do Hội nghị Trung ương Cục cử. Trung ương Cục cần tổ chức các cơ quan giúp việc cho phù hợp với tình hình và yêu cầu công tác của mình.*

5. *Trung ương Cục thường lệ sáu tháng họp một lần. Tùy tình hình cụ thể, Trung ương Cục có thể họp sớm hay muộn hơn.*⁽¹⁾

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 22, tr 263-265.

Theo quy định của Trung ương Đảng, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung ương Cục rất rộng lớn và bao quát. Đó là sự phát triển sáng tạo về công tác tổ chức và lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh cách mạng miền Nam và chống Mỹ cứu nước.

Ngày 27-3-1961, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định nhân sự của Trung ương Cục miền Nam gồm các đồng chí:

1. Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) – Bí thư Trung ương Cục.
2. Phan Văn Đáng – Phó Bí thư Trung ương Cục.
3. Võ Chí Công (Toàn) – Phó Bí thư Trung ương Cục.
4. Phạm Thái Bường – Ủy viên.
5. Võ Văn Kiệt – Ủy viên.
6. Phạm Văn Xô – Ủy viên.
7. Trần Lương – Ủy viên.
8. Nguyễn Đôn – Ủy viên.

Từ đầu năm 1961, tình hình cách mạng miền Nam rất khó khăn phức tạp, phải đối phó với âm mưu và thủ đoạn mới của địch. Ngày 28-1-1961, ngay sau khi nhậm chức, Tổng thống Mỹ Kennơđi (J. Kennedy) đã thông qua chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” và lấy miền Nam Việt Nam làm nơi thí nghiệm vũ khí mới, phương pháp chiến tranh mới.

Mục đích của “*Chiến tranh đặc biệt*” là chống lại chiến tranh du kích, chiến tranh giải phóng của nhân dân các nước bị áp bức. Hình thức là phối hợp với các hành động quân sự, chính trị, kinh tế, tâm lý. Công cụ tiến hành là chính quyền tay sai. Lực lượng chủ yếu là quân đội tay sai cùng với vũ khí, phương tiện chiến tranh, viện trợ của Mỹ và do cố vấn Mỹ chỉ huy. Chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” là hình thức đặc thù của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam “dùng người Việt đánh người Việt”. Đó là chiến lược nguy hiểm, kết hợp thủ đoạn chiến tranh xâm lược tàn bạo với vũ khí hiện đại, các biện pháp khủng bố dã man, thâm độc. Tuy nhiên, Mỹ triển khai chiến lược đó trong thế bị động phải đối phó với phong trào cách mạng miền Nam đang chuyển sang thế tiến công, đã chuyển từ những cuộc khởi nghĩa từng phần 1959-1960 sang chiến tranh cách mạng.

Để thực hiện chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”, tháng 6-1961, Kennơđi cử phái đoàn do Stalây (E. Staley) dẫn đầu sang nghiên cứu chiến trường miền Nam Việt Nam để xây dựng kế hoạch chiến tranh. Tháng 10-1961, lại cử tiếp phái đoàn do Taylo (M. Taylor) cầm đầu sang miền Nam để bổ sung kế hoạch. Đó là kế hoạch Stalây-Taylo. Kế hoạch đó được Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ thông qua vào tháng 11-1961 nhưng trên thực tế đã được triển khai thực hiện từ tháng 7-1961. Kế hoạch đó được thực hiện với ba biện pháp chủ yếu:

– Xây dựng lực lượng quân đội nguy mạnh, do cố vấn Mỹ chỉ huy. Với sự yểm trợ của một số đơn vị quân Mỹ, lực lượng quân nguy thực hiện chiến thuật cơ

động bằng máy bay lên thẳng và xe thiết giáp, nhanh chóng đập tan lực lượng vũ trang cách mạng.

– Giữ vững địa bàn thành thị, xây dựng chính quyền ngay mạnh để ngăn chặn phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Khống chế và dập tắt các cuộc đấu tranh cách mạng ở nông thôn, *bình định đồng bằng, lập ấp chiến lược*.

– Phong tỏa biên giới, kiểm soát ven biển, cắt đứt sự chi viện từ miền Bắc, cô lập cách mạng miền Nam, khi cần sẽ ném bom miền Bắc.

Với việc đế quốc Mỹ triển khai chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” mở đầu bằng kế hoạch Stalây–Taylo trong năm 1961, đã đặt cách mạng miền Nam và sự nghiệp đấu tranh của cả dân tộc Việt Nam trước thách thức mới. Tiếp theo Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 23-1-1961 về việc thành lập Trung ương Cục miền Nam, ngày 24 tháng 1 năm 1961, Bộ Chính trị ra chỉ thị về *phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*. Sau khi phân tích tình hình thế giới và trong nước, tình hình cụ thể ở miền Nam, Chỉ thị của Bộ Chính trị cho rằng “*Thời kỳ tạm ổn của chế độ Mỹ – Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu*”. Đế quốc Mỹ tìm mọi cách duy trì chế độ cai trị đó. “*Chúng đang tìm đủ mọi cách và dùng tất cả sức lực phản động của chúng để đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt*”. Trước đây, phương châm đấu tranh chính trị là chủ yếu, đấu tranh quân sự hỗ trợ cho đấu tranh chính trị. “*Nhưng đến nay, do lực lượng so sánh đã thay đổi, cần phải chuyển phương châm đấu tranh: đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự*.”⁽¹⁾

Chỉ thị nhấn mạnh: đấu tranh vũ trang, trước đây cốt để tự vệ, nay cần nâng lên nhiệm vụ tấn công và tiêu diệt sinh lực địch. Vì vậy, cần phải ra sức xây dựng lực lượng vũ trang đủ mạnh để tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Tiếp tục phát động quần chúng đấu tranh rộng rãi, mạnh mẽ. Đồng thời chú ý giữ gìn bí mật cơ sở và bảo toàn lực lượng của ta để đấu tranh lâu dài với địch.

Chỉ thị của Bộ Chính trị (24-1-1961) cũng nhấn mạnh chủ trương và biện pháp tăng cường cho bộ máy lãnh đạo của Trung ương Cục “*bổ sung và chỉ định thêm Trung ương ủy viên dự khuyết mới cho Trung ương Cục; tăng cường cán bộ cho các cơ quan của Trung ương Cục*”⁽¹⁾. Chỉ thị cũng chủ trương tăng cường các khu ủy và giữ vững giao thông liên lạc. “*Vì chiến trường miền Nam còn nhiều trở ngại về giao thông liên lạc giữa các khu, công tác cách mạng ở địa phương ngày càng phát triển phức tạp, cho nên cần phải tăng cường các khu ủy và các cơ quan khu ủy đủ sức chỉ đạo công tác cách mạng ở từng chiến trường. Nơi nào quan trọng phải phân công Trung ương ủy viên đến phụ trách. Đồng thời phải ra sức*

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 22, tr.153, 158.

^{1,2} Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện đã dẫn*, trang 168.

nắm vững, củng cố và mở rộng giao thông liên lạc từ Trung ương đến Trung ương Cục, từ Trung ương Cục đến các địa phương”⁽²⁾.

Đường lối chỉ đạo chiến lược của Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị và những quyết định về tổ chức Trung ương Cục đã có vai trò rất quan trọng thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam. Ngay sau khi có quyết định của Trung ương Đảng và Chỉ thị, Điện mật của Bộ Chính trị, Trung ương Cục đã bắt tay ngay vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được phân công, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời phong trào cách mạng toàn miền Nam. Ngày 16-6-1961, Trung ương Cục ra Chỉ thị: *Thiết thực đẩy mạnh công tác dân vận – mặt trận để tiến kịp với tình hình phát triển hiện nay*. Trung ương Cục nhấn mạnh yêu cầu, tích cực và khẩn trương phát triển tổ chức quần chúng cho thật rộng, thật nhiều, khắp trong các vùng nhưng phải đảm bảo vững chắc để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Nắm vững sách lược của Đảng để thực hiện mở rộng Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận.

Ngày 4 tháng 8 năm 1961, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị *về đấu tranh chống gián điệp và xây dựng lần tổ chức “an ninh”, “bảo vệ” của ta*. Chỉ thị do Thường vụ Trung ương Cục (TV.R) ký ban hành. Chỉ thị nêu rõ những thành công và những khuyết điểm của ta trong công tác chống gián điệp, nhất là khuyết điểm chủ quan, thiếu cảnh giác. Từ đó đề ra những yêu cầu, nội dung công tác chống gián điệp sắp tới. Nhấn mạnh yêu cầu xây dựng bộ máy an ninh, bảo vệ.

Để chuẩn bị tiến tới Hội nghị Trung ương Cục lần thứ nhất, ngày 18 tháng 8 năm 1961, Ban Bí thư có Điện mật số 168 *Góp ý về nội dung Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Cục miền Nam*. Bức điện nêu rõ: *“Vì đây là cuộc họp đầu tiên của TWC^(*) nên lần này nhằm làm cho TWC nắm được tình hình chung của toàn miền Nam, đặt phương hướng công tác chung cho toàn miền Nam, quán triệt những nghị quyết, chỉ thị của TW gần đây đối với tình hình miền Nam, đặt phương hướng công tác chung cho toàn miền Nam và tổ chức phân công trong TWC, định ra việc tổ chức các cơ quan của TWC, phân định các chiến trường và bố trí công tác cho cán bộ chủ chốt thực hiện thống nhất lãnh đạo, thống nhất quản lý thu chi, thống nhất giao thông liên lạc, vận chuyển, trang bị. Do đó, nội dung Hội nghị nên gồm các điểm chính sau đây:*

- 1. Báo cáo tình hình chung của toàn miền Nam và nêu lên những đặc điểm của cả Khu V và Nam bộ nhằm làm cho TWC thấy rõ được tình hình của hai vùng để có cơ sở nhận định tình hình và đề ra phương hướng công tác.*

- 2. Thảo luận để quán triệt Chỉ thị mới của Bộ Chính trị về nhiệm vụ phương hướng công tác trước mắt, đồng thời thấy được dự kiến của Trung ương về phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam.*

- 3. Định phương hướng công tác cụ thể cho toàn miền Nam, trong đó chú trọng phần phương hướng xây dựng lực lượng Đảng, lực lượng quần chúng và lực*

* TWC: Trung ương Cục.

lượng vũ trang cũng như phương hướng đẩy phong trào tiến lên ở từng vùng cụ thể.

4. Tổ chức TWC và các cơ quan của TWC, phân công giữa các đồng chí Trung ương ủy viên trong TWC, định ra vùng căn cứ của TWC và đặt kế hoạch xây dựng vùng căn cứ ấy.

5. Phân định lại chiến trường, bố trí lực lượng ở từng chiến trường và chỉ định các cán bộ phụ trách chủ yếu của từng chiến trường.

6. Quy định việc quan hệ chỉ đạo giữa TWC với các liên tỉnh ủy, nhất là giữa TWC với LKU⁽¹⁾ V. Quy định việc thống nhất quản lý tài chính, quản lý thu chi.

7. Thống nhất giao thông liên lạc, vận chuyển, tiếp tế toàn miền Nam, định rõ nhiệm vụ của TWC và các địa phương trong vấn đề này.

(Chú ý: về các vấn đề trên nên có kế hoạch thực hiện từng bước cho phù hợp với tình hình cụ thể).

8. Những vấn đề đề nghị TW giúp đỡ⁽²⁾

Điện mật của Ban Bí thư lưu ý, sau Hội nghị TWC nên có những Hội nghị chuyên đề và có ý kiến thêm về phân công nhân sự. Về việc phân công trong TWC đã có quyết định Bí thư và Phó Bí thư, còn việc phân công cụ thể các đồng chí Trung ương Cục thì do TWC quyết định.

Riêng đồng chí Trần Lương nên ở lại Nam Bộ với bộ phận Thường vụ của TWC.

Đồng chí Toàn⁽³⁾ vẫn làm Phó Bí thư TWC, nhưng có thể về Khu V và kiêm Bí thư LKU V.

Đồng chí Quang⁽⁴⁾ ở lại với bộ phận Thường vụ của TWC và làm Tư lệnh Nam bộ.

Đồng chí Đôn⁽⁵⁾ làm Tư lệnh khu V.”⁽⁶⁾

Với sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, sau một thời gian chuẩn bị về mọi mặt, đầu tháng 10 năm 1961, Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục miền Nam đã họp tại Chiến khu Đ (nay thuộc địa bàn xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Dự Hội nghị có các đồng chí trong Trung ương Cục và nhiều đồng chí Bí thư Khu ủy, Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Văn Linh,

¹ LKU: Liên khu ủy.

² Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 22, tr.461-462.

³ Đồng chí Võ Chí Công.

⁴ Đồng chí Trần Văn Quang.

⁵ Đồng chí Nguyễn Đôn.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập* đã dẫn, tr.463.

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Cục chủ trì Hội nghị. Hội nghị thảo luận và quán triệt các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, phân tích cụ thể và sâu sắc tình hình mọi mặt của cách mạng miền Nam, nêu rõ phương hướng tiến lên và con đường phát triển của cách mạng miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ ảnh hưởng thống trị của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai, hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Cục đã đề ra 10 nhiệm vụ cụ thể của cách mạng miền Nam: Đẩy mạnh đấu tranh chính trị của quần chúng trên khắp vùng. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang phối hợp với đấu tranh chính trị, phá tan kế hoạch Stalây–Taylo của địch, chuẩn bị mọi mặt cho tổng khởi nghĩa và đối phó với những âm mưu của địch. Tăng cường vận động binh lính và sĩ quan trong quân đội địch – đây là công tác có tính chiến lược cần quán triệt trong quá trình cách mạng. Đẩy mạnh công tác mặt trận và dân vận, tập hợp mọi lực lượng, mọi khả năng chống Mỹ – Diệm. Tiếp tục xây dựng và mở rộng căn cứ địa. Xây dựng và củng cố chính quyền ở vùng giải phóng. Đẩy mạnh công tác kinh tế, tài chính nhằm cải thiện đời sống của nhân dân, đáp ứng nhu cầu to lớn của cách mạng. Xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng ở thành thị. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục. Củng cố, xây dựng phát triển Đảng và Đoàn. Những nhiệm vụ đó là sự cụ thể hóa đường lối của Trung ương, đồng thời phản ánh toàn diện những yêu cầu bức thiết đặt ra cho cách mạng toàn miền Nam những năm 1961–1962.

Sau Hội nghị lần thứ nhất, Trung ương Cục chú trọng củng cố các cơ quan chuyên môn giúp việc bảo đảm sự vận hành, lãnh đạo, chỉ đạo thông suốt cách mạng toàn miền Nam. Ngoài văn phòng và một số ban chuyên môn đã có từ thời kỳ của Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục đã xây dựng bộ máy tương đối hoàn chỉnh. Trong năm 1961, Trung ương Cục có *Văn phòng Trung ương Cục, Ban Tổ chức Trung ương Cục, Ban Cơ yếu, Ban Quân sự Miền, Ban Binh vận, Ban Tuyên huấn, Ban Kinh tế – Tài chính. Trường Nguyễn Ái Quốc của Trung ương Cục*, thành lập và khai giảng khóa đầu vào cuối năm 1961. Năm 1962, thành lập thêm *Ban An ninh*. Trung ương Cục đã quyết định bỏ các liên tỉnh ủy và thành lập lại các khu để bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung thống nhất và có hiệu quả hơn.

Năm 1961 là năm đã hoàn thành quá trình thành lập Trung ương Cục, từ quyết định của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba (khóa III) ngày 23–1–1961 đến Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Cục họp ở Chiến khu Đ tháng 10-1961. Đồng thời với quá trình ra đời và kiện toàn về tổ chức, Trung ương Cục đã thực hiện ngay chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo được Trung ương Đảng phân công. Trung ương Cục đã cụ thể hóa đường lối cách mạng miền Nam khi đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai đã chuyển sang chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”. Những chủ trương và biện pháp của Trung ương Cục đề ra và chỉ đạo thực hiện trong năm 1961, nhất là tại Hội nghị Trung ương Cục lần thứ nhất là đúng đắn và phù hợp. Trung ương Cục đã thực hiện đúng vai trò và sứ mệnh lịch sử được *Trung ương Đảng cử ra và ủy nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác của Đảng ở miền Nam*. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bộ Chính trị đối với Trung ương Cục đã được thực hiện chặt chẽ, kịp thời nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của cả Trung ương Đảng và Trung ương Cục. Đó cũng là một

bước phát triển trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng miền Nam. Sự phân công công tác của các đồng chí lãnh đạo trong Trung ương Cục đối với các chiến trường, kiện toàn tổ chức các Khu ủy, Tỉnh ủy hướng về cơ sở, nắm dân trên tất cả các địa bàn đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam 1961, 1962 và các năm tiếp theo cho đến ngày toàn thắng.

CHIẾN KHU Đ – CHIẾC NÔI RA ĐỜI CỦA QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM

NGUYỄN THỜI BỪNG (*)

Cách nay trên một phần ba thế kỷ, khi bàn về đường lối quân sự của Đảng ta, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã viết: “*Nói đến đấu tranh vũ trang, đến xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng thì không thể không nói đến vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng, vấn đề hậu phương chiến tranh cách mạng*”. Đó là “*những vùng giải phóng xuất hiện trong vòng vây của địch, cách mạng dựa vào đó để tích lũy và phát triển lực lượng của mình về mọi mặt, tạo thành những trận địa vững chắc về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, lấy đó làm nơi xuất phát để mở rộng dần ra, cuối cùng tiến lên đánh bại kẻ thù lớn mạnh, giải phóng hoàn toàn đất nước. Căn cứ địa là chỗ đứng chân của cách mạng, đồng thời là chỗ dựa để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang cách mạng; trên ý nghĩa đó, nó cũng là hậu phương của chiến tranh cách mạng*”⁽¹⁾. Trong chiến tranh cách mạng Việt Nam, Chiến khu Đ là một trong những căn cứ địa như thế, cùng với các chiến khu Dương Minh Châu, Đồng Tháp Mười, U Minh Thượng, U Minh Hạ... đã đi vào lịch sử kháng chiến của nhân dân Nam bộ như một biểu tượng của kháng chiến và của cách mạng. Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Chiến khu Đ đã trở thành chiếc nôi ra đời của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Nằm trên những cánh đồng bạt ngàn của Nam Tây Nguyên và biên giới Việt Nam – Campuchia, kéo dài tới cận Sài Gòn cùng những đô thị Biên Hòa, Thủ Dầu Một với một địa hình hiểm trở, Chiến khu Đ là một khu vực lý tưởng cất giấu lực lượng, dự trữ vật chất, kho tàng và phát triển mọi mặt hoạt động của một căn cứ địa kháng chiến. Nhờ vai trò, vị trí đó, Chiến khu Đ trở thành một trong những chiến khu nổi tiếng của cuộc chiến tranh giải phóng ở Nam bộ. Đến kẻ thù cũng phải thừa nhận như một định mệnh “**Chiến khu Đ còn Sài Gòn mất**”.

Hình thành từ đầu năm 1946, Chiến khu Đ nằm trên địa bàn 5 xã: Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An của huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa. Khởi đầu thường được gọi là Chiến khu Đất Cuốc hoặc Chiến khu Lạc An. Từ năm 1948, Chiến khu Đ được mở rộng về phía tây bắc để vươn dài, nối thông với các

* Trung tướng, Tiến sĩ, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

¹ Võ Nguyên Giáp, *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1970, tr 89-90.

chiến khu của Nam Tây Nguyên và cực Nam Trung bộ, là nơi đứng chân của các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang của các tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Khu 7, Phân liên khu miền Đông và cả Nam bộ trong suốt chiều dài cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong kháng chiến chống Mỹ, Chiến khu Đ chuyển dần trung tâm lên hướng Đông Bắc.

Từ 1959 đến 1960, với quy mô hình thức thích hợp, nhân dân miền Nam đã thực hành thắng lợi cuộc Đồng khởi vĩ đại đưa phong trào cách mạng miền Nam nói chung và miền Đông Nam bộ nói riêng chuyển mạnh sang thế tiến công kẻ thù.

Trên đà thắng lợi của phong trào Đồng khởi, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam bộ là cấp ủy chịu trách nhiệm chính đã trực tiếp chỉ đạo Đại hội Đại biểu quốc dân miền Nam thành lập *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam* vào ngày 20-12-1960, tại căn cứ địa thuộc xã Tân Lập, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh của miền Đông Nam bộ, với bản tuyên ngôn: “*Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo và thân sĩ yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị để đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn Ngô Đình Diệm tay sai của đế quốc Mỹ, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc*”. Mặt trận kêu gọi: “*Tất cả hãy đứng lên, tất cả hãy đoàn kết lại! Hãy siết chặt hàng ngũ chiến đấu dưới ngọn cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng, đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm*”⁽¹⁾.

Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân miền Nam chống Mỹ-Diệm, mà đỉnh cao là thắng lợi của cuộc Đồng khởi năm 1960. Đánh giá sự kiện lịch sử này, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “*Một mặt trận của nhân dân đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi là một lực lượng tất thắng. Hiện nay, trong công cuộc đấu tranh anh dũng chống chế độ tàn bạo của Mỹ-Diệm, đồng bào ta ở miền Nam cũng có Mặt trận Dân tộc giải phóng, với chương trình hành động thiết thực và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Do đó có thể đoán rằng đồng bào miền Nam nhất định sẽ thắng lợi, nước nhà nhất định thống nhất, Nam - Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà*”⁽²⁾.

Ra đời từ trong phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân, lực lượng vũ trang tự vệ tuyên truyền, lực lượng vũ trang tuyên truyền đã có bước phát triển mạnh mẽ: Từ 34 đại đội, trung đội tập trung (vào cuối năm 1959), đã phát triển thành 130 đại đội, trung đội (vào cuối năm 1960) chưa kể lực lượng tự vệ được tổ

¹ *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1961, tr 9.

² *Hồ Chí Minh toàn tập*, T9, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1989, tr 107.

chức đến cấp xã. Thực tế đó, đã đặt ra yêu cầu thống nhất lực lượng vũ trang tập trung dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy Nam bộ.

Ngày 31-1-1961, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết về “Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam”, trong đó, công tác quan trọng phải giải quyết là: *“Tập trung sức xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, tiếp tục đấu tranh bằng mọi hình thức để đánh địch từng bước, tiến lên đánh đổ hoàn toàn, phải ra sức xây dựng cơ sở và quần chúng, nhất là những nơi còn yếu như Sài Gòn – Chợ Lớn, vùng đồng bằng Khu V, các thị xã và dọc các trục giao thông quan trọng”*⁽¹⁾.

Nếu như những năm trước Đồng khởi, phương châm hoạt động của ta là lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu, sử dụng vũ trang tuyên truyền có mức độ để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị. Nay Mặt trận Dân tộc giải phóng ra đời, làm chức năng của chính quyền cách mạng, nên tình hình so sánh lực lượng đã thay đổi. Bộ Chính trị quyết định thay đổi phương châm: *“Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng hai mặt chính trị và quân sự”*⁽²⁾ một cách linh hoạt, phù hợp với phương châm công tác ba vùng:

– Rừng núi, lấy đấu tranh vũ trang làm chủ yếu, với nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch để mở rộng căn cứ và xây dựng lực lượng.

– Đồng bằng, lấy đấu tranh chính trị và quân sự ngang nhau, song tùy lúc, tùy nơi và tình hình cụ thể để cân nhắc mức độ giữa hai hình thức và mức độ giữa tiêu hao và tiêu diệt sinh lực địch.

– Đô thị, lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu, kết hợp cả đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp.

Với tinh thần trên, tháng 1-1961, Tổng Quân ủy ra chỉ thị thành lập Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam – một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam sáng lập, xây dựng, giáo dục và lãnh đạo.

Ngày 15-2-1961, tại Chiến khu Đ, *Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam* chính thức làm lễ ra mắt. Đại diện Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã trao cho Quân Giải phóng miền Nam quân kỳ mang dòng chữ: **“Giải phóng quân anh dũng chiến thắng”**. Cùng với sự ra đời của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, cơ quan chỉ huy lực lượng vũ trang được thiết lập từ Miền đến xã, theo hệ thống dọc gồm: Ban Quân sự Miền trực thuộc Trung ương

¹ Điện chỉ thị của Quân ủy Trung ương ngày 31-1-1961.

² Nghị quyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 31-1-1961 (lưu Viện Lịch sử quân sự Việt Nam).

Cục miền Nam (thành lập tháng 1-1961), trên cơ sở tổ chức và nhân sự của Ban Quân sự liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ. Đồng chí Thiếu tướng Trần Lương (Ủy viên Trung ương Đảng) làm Trưởng ban; Thiếu tướng Trần Văn Quang làm Phó ban. Đồng chí Phạm Thái Bường làm Chính ủy đầu tiên của Quân Giải phóng miền Nam.

Trực thuộc Ban Quân sự Miền có các quân khu: Quân khu 1 (miền Đông Nam bộ); Quân khu 2 (miền Trung Nam bộ); Quân khu 3 (miền Tây Nam bộ); Quân khu 4 (Sài Gòn – Gia Định); Quân khu 6 (cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên).

Trực thuộc các Quân khu là Ban Quân sự các tỉnh. Dưới tỉnh có Ban Quân sự các quận, huyện. Dưới huyện có các xã đội. Tại các thành phố, thị xã có cơ sở vũ trang bí mật, các đội biệt động, các đội vũ trang tuyên truyền, các Ban Quân sự mật.

Từ đây, *các lực lượng vũ trang tự vệ tuyên truyền và lực lượng vũ trang tuyên truyền vốn ra đời từ phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam đã phát triển thành Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam* – sản phẩm của cao trào Đồng khởi theo phương thức đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, được tăng cường lực lượng cán bộ tập kết về, được huấn luyện cơ bản về chính trị, quân sự. Nhờ đó mà Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam được xây dựng, phát triển một cách nhanh chóng.

Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử, Quân Giải phóng miền Nam sẽ xây dựng thành lực lượng ba thứ quân, gồm cả bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Phương châm xây dựng là phải khẩn trương nhưng phải phù hợp tình hình, khả năng thực tế và đủ điều kiện để đối phó với những tình huống đột biến, lấy việc xây dựng các đơn vị tập trung làm chủ yếu, đồng thời hết sức coi trọng việc xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích”⁽¹⁾.

Từ Chiến khu Đ của “**Miền Đông gian lao mà anh dũng**”, Quân Giải phóng miền Nam đã đi dọc khắp các chiến trường Trung–Nam bộ, khắp các mặt trận Nam Đông Dương – nơi nhân dân ba nước Việt Nam–Lào–Campuchia cùng chung chiến hào chống Mỹ xâm lược và lập bao chiến công hiển hách. “Chiến khu Đ còn Sài Gòn mất”, nỗi đau nhức nhối của kẻ đứng đầu bộ máy chiến tranh ở Sài Gòn khiến chúng đẩy quân vào nơi tử địa để lập tỉnh Phước Thành, tưởng rằng sẽ chia cắt được Chiến khu Đ. Nhưng chúng lại gặp phải tinh thần và sức mạnh đã được hun đúc từ bao giờ của quân dân tại Chiến khu Đ quét sạch. Từ Phước Thành, chiến công bất nổi tới Ấp Bắc (1963). Năm 1964, bộ đội pháo binh Quân Giải phóng miền Nam được sự giúp đỡ tích cực của nhân dân, đặc biệt là đồng bào thị

¹ Điện chỉ thị của Quân ủy Trung ương ngày 31-1-1961 (tài liệu lưu Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam).

xã Biên Hòa, đã xuất phát hành quân từ Chiến khu Đ tập kích sân bay Biên Hòa. Với 136 viên đạn pháo đã phá hủy 59 máy bay (trong đó có 21 chiếc máy bay ném bom B57 Mỹ mới đưa vào miền Nam chưa kịp sử dụng), làm nổ hai kho đạn lớn, làm sập một đài quan sát, 18 căn trại, diệt và làm bị thương nhiều phi công và nhân viên kỹ thuật. Trên báo *Nhân Dân* số ra ngày 12-11-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh (với bút danh CS) đã viết bài bình luận sắc sảo về chiến công này với 4 câu thơ kết:

*“Uy danh lừng lẫy khắp năm châu
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu
Thành đồng trống thẳng lay Lầu trắng
Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu”*⁽¹⁾

Chiến khu Đ còn là nơi chuẩn bị, hoạch định kế hoạch, huấn luyện bộ đội, chuẩn bị cho chiến dịch nổi tiếng đầu tiên là Bình Giã “*đánh dấu sự thất bại về căn bản của chiến lược Chiến tranh đặc biệt*”.⁽²⁾

Tháng 2, 3 năm 1966, bằng việc bẻ gãy hai trận càn lớn “*Hòn đá lặn*” và “*Thành phố bạc*”, quân dân Chiến khu Đ với sự hỗ trợ tích cực của Quân Giải phóng, đã đánh bại mũi tiến công quan trọng của địch ở miền Đông Nam bộ trong đợt phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất. Chiến thắng “*Thành phố bạc*” đã mở ra một tiền đề về khả năng bảo vệ căn cứ trước những cuộc hành quân lớn của Mỹ-ngụy. Có thể nói, các trận đánh, chiến dịch lớn đầu tiên của Quân Giải phóng đều xuất phát từ bàn đạp Chiến khu Đ. Từ đó làm xuất phát điểm và cầu nối tới các chiến thắng tiếp theo như: Vạn Tường, Đồng Xoài, Plâyme, Iadrăng (1965), Đất thép Củ Chi (1966), Bắc Tây Ninh (1967), Sài Gòn Mậu Thân, Đường 9 – Khe Sanh (1968), đến Quảng Trị, Lộc Ninh (1972), Đường 14 – Phước Long (1974) và cuộc Tổng tiến công đại thắng mùa Xuân 1975, được ghi nhận như những mốc son lịch sử, ghi nhận sự lớn mạnh, trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kết thúc thắng lợi, đất nước Việt Nam không còn bị chia cắt, nhiệm vụ giải phóng dân tộc trên phạm vi cả nước đã hoàn thành. Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam lại được gọi bằng chính cái tên lịch sử của mình: Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

Trong lịch sử cuộc chiến tranh giải phóng của dân tộc (1945–1975), nếu Chiến khu Dương Minh Châu (Chiến khu B) có vinh dự là nơi ra đời của Mặt trận

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 9*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1989, tr.804.

² Võ Nguyên Giáp, *Ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Bình Giã*. Báo Quân đội Nhân dân, 4–11–1964.

Dân tộc giải phóng miền Nam, thì Chiến khu Đ (chiến khu A) là nơi ra đời Quân Giải phóng miền Nam. Chiến khu Đ không chỉ nối thông liên hoàn, hình thành căn cứ địa cách mạng – nơi đứng chân của Xứ ủy, Trung ương Cục miền Nam, cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến, mà còn là “*đầu mối giao thông chiến lược từ Trung ương vào Nam bộ. Là nơi đứng chân của các cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận, các lực lượng vũ trang từ cấp huyện, tỉnh, Quân khu ở Đông Nam bộ và chủ lực Quân Giải phóng miền Nam; hậu phương trực tiếp và căn cứ hậu cần tại chỗ của chiến trường Nam bộ, khu 6, nơi triển khai các Quân đoàn 1, 4 trong Chiến dịch Hồ Chí Minh (26 đến 30-4-1975)*”.⁽¹⁾

Về phương diện chính trị, tinh thần, Chiến khu Đ tồn tại như biểu tượng của cách mạng, của cuộc kháng chiến, tiêu biểu cho ý chí, sức mạnh cả về vật chất và tinh thần của quân dân miền Đông. Đúng như Trung tướng Nguyễn Bình – đặc phái viên của Bác Hồ, vị Tư lệnh đầu tiên của Nam bộ – đã khẳng định: “*Từ một góc rừng Lạc An, Tân Uyên đã là rường cột trụ sở của Nam bộ kháng chiến... Già, trẻ, gái trai ngưỡng vào góc rừng Lạc An bắt hủ đỏ, giữ vững được tinh thần của toàn dân, nuôi được hoài bão kháng chiến nhất định thắng lợi của nhân dân ta*”.⁽²⁾

Được xây dựng theo quan điểm chiến tranh nhân dân toàn dân toàn diện cả về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, Chiến khu Đ không chỉ là chiếc nôi ra đời của Quân Giải phóng, mà đồng thời là một trung tâm chính trị, văn hóa, quân sự, vừa là hậu phương tại chỗ đảm bảo cung cấp sức người sức của cho kháng chiến, nhờ biết dựa vào dân. Đặc biệt, là đồng bào các dân tộc *lấy căn cứ địa lòng dân làm nền tảng*, các lực lượng vũ trang giải phóng luôn được che chở, nuôi dưỡng và trưởng thành.

Với vai trò, vị trí đặc biệt ấy, đồng chí Nguyễn Văn Linh – cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá: “*Chiến khu Đ với quá trình xây dựng, phát triển và chiến đấu suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đã lập được những chiến công vẻ vang, mãi mãi là niềm tự hào của Đảng bộ, Quân đội Việt Nam ta nói chung, Đảng bộ và quân dân miền Nam nói riêng*”.⁽³⁾

Ngày nay, sau 30 năm chiến tranh lùi vào quá khứ, những dấu tích của một chiến khu nổi tiếng, đã và đang mờ nhạt trước bao biến đổi của cuộc sống và cỗ máy thời gian. Dầu vậy, Chiến khu Đ với bề dày lịch sử cùng những bài học kinh

¹ *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*. Nxb QĐND, Hà Nội, 1996, tr 148.

² Trích thư Trung tướng Nguyễn Bình, Tư lệnh Nam bộ gửi ông Lâm Thái Hòa, Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Nam bộ.

³ *Lịch sử Chiến khu Đ*, Nxb Đồng Nai, 1997, tr 20.

nghiệm của mình, vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn hữu ích cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM LẦN THỨ NHẤT TẠI CHIẾN KHU Đ, VỚI CHỦ TRƯỞNG ĐẨY MẠNH ĐẤU TRANH VŨ TRANG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TẠI CHỖ CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM

LÊ VĂN DŨNG (*)

Để thực hiện Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chỉ đạo cách mạng miền Nam: “*Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là phải khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân*” và “*theo tình hình cụ thể hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng nên chính quyền cách mạng của nhân dân.*”⁽¹⁾

Tháng 11 năm 1959, Xứ ủy Nam bộ họp Hội nghị lần thứ tư bàn biện pháp thực hiện nghị quyết của Trung ương, đã đề ra 6 nhiệm vụ cụ thể là:

1. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng mạnh mẽ, sâu rộng hơn để đẩy địch vào thế bị động và cô lập hơn nữa.
2. Đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền nhằm thiết thực hỗ trợ thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.
3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong quần chúng nhằm nâng cao ý thức căm thù và quyết tâm cách mạng trong cuộc đấu tranh đánh đổ địch.
4. Không ngừng củng cố và mở rộng mặt trận thống nhất chống Mỹ–Diệm.
5. Xúc tiến và đẩy mạnh công tác binh vận.
6. Không ngừng củng cố và phát triển Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là cán bộ trung kiên, nòng cốt.

* Thượng tướng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên Tổng Tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, nguyên Tư lệnh Quân đoàn 4, nguyên tư lệnh Quân khu 7, nguyên Sư trưởng Sư đoàn bộ binh 9 – Sư đoàn chủ lực đầu tiên của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam (7-1986 – 3-1988).

¹ *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954–1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2002, tr.180-181.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng miền Nam sau cao trào Đồng khởi (1959–1960), ngày 23–1–1961, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về phương hướng của cách mạng miền Nam. Bộ Chính trị nhận định: *thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ - Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu, các hình thái du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần đã xuất hiện, mở đầu cho một cao trào cách mạng ngày càng rộng lớn.*

Bộ Chính trị nhấn mạnh sự cần thiết phải ra sức xây dựng mau chóng lực lượng chính trị và quan sự, tăng cường khối đoàn kết nhân dân miền Nam trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, phát động phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng, làm tan rã chính quyền và lực lượng địch trên một phạm vi ngày càng rộng lớn, tiến lên làm chủ rừng núi, giành lại toàn bộ đồng bằng, ra sức xây dựng cơ sở và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở đô thị, tạo điều kiện và nắm mọi thời cơ thuận lợi để đánh đổ chính quyền Mỹ–Diệm, giải phóng miền Nam.

Căn cứ vào bước phát triển mới của lực lượng và phong trào cách mạng miền Nam, Bộ Chính trị quyết định chuyển phương châm đấu tranh “*đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đưa đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng cả hai lực lượng chính trị và quân sự*”⁽¹⁾. Nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang ở miền Nam là “*nhANH chóng phát triển lực lượng đẩy mạnh tiến công tiêu diệt địch, kết hợp với đấu tranh chính trị của quần chúng*”⁽²⁾.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang ở miền Nam thành Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam – một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Đảng sáng lập, xây dựng, giáo dục và lãnh đạo, mà trực tiếp là Xứ ủy Nam bộ.

Ngày 15–2–1961, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam chính thức làm lễ ra mắt tại Chiến khu Đ. Xứ ủy Nam bộ đã trao cho Quân Giải phóng miền Nam Quân kỳ mang dòng chữ “**Giải phóng quân anh dũng chiến thắng**”.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị mà trực tiếp là Xứ ủy Nam bộ, cách mạng miền Nam phát triển như vũ bão, đặc biệt là phong trào Đồng khởi (1959–1960). Trước sự phát triển mạnh mẽ đó, ngày 23–1–1961, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam. Theo quy định của Trung ương Đảng, về tổ chức Trung ương Cục miền Nam là một bộ phận của Ban Chấp hành Trung ương, gồm một số đồng chí Ủy viên Trung ương được Ban Chấp hành Trung ương cử ra và

^{1,2} Bộ Chính trị – Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam ngày 31–1–1961, trong *Lịch sử Biên niên Xứ ủy Nam bộ và Trung ương Cục miền Nam* (1954–1975), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 242–243.

được ủy nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác của Đảng ở miền Nam. Trung ương Cục miền Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, do Bộ Chính trị thường xuyên thay mặt Trung ương trực tiếp chỉ đạo. Ngày 27-3-1961, Ban Chấp hành Trung ương quyết định nhân sự Trung ương Cục gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) làm Bí thư Trung ương Cục; Phạm Văn Đăng và Võ Chí Công (Toàn) làm Phó Bí thư Trung ương Cục; các Ủy viên: Phạm Văn Xô, Phạm Thái Bường, Võ Văn Kiệt, Trần Lương và Nguyễn Đôn.

Đầu tháng 10 năm 1961, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ nhất, tại Mã Đà (Chiến khu Đ). Hội nghị đã quán triệt Chỉ thị ngày 31-1-1961 của Bộ Chính trị và đánh giá một cách toàn diện hoạt động đấu tranh cách mạng trong những năm qua, xác định phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam. Hội nghị đã khẳng định: *“Con đường đúng đắn mà Đảng ta chủ trương hiện nay là con đường tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân..., đó là con đường duy nhất và có nhiều khả năng hiện thực”*, Hội nghị đã xác định nhiệm vụ cụ thể là: *“Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự.”*⁽¹⁾ Và Hội nghị đã đề ra 10 nhiệm vụ cụ thể đối với các cấp Đảng bộ miền Nam.

Về tổ chức chỉ huy quân sự các cấp, Hội nghị quyết định thành lập:

Ban Quân sự Miền (mật danh là Ban Quân sự R) chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Cục, đồng thời chịu sự chỉ đạo của Quân ủy trung ương, Bộ Quốc phòng. Về tổ chức Đảng có Đảng ủy quân sự chịu trách nhiệm mọi mặt công tác quân sự và lãnh đạo các Đảng bộ, các đơn vị trực thuộc.

Bộ Tư lệnh cấp quân khu (mật danh là Ban Quân sự T), chịu sự lãnh đạo của Khu ủy, đồng thời chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy và Ban Quân sự Miền. Đảng ủy và Bộ Tư lệnh các quân khu chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác của Đảng bộ, các đơn vị trực thuộc.

Bộ Chỉ huy cấp tỉnh đội, huyện đội (gọi là Ban quân sự U và V), không tổ chức Đảng ủy mà do Thường vụ tỉnh ủy và huyện ủy trực tiếp lãnh đạo, cử các đồng chí thường vụ phụ trách quân sự cùng một số cán bộ cấp ủy chỉ định thành lập cơ quan tỉnh và huyện. Xã đội (còn gọi là Y).

Sau Hội nghị Trung ương Cục, Ban Quân sự Miền do đồng chí Phạm Thái Bường làm trưởng ban; Phạm Văn Xô phụ trách hậu cần; Trần Văn Quang Chỉ huy trưởng Quân sự, Trần Lương lấy tên công khai (là Trần Nam Trung) là Ủy viên Quân sự trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, phụ trách chính trị các lực lượng vũ trang giải phóng. Năm 1962, đồng chí Phạm Thái

¹ *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam bộ... Sđd., tr.179-180, tr.351.*

Buồng được điều về Khu 9, đồng chí Trần Lương phụ trách quân sự. Ban Quân sự được xác định là một Ban trực thuộc Trung ương Cục, có nhiệm vụ theo dõi tình hình, làm tham mưu cho Trung ương Cục ra các chỉ thị, nghị quyết về quân sự và trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy các chiến trường là lực lượng vũ trang B2 gồm Nam bộ, Cục Nam Trung bộ và Nam Tây Nguyên. Về mặt tuyên truyền công khai và quan hệ đối ngoại là Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam.

Tháng 12 năm 1962, Hội nghị Trung ương Cục chủ trương đẩy mạnh đấu tranh vũ trang và phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ của cách mạng miền Nam. Hội nghị đã xác định vị trí, nhiệm vụ, phương châm hoạt động tác chiến và mức độ xây dựng lực lượng vũ trang trước tình hình Mỹ ồ ạt đưa vũ khí và cố vấn vào miền Nam tiến hành kế hoạch Stalây-Taylo, Trung ương Cục đã tiếp tục xác định vị trí quan trọng của đấu tranh vũ trang và điều chỉnh chủ trương, nêu lên tính chất trường kỳ của đấu tranh vũ trang, song nội dung về xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang chưa thật cụ thể.

Trước sự phát triển của tình hình, từ tháng 4-1962 tới cuối năm đã làm rõ thêm hoạt động đấu tranh vũ trang, bên cạnh những ưu điểm căn bản, sự chỉ đạo của ta còn có nhược điểm, lệnh lạc như: chưa quán triệt đường lối vũ trang nhân dân, nhiều địa phương xem nhẹ phong trào du kích và lệch về lực lượng tập trung (*mặc dù lực lượng tập trung cũng chưa được xây dựng đúng mức*). Sự phối hợp của ba thứ quân chưa chặt chẽ, chưa sát với phong trào chính trị trong chống phá áp chiến lược, nhiều nơi chưa tích cực trong việc chống càn quét bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân.

Hội nghị nhận định: *“địch đang tiến hành một cuộc chiến tranh thực sự ở miền Nam, nằm trong khuôn khổ một cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ chống du kích, chống bạo động cách mạng; chúng sẽ âm mưu mở rộng quy mô của cuộc chiến tranh. Do đó, cuộc chiến tranh của ta là một cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích lâu dài.”*⁽¹⁾ Và đã đề ra nhiệm vụ cụ thể trong đấu tranh vũ trang là: *“Ra sức phát động một phong trào nhân dân du kích chiến tranh rộng rãi, mạnh mẽ và đều khắp, kết hợp chặt chẽ với phong trào đấu tranh chính trị để chống phá làm thất bại các âm mưu của địch, chủ yếu là chống càn quét, chống lấn chiếm, chống gom dân lập ấp chiến lược. Mở rộng khu căn cứ cách mạng, tích cực củng cố, bảo tồn và phát triển lực lượng của ta, ra sức xây dựng lực lượng dân quân du kích, xã chiến đấu và địa phương quân thật mạnh ở đồng bằng và rừng núi. Tranh thủ xây dựng chủ lực ở những nơi có điều kiện trên cơ sở đẩy mạnh tiêu hao, tiêu diệt địch và bồi dưỡng tạo thế cho phong trào cách mạng”*.

¹ *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam bộ... Sđd., tr.351.*

Phải đặc biệt chú ý xây dựng dân quân du kích ở xã, thôn ra sức xây dựng xã ấp chiến đấu ở khắp nông thôn, rừng núi và đồng bằng đã được phát động, phải trang bị các loại vũ khí tốt. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên nông cốt ở xã thôn đều phải tham gia du kích và đánh du kích. Lực lượng tập trung ở huyện, tỉnh đều là địa phương quân có nhiệm vụ chủ yếu là phát động nhân dân du kích chiến tranh và tự mình phải đánh du kích hoạt động theo hai phương châm du kích chiến để hỗ trợ cho du kích, cho phong trào quần chúng, bảo vệ khu căn cứ và cơ quan cách mạng.

Việc tiêu hao, tiêu diệt địch phải gắn liền với chiến tranh du kích chống càn quét, chống gom dân lập ấp chiến lược, bảo vệ tài sản nhân dân, phục vụ và kết hợp chặt chẽ với phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. *“Việc xây dựng bộ đội địa phương huyện, tỉnh đến chừng mực nào phải theo yêu cầu của từng địa phương, khả năng cấp dưỡng, trang bị, chỉ huy và nhất là ở phong trào du kích phát triển, không nên vì tập trung xây dựng bộ đội địa phương mà làm yếu phong trào dân quân du kích. Mặt khác, cũng nên tránh lệch lạc không nên xây dựng dân quân du kích mà không chú ý xây dựng bộ đội địa phương tương xứng.*

Trong xây dựng lực lượng vũ trang phải ra sức nâng cao trình độ chiến thuật, đặc biệt phải giải quyết đúng đắn tư tưởng chiến thuật cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ theo đường lối quân sự của Đảng. Kiên quyết chống tư tưởng quân sự đơn thuần, thoát ly thực tế chiến trường và bảo thủ.

Lực lượng bộ đội chủ lực cũng phát triển theo điều kiện của từng chiến trường. Các cấp tỉnh, khu và Trung ương Cục cần tổ chức các đơn vị chuyên môn như đặc công, công binh, các đơn vị chuyên đánh tàu, đánh xe... các lực lượng phải phát triển mạnh cho tới huyện, xã theo yêu cầu của mỗi chiến trường”.

Cần tích cực phát triển Đảng trong quân đội, phát triển đảng viên, đoàn viên, kiện toàn bộ máy tổ chức lãnh đạo nâng cao phương pháp công tác, mở rộng dân chủ về mọi mặt, bồi dưỡng tinh thần quyết tâm tiêu diệt địch, ý thức tự lực cánh sinh. Vì hoạt động vũ trang phải kết hợp chặt chẽ với phong trào địa phương, phục vụ nhiệm vụ chính trị ở từng địa phương nên các cấp cũng phải chịu sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương là chính.

He thống đốc trong quân sự là quan trọng nhưng nặng về đôn đốc kiểm tra, hướng dẫn giúp đỡ bên dưới thực hiện nhiệm vụ quân sự. Các ban quân sự từ khu trở xuống chủ yếu phải lo cho phong trào du kích. Chi bộ xã phải lãnh đạo, chỉ đạo du kích chặt chẽ và sát. Chi ủy không được khoán trắng cho một vài cán bộ cùng một số đảng viên lo về phong trào du kích.

Cũng tháng 12 năm 1962, Thường vụ Trung ương Cục ra Nghị quyết đánh giá về tình hình các mặt hoạt động của cách mạng miền Nam:

1. Về công tác xây dựng Đảng, Trung ương Cục yêu cầu các cấp cần uốn nắn những nhận thức lệch lạc như bi quan, ngán sợ lâu dài, trông chờ, ỷ lại, v.v... khắc phục nhanh chóng thiếu sót trong chỉ đạo phong trào, điều chỉnh bổ sung đường lối, phương châm đấu tranh cho thích hợp.

2. Chỉ đạo công tác kinh tế – tài chính phát huy sức mạnh hậu cần tại chỗ, Trung ương Cục nhấn mạnh: cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam phải lâu dài, ác liệt khó khăn gian khổ, đòi hỏi phải có tinh thần tự lực cánh sinh rất cao, cho nên tinh thần chỉ đạo là sẵn sàng chiến thắng địch trong mọi khó khăn gian khổ, vừa chiến đấu, vừa sản xuất là phương châm căn bản của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân trong vùng ta quản lý.

3. Tăng cường công tác xây dựng căn cứ địa, hành lang giao thông chiến lược và vùng ta kiểm soát, Trung ương Cục nhấn mạnh một số đặc điểm của tình hình ở miền Nam và xác định nhiệm vụ cụ thể cho từng mặt công tác này.

4. Tăng cường công tác Mặt trận, dân vận, chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ và chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Trung ương Cục đề nghị các cấp Đảng bộ nghiên cứu tình hình ở địa phương, xét có đối tượng thì phân công một số cán bộ vận động và xác định một số nhiệm vụ cụ thể của các mặt công tác trên.

5. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, Trung ương Cục đã chỉ rõ:

Từ sau phong trào Đồng khởi, với diễn biến thực tế của phong trào cách mạng miền Nam, *Trung ương Cục đã khẳng định rõ kết quả to lớn của phương châm kết hợp song song đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.*

Tuy nhiên, từ khi đế quốc Mỹ tăng cường vũ trang xâm lược miền Nam, ở một số nơi, trong cán bộ có tư tưởng cho rằng khả năng đấu tranh chính trị của quần chúng đã hết hiệu quả nên phải dùng vũ trang là chủ yếu để đánh địch như hồi kháng chiến chống Pháp. Điều đó đã ảnh hưởng một phần đến việc vận dụng đấu tranh chính trị vũ trang ở từng vùng, nhất là ở đồng bằng, có nơi trong vùng ta kiểm soát, trong các lổm căn cứ, cán bộ có khuynh hướng đưa vũ trang lên hàng đầu, xem nhẹ hoặc lơ là lỏng đấu tranh chính trị. Có nơi lại rụt rè không tích cực đấu tranh vũ trang vì sợ mất thế hợp pháp của quần chúng.

Để khắc phục lệch lạc trên, Trung ương Cục nhắc lại việc thực hiện phương châm kết hợp ba vùng:

– ***Ở rừng núi, đấu tranh vũ trang là chủ yếu, đồng thời phải tận dụng đấu tranh chính trị của quần chúng.*** Cụ thể là trong những vùng căn cứ sâu của ta, địch ít đến phải lấy vũ trang là chủ yếu, nhưng phải hết sức tranh thủ thế giao lưu của đồng bào trong vùng căn cứ sâu với bên ngoài, chống phong tỏa kinh tế của địch. Ở những vùng đông dân phải giữ được thế hợp pháp cho số đông quần chúng, bảo

vệ dân. Ở các vùng tiếp cận ven lộ giao thông, ven thị xã, thị trấn thì cần nâng dần mức độ vũ trang ở những nơi có điều kiện.

– ***Ở nông thôn và đồng bằng, đấu tranh chính trị và vũ trang song song.*** Tuy nhiên, cũng phải tùy theo tính chất từng vùng khác nhau mà vận dụng như vùng địch còn khống chế, kiểm soát thì vận dụng mức độ đấu tranh chính trị, vũ trang song song; những vùng ta kiểm soát sâu, các lổm căn cứ mức độ vũ trang có thể mạnh hơn, đấu tranh chính trị là để giữ thế hợp pháp cho quần chúng và giao lưu bình thường giữa các vùng.

– ***Ở vùng đô thị, lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang có mức độ.*** Vũ trang kết hợp có hai phần: *Một là*, diệt ác ôn hỗ trợ cho phong trào. *Hai là*, phải đánh vào các căn cứ quân sự hậu cần của địch nhưng bảo đảm không làm thiệt hại phong trào. Về phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, sắp tới phải được đưa lên rộng rãi, mạnh mẽ, thường xuyên, liên tục. Hình thức không thể rập khuôn theo thời kỳ cao trào liên tục, mà theo chiều sâu, phải đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực của quần chúng trong các vùng tranh chấp, vùng địch kiểm soát.

Trung ương Cục nhấn mạnh: Trong cuộc đấu tranh giành cơ quyết liệt với thế trận cài răng lược, không phân biệt ranh giới nên việc vận dụng phương châm đấu tranh chính trị, vũ trang phải hết sức linh hoạt, cụ thể sát với từng nơi, trong lúc khác nhau tùy theo đối tượng kẻ thù. Phải kết hợp chặt chẽ giữa hai mặt củng cố và tiến công. Tiến công trước hết là phải chống, phải phá và làm thất bại các âm mưu mới của địch. Đồng thời, tiến công về chính trị, quân sự như tiêu hao tiêu diệt địch, đẩy mạnh phong trào du kích rộng khắp các vùng, đánh sâu vào hậu phương địch, đưa quần chúng đấu tranh trực diện với chúng, mở rộng các mặt trận, kịp thời đưa ra những khẩu hiệu sách lược, tranh thủ được sự đồng tình của các tầng lớp, nhằm phân hóa và khoét sâu mâu thuẫn trong hàng ngũ nguy quân, nguy quyền.

Để thực hiện tốt những phương hướng nhiệm vụ trên, Trung ương Cục yêu cầu toàn Đảng bộ miền Nam phải nhận thức rõ tính chất quyết liệt, phức tạp của cuộc đấu tranh, có tinh thần quyết tâm cao, chỉ đạo phong trào sâu sát, cụ thể quan tâm đến quyền lợi chính đáng của quần chúng. Không ngừng nâng cao giác ngộ và kinh nghiệm đấu tranh của quần chúng...

Hội nghị Trung ương Cục miền Nam mở rộng lần thứ nhất (10–1961) và Hội nghị Trung ương Cục miền Nam (12–1962) về chủ trương đẩy mạnh đấu tranh vũ trang và phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ của cách mạng miền Nam, Nghị quyết của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam (12–1962) về kiểm điểm các mặt hoạt động của Trung ương sau hơn một năm thành lập là những văn kiện lịch sử quan trọng, có ý nghĩa chiến lược trong lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng miền Nam tiến lên đánh bại chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*” của Mỹ–ngụy và đặt nền móng

cho việc đánh bại các chiến lược “*chiến tranh cục bộ*” và chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ-ngụy cùng với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ và bẻ gãy tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Có thể nói những văn kiện trên là cương lĩnh chính trị, quân sự đầu tiên của lực lượng vũ trang Giải phóng miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Với vị trí lịch sử đặc biệt đó, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ nhất (10–1961) và (12–1962) ở Mã Đà, Chiến khu Đ đã đi vào lịch sử cách mạng Việt Nam và chiến tranh giải phóng của nhân dân miền Nam như chiến khu Việt Bắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của cách mạng Việt Nam. Những bài học về đấu tranh chính trị, phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ của cách mạng miền Nam vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay.

ẢN TƯỢNG VỀ MỘT CHIẾN KHU

PHAN TRUNG KIÊN (*)

Ai về Bắc ta đi với

Thăm lại non sông giống Lạc Hồng

Từ độ mang gươm đi mở cõi

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long

Từ nhỏ, tôi đã thuộc nằm lòng 4 câu thơ da diết và hùng tráng kia, và biết tác giả của những câu thơ ấy là Khu bộ trưởng Khu 7 Huỳnh Văn Nghệ đang đóng đại bản doanh ở Chiến khu Đ. Chiến khu Đ, nơi có cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến của Nam Bộ, của miền Đông, của các tỉnh lân cận, nơi có những chi đội Vệ quốc đoàn từng làm nên những trận đánh làm chấn động cả nước Pháp... hiện hữu trong tâm thức tôi như một điều gì đó cao đẹp và thiêng liêng.

Hết chống Pháp rồi chống Mỹ, chúng tôi trưởng thành và trực tiếp cảm hứng đánh giặc. Trong cuộc trường chinh người lính, bước chân của tôi trải khắp các chiến trường, dù vậy chỉ biết về Chiến khu Đ – nơi có Trung ương Cục trong những năm đầu của thập niên 60 – phần nhiều qua lời kể.

Đầu xuân Tân Tỵ (2001), với cương vị là Tư lệnh Quân khu 7, tôi phụ trách một đoàn cán bộ quân dân chính đảng đi khảo sát căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ, cũng đồng thời là nơi đặt căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ. Đoàn xe khá đông, được hướng dẫn và bảo vệ chu đáo. Trong đoàn có nhiều đồng chí là cán bộ lão thành cách mạng nhiều năm bám trụ ở Chiến khu Đ, lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến ở miền Đông và cả Nam Bộ.

Khi đoàn xe tách khỏi con đường nhựa đi nhà máy thủy điện Trị An rẽ vào Mã Đà – vùng căn cứ Trung ương Cục, trung tâm Chiến khu Đ, một địa chỉ đỏ, không chỉ của hôm qua, hôm nay mà cả mai sau, tôi chợt nhớ câu truyền ngôn: “Mã Đà sơn cước anh hùng tận”. Câu thơ hàm ý ca ngợi khi đã dựng tới vách núi là hết đi được. Nhân này, tôi muốn được cải đi là “Mã Đà sơn cước anh hùng tụ”. Có nghĩa nơi đây, Mã Đà là nơi hội tụ những anh hùng, những con người có nghĩa khí, một lòng vì dân vì nước mà chịu mọi gian nguy sẵn sàng hy sinh để chống lại quân giặc giải phóng đất nước và dân tộc.

Con đường dẫn vào căn cứ giống như mùa khô của những năm xưa. Xe chạy cuộn lên một dòng bụi đỏ, bụi trắng làm khuất lấp cảnh vật xung quanh... Mặc dù

* Trung tướng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, nguyên Tư lệnh Quân khu 7.

vậy, mọi người đã lọt vào giữa cánh rừng nguyên sinh mênh mông bạt ngàn với những cái tên quen thuộc như Tà Lài, Mã Đà, Suối Linh, Đất Cuốc.

Đây chính là cụm căn cứ Trung ương Cục miền Nam từ năm 1961, nơi mà cách đây hơn ba bốn chục năm, các đồng chí lãnh đạo của Xứ ủy rồi Trung ương Cục với sự năng nổ, tài ba đã góp công sức, trí tuệ cùng với quân và dân ta làm nên những trận thắng vang dội: Tân Uyên, Mã Đà, La Ngà, Đất Cuốc, Đồng Xoài, Bình Giã, Dầu Tiếng, Biên Hòa... Đây cũng chính là trung tâm kháng chiến của miền Đông Nam bộ. Từ đây đã ra đời những đơn vị bộ đội tập trung của miền Đông và Xứ ủy như C50, C9, C80, C59, C200, C250, Tiểu đoàn 800, Tiểu đoàn 500, Trung đoàn Đồng Nai; nơi đứng chân của Sư đoàn 4, Sư đoàn 7, Trung đoàn 762 của Sư đoàn 9 và là nơi tập kết của Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 trước khi tiến vào giải phóng Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (tháng 4-1975), kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đứng trên vùng đất hào khí Đồng Nai, tôi nghe về một quá khứ oai hùng làm nên “địa linh nhân kiệt” nơi đây. Đó là cuộc Đồng khởi trên toàn miền Nam năm 1960 đã tạo ra một bước chuyển biến vô cùng quan trọng. Chiến khu Đ với vùng giải phóng rộng lớn của hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa được nối liền Nam Tây Nguyên và đường Trường Sơn, với Chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) sang vùng giải phóng Bến Cát (Thủ Dầu Một), nối qua sông Sài Gòn đến vùng giải phóng huyện Củ Chi. Ở vùng giải phóng, vùng tranh chấp, lực lượng chính trị của ta khá mạnh. Hình thái đấu tranh vũ trang ngày càng rõ nét và phát triển nhanh.

Từ tình hình đó, ngày 24-1-1961, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam đã xác định: *“Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị”*.

Bộ Chính trị quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ ủy Nam bộ. Trung ương Cục đặt tại Chiến khu Đ. Trung ương Cục miền Nam đã tích cực chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị. Ban Quân sự Miền do đồng chí Trần Văn Quang phụ trách quân sự, đồng chí Trần Nam Trung phụ trách chính trị.

Lễ thành lập Trung ương Cục được tổ chức long trọng tại Mã Đà. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được cử làm Bí thư Trung ương Cục, các đồng chí Phan Văn Đáng, Võ Chí Công làm Phó bí thư, các đồng chí Trần Lương (tức Trần Nam Trung), Phạm Văn Xô, Võ Văn Kiệt, Trần Văn Quang, Trương Chí Cương, Phạm Thái Bường, Nguyễn Đôn là Ủy viên. Căn cứ Trung ương Cục đóng tại suối Nhung.

Suối Nhung ngày tháng âm thầm chảy dưới đại ngàn, nay bỗng trở thành những địa danh lịch sử. Từ đây, những chủ trương, đường lối của cơ quan đầu não

chỉ đạo cuộc chiến tranh giải phóng được tỏa đi khắp nơi. Các chủ trương xây dựng phong trào, mệnh lệnh tác chiến cũng từ vị trí lịch sử này phát ra.

Thời gian đầu, Trung ương Cục miền Nam được Trung ương giao nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng từ Khu 5 trở vào, do đó Trung ương Cục chọn Chiến khu Đ mở rộng (khu A) – căn cứ nổi liền Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam bộ làm nơi đặt cơ quan lãnh đạo Trung ương Cục.

Tháng 3–1961, Trung ương Cục giao cho T1 (Khu miền Đông) nhiệm vụ xây dựng Khu A (gồm Chiến khu Đ cũ mở rộng đến đông đường 13, mang phiên hiệu C150). Đảng ủy Khu A chỉ đạo:

- Xây dựng khu A trở thành một căn cứ địa hoàn chỉnh.
- Mở rộng diện tích sản xuất trong căn cứ, dự trữ vật chất để đón cán bộ chiến sĩ từ Trung ương vào miền Nam chiến đấu.
- Tổ chức đường dây liên lạc, nổi liền Trường Sơn với các tỉnh...

Từ đây Chiến khu Đ ngày càng phát triển nổi liền hậu phương với miền Bắc qua đường Trường Sơn, cùng với căn cứ các tỉnh phía Đông tạo thành thế liên hoàn, là hậu phương chiến lược ở miền Đông Nam bộ.

Ngày 15–2–1961, Trung ương Cục triệu tập Hội nghị quân sự đặc biệt tại Chiến khu Đ, thống nhất các lực lượng vũ trang toàn miền thành Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Điềm qua những điềm mốc quan trọng thời kỳ thành lập Trung ương Cục miền Nam, ta thấy vùng căn cứ Khu ủy miền Đông – Mã Đà, Chiến khu Đ có một vị trí lịch sử hết sức quan trọng, mở đầu cho vị thế kháng chiến của miền Đông và những quyết định liên quan đến sự phát triển lực lượng vũ trang cách mạng toàn miền Nam.

Giờ đây, đứng trên mảnh đất một thời máu lửa, vào sinh ra tử, chứng kiến biết bao thăng trầm, biến động lịch sử của lớp cha anh đi trước, tôi vô cùng xúc động và tự hào. Tôi nhớ đồng chí Lê Đức Anh (nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch Nước) và đồng chí Võ Văn Kiệt (nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ) khi trở lại đây dù thời điềm khác nhau, hai đồng chí không cùng một lượt nhưng đều đã nói khái quát rất trùng hợp nhau về vùng căn cứ này, đại thể như sau: “Chiến khu Đ là căn cứ đứng chân quan trọng của các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến của cả Nam bộ trong suốt 2 thời kỳ kháng chiến. Chúng ta cần phải tái hiện lại căn cứ Mặt trận, Trung ương Cục...”. Ở đây anh hùng và gian khổ lắm. Cả hai đồng chí đều nhắc lại năm 1953, đồng chí Phạm Hùng – Bí thư Liên khu ủy miền Đông nói ở vùng này, được ăn cơm gạo với nước mắm ruốc, rau tàu bay ba ngày là “xa xỉ” lắm. Cần phải dựng lại những tượng đài

tiêu biểu của miền Đông Nam bộ trên những vị trí thuận lợi, kết hợp giáo dục lịch sử truyền thống với phát triển du lịch...

Đồng chí Nguyễn Văn Chí – nguyên Phó Bí thư Khu ủy miền Đông lại rất tâm đắc: Cần phải viết lại lịch sử miền Đông Nam bộ đúng với ý nghĩa suy tôn: **“Miền Đông gian lao mà anh dũng”**. Khu di tích đã được công nhận cấp quốc gia từ năm 1999. Cần khôi phục, tôn tạo để giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng cho các thế hệ.

Đồng chí Phan Văn Trang – nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, cũng thiết tha nói với tôi: “Muốn xây dựng lại khu di tích Trung ương Cục – Chiến khu Đ, trước hết phải xây dựng lại dân chúng ở đây. Họ là những người có công và một lòng chí cốt với cách mạng qua hai cuộc kháng chiến. Đảng và Nhà nước cần quan tâm chăm lo nâng cao đời sống của họ...”. Tôi liên tưởng ngay đến việc xây dựng khu định cư Tà Thiết – một công trình mang ý nghĩa chiến lược quốc phòng nhưng đầy tình nghĩa đối với đồng bào dân tộc ít người ở xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh. Những ý tưởng với nhãn quan trong sáng đầy tình người, được xã hội đồng thuận nhất định sẽ thành hiện thực... Đồng chí cho biết thêm: Đây là hậu phương trực tiếp tại chỗ của Nam bộ và Khu 6. Căn cứ nơi chúng ta đang đứng đã chỉ đạo mở màn cho chiến thắng lịch sử Phước Thành (9-1961).

Hòa bình đã ngót 30 năm, quang cảnh đã có nhiều biến đổi. Hôm đó, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các thế hệ đã có mặt tề tựu trên mảnh đất căn cứ Khu ủy miền Đông – Trung ương Cục, như Thượng tướng Bùi Thiện Ngộ (nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ – nay là Bộ Công an), đồng chí Trung tướng Nguyễn Thới Bưng (nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng), Lê Hoàng Quân (Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai), Hồ Thanh Tuyên (Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Tây Ninh), Chín Kỳ (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Long An), Lê Mười (Phó Tổng giám đốc Cao su miền Nam)... cũng như tôi đều tâm niệm, nhất trí phải xây dựng lại khu di tích lịch sử Chiến khu Đ để làm nơi giáo dục truyền thống yêu nước cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân về đạo lý *“uống nước nhớ nguồn”* song song với việc hoàn thành công trình Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam bộ từ năm 1945–1975 và đề xuất nên xây dựng tượng đài những đồng chí lãnh đạo xuất sắc như Thượng tướng Trần Văn Trà, Trung tướng Nguyễn Bình, Khu Bộ trưởng Huỳnh Văn Nghệ...

Sau khi nghe đồng chí Đỗ Thiện Tâm, Giám đốc Công ty Tư vấn và xây dựng Đồng Nai trình bày quy hoạch xây dựng Khu di tích kết hợp với du lịch sinh thái Chiến khu Đ rộng hàng chục ngàn ha, gồm các cụm căn cứ: khu “Miền Đông thu nhỏ”, khu bảo vệ động vật hoang dã, rừng gỗ quý, khu du lịch hồ Bà Hào, làng du lịch các dân tộc miền Đông... Với tư cách là người thừa kế thành quả của lớp cha anh đi trước, tôi nhiệt liệt ủng hộ việc tái tạo khu di tích quan trọng này, nhưng

phải khách quan, đúng với lịch sử của nó, cố gắng tránh việc “bê tông hóa” và các công trình hầm, hào, “đô thị hóa” khu vực di tích, đặc biệt không được làm nhiễm nguồn nước hồ Trị An.

Trong thời gian eo hẹp, tôi cùng đoàn cán bộ Quân khu 7 tiếp tục đi khảo sát khu căn cứ Quân khu miền Đông, cũng là một căn cứ quan trọng trong cụm căn cứ cách mạng Chiến khu Đ. Qua quan sát từng căn hầm, hố bom, giếng nước... tôi cảm thấy các chứng tích của một thời gian khổ, vinh quang đang mai một theo thời gian. Điều đó càng thôi thúc tôi và các đồng chí lãnh đạo sớm thực hiện những ý tưởng tốt đẹp về Chiến khu Đ mà tôi hằng tâm huyết.

Và hôm nay, khi viết những dòng này, căn cứ Khu ủy miền Đông – Trung ương Cục đang được khôi phục, tôn tạo đúng với tầm vóc lịch sử của nó, vừa để nối tiếp dòng chảy quá khứ, vừa là tôn vinh và tri ân những người con ưu tú đã vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất yêu thương này.

Đã biết bao năm tháng trôi qua, dấu tích của một thời căn cứ cũ đang mai một đi bởi sự vận hành của tự nhiên và bởi những chuyển đổi lớn lao của đất nước. Nhưng những gì thuộc về nội dung lịch sử Trung ương Cục – cơ quan lãnh đạo của Trung ương Đảng tại Nam bộ, lịch sử cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước sẽ không thể nào mất đi mà còn lại mãi mãi như một hằng số lịch sử. Và hằng số ấy trở thành một thứ tiềm lực to lớn góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam yêu quý của chúng ta.

Tháng 8 năm 2004

MÃ ĐÀ - CHIẾN KHU Đ NƠI HỘI TỤ, PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ CHỦ LỰC MIỀN

BỘ TƯ LỆNH QUÂN ĐOÀN 4

Chiến khu Đ nằm trong khu tứ giác thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Thuận, Lâm Đồng. Đây là vùng rừng núi, đồi bằng. Địa hình được nối dài từ miền Đông Nam Bộ lên vùng núi Tây Nguyên với dãy Trường Sơn chạy về phía Bắc và nối xuống phía Đông tiếp giáp với Bà Rịa – Vũng Tàu, có bờ biển Đông... Địa hình miền Đông Nam bộ trong chiến tranh có vị trí chiến lược cho cho cả Nam bộ, thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ, tiếp nhận dự trữ cơ sở vật chất theo đường bộ từ miền Bắc vào, đường biển và đồng bằng lên. Đồng thời, thuận lợi cho việc xây dựng và tác chiến của bộ đội chủ lực và cơ động thực hành đánh tiêu diệt lớn, là bàn đạp bao vây, uy hiếp và tiến công Sài Gòn.

Xuất phát từ vị trí chiến lược quan trọng đó, sau thắng lợi của phong trào Đồng khởi 1960, thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3 (tháng 9 năm 1960) về cách mạng miền Nam, ngày 31 tháng 1 năm 1961, Bộ Chính trị quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam, căn cứ bố trí tại Chiến khu Đ, thay cho Xứ ủy Nam bộ cũ để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam và để chuyển từ hình thức: “... đấu tranh vũ trang trước đây nhằm để tự vệ, nay cần nâng lên nhiệm vụ tấn công tiêu diệt sinh lực địch” để làm thất bại chính sách thống trị thực dân kiểu mới của Mỹ-ngụy.

Ra đời trong phong trào “Đồng khởi”, lực lượng vũ trang ở miền Nam phát triển nhanh chóng. Trước tình hình đó, thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, ngày 15 tháng 2 năm 1961, tại Chiến khu Đ, thuộc tỉnh Biên Hòa, Hội nghị Quân sự Miền được tổ chức, đã chính thức thống nhất các lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam thành ***Quân Giải phóng miền Nam***, là một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam do Ban Quân sự Miền chỉ đạo, với danh nghĩa do Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam sáng lập, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm tăng cường lực lượng cho cách mạng miền Nam, đáp ứng yêu cầu của lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam đang phát triển nhanh chóng, nhu cầu về cán bộ lãnh đạo, chỉ huy và vũ khí – trang bị trong các lực lượng vũ trang, đặc biệt là bộ đội tập trung ở miền Nam ngày càng lớn, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh chỉ đạo mở đường đẩy mạnh tiếp tế chi viện, tăng cường lực lượng cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

Sau 3 tháng làm công tác tổ chức chuẩn bị, đầu năm 1961, đoàn cán bộ khung của Trung đoàn chủ lực đầu tiên với mật danh “Đoàn 562”, xuất phát từ Xuân Mai (Hà Đông), bí mật hành quân vượt Trường Sơn, ngày 27 tháng 3 năm 1961 vào đến Chiến khu Đ, thuộc tỉnh Biên Hòa, miền Đông Nam bộ. Trên cơ sở khung cán bộ này và số quân tuyển tại các tỉnh, thành miền Đông, miền Tây Nam bộ, ngày 2 tháng 9 năm 1961, hai tiểu đoàn bộ binh 1, 2 chủ lực đầu tiên của Quân Giải phóng miền Nam trên chiến trường Nam bộ, cực Nam Trung bộ (B2) được thành lập với biên chế mỗi tiểu đoàn gồm 126 cán bộ, chiến sĩ, trang bị hơn 100 khẩu súng, phần lớn là súng bộ binh do các nước tư bản chế tạo. Hai tiểu đoàn bộ binh 1, 2 trực tiếp do Quân ủy, Ban Quân sự Miền lãnh đạo, chỉ đạo.

Trong buổi lễ ra mắt Trung ương Cục và nhân dân Chiến khu Đ, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã đến dự và căn dặn: *“Nước ta còn nghèo, dân ta đang bị áp bức, bóc lột, nên người và vũ khí chỉ có bấy nhiêu, các đồng chí hãy lấy đó làm vốn rồi liên hệ với địa phương xin thêm người tổ chức và huấn luyện cho tốt để gấp rút ra chiến đấu, hỗ trợ phong trào”*.

Cán bộ, chiến sĩ hai tiểu đoàn xin thề dưới lá cờ của Tổ quốc, xin hứa với Trung ương Cục - Ủy ban Trung ương Mặt trận, Quân ủy và Ban Quân sự Miền: *“Sẽ chiến đấu đến cùng vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc”*.

Ra đời, hình thành và phát triển trong phong trào Đồng khởi 1960–1961, tuy là những tiểu đoàn tập trung mới thành lập, nhưng đã lập thành tích trong các trận đánh qui mô cấp tiểu đoàn diệt cấp trung đội địch, như trận Cần Lê (tháng 9–1961), Bến Cầu (20–11–1961), Bồ Túc (10–1961), Suối Đa (21–11–1961).

Tuy mới là những trận đánh nhỏ, số lượng địch bị diệt chưa nhiều, nhưng là những trận đánh có ý nghĩa chính trị và ảnh hưởng tốt trong khu vực căn cứ, hỗ trợ phong trào cách mạng ở các địa phương diệt ác, pha kềm, giành quyền làm chủ ở các địa phương có điều kiện phát triển. Truyền thống: *“Chiến thắng trận đầu”*, *“Đã ra quân là chiến thắng”* của bộ đội chủ lực miền Đông, trong kháng chiến chống Mỹ, cũng hình thành từ những trận đánh này và là cơ sở kinh nghiệm cho những trận đánh sau, chiến dịch sau được hoàn thiện, hiệu quả hơn.

*

Tháng 10 năm 1961, tại đồi 300 thuộc Chiến khu Đ (nay thuộc xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai), các cán bộ chủ chốt của các Quân khu, các địa phương và lực lượng vũ trang đã tập trung về dự Hội nghị Trung ương Cục mở rộng lần thứ nhất. Hội nghị đã nghiên cứu, quán triệt triển khai nghị quyết Trung ương Đảng: *“Coi trọng đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều là cơ sở để tạo*

điều kiện và thời cơ tiến công Tổng khởi nghĩa”.⁽¹⁾ Với phương châm chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương là: *Đẩy mạnh tác chiến du kích, kết hợp với tác chiến tập trung đánh vận động, nâng cao mức tiêu hao, tiêu diệt địch, tích cực hỗ trợ phong trào quần chúng, nổi dậy tiến công phá “áp chiến lược”, xây dựng làng chiến đấu, đánh bại các kế hoạch “bình định” của địch...*

Cũng từ đây, phương thức hoạt động, hệ thống tổ chức lãnh đạo, chỉ huy quân sự ở các cấp được củng cố hoàn chỉnh. Trung ương Cục miền Nam và các cấp ủy địa phương đã rút kinh nghiệm, chú trọng xây dựng nâng cao chất lượng các đơn vị lực lượng vũ trang. Nhiều đảng viên có kinh nghiệm được bổ sung vào làm nòng cốt xây dựng Quân đội. Cuối năm 1961, số đảng viên trong các đơn vị bộ đội tập trung chiếm 50% số đảng viên toàn Đảng bộ. Hệ thống công tác Đảng, công tác chính trị được tổ chức chặt chẽ từ cấp trên xuống dưới, ở mỗi đại đội đều có Chi bộ Đảng. Ngày 9 tháng 2 năm 1962, thực hiện quyết định của Quân ủy, Ban Quân sự Miền, Trung đoàn bộ binh 1, Trung đoàn đầu tiên của Nam bộ và cục Nam Trung bộ chính thức làm lễ ra mắt với mật danh Q761.

Đồng thời, để tiếp tục tăng cường lực lượng cho miền Nam, ngày 22 tháng 12 năm 1961, tại Xuân Mai (Hà Đông), Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Trung đoàn bộ binh 2 và điều động ngay vào chiến trường Nam bộ. Sau gần 3 tháng hành quân bộ lần lượt vượt Trường Sơn, các đơn vị Trung đoàn bộ binh 2 đã đến Mã Đà, Chiến khu Đ. Tháng 6 năm 1962, Trung đoàn bộ binh 2 làm lễ ra mắt Trung ương Cục, Quân ủy, Ban Quân sự Miền và nhân dân trong căn cứ. Đây là một trung đoàn thực binh hoàn chỉnh đầy đủ biên chế quân số, trang bị đầu tiên hành quân từ miền Bắc vào được mang mật danh Q762.

Trung đoàn bộ binh 1, 2⁽²⁾, là hai trung đoàn chủ lực đầu tiên của quân đội ta trực thuộc Ban Quân sự Miền ra đời, hoạt động ở chiến trường Nam bộ và cục Nam Trung bộ (B2). Trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, với điều kiện xây dựng, củng cố trong thời gian gấp, địa bàn hoạt động tác chiến của hai trung đoàn có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng, là nơi xác định ta và địch sẽ độ sức quyết liệt, sẽ diễn ra những trận quyết chiến, chiến lược. Bởi lẽ địa bàn này sát nách Sài Gòn, thủ đô đầu não của ngụy quyền cùng với các căn cứ lớn của địch và sân bay chiến lược, tổng kho Long Bình... của Mỹ ở Biên Hòa... Trong khi đó, nhiệm vụ của hai trung đoàn vừa bảo vệ căn cứ Trung ương Cục, nơi mà địch cho là cái gai trước mắt cần phải nhổ, vừa phải cùng với các lực lượng vũ trang, nhân dân địa phương thực hiện chống “*Chiến tranh đặc biệt*” của Mỹ-ngụy, trong điều kiện xa hậu phương lớn, sự chi viện có hạn. Điều đó đã thể hiện ý chí,

¹ Trích Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục lần thứ nhất.

² Nay trực thuộc Sư đoàn 9, Quân đoàn 4.

quyết tâm rất cao của Đảng, nhân dân, quân đội ta trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nó cũng khẳng định vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc ngay từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đồng thời thể hiện đường lối độc lập, tự chủ của Đảng ta.

Để duy trì ách thống trị thực dân mới, Đế quốc Mỹ không thể tiếp tục các thủ đoạn hình thức biện pháp cũ mà buộc phải dùng chiến tranh với chiến lược mới gọi là: “*Chiến tranh đặc biệt*”. Các kế hoạch Stalây–Taylo và sau đó là kế hoạch Giônxon–Mắc Namara lần lượt đời. Mở đầu chiến lược này bằng kế hoạch Stalây–Taylo ở giai đoạn 1, quyết bình định miền Nam trong vòng 18 tháng bằng nhiều biện pháp. Trong đó, biện pháp chủ yếu nhất là gom dân, lập “ấp chiến lược” hòng “tát nước, bắt cá”, đánh phá các cơ sở cách mạng ở vùng nông thôn, miền núi của ta; tăng cường lực lượng nguy quân và lực lượng yểm trợ Mỹ nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang non trẻ của cách mạng miền Nam; lập các cứ điểm ở biên giới nhằm ngăn chặn xâm nhập từ bên ngoài vào. Để thực hiện kế hoạch trên, từ tháng 3 đến tháng 10 năm 1962, Mỹ–ngụy đã huy động quân chính quy, trang thiết bị hiện đại, do các cố vấn Mỹ chỉ huy mở liên tiếp các cuộc hành quân càn quét với quy mô lớn, dài ngày ở miền Đông Nam bộ bằng cuộc càn mang tên: “*Chiến dịch Mặt trời mọc*” với sự tham gia của 8.000 quân chủ lực của 3 sư đoàn bộ binh 5, 7, 21 cùng 50 máy bay lên thẳng, gần 100 xe thiết giáp M113 và toàn bộ lực lượng bảo an dân vệ trên địa bàn. Phạm vi càn quét trải khắp ở các tỉnh: Bình Dương, Phước Thành, Biên Hòa, Phước Tuy, Bình Long, Tây Ninh nhằm tiêu diệt bộ phận đầu não của “Cộng sản” đang phát triển, tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng khi hãy còn trúng nước, chia cắt Chiến khu Dương Minh Châu với Chiến khu Đ, dồn dân ở vùng căn cứ của ta về sống trong các “ấp chiến lược”, nằm ven đường giao thông để dễ bề kiểm soát, làm trong sạch địa bàn các tỉnh lân cận ngoại vi Sài Gòn.

Đối phó với âm mưu và thủ đoạn chiến tranh mới của địch, Trung ương Cục và Ban Quân sự Miền chủ trương: “*Phát động một cuộc chiến tranh nhân dân, lấy cơ sở là xã, ấp và lực lượng nông cốt là du kích, tự vệ*”. Nghị quyết Trung ương Cục tháng 5 năm 1962 chỉ đạo: Nhiệm vụ của tất cả lực lượng vũ trang là phải ra sức tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, nhưng trước mắt đòi hỏi phải hỗ trợ phong trào quần chúng phá “ấp chiến lược” và “chống càn” nên Ban Quân sự Miền đã điều động cả 2 trung đoàn chủ lực về hoạt động ở một số vùng nông thôn và đồng bằng.

Thời gian đầu, với phương thức phá “ấp chiến lược” bằng lực lượng quần chúng ở trong ấp nổi dậy (nội công) phối hợp với bộ đội và du kích ở bên ngoài đánh vào (ngoại kích) có kết quả, hàng loạt “ấp chiến lược” do địch mới lập đã bị ta phá tan. Nhưng khi địch chuyển sang càn quét lớn, dài ngày và dùng bom pháo đánh phá ác liệt, hỗ trợ cho lực lượng bảo an, dân vệ đi gom dân, giữ ấp, xây dựng tháp canh, hào lũy kiên cố hơn thì nhiều nơi phong trào bị chững lại. Bộ đội địa

phương và du kích đã không đủ sức đối phó với quân chủ lực có cố vấn quân sự và phương tiện bảo đảm của Mỹ hỗ trợ với chiến thuật “Trục thẳng vận”, “Thiết xa vận”. Trong khi đó, lực lượng vũ trang tập trung của ta mới có 2 trung đoàn chủ lực, một đơn vị vừa mới được tổ chức, một đơn vị mới hành quân bộ từ miền Bắc vào, chưa có thời gian củng cố, tổ chức huấn luyện, làm quen chiến trường. Các đơn vị lại phải thường xuyên di chuyển để tránh phi pháo và đối phó với các cuộc hành quân càn quét của địch, vừa phải bám nắm tình hình, tham gia chống địch càn quét, bảo vệ căn cứ Đường dây 559 mới mở. Có lúc, địch phong tỏa các ngã đường vận chuyển tiếp tế, nên các đơn vị gặp rất nhiều khó khăn. Có thời gian, bộ đội phải ăn cháo một tuần liền. Mỗi bữa, một tiểu đội được chia 1 đến 2 lon gạo nấu với măng rừng. Vũ khí, súng đạn lại thiếu, nhất là vũ khí diệt máy bay và xe bọc thép.

Được sự chỉ đạo của Ban Quân sự Miền, trung đoàn 1 và 2 đã tổ chức phân tán tham gia một số trận đánh nhỏ bằng chiến thuật *vận động chiến* và *công kiên chiến* tiêu diệt đồn địch, chống địch càn quét, bảo vệ và mở rộng căn cứ, hỗ trợ nhân dân khu vực căn cứ phá ấp chiến lược như trận Bù Đăng (tháng 8-1962), Suối Rạt (9-1962), Bàu Buông...

Sau gần 8 tháng càn quét chà đi, xát lại từng khu vực hỗ trợ cho việc gom dân, lập ấp, nhưng chưa thu được kết quả lớn là tiêu diệt Chiến khu Đ, nơi có Trung ương Cục và các cơ quan đầu não ta đang ở, địch tuyên bố: “Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất”; “Chiến khu Đ mất - Sài Gòn còn”. Từ ngày 20 tháng 11 năm 1962 đến đầu năm 1963, địch mở chiến dịch “Thu Đông”, huy động đến 15 tiểu đoàn bộ binh, 56 máy bay trực thăng (có 200 quân Mỹ bảo đảm tiếp tế và lái máy bay) đánh vào Chiến khu Đ. Tuy mật độ, lực lượng càn quét của cuộc hành quân lần này cao hơn lần trước, nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục, Quân ủy, Ban Quân sự Miền, địch đi đến đâu cũng bị quân, dân Chiến khu Đ đánh trả quyết liệt. Các cơ quan chỉ huy lãnh đạo vẫn trụ vững. Địch điên cuồng mở chiến dịch “200 tấn bom”, dùng không quân đánh phá căn cứ địa của Trung ương Cục và Ban Quân sự Miền, rải chất độc hóa học xuống vùng Chiến khu Dương Minh Châu, Chiến khu Đ, rừng Sác.

Bằng biện pháp tăng quân, viện trợ nhiều vũ khí, trang bị kỹ thuật mới cho quân ngụy như máy bay trực thăng, thiết giáp với số lượng năm sau gấp đôi năm trước, quy mô càn quét từ cấp tiểu đoàn năm 1960 lên cấp sư đoàn năm 1962, Mỹ-ngụy tưởng rằng sẽ “bình định” miền Nam trong 18 tháng, sẽ tiêu diệt căn cứ kháng chiến và lực lượng vũ trang của ta ở các chiến khu cách mạng. Nhưng các chiến thuật mới của địch đã bị quân và dân ta đánh bại. Ta đã xây dựng lực lượng vũ trang 3 thứ quân, từng bước trưởng thành, hỗ trợ và phối hợp với phong trào phá ấp chiến lược của quần chúng, nhân dân, góp phần cùng toàn miền Nam làm phá sản kế hoạch Stalây-Taylo “bình định” miền Nam trong 18 tháng trên 3 vùng

chiến lược, hỗ trợ tích cực phong trào đấu tranh ở đô thị, đẩy địch vào thế bị động cả về chính trị và quân sự, buộc địch phải thay ngựa giữa đường.

Tuy nhiên, Trung ương Cục, Quân ủy và Ban Quân sự Miền cũng thấy rằng: Việc xây dựng lực lượng vũ trang 3 thứ quân của ta chưa cân đối, chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc chiến tranh ngày càng lên cao. Đặc biệt là bộ đội chủ lực Miền, chưa thực sự là quả đấm mạnh.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về: “Củng cố và mở rộng căn cứ, tích cực xây dựng và phát triển lực lượng ta về mọi mặt... để tiến lên xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh cùng với toàn dân đánh bại chiến lược: “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ”, trên tinh thần đó, lực lượng vũ trang 3 thứ quân đã được Trung ương Cục, Quân ủy, Ban Quân sự Miền tập trung xây dựng. Đối với các đơn vị chủ lực cơ động, ngoài các trung đoàn bộ binh 1, 2 đã có, các trung đoàn 3, 4, 5 cũng được hình thành, trên cơ sở số quân tuyển tại các địa phương Nam bộ, các đơn vị thực binh từ hậu phương lớn miền Bắc cùng với vũ khí, trang bị, vật chất bổ sung vào Nam hàng năm với số lượng ngày càng cao. Quân Giải phóng miền Nam từng bước phát triển mạnh lên quy mô cấp sư đoàn. Vào những năm 1965, 1966, khi đế quốc Mỹ chuyển chiến lược từ “*Chiến tranh đặc biệt*” sang “*Chiến tranh cục bộ*” ở miền Nam Việt Nam, các sư đoàn bộ binh 9, 5, 7, cũng được ra đời tại Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu vào thời điểm này.

Vừa xây dựng, vừa chiến đấu dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục, Ban Quân sự Miền, các đơn vị chủ lực đã phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân lập nên những chiến thắng: Bình Giã (Đông Xuân 1964–1965), Đồng Xoài (6–1965), Lai Khê, Đất Cuốc (1965), Bàu Bàng (3–1966); Gian-xon Xity (1967), Mậu Thân (1968), chiến dịch Nguyễn Huệ (1972)... Và đến giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, lực lượng vũ trang ta đã phát triển đến quy mô cấp quân đoàn, tạo được thế mạnh áp đảo, sức cơ động cao, khả năng sử dụng phương tiện kỹ thuật và phương tiện chiến tranh khá, đã cùng toàn dân, toàn quân bước vào cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân 1975, với chiến thắng Xuân Lộc, Long Khánh, Định Quán, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (tháng 4–1975) giải phóng thành phố Biên Hòa, tiến về giải phóng Sài Gòn – Gia Định, góp phần giành thắng lợi hoàn toàn cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Quá trình hình thành, phát triển và chiến thắng của các lực lượng vũ trang toàn quân nói chung, các đơn vị quân giải phóng miền Nam nói riêng, đã chứng minh sự đúng đắn, sáng tạo của đường lối quân sự, đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Bộ Chính trị, của Trung ương Cục. Đường lối đó từ trước đến nay, từ nay về sau, mãi mãi vẫn là ngọn cờ “trăm trận - trăm thắng” của quân đội ta. Vì đường lối đó được bắt nguồn từ những quan điểm quân sự cơ bản: Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang về kháng chiến toàn dân, vũ trang toàn dân... nên trong

suốt từ những năm đầu kháng chiến chống Mỹ đến lúc kết thúc chiến tranh, quân dân ta đã lập nên những chiến công chói lọi, góp phần lập nên truyền thống “**Miền Đông gian lao mà anh dũng**”, “**Hào khí Đồng Nai**”, với Chiến khu Đ, với rừng Sác, nơi đó có Trung ương Cục, Quân ủy – Ban Quân sự Miền đã một thời chỉ đạo lập nên những chiến tích để góp phần giành độc lập tự do của Tổ quốc.

Trong thực tế thời kỳ đấu tranh chống Mỹ, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Quân Giải phóng miền Nam đã được Trung ương Cục lãnh đạo, chỉ đạo vận dụng sáng tạo việc xây dựng, phát triển lực lượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ tình hình của cách mạng miền Nam. Quá trình hình thành và phát triển các lực lượng vũ trang nói chung, các đơn vị chủ lực nói riêng đều qua từng bước: từ thấp đến cao, phù hợp với quy luật phát triển của đấu tranh vũ trang, từ chiến tranh du kích phát triển lên chiến tranh chính quy và kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, phù hợp với cách đánh của ta từ đánh nhỏ, đánh vừa lên đánh lớn, đánh hiệp đồng binh chủng với quy mô ngày càng lớn.

Ở những năm đầu của cuộc Đồng khởi, Trung ương Cục, Quân ủy và Ban Quân sự Miền đã kịp thời chuyển thể chiến lược: “*Từ đấu tranh chính trị, giữ gìn lực lượng cách mạng chuyển sang tiến công, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.*” Trên cơ sở phát động, thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân rộng khắp, xây dựng lực lượng dân quân du kích mọi nơi gắn với xây dựng bộ đội địa phương càng ngày càng mạnh. Có bộ đội địa phương vững mạnh, bộ đội chủ lực có điều kiện thuận lợi để xây dựng và tác chiến cơ động trên các chiến trường, vừa tiêu hao, tiêu diệt lớn quân địch, vừa giữ gìn phát triển lực lượng ta, bảo đảm đánh lâu dài, đáp ứng yêu cầu phát triển nhảy vọt của chiến tranh khi thời cơ đến.

*

Ngày nay, đất nước đã được độc lập thống nhất. Lực lượng vũ trang ta đang xây dựng được kế thừa những kinh nghiệm, truyền thống ở chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc của những thập kỷ trước. Đồng thời, được tiếp cận những tri thức khoa học quân sự mới, được xây dựng trên nền quốc phòng toàn dân trong công cuộc xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới của Đảng. Vì thế, lực lượng vũ trang của ta đã tạo ra bước chuyển biến mới trên các lĩnh vực.

Tuy nhiên, chúng ta cũng đang đứng trước những thách thức lớn. Trước tình hình diễn biến khá phức tạp trên thế giới và khu vực trong những năm qua như: Tình hình xung đột sắc tộc, tôn giáo, ly khai, khủng bố... ở một số nơi. Đặc biệt, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang ráo riết thực hiện âm mưu chiến lược: “*Diễn biến hòa bình - Bạo loạn lật đổ*” với Việt Nam, trong đó tập trung phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, tách lực lượng vũ trang ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng, phủ nhận lịch sử, phủ nhận quá trình đấu tranh giành độc lập của quân và dân ta trong các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Địa bàn miền Đông Nam Bộ

và tỉnh Đồng Nai là trọng điểm phá hoại của địch, có thời cơ địch sẽ lợi dụng và can thiệp vũ trang vào. Tình hình đó đòi hỏi toàn quan, toàn dân phải đề cao cảnh giác cách mạng, giữ vững ổn định chính trị, làm tốt nhiệm vụ xây dựng kinh tế, cải thiện đời sống, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng của lực lượng vũ trang, ngăn chặn, đập tan âm mưu và hành động “Diễn biến hòa bình - Bạo loạn lật đổ” của địch. Trước hết phải xây dựng quân đội và công an ngày càng vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Thương xuyên chăm lo giáo dục ý thức quốc phòng cho nhân dân, đặc biệt với tầng lớp thanh thiếu niên, sinh viên, học sinh. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng đất nước với bảo vệ Tổ quốc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng làm cho kinh tế và quốc phòng đều mạnh. Kinh tế mạnh tạo thuận lợi cho quốc phòng, cho quân đội phát triển. Kết hợp quốc phòng toàn dân với an ninh nhân dân để xử lý tốt các tình huống có thể xảy ra. Giáo dục cho quần chúng nhân dân và lực lượng vũ trang từng địa phương, từng đơn vị phát huy truyền thống của địa phương, đơn vị, có ý thức bồn phận củng cố, vun xới, tôn tạo để di sản truyền thống đó (như Chiến khu Đ, như Rừng Sác) mãi mãi tồn tại. Đó là bồn phận, trách nhiệm của mọi cấp, mọi ngành, của mọi công dân và cũng là đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn*” của dân tộc Việt Nam.

VAI TRÒ CỦA CĂN CỨ ĐỊA KHÁNG CHIẾN QUA SỰ KIẾN THÀNH LẬP TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ THỜI KỲ 1961 – 1962

TRỊNH VƯƠNG HỒNG (*)

Phong trào Đồng khởi nổ ra trên khắp miền Nam trong năm 1960 đã tạo nên một bước phát triển mạnh mẽ về thế và lực của cách mạng miền Nam. Nó giáng một đòn chí mạng vào chế độ độc tài phát xít Ngô Đình Diệm, đánh dấu thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ-Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu. Tuy nhiên, thắng lợi của ta mới chỉ là bước đầu. Bởi lẽ Mỹ Diệm quyết dùng bạo lực để tiêu diệt phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam bằng quyết định chuyển sang thực hiện chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”. Và bởi vậy, từ năm 1961, phong trào cách mạng miền Nam đang đứng trước những đòi hỏi của tình hình mới và nhiệm vụ mới. Chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 31-1-1961 chỉ rõ “*Phải ra sức xây dựng mau chóng lực lượng của ta về cả chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng trong Mặt trận Dân tộc giải phóng, phát động một phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo tồn và phát triển lực lượng ta, làm tan rã chính quyền và lực lượng địch trên phạm vi ngày càng rộng lớn, tiến lên làm chủ vùng rừng núi, giành lại toàn bộ đồng bằng, ra sức xây dựng cơ sở và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở đô thị, tạo điều kiện và nắm mọi thời cơ đánh đổ Mỹ-Diệm, giải phóng miền Nam.*”⁽¹⁾ Tiếp đó, ngày 7-2-1961, đồng chí Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn, trong bức điện gửi cho các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Xứ ủy Nam bộ, nói rõ thêm về *con đường tiến lên của cách mạng miền Nam*. Con đường đó là “*khởi nghĩa bộ phận, lập căn cứ địa, có chiến tranh du kích rồi tiến lên tổng khởi nghĩa*”⁽²⁾. Qua phân tích, đánh giá tình hình trên cơ sở báo cáo của Xứ ủy Nam bộ, đồng chí Lê Duẩn nhận xét: “*Chúng tôi thấy ý kiến (của lãnh đạo, chỉ huy Xứ ủy Nam bộ – TVH) nắm thời cơ tiến lên tổng khởi nghĩa được nhấn mạnh; trái lại chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa thì không được quán triệt đầy đủ...*”⁽³⁾ Liên hệ từ thực tiễn cuộc kháng chiến chống Pháp, đồng chí nhấn mạnh: “*Trong mấy năm kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ, chính vì xem nhẹ việc xây dựng căn cứ địa, cho nên mặc dù quân số*

* Thiếu tướng, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Viện trưởng Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

¹ Xem Viện Mác-Lênin – Viện Lịch sử Đảng: *Những sự kiện Lịch sử Đảng. Tập III (về kháng chiến chống Mỹ cứu nước) (1954-1975)*. Nxb Thông tin lý luận. H., 1985, tr 213, 214, 215.

^{2,3} Lê Duẩn. *Thư vào Nam*. In lần thứ hai. Nxb Sự thật, Hà Nội 1986, tr 31.

không ít, Nam bộ vẫn không xây dựng nổi trung đoàn, sư đoàn, không tiêu diệt được sinh lực lớn của địch. Khi ra Bắc và qua nghiên cứu kinh nghiệm cách mạng của một số nước anh em, tôi càng thấy rõ vấn đề xây dựng căn cứ địa, xây dựng thực lực của ta, tiêu diệt lực lượng địch có tầm quan trọng đặc biệt làm thay đổi tương quan lực lượng, bảo đảm cho cách mạng thành công.”⁽¹⁾ Vì thế, theo đồng chí: “Hiện nay, về lực lượng chính trị có thể nói ta chiếm ưu thế tuyệt đối đối với Mỹ – Diệm. Nhưng về lực lượng vũ trang thì ta kém hơn địch nhiều. Chúng ta chưa đủ lực lượng làm chủ Tây Nguyên, một địa bàn trọng yếu đóng vai trò xương sống chiến lược cho toàn bộ chiến trường miền Nam. Chúng ta cũng chưa đủ lực lượng làm chủ được đồng bằng Nam bộ, đồng bằng khu V, kể cả thị trấn. Trong tình hình đó, nếu có điều kiện thuận lợi cho phép khởi nghĩa thành công, làm chủ thành thị, thì chúng ta cũng không thể giữ được, mà phải rút ra để chiến đấu lâu dài. Chỉ khi nào ta tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, làm chủ hoặc có điều kiện làm chủ các vùng chiến lược thì cuộc tổng khởi nghĩa và tổng công kích mới chắc chắn giành thắng lợi.”⁽²⁾ Tóm lại, trong quá trình lãnh đạo cách mạng nói chung và từ đầu năm 1961 trở đi nói riêng, Đảng ta luôn coi việc xây dựng căn cứ địa kháng chiến là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn với cách mạng miền Nam.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, trong hai tháng 8 và 9 năm 1961, Trung ương Cục, Đảng ủy và Ban Quân sự Miền tổ chức nhiều cuộc họp, thảo luận các phương án tổ chức, xây dựng căn cứ đứng chân cho các cơ quan đầu não cách mạng miền Nam. Trung ương Cục chủ trương phải gấp rút củng cố, xây dựng hoàn chỉnh hai khu căn cứ kháng chiến: Khu A⁽²⁾ (Chiến khu Đ) và khu B (Chiến khu Dương Minh Châu) nhằm đẩy nhanh bước phát triển của cách mạng miền Nam.

Chiến khu Đ (thống nhất gọi khu A là Chiến khu Đ – TVH) ra đời vào tháng 2–1946, khi cuộc kháng Pháp lần thứ hai của quân và dân Nam bộ vừa nổ ra được 5 tháng. Địa bàn Chiến khu là một dải núi rừng bạt ngàn từ cao nguyên miền Trung đến biên giới Việt Nam – Campuchia, vòng xuống giáp giới với thành phố Sài Gòn và các đô thị Biên Hòa (nay là thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai), Thủ Dầu Một. Hai con sông Đồng Nai về phía Nam, sông Bé về phía Tây tạo thành hệ thống hào tự nhiên vòng ôm trọn Chiến khu Đ. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Chiến khu Đ trở thành khu vực lý tưởng cho việc xây dựng căn cứ, cất giấu lực lượng và là bàn đạp quân sự uy hiếp các mục tiêu quân sự, kinh tế, chính trị của địch ở Sài Gòn và các tỉnh miền Đông Nam bộ. Cố nhiên, Chiến khu Đ trở thành tâm điểm đánh phá của kẻ thù hòng đoạt lấy địa bàn chiến lược này và đi tới thủ tiêu phong trào kháng chiến của quân và dân ta ở miền Đông Nam bộ. Dù vậy, căn cứ Chiến

^{1,2} Lê Duẩn, sách đã dẫn.

² Tên gọi khác của Chiến khu Đ sau Đồng khởi.

khu Đ vẫn trụ vững và đây lại chính là nơi ra đời và phát triển của lực lượng chủ lực Miền trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tháng 12-1960, Xứ ủy Nam bộ (kể từ sau ngày 23-1-1961⁽¹⁾, xin gọi Trung ương Cục thay cho Xứ ủy Nam bộ – TVH) ra chỉ thị thành lập *Đảng ủy Chiến khu Đ*, gồm các đồng chí Nguyễn Văn Thước (Lâm Quốc Đăng) – Bí thư, Sáu Chuông, Hồng Sơn, Năm Ninh, Mười Bi (bổ sung sau), trực tiếp chỉ đạo xây dựng Chiến khu Đ thành căn cứ địa hoàn chỉnh. Xây dựng Chiến khu Đ trong điều kiện mới phải đáp ứng được các yêu cầu: mở rộng diện tích đất sản xuất, tăng nguồn dự trữ vật chất để tiếp nhận cán bộ chiến sĩ từ miền Bắc vào; xây dựng lực lượng vũ trang tập trung cơ động từ 1 đến 2 tiểu đoàn; tổ chức lực lượng du kích bảo vệ sản xuất và đường dây giao liên từ đường 14 Đồng Xoài xuống Vĩnh An, Cây Gáo và nối liền với đường dây giao liên từ miền Bắc vào; tích cực vận động đồng bào dân tộc ít người tham gia sản xuất, kháng chiến và bảo vệ căn cứ. Lúc này Chiến khu Đ được mở rộng về hướng Bắc và Đông Bắc, bao gồm: Đồng Nai, Bình Long, Phước Long và Quảng Đức, nằm giữa Tây Nguyên và Nam bộ.⁽²⁾

Tháng 9-1961, Chiến khu Đ đón thêm cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc vào, quân số lên đến 3.000 người (cuối năm 1960 là 1.000 người). Quy mô và tốc độ xây dựng căn cứ Chiến khu Đ đã có bước phát triển mới. Do vậy, Trung ương Cục quyết định chuyển công tác lãnh đạo, chỉ huy Chiến khu về Đảng ủy và Ban quân sự Miền (Chiến khu Đ mang phiên hiệu U 50). Công tác tổ chức, đảm bảo hậu cần đặt dưới sự quản lý của ngành hậu cần Miền.

Như vậy, việc mở rộng về quy mô và sự hình thành cơ quan lãnh đạo khu căn cứ đánh dấu bước phát triển mới trong tổ chức và xây dựng Chiến khu Đ. Đó là bước chuẩn bị quan trọng, đảm bảo chỗ đứng chân của cơ quan đầu não của cách mạng miền Nam, bảo đảm cho các cơ quan này trụ vững trước sự đánh phá của địch, kiên toàn tổ chức, chỉ đạo kịp thời phong trào kháng chiến ở miền Nam trong giai đoạn cách mạng mới. Trên thực tế, đầu tháng 10-1961, sau một thời gian chuẩn bị về nhân sự, tại xã Bù Cháp – Lý Lịch (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai ngày nay), diễn ra Hội nghị lần thứ nhất chính thức thành lập Trung ương Cục miền Nam. Cũng trên mảnh đất này, một số cơ quan thuộc Trung ương Cục như: Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam, Ban Bảo vệ Trung ương Cục, Ban Tuyên huấn Trung ương Cục, Ban Tổ chức Trung ương Cục, Ban Giao-Bu-

¹ Ngày Bộ Chính trị họp, ra quyết định thành lập Trung ương Cục thay cho Xứ ủy miền Nam.

² Xem Bộ Tư lệnh Quân khu 7 – Tỉnh ủy Sông Bé – Tỉnh ủy Đồng Nai: *Lịch sử Chiến khu Đ*, Nxb Đồng Nai, Nxb Sông Bé, 1987, tr 150, 151.

Vận Trung ương Cục, Đài Phát thanh Giải phóng đã lần lượt thành lập.⁽¹⁾ Bên cạnh đó, đơn vị chủ lực quy mô trung đoàn (Q 761) đầu tiên của lực lượng vũ trang Nam bộ cũng ra đời tại Chiến khu Đ.

Vào cuối năm 1961, tình hình miền Nam có những bước chuyển biến mau lẹ. Phong trào cách mạng của nhân dân ta dâng cao. Trước tình hình đó, chính quyền Tổng thống Mỹ J. Kennody quyết định chuyển sang chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”, thực hiện kế hoạch Stalây–Taylo, hòng đè bẹp phong trào cách mạng miền Nam trong vòng 18 tháng.

Trước âm mưu thủ đoạn đối phó của địch, cuối tháng 2–1962, Bộ Chính trị họp Hội nghị bàn về “Những công tác trước mắt của cách mạng miền Nam”. Bộ Chính trị nhận định: “*Việc đế quốc Mỹ tiến thêm một bước can thiệp vũ trang vào miền Nam chắc chắn sẽ gây thêm khó khăn cho ta, nhưng với đà can thiệp đến nay, về cơ bản so sánh lực lượng giữa ta và địch và đối tượng của cách mạng vẫn chưa có gì thay đổi.*”⁽²⁾ Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị chủ trương tiến hành đồng thời một loạt công tác liên quan mật thiết với nhau, trong đó chú trọng đấu tranh chính trị, binh vận, phá ấp chiến lược, *củng cố và mở rộng căn cứ địa*, xây dựng lực lượng vũ trang.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và trước yêu cầu mới về chỉ đạo cách mạng miền Nam trong thực hiện phương châm tiến công chiến lược “*hai chân ba mũi*”, trong chỉ đạo phong trào đô thị, bảo đảm liên lạc, đầu năm 1962, Trung ương Cục quyết định chuyển về đứng chân ở Chiến khu Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh).

Từ đây và trải suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, tuy không còn là nơi trú đóng của cơ quan đầu não cách mạng miền Nam, nhưng Chiến khu Đ vẫn là một địa bàn chiến lược trọng yếu. Đây chẳng những là địa bàn đứng chân hoạt động của lực lượng vũ trang, mà còn từng bước đảm nhận vai trò hậu phương tại chỗ của lực lượng kháng chiến miền Đông Nam bộ và là bàn đạp uy hiếp địch ở phía Đông, Đông Bắc Sài Gòn. Chính vì thế, Mỹ – ngụy luôn coi Chiến khu Đ là mục tiêu quan trọng để tìm diệt chủ lực Quân Giải phóng và cơ sở vật chất của cách mạng. Dù vậy, kẻ thù chẳng những không xóa nổi địa danh này mà ngược lại, từ đây các đơn vị Quân Giải phóng tiến đánh chúng bằng những trận tập kích sân bay Biên Hòa (31–10–1964), Chiến dịch Bình Giã (từ ngày 2–11–1964 đến 3–1–1965), Chiến dịch Đồng Xoài (từ tháng 5 đến tháng 7–1965). Quân chủ lực đã cùng lực

¹ Xem Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử biên niên sự kiện lịch sử Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 279.

² Xem Viện Mác Lênin – Viện lịch sử Đảng: *Những sự kiện lịch sử Đảng*. Sđd, tr 235, 236.

lượng tại chỗ và nhân dân vùng căn cứ đánh bại các cuộc tiến công “tìm diệt” của Mỹ ngụy trong hai mùa khô 1965–1966, 1966–1967...

Kháng chiến càng tiến tới thì yêu cầu về xây dựng, củng cố phát triển căn cứ địa ngày càng trở thành đòi hỏi bức thiết. Cùng với Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, các căn cứ địa nối tiếp nhau hình thành: Chiến khu C (Bến Cát), Củ Chi (Sài Gòn – Gia Định), Hắc Dịch (Bà Rịa), U Minh (đồng bằng sông Cửu Long); các căn cứ địa vùng rừng núi Tây Nguyên, Tây Thừa Thiên, Quảng Trị, miền Tây các tỉnh Quảng Đà (Đà Nẵng, Quảng Nam ngày nay), Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận... đã tạo thành hệ thống căn cứ địa rất vững chắc – nơi đặt cơ quan lãnh đạo, chỉ huy kháng chiến, nơi bảo tồn và tích trữ lực lượng, đồng thời là hậu phương tại chỗ của cách mạng miền Nam. Vùng căn cứ thường có địa thế hiểm trở, núi cao, rừng rậm, sông rộng, suối sâu đảm bảo cho việc ém giấu và cơ động lực lượng, tích trữ lương thực và binh khí – kỹ thuật ở vào cái thế “*tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ*”. Vùng căn cứ lại là địa bàn cư trú lâu đời của đồng bào các dân tộc ít người, sẵn có lòng yêu nước, thương nòi và giàu truyền thống đánh giặc, giữ làng, giữ bản rất mưu trí, dũng cảm, một lòng theo cách mạng và kháng chiến, đồng cam cộng khổ, vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu, vừa tăng gia sản xuất nhằm mục tiêu cao cả đánh đuổi kẻ thù xâm lược.

*

Có thể nói, trong trường kỳ lịch sử nói chung, trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ nói riêng, hệ thống căn cứ địa chiếm một vị trí cực kỳ quan trọng. Chiến khu Đ với lịch sử vẻ vang của vùng đất này trong cuộc trường chinh 30 năm của toàn dân tộc vì độc lập, tự do, vẹn toàn sông núi đã là một trong những căn cứ – chiến khu như vậy. Và cho đến hôm nay, trên mảnh đất Chiến khu Đ thuộc các tỉnh Biên Hòa, Sông Bé, Quảng Đức xưa, đã mọc lên những khu công nghiệp hiện đại như Biên Hòa, Bình Dương, và cuộc sống của nhân dân nơi đây cũng đang từng ngày thay da đổi thịt. Lắng sâu trong tiềm thức của lớp người từng gắn bó với mảnh đất này suốt 30 năm chiến tranh là ký ức về một thời Chiến khu Đ, về những ngày kháng chiến đầy gian lao, vất vả, hiểm nguy, nhưng vẫn một lòng sắt son tin Đảng, vâng theo lời Hồ Chủ tịch bền bỉ đấu tranh đến ngày hoàn thành sự nghiệp thống nhất nước nhà. Đó thực sự là một động lực, một “nội lực” đảm bảo cho mảnh đất này vững bước trên con đường Đổi Mới. Và như vậy, hơn bao giờ hết, đã đến lúc cần tôn tạo và phát huy những giá trị tinh thần của những di tích – biểu tượng của một thời hào hùng đánh giặc của quân dân Chiến khu Đ, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước hôm nay.

CHIẾN KHU Đ – NỘI CHÍNH THỨC THÀNH LẬP TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

NGUYỄN VĂN CHIA (*)

Giữa lúc cao trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam đang dâng lên mạnh mẽ, làm sụp đổ từng mảng hệ thống chính quyền cơ sở địch ở nông thôn, tại thủ đô Hà Nội, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng chính thức được khai mạc vào ngày 5 tháng 9 năm 1960. Đồng chí Hồ Chí Minh, Chủ tịch Đảng đọc diễn văn khai mạc Đại hội. Trong đó, Người xác định: *“Đại hội lần này là đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà.”* ⁽¹⁾

Trên cơ sở phân tích nhiệm vụ cách mạng của hai miền đất nước, Đại hội nhấn mạnh: *“Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, nhưng do trước mắt cùng có một mục tiêu chung là thực hiện thống nhất nước nhà, cho nên quan hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng đến nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển.”* ⁽²⁾

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, gồm 48 ủy viên chính thức và 31 ủy viên dự khuyết.

Do điều kiện hoạt động bí mật, nên những Ủy viên Trung ương Đảng ở miền Nam tạm thời chưa công bố công khai, gồm 5 ủy viên chính thức: Nguyễn Văn Linh, Phan Văn Đáng, Võ Toàn (Võ Chí Công), Phạm Văn Xô, Nguyễn Chánh và 3 ủy viên dự khuyết là: Võ Văn Kiệt, Phạm Thái Bường, Lê Toàn Thư. ⁽³⁾ Nếu như năm 1954, sau khi thực hiện chuyển quân tập kết, ta từ chỗ có quân đội và chính quyền cách mạng, trở thành không có quân đội và chính quyền, Đảng bộ miền Nam phải rút vào hoạt động bí mật, thì sau Đại hội Đảng III, đã có bảy ủy viên chính thức và hai ủy viên dự khuyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng miền Nam, tạo nên sự chuyển biến cả về chất và lượng.

Với khí thế sục sôi của ngọn lửa Đồng khởi, ngày 20 tháng 12 năm 1960, tại căn cứ Rùm Đuông ở xã Tân Lập, huyện Châu Thành, vùng bắc Tây Ninh, Đại hội

* Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 7.

¹ *Lịch sử Biên niên Xứ ủy Nam bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.224.

² *Lịch sử Biên niên Xứ ủy Nam Bộ...* (sdd), tr.225.

³ Năm 1961, Trung ương Đảng bổ sung thêm hai Ủy viên Trung ương là Trần Văn Quang và Trương Chí Cương.

Đại biểu quốc dân miền Nam được triệu tập và quyết định thành lập *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*, do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch ⁽¹⁾. Mặt trận thành lập làm chức năng chính quyền cách mạng, nhằm tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, xu hướng chính trị, cùng đấu tranh chống xâm lược Mỹ, đánh đổ ách thống trị của chính quyền tay sai phản động, thực hiện độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

Do yêu cầu phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng miền Nam sau khi bùng nổ phong trào Đồng khởi, ngày 23 tháng 1 năm 1961, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III quyết định: “*Thành lập Trung ương Cục miền Nam là một bộ phận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được ủy nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác của Đảng ở miền Nam, do Bộ Chính trị thường xuyên thay mặt Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo*”.

Ngày 27 tháng 3 năm 1961, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định về nhân sự của Trung ương Cục miền Nam, gồm Bí thư Nguyễn Văn Linh, hai Phó Bí thư là Phan Văn Đáng và Võ Chí Công, cùng năm ủy viên: Phạm Văn Xô, Phạm Thái Bường, Võ Văn Kiệt, Trần Lương, Nguyễn Đôn.

Về nhân sự của Ban Thống nhất Trung ương do đồng chí Lê Duẩn làm Trưởng ban, Nguyễn Văn Vịnh là Phó ban, nay bổ sung thêm các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng và Trương Quang Giao.

Ngày 2 tháng 10 năm 1961, trong phiên họp Bộ Chính trị bàn về cách mạng miền Nam và công tác chuẩn bị cho Trung ương Cục miền Nam chính thức thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: “*Địch quân sự mạnh, nhưng chính trị yếu. Ta chính trị mạnh nhưng quân sự yếu. Nếu lấy sức độ sức để tiêu hao thì không có lợi. Ta không lấy đấm chọi đấm mà lấy mẹo diệt nó, trừ bọn ác đi để bảo vệ cơ sở, phong trào dần sẽ lên. Địch công thành ta công tâm, phải lấy cho được lòng dân....*

Tổ chức du kích cho đều, dễ hoạt động, giúp được dân và phân tán địch. Đồng thời ta phải có vài cú đấm, đánh rồi ta luôn đi. Ta không để lộ lực lượng, phải tự lực cánh sinh, hoạt động dẻo dai, không phải chỉ có đấu tranh chính trị. Hoạt động sản xuất, văn hóa cũng phải kịp thời chuyển hướng.

Tình hình thế giới đang chú ý việc Mặt trận miền Nam lâu nay không kêu gọi hòa bình thống nhất. Đảng nên chọn ngay một cái tên.” ⁽²⁾

¹ Luật sư Nguyễn Hữu Thọ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương chính thức của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tại Đại hội MTDTGPMNVN lần thứ nhất (16-2 – 3-3-1962).

² *Lịch sử Biên niên Xứ ủy Nam bộ...* (sdd), tr.276.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương, ngày 9 tháng 10 năm 1961, Xứ ủy Nam Bộ đã điện xin ý kiến của Bộ Chính trị về tên công khai của Đảng bộ miền Nam. Sau khi thảo luận, xem xét các ý kiến đề xuất, Trung ương Đảng quyết định lấy tên công khai của Đảng bộ miền Nam là: *Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam*. Đồng thời triển khai Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 (Khóa III), về tăng cường bộ máy chỉ đạo trực tiếp đối với cách mạng miền Nam. Và sau một thời gian chuẩn bị về nhân sự, Xứ ủy Nam Bộ đã giải thể để tiến hành thành lập *Trung ương Cục miền Nam*.⁽¹⁾

Ngày 10 tháng 10 năm 1961, tại căn cứ Mã Đà ở Tây Bắc Chiến khu Đ, Hội nghị lần thứ nhất thành lập *Trung ương Cục miền Nam* đã được triệu tập. Hội nghị đã quán triệt chỉ thị ngày 31 tháng 1 năm 1961 của Bộ Chính trị và đánh giá một cách toàn diện về phong trào đấu tranh từ năm 1954 đến 1961, xác định phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam theo “*con đường đúng đắn mà Đảng ta chủ trương hiện nay là con đường tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân*”. Báo cáo công tác Đảng của Xứ ủy tại Hội nghị thành lập Trung ương Cục miền Nam đã kết luận: *Bảy năm qua chứng tỏ một thực tế là quần chúng còn, thì Đảng vẫn còn tồn tại, Đảng còn tồn tại là phong trào cách mạng vẫn phát triển*.

Hội nghị đã đi sâu nghiên cứu phương châm đấu tranh do Trung ương Đảng đề ra: “*Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt trận chính trị và quân sự*”. Với sự nhất trí cao theo phương châm đấu tranh của Bộ Chính trị, Trung ương Cục miền Nam đã xác định mười nhiệm vụ cụ thể của các cấp Đảng bộ miền Nam:

1. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng rộng trên khắp cả ba vùng.
2. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang phối hợp với đấu tranh chính trị...
3. Tăng cường vận động binh lính sĩ quan trong quân đội địch, đây là công tác có tính chất chiến lược, cần quán triệt trong quá trình cách mạng.
4. Đẩy mạnh công tác Mặt trận và dân vận, tập hợp mọi lực lượng, mọi khả năng chống Mỹ–Diệm.
5. Tiếp tục xây dựng và mở rộng căn cứ địa.
6. Xây dựng và củng cố chính quyền ở vùng giải phóng.

¹ Tháng 9 năm 1954, để phù hợp với tình hình cách mạng miền Nam, Bộ Chính trị quyết định giải thể Trung ương Cục miền Nam, thành lập Xứ ủy Nam Bộ và Liên khu ủy Khu V.

7. Đẩy mạnh công tác kinh tế, tài chính nhằm cải thiện đời sống của nhân dân, đáp ứng nhu cầu to lớn của cách mạng.

8. Xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng ở đô thị.

9. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục.

10. Củng cố, xây dựng, phát triển Đảng và Đoàn.

Sự kiện thành lập Trung ương Cục miền Nam và việc tổ chức Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Cục tại Chiến khu Đ nhằm xác định những vấn đề hệ trọng, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi cấp bách về chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng đã khẳng định vị trí đặc biệt của Chiến khu Đ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc.

Như vậy, cùng với sự ra đời của *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam* (20-12-1960), tại Chiến khu B – Bắc Tây Ninh; Chiến khu Đ chứng kiến hai sự kiện lịch sử cực kỳ quan trọng là: thống nhất các lực lượng vũ trang miền Nam thành *Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam* (15-2-1961) và thành lập *Trung ương Cục miền Nam* (10-1961), đã đưa đến những thay đổi cơ bản về chất và lượng của phong trào cách mạng miền Nam. Từ chỗ không còn chính quyền, quân đội, Trung ương Cục phải rút gọn thành Xứ ủy Nam bộ, phong trào bị tổn thất nặng nề, nay không chỉ có chính quyền cách mạng là Mặt trận Dân tộc giải phóng, còn có Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền Nam đã chuyển thành chiến tranh cách mạng.

Với chừng đó ý nghĩa, đã khẳng định vị trí đặc biệt của Chiến khu Đ – Chiến khu Đỏ là không thể thay thế được trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ của nhân dân miền Nam.

NHỚ LẠI NHỮNG NGÀY LẬP LẠI TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

NGUYỄN VĂN CHÍ (*)

Năm 1956. Sau giải phóng 2 năm không có hiệp thương, tổng tuyển cử hòa bình thống nhất nước nhà, Mỹ–Diệm đơn phương phát động chiến tranh vượt sông Bến Hải, “Bắc tiến”, liên tiếp mở các chiến dịch quy mô lớn cấp trung đoàn, sư đoàn mang tên Trương Tấn Bửu, Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Trãi, Hoàng Diệu, bình định miền Đông Nam bộ, càn quét đánh phá căn cứ Dương Minh Châu, Rừng Sác, Xuyên Mộc, Hàm Tân, v.v...

Xứ ủy Nam bộ dự thảo Đề cương đường lối cách mạng miền Nam Việt Nam – ở Nam bộ, gọi tắt là Đề cương cách mạng miền Nam – triển khai rộng rãi bằng Nghị quyết về tình hình, nhiệm vụ mới cách mạng vào cuối năm 1956.

Tháng 12–1956, Đảng ủy Nhà lao Tân Hiệp (Biên Hòa) phối hợp công tác vận động binh sĩ trong và ngoài, lãnh đạo cướp súng, phá khám, giải thoát hơn 400 cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước trở về với cách mạng, với nhân dân.

Ngày 2–12–1958, xảy ra vụ tù nhân bị ngộ độc ở Phú Lợi (Châu Thành – Thủ Dầu Một). Cán bộ, đảng viên, quần chúng yêu nước căm hờn, uất hận tội ác trời không dung, đất không tha của Mỹ–Diệm.

Rồi đến luật 10/59, chúng lê máy chém đi khắp miền Nam, chém giết người yêu nước, xét xử bằng pháp luật thời chiến, gây tâm lý u tối, sợ hãi luôn luôn xuất hiện trước mắt người dân, cuộc sống không có ngày mai.

Trước hành động tàn ác của kẻ thù, ta đã có đối tượng phải đánh đổ. Tình hình đó nếu để kéo dài, lực lượng ta sẽ bị tiêu hao đến mức không gượng được, thì cách mạng miền Nam có nguy cơ không còn thực lực.

Lực lượng võ trang nhân dân tự vệ nhân ngày chấp chánh của chế độ Mỹ–Diệm (7–7–1959), đánh vào đầu não phái đoàn MAAG – Biên Hòa. Đó là trận đầu diệt Mỹ ở miền Nam.

Tiếp đến là trận đánh Tua Hai (Tây Ninh) mở đầu đánh vào chủ lực nguy đống sâu vào căn cứ của ta.

Ngày 20–12–1960, Đại hội Đại biểu quốc dân miền Nam thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam gồm các tổ chức, các tầng lớp, giai cấp,

* Nguyên Ủy viên dự khuyết Xứ ủy, Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ 1960–1961, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

các giới, các thân sĩ yêu nước... Chủ tịch Mặt trận là Luật sư Nguyễn Hữu Thọ.

Ngày 21-1-1961, Xứ ủy Nam bộ ra chỉ thị phát triển phong trào Đồng khởi rộng khắp. Chỉ thị của Xứ ủy vạch rõ thời kỳ tạm ổn định của Mỹ-Diệm đã qua, chúng đang ở thời kỳ bị tan rã và không thể kèm được phong trào đấu tranh nổi dậy của nhân dân.

Tình hình chung ở Nam bộ đòi hỏi Trung ương Đảng cần củng cố, mở rộng trách nhiệm Xứ ủy lên bước cao hơn, như Trung ương Cục lúc kháng chiến chống Pháp. Thi hành Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, ngày 23-1-1961, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về tăng cường bộ máy chỉ đạo trực tiếp đối với cách mạng miền Nam.

Được Thường vụ Xứ ủy mời đích danh về căn cứ dự cuộc họp quan trọng, tôi (Nguyễn Văn Chí) thu xếp công việc ở Thường vụ Khu ủy, phấn khởi lên đường.

Cuộc hội nghị lịch sử ngày 31-1-1961 nhằm quán triệt Chỉ thị này của Bộ Chính trị, đánh giá tình hình hoạt động toàn diện của cách mạng trong những năm qua, xác định nhiệm vụ, phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam.

Xứ ủy Nam bộ giải thể, Trung ương Cục miền Nam được thành lập và đặt dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng. Ngày 10 tháng 10 năm 1961, Trung ương Cục miền Nam chính thức được thành lập. Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục được tổ chức tại xã Bù Cháp – Lý Lịch, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Biên Hòa, nay là xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Hội nghị đã đề ra 10 nhiệm vụ lớn, cụ thể đối với các cấp bộ Đảng miền Nam:

1– Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng trên khắp cả ba vùng.

2– Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang phối hợp đấu tranh chính trị, phá tan kế hoạch Stalây – Taylo của địch, chuẩn bị mọi mặt cho tổng khởi nghĩa và đối phó với những âm mưu mới của địch.

3– Tăng cường vận động binh lính và sĩ quan trong quân đội địch. Đây là công tác có tính chiến lược, cần quán triệt trong quá trình cách mạng.

4– Đẩy mạnh công tác mặt trận và dân vận, tập hợp mọi lực lượng, mọi khả năng chống Mỹ-Diệm.

5– Tiếp tục xây dựng và mở rộng căn cứ địa.

6– Xây dựng và củng cố chính quyền ở vùng giải phóng.

7– Đẩy mạnh công tác kinh tế, tài chính nhằm cải thiện đời sống của nhân dân, đáp ứng nhu cầu to lớn của cách mạng.

8– Xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng ở đô thị.

9– Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục.

10– Củng cố, xây dựng phát triển Đảng và Đoàn.

Mười nhiệm vụ nêu trên vừa cấp bách, vừa lâu dài cho cuộc cách mạng miền Nam, đưa cách mạng miền Nam thành cao trào cách mạng rộng lớn, làm tan rã quân đội và chính quyền địch, nắm vững phương châm trường kỳ, đồng thời tranh thủ thời cơ giành thắng lợi trong thời gian tương đối ngắn. Bí quyết giành thắng lợi là phải có thực lực chính trị, quân sự thật mạnh. Do đó, điểm mấu chốt hiện nay là toàn Đảng, toàn dân phải có sự nỗ lực tốt bậc để nhanh chóng tăng cường lực lượng quân sự, chính trị, tạo ra một chuyển biến mới, căn bản trong so sánh lực lượng giữa ta và địch ở tại miền Nam.

Phát huy sức mạnh tổng hợp, thực lực quân sự, chính trị, binh vận, vận dụng lối đánh ba mũi giáp công trên cả ba vùng chiến lược, đẩy địch vào thế bị động chống đỡ, đẩy địch vào thế mâu thuẫn lực đực nội bộ triền miên không lối thoát, tạo thuận lợi cho lực lượng cách mạng miền Nam tiến tới dứt điểm, giành thắng lợi hoàn toàn.

GIÚP BẠN ĐÁNH GIẶC, MỞ ĐƯỜNG VÀO MIỀN NAM LÀM CÔNG TÁC TUYÊN HUẤN

TRẦN TRỌNG TÂN (*)

Tháng 5 năm 1959, trong lúc tôi đang cùng anh em lo việc hướng dẫn cho cán bộ trung cao cấp của Đảng nghiên cứu môn kinh tế chính trị học Mác-Lênin ở Trường Ái Quốc Trung ương thì được thư của đồng chí Lê Đức Thọ, bảo đến gặp đồng chí để bàn một số việc cần. Lúc gặp, đồng chí cho biết: Liên Khu ủy 5 muốn xin tôi về phụ trách công tác tuyên huấn, hỏi tôi có ý kiến như thế nào? Tôi vui vẻ nói: *Báo với anh, khi được kết nạp vào Đảng, tôi đã thề rồi*. Đồng chí Lê Đức Thọ nhìn tôi cười, rồi hỏi về hoàn cảnh gia đình vợ con tôi, thể hiện tình cảm đồng chí, làm tôi rất xúc động.

Sau lần gặp đó, tôi nhận được công văn của Ban Tổ chức Trung ương, có chữ ký đồng chí Lê Đức Thọ. Công văn này đồng gửi cho Ban Tuyên huấn Trung ương, nơi đang quản lý tôi, trong đó ghi là điều động tôi qua Ban Tổ chức Trung ương để chuẩn bị đi học ở Liên Xô. Tôi được tập trung về ở tại nhà khách của Ban Tổ chức Trung ương, cạnh đường Hoàng Hoa Thám. Ở đây, chúng tôi nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15, vừa sáng, tối, luyện tập cho quen với việc mang nặng treo núi, ngoài ra còn vào sân bay Bạch Mai học lái xe, rồi còn học làm y tá, học võ. Tôi nhớ, trước lúc vào Nam đến chào Bác, khi Bác biết tôi có học võ, Bác nói: *Chú như vậy là văn võ toàn tài* – rồi Bác cười.

Học và tập luyện xong, tôi được giới thiệu gặp đồng chí Trần Lương, lúc đó là Bí thư Liên Khu ủy 5, ra dự họp Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15, còn ở lại Hà Nội để chờ tham dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3. Đồng chí Trần Lương giao cho tôi công việc biên soạn chương trình, tài liệu và giảng dạy một số bài các lớp tập huấn cho những anh em được điều động về miền Nam công tác. Theo sự giới thiệu của Ban Tổ chức Trung ương, tôi tham gia sinh hoạt Đảng cùng chi bộ với đồng chí Trần Lương, thuộc Đảng bộ Liên khu 5.

Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3, tháng 9-1960, tôi được Ban Chấp hành Trung ương Đảng chỉ định làm đại biểu chính thức. Họp đại hội xong, đồng chí Trần Lương giao cho tôi cùng chị Bảy Huệ (vợ đồng chí Nguyễn Văn Linh) lúc đó đang công tác ở Ban Tổ chức Trung ương, lo việc soạn thảo Điều lệ Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam.

* Nguyên Ủy viên Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam 1961-1962, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh.

Vào đầu năm 1961, khi có quyết định cụ thể việc thành lập Trung ương Cục miền Nam, thì đồng chí Trần Lương không về làm Bí thư Liên Khu ủy 5 nữa mà đi vào Nam bộ để dự Hội nghị thành lập Trung ương Cục. Tôi cũng được Ban Tổ chức Trung ương thông báo là vào Nam bộ cùng đoàn với đồng chí Trần Lương để tham gia Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam. Ban Tổ chức Trung ương cũng chỉ định tôi làm Trưởng đoàn kiêm Bí thư Chi bộ của đoàn. Đoàn chúng tôi đi vào Nam bộ, có tất cả 9 đồng chí: đồng chí Trần Lương và 7 người tùy tùng: thư ký, phục vụ, y sĩ, cơ yếu điện đài với tôi.

4 giờ sáng ngày 16 tháng 4 năm 1961, ba xe commăngca đưa chúng tôi từ Hà Nội đến cơ quan Tỉnh ủy tỉnh Hà Tĩnh. Ngày 18 tháng 4, đoàn chúng tôi đến một trạm ở biên giới Việt – Lào. Ở đây có thêm Tiểu đoàn 19, do đồng chí Trịnh phụ trách, cùng theo đoàn chúng tôi vào Nam. Tiểu đoàn 19 bao gồm toàn là cán bộ từ trung đội trở lên vào làm khung cho việc xây dựng lực lượng vũ trang ở miền Nam. Tất cả chúng tôi được trạm cấp cho mỗi người một bộ quần phục Koong Le ⁽¹⁾ để tiện cho việc hành quân trên đất Lào.

Từ trạm này, chúng tôi đi theo đường dây liên lạc, được bố trí dọc biên giới phía Tây Trường Sơn, trong vùng giải phóng thuộc lực lượng cách mạng Pathét Lào kiểm soát. Đường đi giữa rừng già, đất bằng, không leo núi, nhưng đi vào mùa khô, vấn đề nước uống gặp rất nhiều khó khăn. Trạm giao liên phải bố trí theo chỗ có nước uống, nên đoạn đường đi, dài ngắn không chừng. Có đoạn đi 5, 6 giờ, có đoạn phải đi đến 11, 12 giờ, có chỗ đặc biệt đến 14, 15 giờ mới đến trạm nghỉ. Mang nặng, không đủ nước uống, nên rất mệt. Chúng tôi đi qua các vùng Bulapha, Mahaxây thuộc tỉnh Khăm Muộn để đến vùng Mưongphìn thuộc tỉnh Xavănnakhet, rồi vào Nam.

Đến bản Cang, đồng chí Trần Lương bị ốm nặng, đoàn phải dừng lại đây để lo việc chữa trị. May quá, chỉ sau hai hôm, sức khỏe đồng chí khá ra. Tôi vào bản hỏi mua cho đồng chí một con ngựa và gặp được một con ngựa trắng rất đẹp. Khi bà con người Lào ở đây biết chúng tôi là bộ đội Cụ Hồ, họ nhất định không chịu nhận tiền. Một bà chị người Lào nói bằng tiếng Việt với chúng tôi: *“Chúng tôi từng qua Việt Nam, ở Nghệ An, ăn cơm Việt Nam đến mòn răng, nay được trả ơn bộ đội Cụ Hồ một con ngựa là mừng quá thôi, không lấy tiền đâu!”*. Câu nói thật cảm động. Con ngựa trắng này đã giúp đồng chí Trần Lương về đến Nam bộ.

Cũng ở tại bản Cang, đồng chí Trần Lương cho biết, Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh là phải quét sạch địch đóng trên đường số 9, mở rộng vùng giải phóng của bạn Lào tiếp giáp với vùng Lao Bảo, miền Tây tỉnh Quảng Trị của ta, tạo hành lang an toàn

¹ Koong Le là Tổng Tư lệnh Lực lượng vũ trang của Chính phủ Lào trung lập do Hoàng thân Xuvanna Phuma làm Thủ tướng.

để đưa các lực lượng của ta vào miền Nam. Đồng chí Trần Lương đã họp với các đồng chí bạn Lào. Tôi nhớ có đồng chí Thoong Xây, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Xavannakhet. Dự họp còn có tôi và đồng chí Lê Kích, người vừa giúp bạn Lào giải phóng vùng Văngviêng và Xalaphukhun. Lực lượng lúc này, theo đoàn chúng tôi có Tiểu đoàn 19. Bạn Lào có một trung đội. Đồng chí Lê Kích đang nắm một đại đội đặc công, Tiểu đoàn 7 và Tiểu đoàn 4. Đồng chí Trần Lương cho biết, theo đề nghị của đồng chí, Bộ Tổng Tư lệnh đồng ý lập một Ban Chỉ huy. Chỉ huy trưởng là đồng chí Lê Kích, đồng chí Trần Trọng Tân làm Chính ủy. Nhiệm vụ trước mắt là tiến công tiêu diệt địch, giải phóng vùng Mưongphìn. Ngày 25 tháng 4, tất cả kéo đến bản Napilan, cách thị trấn Mưongphìn khoảng 10 cây số về phía Bắc, để họp bàn kế hoạch cụ thể. Kế hoạch đồng chí Lê Kích đề ra là lợi dụng lúc các lực lượng của Phumi Noxavăn (Thủ tướng Lào thân Mỹ) đang hoang mang, ta tấn công bất ngờ, sẽ nắm chắc phần thắng. Tất cả anh em gấn bó đều gửi lại hết các thứ vào kho, phân công người ở lại bản Napilan để giữ kho. Mỗi người chỉ mang theo súng đạn và lương khô, cơm vắt. Phải hành quân cấp tốc, làm sao đến 1 giờ sáng ngày 27-4, tập kết ở một điểm gần Mưongphìn, rồi chia thành hai gọng kìm, nổ súng tấn công. Đoàn đồng chí Trần Lương nghỉ lại ở bản Napilan, liên hệ với chúng tôi ở phía trước bằng điện đài vô tuyến. Thực hiện kế hoạch, ngày 26 tháng 4, có cán bộ bạn Lào dẫn đường, các đơn vị hành quân, băng rừng đến địa điểm tập kết. Nhưng đêm tối, sương mù, cán bộ bạn dẫn đi lạc đường thế nào mà gặp đường số 9 thì trời đã sáng và cũng chưa biết đồn địch ở Mưongphìn cách bao xa. Tôi hỏi đồng chí Lê Kích tính sao đây. Đồng chí bình tĩnh nói, tôi quen đánh trên chiến trường Lào, chúng ta cứ tiếp tục hành quân theo đường số 9, tấn công bất ngờ thế này là chúng ta bỏ chạy thôi. Thế là tiếp tục hành quân dọc đường số 9 về hướng Đông, lúc trời đã hừng sáng. Đến một nơi, thấy có rất nhiều nhà, nổi lên có một cái nhà lớn. Bộ đội ta hành quân, dân thấy lạ chạy ra xem. Tôi gặp một chị người Lào, hỏi thăm chị: “Nhà lớn là của ai?” Chị cho biết đó là nhà của ông Hoàng Xuphanuvong. Rồi hỏi: “Đồn lính ở đâu?” Chị cho biết cách đây hơn một cây số. Đồng chí Lê Kích liền ra lệnh chia quân thành hai gọng kìm. Khoảng 5, 6 giờ sáng ngày 27 tháng 4 năm 1961, quân ta nổ súng, địch bị bất ngờ, bỏ chạy tán loạn vào rừng. Quân ta vào chiếm lĩnh hoàn toàn. Chúng tôi phân công trung đội bộ đội Pathét Lào chốt giữ, có một tiểu đội anh em Việt Nam ta cùng giúp. Lực lượng còn lại, kéo lên phía Tây đường số 9 khoảng 7, 8 cây số, tạt vào hai bên rừng, phân công canh gác, ăn uống nghỉ ngơi.

Khoảng 8 giờ tối ngày 27-4, có 4 xe bọc sắt từ phía Phalan xuống, chạy ngang qua đoạn chúng tôi đóng quân. Nhưng anh em gác quá mệt ngủ quên, không ai báo động. Tôi nghe tiếng xe, tỉnh dậy thì đoàn xe đã chạy thẳng xuống đồn. Khi 4 xe địch chạy đến đồn, gặp lúc anh em Việt Nam ta gác, không biết xe chở quân của ai, nên hỏi: Phuma Phumi? Nghe có tiếng trả lời Phumi, anh em ta liền nổ súng. Tất cả bọn địch hốt hoảng nhảy ra khỏi xe, chạy trốn vào rừng. Quân ta lấy

thêm được 4 chiếc xe bọc thép còn nguyên vẹn. Sau chuyện này, chúng tôi họp anh em nhắc nhở việc canh gác cẩn thận. Đến khoảng 8 giờ tối ngày 28 tháng 4, không biết sao, lại có một đoàn xe GMC, từ phía Tây chạy xuống nữa. Đèn xe sáng trưng. Anh em gác đón bắn một phát ĐKZ trúng vào chiếc xe đi đầu. Tất cả đoàn xe đứng lại và bọn địch trên xe nhảy xuống chạy tán loạn vào rừng. Quân ta chiếm toàn bộ đoàn xe.

Vừa mới nghỉ ngơi chưa lại sức, thì có lệnh triển khai lực lượng lên phía Tây đường số 9 để tiêu diệt bọn địch, giải phóng vùng Phalan.

Anh em chúng tôi đã rất mệt, nhưng động viên nhau cố gắng nghiêm chỉnh thi hành lệnh trên. Hành quân lên đến Phalan đêm 2 tháng 5-1961. Vào được thị trấn Phalan phải qua một cái cầu. Đầu cầu phía Tây, địch bố trí hai khẩu 12 ly 7. Nghe tiếng súng tấn công của chúng tôi, chúng cho hai khẩu 12 ly 7 bắn trả xối xả. Không qua cầu được, chúng tôi cho một bộ phận bắn nghi binh từ phía Đông cầu, để thu hút hỏa lực địch. Mặt khác, phân anh em ra từng toán nhỏ bí mật lội qua sông để đánh bọc hậu bất ngờ.

Nhưng cũng trong đêm đó, nhận được tin từ đồng chí Trần Lương cho biết, có lệnh ngưng bắn để chuẩn bị cho một cuộc đàm phán. Thi hành lệnh, chúng tôi không đưa quân qua sông nữa mà về chiếm giữ đầu cầu phía Đông. Phía địch, chúng cũng ngưng bắn và chiếm giữ đầu cầu phía Tây thị trấn Phalan.

Cùng lúc các đơn vị chúng tôi đánh ở Muongphìn và Phalan, thì một số đơn vị khác cũng đánh địch ở Sêpôn. Từ ngày 2 tháng 5-1961, đoạn đường số 9 từ phía Tây Phalan đến Lao Bảo, hơn 100 cây số hoàn toàn không còn đồn bót địch. Vùng giải phóng của lực lượng cách mạng Pathét Lào kiểm soát, được mở rộng, tiếp giáp với Lao Bảo, thuộc huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị. Hành lang cho việc đưa các lực lượng của ta từ miền Bắc vào miền Nam, được đảm bảo an toàn.

Ngày 4-5-1961, theo đồng chí Trần Lương xuống Sêpôn gặp các đồng chí đang làm chủ tình hình ở đó, tay bắt mặt mừng, vui không thể nào kể xiết. Đánh đồn Muongphìn, chiến lợi phẩm thu được ngoài số xe kể trên còn có: một kho quân nhu, một bầy ngựa 41 con và một két sắt trong đó có vàng, đôla và tiền kíp. Két sắt này là của tên đồn trưởng. Khi được báo có quân ta ở đường số 9, nó đem két sắt đi chôn. Thấy dấu đất mới, chúng tôi cho đào lên biết là két sắt. Chúng tôi nộp tất cả cho đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Xavannakhet Thoong Xây.

Sau ngày 4-5-1961, theo sự chỉ đạo của đồng chí Trần Lương, tôi phải lo giúp bạn:

- Thực hiện kế hoạch cắm cờ định ranh giới vùng của Pathét Lào kiểm soát.
- Tuyên truyền trong nhân dân Lào về chính sách của Đảng Nhân dân cách mạng Lào đối với vùng mới được giải phóng.

– Tổ chức bộ máy chính quyền mới từ bản lên mường, xây dựng lực lượng tự vệ và bồi dưỡng cho cán bộ chiến sĩ bạn hiểu về nhiệm vụ và biết cách làm việc.

Đồng thời lo tổ chức việc vận chuyển gạo muối thuốc men dự trữ ở các trạm phía Nam đường số 9, cho các đoàn ta đi vào công tác, chiến đấu ở Liên khu 5 và Nam bộ. Gạo muối thuốc men lúc này được Trung ương cho nhiều chuyến máy bay thả xuống Mườngphìn rất nhiều.

Giữa tháng 6–1961, chúng tôi trực tiếp bàn giao trách nhiệm lại cho đồng chí Võ Bẩm, người được Trung ương giao việc xây dựng đường vận chuyển từ Bắc vào Nam.

Cuối tháng 6, tôi chia tay với đồng chí Lê Kích, một đồng chí mà tôi được cộng tác làm việc với nhau chỉ trong một thời gian ngắn nhưng đã để lại trong tôi tình cảm quý mến, khâm phục.

Đoàn chúng tôi theo đường dây dọc phía Tây Trường Sơn đi đến Đắc Chung, rồi từ đất Lào chuyển qua phía đất Việt Nam, ở vùng Đắc Lây, nơi sinh sống của đồng bào dân tộc Giẻ. Vào phía đất ta thì vất vả, nhất là mang nặng, phải hết trèo núi cao lại bơi qua nhiều sông lớn, còn không ít nơi phải đề phòng địch đánh phá .

Chúng tôi đến căn cứ của Liên khu 5 ở vùng sông Tranh. Nhập vào đoàn tôi, có thêm đoàn đồng chí Thuận ⁽¹⁾, cũng đi vào Nam bộ để dự Hội nghị thành lập Trung ương Cục miền Nam. Đoàn lúc này có 14 người. Khi đến căn cứ của Khu ủy Khu 6, đồng chí Trần Lê, Bí thư Khu ủy, tổ chức cho chúng tôi đi đến trạm do đồng chí Quốc Đăng phụ trách để dẫn đoàn chúng tôi vào căn cứ Mã Đà, nơi sẽ có cuộc họp để thành lập Trung ương Cục miền Nam vào đầu tháng 10–1961. Căn cứ Mã Đà là một khu rừng già, âm u, nay thuộc khu vực Nhà máy Thủy điện Trị An. Cùng với việc thành lập Trung ương Cục, các ban Đảng cũng được xây dựng, trong đó có Ban Tuyên huấn Trung ương Cục. Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam lúc đầu gồm có đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Trung ương Cục làm Trưởng ban, đồng chí Trần Bạch Đằng là Phó trưởng ban và tôi là Ủy viên ban. Ngay sau khi thành lập Ban Tuyên huấn Trung ương Cục, đồng chí Nguyễn Văn Linh giao cho tôi lo biên soạn giáo trình môn triết học và giảng dạy môn này ở Trường Lý luận trung, cao cấp Nguyễn Ái Quốc miền Nam. Đầu năm 1962, Trung ương Cục miền Nam quyết định cho xuất bản tạp chí *Tiền Phong*, mang tiêu đề “Nội san của Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam” (tên gọi công khai của Đảng bộ miền Nam Đảng Lao động Việt Nam, tức Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay). Tạp chí *Tiền Phong* đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Ban biên tập đầu tiên gồm có tôi, Trần Trọng Tân là Tổng biên tập

¹ Túc Trương Chí Cương (Tư Thuận).

và hai Phó Tổng biên tập là đồng chí Trần Bạch Đằng và đồng chí Trần Văn Quang.

Nhớ lại một thời giúp bạn đánh giặc, mở đường đi vào miền Nam làm công tác tuyên huấn của Đảng, tôi cảm thấy rất vui.

MÃ ĐÀ – CHIẾN KHU Đ, NỘI KHAI SINH TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

HUỲNH VIỆT THẮNG (*)

Khoảng đầu năm 1960, anh Mười Cúc (đồng chí Nguyễn Văn Linh) Bí thư Xứ ủy Nam bộ triệu tập hội nghị cán bộ nghe phổ biến Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng. Nghị quyết mở đầu Đồng khởi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở rừng Tà Xia, Bắc Tây Ninh.

Trước khi vào họp, anh Trần Bạch Đằng đọc bản thảo điện của học viên gửi chúc mừng Đại hội Đảng lần thứ 3 đang họp tại Hà Nội. Anh Bạch Đằng nói vui: *“Bình tướng xung quanh Xứ ủy tập họp lần này được khoảng 50 vị. Tôi xin đọc bản thảo điện gửi chúc mừng Đại hội Đảng đang họp tại Hà Nội, xin các đồng chí cho ý kiến”*.

Sau lớp học, Xứ ủy phân công 3 đoàn cán bộ đi công tác vận động quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm giải phóng xã ấp, xây dựng cơ sở quần chúng, cơ sở Đảng, xây dựng ấp xã chiến đấu ở các địa phương: Trảng Bàng, Tây Ninh, Bến Cát – Thủ Dầu Một và Củ Chi, Gia Định.

1– Đoàn đi Trảng Bàng do anh Tư Râu kềm (Tư Thế, đã mất), làm Trưởng đoàn và đồng chí Bảy Dự – tức Nguyễn Võ Danh, nguyên là Phó Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh và một số đồng chí khác.

2– Đoàn đi Bến Cát có anh Hai Hự (tức Ca Lê Hồi) làm Trưởng đoàn, (về sau Hồi đầu hàng phản bội), đồng chí Sáu Trung nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (đã mất) và một số đồng chí khác.

3– Đoàn đi Củ Chi do anh Ba Ca – tức Chín Khải – nguyên Bí thư Tỉnh ủy Gia Định làm Trưởng đoàn. Trong đoàn này có tôi (Tư Thắng), chị Năm Chơn (nguyên là Thứ trưởng Bộ Tư pháp), chị Đỗ Duy Liên (nguyên là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, đã về hưu). Trong lúc đoàn chúng tôi đang hăng say công tác ở xã Phú Hòa Đông huyện Củ Chi, một buổi chiều, anh Sáu Hoàng, (tức Cao Đăng Chiếm, nguyên Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ) mang ba lô xuống gặp đoàn phổ biến ý kiến của đồng chí Bí thư Xứ ủy gọi tôi về cùng anh Sáu Hoàng xây dựng lại Công an Nam bộ như thời kỳ chống Pháp, phục vụ yêu cầu chính trị trong tình hình mới.

Tôi từ già đoàn mang ba lô trở về R (Trung ương Cục).

Theo chỉ thị của đồng chí Bí thư Xứ ủy, phải xây dựng lại ngành Công an nhưng không lấy tên gọi là công an vì không để địch qui chụp chính phủ Việt Nam

* Nguyên Thường vụ Khu ủy miền Đông Nam bộ.

Dân chủ cộng hòa ở miền Bắc chỉ đạo trực tiếp cách mạng miền Nam, vi phạm Hiệp định Giơnevơ đã ký kết... Vì vậy, chúng tôi trao đổi và đặt tên là Ban Bảo vệ trật tự an ninh Nam bộ. Thường vụ Xứ ủy chỉ định đồng chí Sáu Hoàng làm Phó ban và đồng chí Tư Thắng là Ủy viên Ban.

Anh Sáu Hoàng cùng tôi và một vài cán bộ chiến sĩ cộng lại chưa đến 10 người bắt tay xây dựng cơ quan: làm nhà ở, đào hầm hào, vận tải lương thực, đào giếng nước... Việc quan trọng hàng đầu là phải nhanh chóng xây dựng lực lượng, đào tạo cán bộ nghiệp vụ công an cho các địa phương, ưu tiên tập trung lo cho thành phố Sài Gòn – Chợ Lớn.

Được đồng chí Ủy viên Thường trực Xứ ủy (anh Ba Bường) thông qua đề cương giáo án giảng dạy, tôi cùng hai chiến sĩ bảo vệ mang ba lô lên đường xuống căn cứ Tỉnh ủy Tây Ninh ở Bời Lời để mở lớp đúng ngày đã triệu tập. Anh Sáu Hoàng thủ trại chuẩn bị dùi gáp căn cứ Xứ ủy từ rừng Dương Minh Châu bắc Tây Ninh qua căn cứ Mã Đà Chiến khu Đ, đồng thời lo đón tiếp đoàn cán bộ cao cấp từ Trung ương vào thành lập Trung ương Cục miền Nam thống nhất chỉ đạo cách mạng miền Nam theo nghị quyết Bộ Chính trị.

Từ rừng Xà Tia, chúng tôi ra Sóc Thiệt, Lò Gò rước anh Chín Nghĩa, nguyên Trưởng công an huyện Châu Thành đang công tác địch tình cùng đi với đoàn như đã hẹn trước (đồng chí Chín Nghĩa hiện nay là Thiếu tướng Bộ Công an, đã nghỉ hưu).

Anh Bảy Hải, phó Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh lúc bấy giờ nhiệt tình đón tiếp đoàn và phân công anh em giúp chúng tôi xây dựng lớp học.

Tôi viết bài huấn luyện về đường lối chính sách công an trên cơ sở những nguyên tắc chính trị và nghiệp vụ đã có thời chống Pháp.

Bài viết được anh Chín Nghĩa viết lại, in bột phát cho học viên theo dõi trong lúc giảng bài.

Gần 50 cán bộ an ninh của thành phố Sài Gòn – Chợ Lớn và các huyện phía Nam tỉnh Tây Ninh về dự, thời gian học gần 2 tháng.

Danh sách học viên tôi còn nhớ có mấy anh:

- Anh Năm Tấn tức Huỳnh Văn Bánh đã hy sinh.
- Anh Hai Mỏ tức Lê Văn Hảo – Anh hùng lực lượng vũ trang nguyên Phó Giám đốc Công an thành phố Hồ Chí Minh.
- Anh Khanh, anh Tư Gió Cuốn ở quận Tân Bình, đã hy sinh.

Lớp học bề mặt đơn giản nhưng đậm đà tình nghĩa đồng chí, đồng nghiệp cùng nhau quyết tâm giết giặc, trừ gian, chống biểu hiện hống hách cửa quyền, phải thấm nhuần tư tưởng Nguyễn Trãi “Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, lấy trí nhân thay cường bạo”, phải xả thân bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, góp phần giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

Tôi và anh Chín Nghĩa trở lại văn phòng Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh nhận một trung đội tân binh mới được tuyển để đưa về căn cứ Mã Đà Chiến khu Đ.

10 ngày lặn lội vất vả, chúng tôi về căn cứ ở Mã Đà Chiến khu Đ an toàn.

Căn cứ Mã Đà nằm trên vùng rừng có nhiều đồi dốc liền nhau, đồi cao, đồi thấp, rừng già, cây nhỏ, cây to hình thành nhiều tầng, nhiều lớp cây ngày không nhìn thấy ánh mặt trời, khí hậu quanh năm lạnh lẽo. Muốn tắm giặt phải xuống khe sâu có nước chảy theo ống nứa, đặt vào *mọi* trên cao chảy xuống. Nước lạnh buốt cả tuần mới dám tắm một lần, tắm nhiều lần sẽ bị sốt rét.

Đúng như lời dân gian: *Mã Đà sơn cước anh hùng tận*.

Hôm sau, anh Sáu Hoàng cùng tôi qua văn phòng Trung ương Cục báo cáo với anh Út và anh Hai Văn về kết quả một lớp đào tạo cán bộ Sài Gòn – Chợ Lớn và tân binh mới tuyển vào.

Nơi đây, chúng tôi mới biết Trung ương có nghị quyết thành lập Trung ương Cục, trực tiếp chỉ đạo cách mạng miền Nam đấu tranh chống Mỹ trên địa bàn từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà Mau (tức Nam bộ và cực Nam Trung bộ). Vì thế, Ban Bảo vệ trật tự an ninh Xứ ủy nay phải đổi tên là: “Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam” phạm vi hoạt động theo địa bàn của lãnh đạo Trung ương Cục.

Về tổ chức, Thường vụ Trung ương Cục chỉ định đồng chí Hai Văn – Phó Bí thư Trung ương Cục làm Trưởng ban An ninh, đồng chí Sáu Hoàng làm Phó ban, đồng chí Tư Thắng Ủy viên ban. Sau bổ sung thêm: đồng chí Mười Thanh làm Ủy viên ban, đồng chí Chín Nghĩa làm chánh văn phòng.

Thế là từ đây, Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam chính thức ra đời trên Chiến khu Đ, kế tục sự nghiệp bảo vệ trật tự an ninh Xứ ủy và tiếp tục nhiệm vụ công an thời chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam và Bộ Công an của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam đề nghị triệu tập, mở lớp thứ hai đào tạo cán bộ an ninh cho các tỉnh miền Đông Nam bộ và Trung bộ. Tôi cùng anh Mười Thanh, anh Chín Nghĩa và một số cán bộ chiến sĩ lên đường đi Thủ Dầu Một đến Long Nguyên, Bến Cát. Lớp học được xây dựng gần Bờ Càng.

Lớp thứ hai có sẵn giáo án và bài giảng cũ của lớp trước, có bổ sung và sửa chữa một số đoạn theo ý kiến đóng góp của học viên. Lần này, anh Ba Khá trợ giúp anh Chín Nghĩa trong khâu in bột, bảo vệ xây dựng nhà ở và vận chuyển lương thực.

Thời gian học dài hơn lớp trước một tuần.

Số lượng học viên trên 50 người, có một vài đồng chí là công an thời chống Pháp, tôi còn nhớ như:

– Đồng chí Sáu Bùi, Năm Xiêu (sau này là Phó Giám đốc công an tỉnh Đồng Nai), đồng chí Hai Thông (sau này là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai), đồng

chí Sáu Giò (Trưởng công an, Bí thư Huyện ủy Tân Biên (Tây Ninh), và nhiều đồng chí khác.

Lớp học bế mạc trong bầu không khí phấn khởi và lưu luyến. Anh Mười Thanh và tôi trở lại Mã Đà. Anh Chín Nghĩa và một số chiến sĩ ở lại Thủ Dầu Một để tuyển mộ tân binh theo tiêu chuẩn công an.

Về đến căn cứ Mã Đà, anh Sáu Hoàng cho biết Trung ương Cục quyết định chuyển toàn bộ các cơ quan Trung ương trở về căn cứ cũ ở Xa Mách (bắc Tây Ninh) vì nơi đây về chiến lược có nhiều thuận lợi về các mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, giao thông, tiếp tế hậu cần...

Theo sự phân công, tôi phải dẫn đầu đoàn cán bộ chính trị trung cao gần 60 đồng chí theo đường “dưới” xuống Tân Uyên về Nhà Đỏ gặp anh Chín Nghĩa, lấy thêm tân binh qua Bến Cát, Củ Chi lên Bời Lời về Xa Mách.

Một đoàn khác do đồng chí Mười Thanh dẫn đầu dẫn đi đường “trên” qua Đồng Xoài, Phước Long, Bình Long đến Cà Tum cùng về một điểm ở Xa Mách.

Mã Đà – Chiến khu Đ, một địa danh lịch sử nổi tiếng, nơi xây dựng tổ chức Trung ương Cục miền Nam, nơi khai sinh Ban An ninh Trung ương Cục miền Nam và một số ban ngành khác.

Địa danh Mã Đà Chiến khu Đ rất xứng đáng được dựng bia tưởng niệm lưu truyền giáo dục tinh thần yêu nước, chiến đấu gian khổ kiên cường cho con cháu các thế hệ về sau.

“LẤY SÚNG MÀ ĐÁNH GIẶC, CON OI!”

CHÂU QUỐC TUẤN (Ba Kiếng) (*)

Gần hai mươi năm làm việc ở Văn phòng Xứ ủy Nam bộ, rồi Trung ương Cục miền Nam (1957–1976) tôi có dịp sống và làm việc cùng đồng chí Nguyễn Văn Linh, chúng tôi gọi một cách thân thương là anh Út. Có nhiều điều hiểu biết về anh Út mà bây giờ nhắc lại tôi vẫn thấy gần gũi, ấm áp như người anh ruột thịt của mình, bên cạnh hình ảnh về người lãnh đạo mẫu mực.

Có thể nói, với tâm cỡ một người lãnh tụ như anh Út, trước bao sóng gió của cuộc đấu tranh cách mạng cũng như những thử thách với riêng mình, anh luôn là tấm gương sáng về sự đúng đắn trong chiến lược, nhạy bén linh hoạt trong phương pháp và cũng rất nghiêm túc trong chấp hành nguyên tắc Đảng. Đặc biệt, trong công tác vận động quần chúng, anh đã nổi lên là một cán bộ dân vận xuất sắc.

Tôi xin kể một vài sự kiện tôi được biết về anh như sau:

Những năm 1957–1959, sau khi đồng chí Lê Duẩn ra Bắc, đồng chí Phạm Hữu Lầu bệnh nhiều, anh Út giữ vai trò chính ở Xứ ủy Nam bộ. Có thể nói trong thời gian này, mỗi lần nhận báo cáo từ các nơi khác gửi về đều là những tin tổn thất, nhiều đồng chí bị bắt, nhiều cơ sở bị bể bạc, cái tin đau đớn nhất là vụ thảm sát Phú Lợi.

Nhưng rồi cũng có những báo cáo, nhất là từ Y1, 2, 3 (miền Đông, miền Trung và Tây Nam bộ) và những câu chuyện do cán bộ đi công tác về báo cáo lại làm anh Út cười thích thú và cũng suy nghĩ lung lắm.

Như câu chuyện một bà má ở An Giang dắt đưa con trai út lặn lội vào trong bụng kiếm cán bộ ta làm anh em phải trốn tránh hết hơi. Khi gặp, má nói rằng: *“Tao có ba thằng con trai, một đứa hy sinh hồi 9 năm, một thằng đang ngồi tù ngoài Côn Đảo, còn thằng Út đây tao giao cho bọn bây. Lấy súng mà đánh giặc, đừng có nói miệng tài với nó nữa, nó giết hết đó, con oi”*.

Một chị nữ cán bộ, sau nhiều lần bị địch truy lùng, phải đổi vùng hoạt động nhiều lần. Khi nhận được lệnh gọi đi học tập nghị quyết, chị có nói một câu xanh rờn: *“Đi học đánh giặc thì đi, còn đi học năn nỉ thì thôi, không đi nữa”* (ý nói hình thức đấu tranh chính trị).

Và rất nhiều vụ, quần chúng bị truy bức rượt bắt lính, lừa vô khu trù mật. Túng thế, anh em dùng đất cục ném lại, địch tưởng bị lựu đạn nằm rạp xuống, anh em chạy thoát. Hoặc có nhóm đang gặt lúa, tức quá lấy lưỡi hái chém bọn chúng

* Nguyên Chánh Văn phòng Trung ương Cục miền Nam.

rồi tháo chạy vào rừng sống bất hợp pháp – gọi là cái túi bất hợp pháp, nhiều nơi họ tự động kiểm súng, cướp súng của tề nguỵ để tự vệ.

Qua nhiều lần đi công tác về báo cáo trực tiếp, cộng với đọc báo cáo từ các nơi gửi về, anh Út chủ trì Hội nghị Xứ uỷ. Anh kết luận ba vấn đề chính:

Một là, lòng dân thực sự mong muốn dùng vũ trang đánh địch chứ không phải ý muốn chủ quan của cán bộ (bởi vì lúc đó cũng có ý kiến cho rằng vì cán bộ ngại tuyên truyền vận động đấu tranh chính trị hợp pháp nên đòi đấu tranh vũ trang, lập chiến khu). Dù ta cố lèo lái dùng hình thức đấu tranh đòi hòa bình, thống nhất đất nước nhưng vì bức xúc quần chúng cũng tự phá rào.

Hai là, địch càng khủng bố đàn áp dồn dân vào lập ấp chiến lược, khu trù mật, càng diễu võ giương oai chúng càng bị quần chúng căm ghét, ý thức chống lại chúng càng cao thì càng rơi vào thế suy yếu, thất bại về chính trị nặng nề hơn. Ta cần nhận ra điều đó để giúp quần chúng giữ vững lòng tin, sáng tạo nhiều hình thức đấu tranh chống địch.

Ba là, đối với lòng dân, nhất là nông dân ở vùng được chính quyền kháng chiến cấp đất, cần hướng dẫn cho bà con dùng lý lẽ hợp pháp đấu tranh chống chủ trương của địch cướp đất của nông dân cấp cho tề nguỵ hoặc đưa đồng bào miền Bắc di cư vào chiếm, gây mâu thuẫn trong nội bộ nông dân.

Tôi còn nhớ lúc đó nhiều nơi như ở Tây Ninh có khu dinh điền Bàu Cỏ, khu di cư Cao Xá, ở Kiên Giang có khu di cư Cái Sắn địch đưa hàng mấy vạn đồng bào di cư đến đó và bảo làm khế ước nhận đất. Đồng bào đã được cán bộ ta hướng dẫn chống lại, với cái lý là làm như thế chẳng khác nào là bắt chúng tôi suốt đời làm mướn như phu cao su ngày trước. Hơn nữa, đồng bào di cư cũng không muốn đụng chạm đến quyền lợi ruộng đất của nông dân địa phương.

Xứ uỷ một mặt phản ánh tình hình đấu tranh của quần chúng, một mặt xin ý kiến của Trung ương và chờ đợi một chủ trương chiến lược mới.

Sự kiện thứ hai tôi cho rất đáng nhớ là khoảng đầu năm 1959, lúc đó chưa có văn bản Nghị quyết 15 của Trung ương. Rải rác nhiều nơi ở Nam bộ quần chúng đã tự động nổi dậy đấu tranh có kết hợp vũ trang, ban đêm, số thanh niên nòng cốt nổi lên diệt ác ôn, ban ngày quần chúng kéo vào đồn đòi đảm bảo an ninh và đòi trở về ruộng vườn cũ làm ăn. Anh Út đã chỉ đạo Văn phòng Xứ uỷ kịp thời tổng kết những kinh nghiệm phong phú đó của các địa phương, nên khi Trung ương có Nghị quyết 15, ta đã có tích lũy một số kinh nghiệm để xây dựng kế hoạch chỉ đạo ra diện rộng.

Trong các phong trào vừa kể trên, Bến Tre là địa phương vận dụng rất sáng tạo, làm được cuộc Đồng khởi thắng lợi vang dội mà vẫn giữ được thế hợp pháp của quần chúng. Địch điên tiết vì thua đau, vì bị dân đánh mà không đánh lại được.

Cứ sau đêm diệt ác phá kềm, sáng lại biết rằng địch sẽ đưa lực lượng bảo an hay chủ lực đi càn, nên thay vì chạy cho xa địch, quần chúng lại bông bế, gồng gánh nhau chạy sát vào đồn bót dinh thự của địch, viện lý sợ quốc gia đánh Việt cộng trúng nhằm dân nên chạy về gần quốc gia là yên nhất.

Trước lập luận như thế của quần chúng, địch vô cùng lúng túng, không biết đối phó ra sao nên đổ thừa là tại cấp trên tất cả.

Anh Út còn chủ trì bàn bạc để có những chủ trương rất quan trọng mang tính chiến lược khác. Lúc đó gọi là các bừa pháp cách mạng. Đó là vấn đề Đảng lãnh đạo mặt trận đoàn kết dân tộc, vấn đề lực lượng vũ trang và vấn đề căn cứ địa cách mạng.

Về vấn đề xây dựng Đảng, có đồng chí cán bộ nói phải quan tâm đến vấn đề “Đảng viên bốn tốt”. Anh Út bảo rằng: “Mấy tốt là tùy tình hình cụ thể nhưng cái tốt thứ nhất ở miền Nam hiện nay là phải bám dân và phá áp chiến lược của địch. Bởi vì thằng địch đang tìm mọi cách chia rẽ dân với Đảng, thứ nhì là phải bám địch mà đấu tranh cho có hiệu quả”.

Vấn đề đặc biệt lúc đó là việc tổ chức cơ sở Đảng ở các vùng địch tập trung dân vào áp chiến lược, khu trù mật, vùng ven... Anh Út chủ trương những nơi ấy có thể có hai chi bộ: Một chi bộ mật hoạt động trong lòng địch thực hiện ba bám (bám dân để củng cố niềm tin, hướng dẫn dân đấu tranh chống địch; bám đất cùng với dân sản xuất tự túc, xây dựng lõm chính trị; bám địch để nắm tình hình, khai thác mâu thuẫn địch làm binh vận và phục vụ chiến đấu...). Một chi bộ hoạt động bất hợp pháp có lực lượng vũ trang tự vệ tạo thế cho chi bộ mật.

Đối với bộ máy tề ngụy, ta có thể xây dựng tề hai mặt, hoặc cài người tốt vào để không đàn áp dân và có thể giúp dân việc này, việc khác đấu tranh về dân sinh dân chủ.

Để chuẩn bị cho sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, anh Út chủ trì cho anh em bàn rất kỹ. Nào là chọn màu sắc, hình thức của lá cờ, nào là chọn nhân sự tiêu biểu, nào là nội dung bản cương lĩnh, bản tuyên bố, địa điểm, thời điểm làm lễ ra mắt...

Sau khi cân nhắc kỹ, anh Út quyết định tìm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ cử làm Chủ tịch Mặt trận vì ông Thọ là một nhân vật lịch sử, một trí thức tiêu biểu, có quá trình chống Pháp và Mỹ. Ông là người lãnh đạo cuộc biểu tình của nhân dân Sài Gòn đuổi tàu Mỹ vào cảng Sài Gòn ngày 19-3-1950. Anh Út trực tiếp viết thư cho Khu ủy Khu V nhờ phối hợp hỗ trợ giải thoát cho Luật sư Nguyễn Hữu Thọ (lúc này đang bị đày tại Phú Yên).

Tôi còn nhớ rõ chính anh Út đã chỉ đạo lên kế hoạch cụ thể giải thoát Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và chuẩn bị các điều kiện để khi Luật sư về đến căn cứ Trung

ương Cục là tiến hành Đại hội bầu Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đại hội sau đó đã bầu đoàn Chủ tịch do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, bác sĩ Phùng Văn Cung làm Phó Chủ tịch và nhiều nhân sĩ tiêu biểu khác.

Mặt trận được triển khai tổ chức đến cấp tỉnh và huyện. Còn ở cấp xã thông thường là hình thức chính quyền tự quản hay còn gọi là mặt trận đều phải do yêu cầu, do tình hình của từng nơi. Điều quan trọng là đừng làm cho dân bị đẩy vào thế bất hợp pháp, khó ứng phó với địch.

Đối với đồng bào bị dồn vào các khu trù mật, áp chiến lược cũng cần có cách tháo gỡ tâm tư cho bà con vì địch kèm kẹp rất gắt, bà con cần đi lại làm ăn phải xin phép, phải có giấy tờ. Anh Út đã chỉ đạo cần quan tâm đến hoàn cảnh này của dân, loại giấy tờ nào cần thì dân cứ việc xin giấy phép của bọn tề ngụy giữ thế hợp pháp, đồng thời đấu tranh đòi nói lỏng kèm kẹp cho dân dễ dàng làm ăn, một mặt tìm cách xé rào đi đến phá toàn bộ, tên tề nào ác ôn thì diệt đúng người, đúng tội.

Về căn cứ cách mạng, để chuẩn bị thành lập căn cứ Trung ương Cục, tháng 4–1961, Văn phòng Xứ ủy chuyển về Chiến khu Đ (căn cứ Mã Đà). Vì nếu tính về khoảng cách thì ở Chiến khu Đ là trung tâm từ Khu V vào, từ miền Tây Nam bộ lên, từ Tây Nguyên và các tỉnh khác của Nam bộ và cực Nam Trung bộ đều gần hơn so với vùng Bắc Tây Ninh. Nhưng ở Chiến khu Đ chỉ khoảng 6 tháng mà tình hình sức khỏe của anh em sụt hẳn vì sốt rét ác tính, vì rừng thiêng nước độc, vì đường tiếp tế lương thực khó khăn, hơn nữa thông tin liên lạc đi và về cũng cách trở chậm trễ.

Sau hội nghị thành lập Trung ương Cục tháng 10–1961, với nhiệm vụ Bí thư Trung ương Cục, anh Út lại đưa vấn đề chọn điểm đứng chân của Văn phòng Trung ương Cục và các ban xung quanh Trung ương Cục ra bàn bạc. Có rất nhiều ý kiến khác nhau, mọi người tranh luận rất sôi nổi. Cuối cùng, Trung ương Cục quyết định dời cơ quan trở về Bắc Tây Ninh. Ban An toàn khu được thành lập để đi trước chuẩn bị mọi mặt cho căn cứ Trung ương Cục ở Bắc Tây Ninh.

Có thể nói quá trình bàn bạc các bửa pháp cách mạng tôi kể ở trên là quá trình phát huy dân chủ nội bộ rất cao. Trong vai trò người chủ trì các cuộc hội nghị, anh Út luôn luôn khơi gợi để anh em mạnh dạn phát biểu ý kiến. Nhiều khi ý kiến tranh cãi kịch liệt, có lúc phùng xè với nhau, thậm chí có ý kiến ngược lại với ý kiến của anh Út. Nhưng tôi thấy anh lúc nào cũng bình tĩnh lắng nghe, suy ngẫm cân nhắc rất kỹ, sau đó mới giải quyết từng vấn đề cụ thể có lý có tình. Vì thế, nên mọi người lại thoải mái với nhau, và các trận cười giòn tan quanh bàn túlôkhơ, hoặc đong đưa trên võng quanh câu chuyện tiêu lâm của anh Hai Già nối tiếp nhau không dứt.

Một sự kiện tôi cho là có tầm chiến lược quyết định là khoảng đầu năm 1970, sau hai đợt tấn công bất ngờ của ta đánh vào các đô thị miền Nam Tết Mậu Thân và cũng là sau khi Lon Non lật đổ Sihaouk, anh Út lúc đó là Phó Bí thư Trung ương Cục, đã nêu hai vấn đề lớn:

Một là, ta cần chuyển hướng chỉ đạo chiến lược. Hồi Tết Mậu Thân ta tập trung đánh vào đô thị với ý đồ đánh tan tinh thần hiếu chiến xâm lược của Mỹ, nhưng về quân sự ta chưa đủ diệt gọn chúng, lực lượng quân sự của địch đang trội hơn ta. Cả quân Mỹ và quân các nước chư hầu có đến 600.000 tên. Ta tấn công được đợt một là nhờ yếu tố bất ngờ. Nay yếu tố đó đã hết, địch đã tỉnh hồn, nếu ta cứ tiếp tục tấn công kiểu đó thì rất bất lợi.

Tôi còn nhớ câu nói của anh Út: *“Bây giờ thằng địch tự thấy tương quan nó hơn mình chứ không phải nó hoang mang vì thấy nguy cơ tới nơi như hồi đợt 1 Mậu Thân đâu. Nếu bây giờ mình để nó tỉnh lại, nó đánh vào nông thôn thì mình gặp khó khăn hơn, cho nên mình phải chủ động vừa đứng vững ở nông thôn, vừa khôi phục lại các lực lượng Đảng, kể cả quân sự địa phương, quân du kích ở các vùng đô thị”.*

Tôi cũng muốn nhắc lại rằng lúc đó địch cũng đã có chủ trương “bình định cấp tốc” rồi và nó làm rất quyết liệt. Nếu ta không thủ ở nông thôn cho vững, đồng thời khôi phục lực lượng ở đô thị đã bị địch đánh bể bạc nhiều sau đợt Mậu Thân thì không thể nào đủ sức làm nhiệm vụ nổi dậy tổng khởi nghĩa trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Ý kiến trên của anh Út được các khu ủy và các địa phương đồng tình và triển khai thực hiện tích cực. Chủ trương này cho thấy rõ hai tác dụng lớn:

– Quân địa phương của ta đã được khôi phục kịp thời nên khi vào Chiến dịch Hồ Chí Minh đã hợp đồng tác chiến rất hiệu quả, hỗ trợ đồng bào nổi dậy giành chính quyền.

– Đại quân ở miền Bắc vào đông hơn bất cứ lúc nào, thực hiện quả đấm chiến lược đã làm chuyển tương quan lực lượng ta trội hơn hẳn địch cộng với lực lượng vũ trang và chính trị tại chỗ thực hiện tổng tiến công thần tốc, giải quyết chiến trường nhanh gọn.

Hai là, đối với Campuchia – anh Út nêu vấn đề phối hợp với lực lượng cách mạng Campuchia.

Sau khi Sihanouk bị Lon Nol lật đổ, nhân dân Campuchia rất phần uất mong muốn khôi phục lại vị trí của Sihanouk. Lúc đó, anh Út cùng với Bộ Chỉ huy Miền chỉ đạo một loạt các trận đánh có sự phối hợp với lực lượng cách mạng của bạn. Chỉ trong vòng 10 ngày ta đã giải phóng được 6, 7 thị xã của bạn (từ Stung-treng đến Kompongcham). Phải nói đó là cú bất ngờ lớn đối với Mỹ – nguy ở miền Nam

vì nó tưởng rằng dựng được chính quyền Lon Nol là có thể phối hợp với Lon Nol tiêu diệt căn cứ đầu não Trung ương Cục, khống chế đường mòn Hồ Chí Minh. Không ngờ nó đánh hụt, rồi mất trớn, té đau, còn bị mất thêm đến 6, 7 tỉnh vùng giáp biên giới Việt Nam– Campuchia.

Tôi được biết đồng chí Nguyễn Văn Linh – anh Út từ những ngày đầu chống thực dân Pháp. Anh vừa là Bí thư Thành ủy Sài Gòn, vừa có chân trong Xứ ủy Nam bộ. Nhưng tôi có dịp gần gũi và hiểu anh nhiều nhất là từ thời gian tôi là Phó Văn phòng rồi Chánh Văn phòng Xứ ủy Nam bộ và Văn phòng Trung ương Cục. Ngoài những phẩm chất cao đẹp và phong cách mẫu mực của người lãnh đạo thể hiện qua những sự kiện tôi đã kể trên, tôi đặc biệt quý mến anh bởi hai cá tính:

– Có thể nói, cuộc đời cách mạng của anh Út phần lớn gắn với Nam bộ, đặc biệt là với Sài Gòn – thành phố Hồ Chí Minh. Anh Út am hiểu tâm lý, tình cảm, lối sống của người dân Nam bộ và hòa nhập như chính anh là người miền Nam mặc dù anh gốc ở Hưng Yên. Anh yêu quý cá tính bộc trực, ngang ngang mà tốt bụng của đám lính trẻ người miền Nam và anh cũng thích ăn mắm như người miền Nam.

– Anh hay tìm hiểu, hay hỏi, hay nghe, nhất là những đối tượng cần nghe, anh nghe cả những ý kiến ngược lại và anh hỏi lại cặn kẽ. Đôi khi bị anh hỏi dồn, anh em lúng túng, nhưng họ dám nói hết sự thật với anh. Nhiều lúc tôi nghĩ, chúng tôi là cán bộ chuyên nghiên cứu, hay tìm tòi mà chúng tôi chưa tìm hiểu được như anh. Có lẽ nhờ vậy mà trước những bước ngoặt của lịch sử, anh phát hiện vấn đề khá sớm, đề xuất được những chủ trương đúng đắn kịp thời. Đó vừa là cá tính vừa là bản lĩnh đặc sắc của anh.

Còn những vấn đề thuộc về nội bộ, đâu có đơn giản. Nhất là sau này, có một số chuyện nhỏ thôi, anh em không thật bằng lòng về một số ý kiến phát biểu của anh, tôi cho là điều dễ hiểu. Vì đâu có ai suốt đời không có thiếu sót, hoặc nhất thời không tự kiểm chế được. Tôi tin rằng anh em cũng hiểu và thông cảm được. Nhưng những điều còn lại mãi mãi trong chúng ta, đó là người lãnh tụ, người anh cả hết mực yêu dân, yêu nước, thâm tình với đồng chí, bạn bè. Anh đã ra đi trong niềm thương tiếc vô hạn của mọi người.

Hồng Nhật (ghi)

BUỔI ĐẦU THÀNH LẬP TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM (1961–1962)

TÔ BỬU GIÁM (*)

I.

Sau Hội nghị Trung ương 15 (đợt I), đồng chí Phạm Văn Đáng (Hai Văn) và đồng chí Phạm Văn Xô (Hai Xô) về miền Nam vào cuối tháng 4–1959. Trước khi về, hai đồng chí đã gặp Bác Hồ nghe những lời dặn dò của Bác, đại ý: Ý kiến Trung ương chưa thống nhất nên chưa ra Nghị quyết... Các chú về báo cáo với Xứ ủy, mình chịu trách nhiệm trước dân, trước Đảng, trực tiếp cọ xát với địch, không thể để cho chúng tiêu diệt cách mạng miền Nam. Hình thức đấu tranh cụ thể thế nào, các đồng chí quyết định (theo ý kiến phát biểu của đồng chí Phạm Văn Xô tại cuộc tọa đàm về Xứ ủy Nam bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954–1975) tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 29–9–1998).

Ngày 14–11–1959, nhận được điện của Ban Bí thư về Nghị quyết 15 (sau khi họp Trung ương lần 15 đợt II), Xứ ủy Nam bộ triệu tập ngay Hội nghị Xứ ủy mở rộng lần IV bàn việc triển khai Nghị quyết Trung ương 15 và ý kiến chỉ đạo của Bác Hồ. Hội nghị đã kiểm điểm sự lãnh đạo của Xứ ủy thời gian trước đó và ra nghị quyết đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng mạnh mẽ và sâu rộng hơn, đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền đi đôi với việc diệt ác, phá kềm kẹp, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, xúc tác công tác binh vận, nâng cao ý thức căm thù giặc và quyết tâm đấu tranh đánh đổ ách thống trị của địch.

Để trực tiếp theo dõi và chỉ đạo các liên tỉnh và Tỉnh ủy trong việc thực hiện Nghị quyết này, Xứ ủy Nam bộ chuyển bộ máy lãnh đạo về căn cứ Đồng Rùm (Tây Ninh). Tại đây, Xứ ủy tổ chức Hội nghị các đoàn thể Công, Nông, Thanh, Phụ, các Tôn giáo, Đảng phái thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam vào tháng 12–1960. Văn phòng Xứ ủy theo dõi chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết, phát động nổi dậy, phá kềm, diệt ác, tuyên truyền vũ trang, đấu tranh chính trị song song với đấu tranh quân sự ở các nơi, cũng như việc phối hợp với Ban An ninh xây dựng các căn cứ chính, căn cứ dự bị cho Xứ ủy và các ban ngành của Xứ ủy.

Tháng 01–1961, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần 3 (khóa III) đặt vấn đề thành lập Trung ương Cục miền Nam, do Trung ương trực tiếp lãnh đạo, để phụ trách phong trào cách mạng miền Nam, từ Trị Thiên trở vào, thay cho Xứ ủy Nam bộ và Liên Khu ủy V được giải thể.

*

Nguyên Phó Văn phòng Trung ương Cục miền Nam.

Tháng 10–1961, theo Chỉ thị của Ban Bí thư, Trung ương Cục miền Nam được thành lập gồm các đồng chí Ủy viên Trung ương được bầu trong Đại hội III đang công tác ở miền Nam và sẽ bổ sung thêm nếu có đồng chí Ủy viên Trung ương nào được điều từ miền Bắc vào.

Để chuẩn bị cho Hội nghị thành lập này, dự kiến sẽ họp ở Chiến khu Đ, toàn thể Xứ ủy Nam bộ và các ban ngành Xứ ủy tổ chức chuyên về Mã Đà. Tại đây, tổ chức đón các đồng chí từ Trung ương, từ Trị Thiên liên khu V vào họp và thành lập bộ máy giúp việc Trung ương Cục.

Căn cứ mới này còn gọi là khu A ở Đông Bắc miền Đông, được Trung ương Cục giao xây dựng từ tháng 3–1961, gồm Chiến khu Đ cũ mở rộng đến Đông Quốc lộ 13, nối liền với Nam Tây Nguyên. Khu A là một khu rừng già, cây rừng rậm rạp, máy bay địch khó phát hiện. Đây là địa bàn rất thuận lợi cho việc vận tải, giao thông ra miền Trung và miền Bắc, có thể bảo vệ tốt cơ quan đầu não, đảm bảo việc xây dựng, bảo toàn lực lượng quân sự, chính trị, hậu cần, nhận chi viện của miền Bắc để sắp xếp, tổ chức, phân phối cho các khu vực.

II.

Trung ương Cục mới thành lập năm 1961–1962 đóng tại Mã Đà, Chiến khu Đ, buổi đầu gồm 9 ủy viên Trung ương. Gồm các đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc), Phan Văn Đáng (Hai Vãn), Võ Văn Kiệt (Sáu Dân), Trần Lương (tức Trần Nam Trung, Hai Hậu), Võ Toàn (tức Võ Chí Công, Năm Công), Nguyễn Đôn, Trương Chí Cương (Tư Thuận), Phạm Thái Bường. Sau có thêm đồng chí Trần Văn Quang (Bảy Tiến) ở Trung ương vào, tổng số là 10 người. Trung ương Đảng chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) làm Bí thư, các đồng chí Võ Chí Công, Phan Văn Đáng là Phó Bí thư.

Bộ máy giúp việc Trung ương Cục ban đầu rất gọn nhẹ, gồm có các ban ngành chính như:

– Văn phòng Trung ương Cục: Chánh Văn phòng, đồng chí Nguyễn Hữu Thế. Phó Văn phòng, đồng chí Châu Quốc Tuấn.

– Ban Tổ chức: Trưởng ban: Phan Văn Đáng, hai Phó ban là Nguyễn Văn Ngựet (Ba Lâm, Ba Rừng), Lê Tự Nhiên.

– Ban Tuyên huấn: Trưởng ban: Nguyễn Văn Linh, Phó ban: Trần Bạch Đằng (Năm Quang, Tư Ánh).

– Ban Bảo vệ an ninh: Trưởng ban: Phan Văn Đáng, Phó ban: Cao Đăng Chiếm (Sáu Hoàng), Ủy viên ban: Huỳnh Việt Thắng (Tư Thắng), Lê Văn Còn, Huỳnh Anh, Thái Doãn Mười.

– Ban Quân sự: Chỉ huy trưởng: Trần Văn Quang; Chính ủy: Trần Lương; Chỉ huy phó: Nguyễn Hữu Xuyên; Ủy viên: Phạm Văn Xô, Phạm Thái Bường.

– Ban Binh vận Xứ ủy đổi thành Ban Binh vận Trung ương Cục. Trưởng ban: đồng chí Phan Văn Đáng, Phó ban: Hoàng Minh Đạo (Năm Thu, Năm Đồi), Ủy viên: Nguyễn Đức Thân (Hai Thân).

– Ban Giao–bưu–vận: Trưởng ban: Nguyễn Chí Quyết (Dụng, Chín Quyết), Phó ban: Trần Văn Thâm (Ba Cao), Nguyễn Văn Hóa (Sáu Tiến), Ủy viên: Trần Nam Thống (Đức).

– Ban Thông tin liên lạc: Trưởng ban: Nguyễn Thành Danh (Sáu Đại), Phó ban: Đỗ Bông (Ba Bông), Ủy viên: Bùi Nê (Bảy Nê), Vũ Đức Ban (Mười Phong).

– Ban Cơ yếu: Trưởng ban: Nguyễn Văn Hằng (Chín Ròm).

Phụ trách lo xây dựng căn cứ chính trị và dự bị, bảo vệ căn cứ có các đồng chí Lê Thanh, Lâm Quốc Đăng, Nguyễn Tương Lai (Tám Lai), Phan Văn Hoán (Ba Hoán).

Các ban giúp việc Trung ương Cục rất ít người, đại bộ phận là cán bộ. Các đồng chí vừa lo công tác chuyên môn của mình, vừa lo xây dựng nhà ở, đào giếng, sản xuất, tải gạo, nấu nướng, bảo vệ cho các đồng chí lãnh đạo, chăm sóc người đau yếu. Nhà ở chỉ là những mái che, chỉ có vách che mưa gió, không cửa, là nơi ăn ở và hội họp. Bàn ghế, giường nằm đều làm bằng cây lồ ô. Anh em đều mắc vòng ngủ, trừ một ít đồng chí lãnh đạo và già yếu nằm giường.

Chỗ Trung ương Cục ở là trên đồi Cối Xay, có một ngôi nhà vuông lớn cho các đồng chí lãnh đạo ở, làm việc và hội họp. Các ban đều có một chòi nhỏ của mình. Văn phòng Trung ương Cục gồm có Tổ Văn thư và bộ phận tài chính. Cơ yếu, điện đài có những nhà nhỏ ở riêng để đảm bảo bí mật cho căn cứ.

Mã Đà là vùng rừng thiêng, nước độc chưa được khai phá để trồng trọt. Anh em phải đi tải gạo từ xa về ăn. Nơi nhận gạo là Đất Cuốc, Tân Tịch, đi về mất cả tuần lễ. Tất cả các cán bộ, trừ các đồng chí Trung ương Cục, đều đi tải gạo. Mỗi người mang trên lưng một bông, với ít gạo để ăn khi đi và tải gạo (tùy theo sức) khi về. Về tới nơi, bông của cán bộ già yếu chẳng còn bao nhiêu gạo vì phải ăn bận về. Gạo đã thiếu nhưng bệnh sốt rét không tha anh em. Anh cũng phải trải qua những cơn sốt rét gọi là “đóng thuế rừng”.

Tuy thiếu đói, bệnh tật như thế nhưng tất cả các cán bộ ban ngành đều chịu đựng một cách tự nguyện và sẵn sàng làm hết sức mình để phục vụ Trung ương Cục. Bảo vệ an toàn có Ban An ninh, bộ phận lo căn cứ. Đảm bảo việc lãnh đạo phong trào qua liên hệ với Trung ương và các địa phương có Văn phòng cùng Ban Cơ yếu, Thông tin và Giao bưu. Giải quyết khó khăn về đời sống, bộ phận tài chính, bộ phận sản xuất và hậu cần trực thuộc Văn phòng Trung ương Cục.

Trong các ban ngành này, khó khăn nhất có lẽ là Văn phòng Trung ương Cục trong việc bảo vệ sức khỏe cho các đồng chí lãnh đạo già yếu trong điều kiện ăn ở trong rừng sâu, đồng thời các điều kiện cần thiết để các đồng chí làm việc, như đảm bảo liên hệ trực tiếp thường xuyên với Trung ương và các địa phương qua cơ yếu, điện đài, giải mã các bạch thư các địa phương gửi đến trình lãnh đạo, dự thảo

các điện và Đảng văn viết bằng mực hóa học, gói ghém cẩn thận để các giao liên công khai có thể đưa đến các địa chỉ cần đưa tới an toàn.

Nổi bật nhất trong thời gian ở rừng sâu là tinh thần thương yêu đoàn kết nhau như ruột thịt, chan hòa giữa lãnh đạo và cán bộ, chăm sóc, lo lắng từng chút, chọn cái gì tốt nhất để bồi dưỡng cho các đồng chí lãnh đạo và cán bộ đau bệnh.

III.

Sau khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15, phong trào chuyển lên thế tấn công mạnh mẽ và sâu rộng. Đồng khởi phát triển rầm rộ ở các nơi, nhất là ở Nam bộ. Tin tức gửi về dồn dập. Việc lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp phong trào đặt ra yêu cầu cơ quan đầu não phải ở sát địa phương hơn để dưới báo cáo về nhanh chóng và trên chỉ đạo kịp thời.

Hội nghị Trung ương Cục họp xét thấy căn cứ Khu A ở rừng vùng núi hiểm trở rất an toàn, nối liền thông suốt với Tây Nguyên, miền Trung và miền Bắc để tiếp nhận sự chi viện và giúp đỡ của Trung ương. Nhưng không thuận lợi cho việc chỉ đạo phong trào ở Sài Gòn và các vùng nông thôn Nam bộ đang sục sôi khí thế đấu tranh. Mặt khác, việc ăn ở và tiếp tế bảo đảm đời sống và sức khỏe cán bộ ở đây khó khăn. Vì thế, nên quyết định dời cơ quan lãnh đạo Trung ương Cục về căn cứ phía Tây Bắc, vùng Bắc Tây Ninh, sát biên giới Campuchia. Ở đây, cuộc sống trong rừng núi cũng gian khổ, nhưng khí hậu và thời tiết ít gay gắt khắc nghiệt hơn ở khu Đông Bắc, còn được thuận lợi là liên lạc dễ dàng với Sài Gòn, bằng nhiều đường công khai, nửa công khai. Tin tức, báo chí, các phương tiện cần thiết cho công tác từ Sài Gòn lên đây dễ dàng và nhanh chóng. Từ khu căn cứ Tây Bắc, qua Ba Thu, Đức Hòa, Đức Huệ, ta có thể liên hệ dễ dàng với các tỉnh ở Khu 8, Khu 9 là trung tâm phong trào nổi dậy ở nông thôn đồng bằng thời bấy giờ. Khu Đông Bắc, ta vẫn tiếp tục xây dựng làm đầu cầu giao thông vận chuyển, tiếp đón và tiếp nhận cán bộ chiến sĩ, phương tiện vũ khí từ miền Bắc chi viện vào. Thế liên hoàn giữa khu căn cứ Tây Bắc và Đông Bắc vẫn bảo đảm. Sự liên lạc và chỉ đạo của Trung ương Cục với các tỉnh miền Đông như Long Khánh, Bà Rịa, Khu C và các tỉnh Trung bộ vẫn xuyên suốt. Do dựa vào biên giới Campuchia, căn cứ của Trung ương Cục càng tăng thêm tính cơ động, dễ tiến thoái và tạo được mối quan hệ phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa hai nước.

Sau quyết định trên, các cơ quan Trung ương Cục lần lượt chuyển về căn cứ mới, đóng thành từng cụm: cụm Thường vụ và Văn phòng, cụm Quân sự, cụm Mặt trận, cụm Tuyên huấn, cụm Kinh tài... ở các địa điểm dân cư trước đây nhưng đến thời điểm đó dân đi hết như: Đồng Rùm, Đồng Pan, Rùm Đuôn, Chàng Riệc, Xa Mát, Cà Tum, Bồ Túc...

Cuối năm 1962, tất cả các cơ quan Trung ương Cục đều di chuyển hết về khu căn cứ Bắc Tây Ninh. Lúc đầu, người còn ít, công tác bảo mật rất chặt chẽ trong việc ăn, ở, đi lại trong căn cứ. Các cụm từ “*đi không dấu, nấu không khói, nói không nghe tiếng*” cộng thêm “*không được có tiếng gà gáy, tiếng khóc trẻ con,*

không lọt ánh sáng đèn ban đêm” v.v... đã trở thành những hiệu lệnh nghiêm khắc của căn cứ.

Sau này, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng trên toàn Miền, lại được chỉ viện lớn của miền Bắc và lực lượng từ các tỉnh đưa về, các ban ngành đã tăng thêm sức mạnh tham mưu, trợ thủ đắc lực giúp Trung ương Cục hoàn thành sứ mạng vẻ vang của mình.

Thắng lợi tuyệt vời của nhân dân ta đánh bại đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc không tách rời khỏi sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta, trực tiếp tại chiến trường là Trung ương Cục miền Nam, tồn tại từ năm 1961 đến 1976.

Trong suốt thời gian này, Trung ương Cục đã đóng ở nhiều căn cứ. Trung ương Cục lúc đầu 10 người sau có thay đổi và bổ sung thêm nhiều đồng chí từ Trung ương cử vào, lúc đầu phụ trách cả miền Nam từ Trị Thiên trở vào (1961–1967) sau phụ trách B2 (Nam Trung bộ và Nam bộ)

Trong những ngày tháng gian khổ của cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước vĩ đại, một giai đoạn không thể quên được là buổi đầu thành lập Trung ương Cục (10–1961) và thời gian đóng ở khu A, khu Đông Bắc năm 1961–1962, những năm cực kỳ gian khổ nhưng rất vẻ vang của lịch sử Trung ương Cục miền Nam.

Kỷ niệm những năm này mãi mãi in sâu đậm trong lòng quân dân, cán bộ ở căn cứ Khu A miền Đông Nam bộ và những người đã sống cạnh Trung ương Cục miền Nam thời chống Mỹ.

ANH CÒN SỐNG MÃI

NGÔ THỊ HUỆ (*)

Dẫu biết rằng sinh tử là quy luật của tạo hóa. Nhưng anh ra đi, nỗi đau này là khôn cùng đối với con cháu và tôi!

Trong những ngày anh sắp chia tay lần chót, và trong tang lễ, tôi gắng gượng làm chỗ dựa cho con cháu. Sau đó do tuổi tác, đau buồn chồng chất, tôi ngã bệnh. Rồi cũng nhờ thầy thuốc, bạn bè đồng chí, những người đã từng hết lòng lo cho anh bây giờ tập trung lo cho tôi, và các con tôi đêm ngày chăm lo thuốc thang cho mẹ, sức khỏe của tôi cũng dần dần phục hồi. Và tôi trở lại với công việc bình thường của mình như thuở anh còn sống.

Ngày ngày tôi vẫn thường vào phòng của anh làm một việc gì đó, khi thì lau lại cái bàn, lúc thì xếp lại chồng sách báo, khi thì kéo tấm trải giường cho thẳng thơm. Mọi thứ đều là kỷ vật gợi nhớ đến anh và trong tâm trí của tôi hồi ức về cuộc đời anh lại hiện lên như không thể dứt được.

TỪNG CHẶNG ĐƯỜNG ĐỜI CỦA ANH

Anh sinh ra trong một gia đình nghèo, cha là cụ Nguyễn Đức Lan làm nghề dạy học, mẹ tảo tần buôn bán kiếm thêm chút đỉnh tiền phụ vào đồng lương ít ỏi của chồng.

Sống giữa Hà Nội, lên bốn tuổi anh đã mồ côi cha. Gánh nặng nuôi nấng, dạy dỗ ba chị em anh đè trĩu lên đôi vai gầy của mẹ. Rồi người chị hai của anh bệnh không có tiền thuốc thang lại qua đời. Thêm một sự đau buồn khiến cho mất mẹ lúc nào cũng đâm chiêu nghĩ ngợi nhớ người chồng, người con vừa mới khuất. Nhiều khi nhà hết gạo, mà trong nhà chẳng còn một vật gì đáng giá để cầm, để bán nên mẹ cứ phải vay mượn hàng xóm, và nợ cứ chất chồng... Thương mẹ lắm, nhưng tuổi thơ có biết làm gì đâu? Mẹ con ôm nhau khóc, tủi cho số phận nghiệt ngã.

Bà nội và chú ruột anh – ông Nguyễn Đức Thụ – xót thương đưa anh về nuôi cho ăn học. Biết thân phận nên anh chăm chỉ học để không thua kém bạn bè. Một hôm đang đi học, được tin mẹ ốm nặng, anh hồi hả chạy về. Gặp lại mẹ bị lao phổi nặng, thân hình gầy nhom, nay chỉ nhận ra cặp mắt đâm chiêu như ngày nào, anh chỉ còn biết ôm mẹ khóc sục sùi. Mẹ lần dưới gối lấy ra một cọc xu, nhét vào tay

* Nguyên Phó Bí thư Tỉnh Vĩnh Long, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Sài Gòn, nguyên Vụ trưởng Vụ Cán bộ Ban Tổ chức Trung ương Đảng, nguyên Đại biểu Quốc hội khóa I đến khóa IV, phu nhân đồng chí Nguyễn Văn Linh – cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương.

anh, vỗ về bảo anh đừng khóc nhưng mẹ lại nghẹn ngào trong hơi thở đứt quãng. Có ngờ đâu đó là lần cuối cùng mẹ con anh gặp nhau.

Mới mười tuổi đầu, anh đã nhận ra những nỗi đắng cay khắc nghiệt trong cuộc sống mà gia đình anh và những người nghèo khổ phải gánh chịu trước cuộc sống xa hoa của người giàu có.

Năm mười bốn tuổi, anh theo bà và chú Thụ về sống ở Hải Phòng và được chú gởi anh vào học trường Bonan (nay là trường Ngô Quyền). Lại thêm một cái tang khiến lòng anh thêm trống vắng: bà nội qua đời! Để vơi bớt nỗi buồn và tiện đường đi học, anh xin phép chú Thụ được về ở với chú Hùng là em họ của cha. Đến tuổi này càng ham đọc, anh càng ham hiểu biết và những điều ngang trái trước mắt bắt anh đặt câu hỏi: Làm sao cho người nghèo thoát khỏi cảnh khổ, không có bất công bạo ngược trong xã hội? Điều may đến với anh khi một thầy giáo có lòng yêu nước, tin cậy lên cho anh mượn những sách báo tiến bộ bằng tiếng Việt và tiếng Pháp. Càng đọc anh càng vỡ lẽ về nhiều vấn đề trong cuộc sống và tâm hồn anh mở ra đón ánh sáng chính trị như đón ánh bình minh buổi sáng. Anh nhận ra một chân lý giản đơn: muốn đồng bào mình hết khổ, dân tộc mình thoát ách nô lệ lầm than, con đường duy nhất là đấu tranh.

Gia nhập Học sinh Đoàn trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, anh hăng say hoạt động theo sự phân công của tổ chức.

Kịp đến ngày 1 tháng 5, Đảng vừa mới ra đời đã chủ trương kỷ niệm lần đầu tiên ngày Quốc tế Lao động. Tại địa phương, anh nhận rải truyền đơn cùng hai bạn học và đã bị bắt. Tòa án thực dân gấp rút xử anh 18 tháng tù giam, bắt chấp anh đang ở tuổi vị thành niên, vì chúng sợ ảnh hưởng của Đảng lan rộng trong tuổi trẻ công nhân, nông dân, học sinh... Cuối năm 1930, chúng đưa anh lên Hà Nội nói là để xét xử. Nhưng Hội đồng đề hình của thực dân Pháp lại tăng án phạt lưu chung thân, đày anh ra Côn Đảo, địa ngục trần gian. Anh ném đủ các đòn tra tấn, bị cùm chân bỏ đói, nhốt trong chuồng bò, lao động khổ sai. Tinh thần anh không hề nao núng, mà ý chí càng được trui rèn theo gương các bậc đàn anh.

May mắn, anh đã được gặp bác Tôn Đức Thắng, người thợ Ba Son, người lính thủy Việt Nam kéo cờ đỏ trên Hắc Hải ủng hộ Cách mạng tháng Mười Nga. Phẩm chất, đạo đức cộng sản ở anh được bồi đắp thêm một phần nhờ tấm gương của Bác – người đảng viên công nhân trung kiên, mẫu mực.

Năm 1936 do áp lực của Mặt trận Bình dân và Đảng Cộng sản Pháp, cùng với một số tù chính trị, anh được thả về. Như chim sổ lồng tung cánh giữa trời xanh, chim cứ bay mãi, bay hoài không biết mỏi. Tâm hồn, ý chí cộng sản là động lực thúc đẩy anh lao vào nhiệm vụ.

Theo sự phân công của Trung ương Đảng, anh đi xây dựng cơ sở mới, củng cố những cơ sở bị đánh phá. Từ Hà Nội trở về Hải Phòng, rồi vô Sài Gòn tham gia

Thành ủy, sau đó ra miền Trung lập lại Xứ ủy Trung kỳ. Không hề chùn bước trước gian nguy thử thách, anh hết lòng vì Đảng vì dân. Và một lần nữa kẻ thù lại bắt anh, kết án 5 năm tù, đày ra Côn Đảo lần thứ hai vào đầu năm 1941, lúc anh mới 25, 26 tuổi.

Trái với mọi toan tính của kẻ thù, những năm tháng trở lại Côn Đảo đối với anh thật vô cùng quý báu. Chế độ hà khắc không ngăn được quyết tâm của người chiến sĩ cộng sản biến nhà tù thành trường học: học văn hóa, chính trị. Chính ở đây, anh tiếp thu có hệ thống triết học Mác, những vấn đề của chủ nghĩa Lênin, lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô... do các bậc đàn anh Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng... truyền lại và anh rất chịu khó trau dồi vốn liếng tiếng Pháp sẵn có.

Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi, anh và anh em đồng chí từ chính trị Côn Đảo náo nức trở về. Lịch sử sang trang, khởi đầu một giai đoạn cách mạng mới. Cùng với anh Lê Văn Sĩ, anh tham gia Ban tổ chức phân phối từ chính trị về tăng cường cho các địa phương, góp phần xây dựng chính quyền cách mạng. Rồi được Xứ ủy phân công về lại Sài Gòn với trọng trách lãnh đạo phong trào đô thị, giữa lúc thành phố đã nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến lần thứ hai chống xâm lược Pháp từ đêm 22 rạng ngày 23 tháng 9 năm 1945.

Vào cuối năm 1946 anh được bầu vào Xứ ủy, phụ trách Bí thư Thành ủy ở tuổi 31. Gần giữa năm 1947, Hội nghị cán bộ Thành ủy với tính chất và nhiệm vụ của một Đại hội đại biểu đảng bộ, có sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Duẩn. Đang là Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy, bầu Thành ủy chính thức, anh tiếp tục giữ trách nhiệm Bí thư và tôi cũng được tham gia Thành ủy khóa này.

CHÚNG TÔI GẶP NHAU

Gặp lần đầu là lúc anh từ Côn Đảo trở về. Lần thứ hai anh ra đón tôi tại ga xe lửa Sài Gòn khi tôi đi dự họp Quốc hội khóa đầu tiên từ Hà Nội về. Tránh sự dòm ngó của mật thám, tôi đi sau anh một khoảng cách khá xa. Về đến nhà chị Năm Bắc, cơ sở của Thành ủy, anh với tôi trao đổi chớp nhoáng vài việc và tôi đi ngay về khu căn cứ Đồng Tháp Mười. Qua những giây phút ban đầu tôi đã thoáng nghĩ về anh: một người đồng chí chín chắn, trầm tĩnh, tự tin. Anh mặc chiếc quần short đen, áo sơ mi trắng ngắn tay, hai vai đã sòn và có lẽ chiếc áo sòn vai đó đã đi vào lòng tôi. Còn anh, sau này tôi mới biết, anh đã để ý đến tôi ngay từ buổi đầu gặp mặt. Sau một thời gian ngắn, anh viết thư ngỏ ý thương tôi. Nhưng do hoàn cảnh công tác mỗi người một nơi, mãi đến đầu năm 1947, theo sự phân công của tổ chức (chắc không phải do tình cờ hoặc có phải do một sự thông cảm nào không) tôi về Sài Gòn đảm nhận công tác phụ vận và được bổ sung vào Thành ủy. Anh và tôi chỉ gặp nhau qua những lần hội họp, học nghị quyết. Đến một lần tại nhà anh Ngô Liên, anh ngỏ ý muốn gặp riêng tôi sau buổi họp.

Chúng tôi đứng nói chuyện với nhau trên gác thượng. Nhìn xuống đường thấy mấy người ăn xin lê lét, tôi buột miệng nói với anh: “Còn có những người như thế này mình mới thoát ly đi làm cách mạng”. Biểu lộ sự đồng tình, anh nói: “Đúng vậy! Làm than, bắt công phải được xóa bỏ. Chúng mình hi sinh, đấu tranh là nhằm giải phóng đem lại công bằng, hạnh phúc cho dân”. Đây là lần đầu tiên nghe anh bộc lộ ý tưởng anh ấp ủ từ lúc giác ngộ cách mạng. Và suốt những năm tháng sống chung với nhau sau này cho đến khi anh nhắm mắt xuôi tay, ý tưởng đó không bao giờ nguội lạnh trong anh. Còn về hoài bão ước mơ và quan niệm về tình yêu hạnh phúc riêng tư, mỗi lần có dịp anh đều nói: “Đã gắn đời mình với cách mạng, thì tình yêu cũng nằm trong cái chung ấy. Sống có ý nghĩa thì tình yêu mới cao đẹp được”. So sánh đời anh với đời tôi, anh thường tâm sự: “Hai chúng mình thuộc tầng lớp nghèo, đều có trải qua tù tội, thâm thía nỗi đau của riêng mình nằm trong nỗi đau của dân tộc, những điểm giống nhau đó sẽ giúp chúng mình dễ thông cảm nhau, sẽ biết sống và biết hi sinh cho nhau”.

Những điều anh nói sao trúng ý của tôi quá, khiến cho tôi chợt thấy xao xuyến trong lòng. Dầu nuôi ý thức nam nữ bình đẳng, tôi không thoát khỏi tâm lý chọn người chồng mạnh mẽ, có tâm huyết, có nghị lực... làm điểm nương tựa tinh thần, tình cảm trong cuộc sống sau này.

Tình yêu của chúng tôi đã nảy nở từ sự đồng cảm có chung chí hướng và tính tình có nhiều điểm hợp nhau: sống nghĩa tình, trung thực... Chúng tôi bàn nhau sẽ tổ chức lễ thành hôn đơn giản vào một dịp thuận tiện. Và ngày ấy đã đến: ngày 23–5–1948, dịp Thành ủy họp Hội nghị mở rộng. Anh Lê Văn Sĩ là bạn tù thân thiết của anh từ Côn Đảo sẽ đại diện Xứ ủy về dự Hội nghị và làm chủ hôn. “Tiệc cưới” được tổ chức ở nhà anh Biện Sinh, một đồng chí rất thân quen ở Gò Xoài (nay thuộc huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh) là một bữa cơm thân mật có mặt đông đủ các đồng chí về dự Hội nghị và bà con đồng bào sống quanh nơi đóng cơ quan, những người góp sức góp công tổ chức “bữa tiệc”. Quà tặng của anh Sĩ mang về là một trăm trái gòn khô để may gồi cưới cho đôi tân hôn, nhưng vì không có vải sẵn, nên phải may sau.

Trong hoàn cảnh kháng chiến, cưới nhau rất đơn giản mà nghĩa tình sâu đậm biết bao giữa chồng vợ, bạn bè đồng chí, bà con xóm làng, bù đắp cho sự thiếu vắng của bà con hai họ.

Sau lễ cưới, chúng tôi đưa nhau về Rạch Chanh. Ở đây có sẵn mấy căn nhà nhỏ vừa được dựng lên làm chỗ nghỉ ngơi cho đại biểu về họp hội nghị. Tôi nhớ như in, đêm đó, mười bốn trăng tròn vành vạnh. Ánh trăng tràn qua cửa sổ vẽ thành những vệt sáng trải dài trên vách. Bên hè, theo từng cơn gió thoảng, những tàu lá chuối đong đưa xào xạc như múa nhảy chan hòa niềm vui hạnh phúc của hai đứa chúng tôi.

Gà đã gáy sáng mà câu chuyện tâm tình như chưa dứt được. Khi anh nhắc đến nỗi cơ cực của thời thơ ấu, chúng tôi đã không kiềm được nước mắt. Trả lời câu tôi hỏi: “Nghe nói người cộng sản không biết khóc mà?”. Anh nói: “Có chứ! Người cộng sản nếu có khác người thường là khác ở chỗ lúc nào cũng lau nước mắt”.

Ba ngày trời qua sao mà nhanh quá! Tôi phải lên đường đi dự Hội nghị Phụ nữ Nam bộ, còn anh trở lại nhiệm vụ với bao khó khăn đang chờ. Chia tay rồi, đây là chia tay lần đầu, mà sao lúc nào, ở đâu, tôi vẫn tưởng có anh bên cạnh như đang mỉm cười dõi theo từng bước đi, từng hơi thở của tôi. Và cũng là lần đầu tôi mới chợt hiểu ra cái “*nhiệm mầu*” của tình yêu.

Từ khi có anh, tôi như được tiếp thêm sức mạnh tình cảm, tinh thần để chịu đựng và vượt khó khăn trong công tác, bình tĩnh hơn khi gặp chuyện không may. Nhớ lần sinh đầu lòng, thai nhi yếu quá, do ảnh hưởng cơn bệnh sốt rét kinh niên của tôi, nên cháu đã mất khi mới chào đời. Anh và tôi buồn lắm và rất mong muốn có một mụn con, nhưng do hoàn cảnh công tác phải xa nhau luôn. Rồi anh lại được Trung ương Đảng triệu tập ra Việt Bắc học tập, dự một số cuộc hội nghị. Để chuẩn bị cho anh lên đường, tôi chỉ có 24 tiếng đồng hồ ở bên anh.

Từ giữa rừng Trường Sơn, dưới những cơn mưa rừng như trút nước, thú dữ, rắn rết, muỗi mòng như chực sẵn, anh đã tranh thủ viết vội lá thư gửi về cho tôi. Tôi hiểu trong lòng anh thông cảm sâu sắc niềm khao khát được làm mẹ của người phụ nữ, nhất là hoàn cảnh của tôi, nên anh mới viết được những lời lẽ giản dị mà rất cảm động, khuyên tôi đừng “quá buồn” nếu phải “chậm có con một chút”, “công cuộc kháng chiến, công việc Đảng còn bao nhiêu bộn bề... đồng bào còn đói khổ”. Đọc thư anh viết rất ngắn, mà tôi cảm thấy như trong mình có một sức sống đang bùng dậy.

TÌNH SÂU NGHĨA NẶNG

Tin thắng trận từ Điện Biên Phủ như làn gió mạnh đem đến cho mọi người niềm vui chiến thắng tràn ngập. Hiệp định đình chiến được ký kết tại Giơnevơ. Cách mạng chuyển sang giai đoạn mới.

Từ Chiến khu Việt Bắc, anh trở về miền Nam trong nỗi mừng gặp lại đồng bào, đồng chí, người thân, nhưng với nhiều lo toan trước nhiệm vụ mới, nặng nề, phức tạp. Đảng và Bác đã lường trước những khó khăn của miền Nam sau thời hạn chuyển quân tập kết.

Trong khi đông đảo cán bộ, bộ đội lên đường ra Bắc, anh khẩn trương mở những lớp huấn luyện cấp tốc bồi dưỡng số cán bộ ở lại, chuẩn bị lực lượng chuyển sang hình thái đấu tranh mới. Anh vừa làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn, vừa có chân trong Thường vụ Xứ ủy Nam bộ, cùng với một số đồng chí khác trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở Nam bộ.

Đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp đưa Ngô Đình Diệm lên nắm quyền, ra sức khủng bố trắng, lê máy chém đi khắp thành thị, nông thôn, gieo rắc đau thương, tang tóc và sức đè nén càng nặng thì sức bật lòng căm thù càng cao.

Nhiều nơi, anh em ta đào súng lên đòi vũ trang đấu tranh. Có một bà mẹ tìm đến anh nói gay gắt: “Cứ đấu tranh hòa bình hoài sao? Làm cách nào khác chớ không thì chúng giết hết anh em mình!”

Trong lòng anh rất day dứt, băn khoăn nhưng cứ phải kiên trì khuyên bảo cán bộ chờ chủ trương của Trung ương: “Lúc này cần phải bình tĩnh tìm ra phương hướng đấu tranh thích hợp, tránh thiệt hại cho Đảng, cho quần chúng nhân dân”.

Anh lặn lội đi các tỉnh, nay chỗ này, mai chỗ khác, để hiểu thêm dân và dân cũng cần sự có mặt của Đảng.

Khi anh về miền Tây dự cuộc họp Xứ ủy do anh Ba Duẩn chủ trì được ba ngày thì ở nhà tôi sanh cháu Hòa. Bé nặng 2,8 kg. Ôi, giống bố y hệt, nhất là đôi mắt sáng long lanh. Nhìn cháu đòi bú, mắt nhấp nháy, cái miệng chép chép, dễ thương làm sao!

Được tin tôi sanh, anh bươn bả trở về. Trước mặt vợ con, anh mừng không nói nên lời. Anh nhìn con thật lâu, trùi mền thiết tha và cúi xuống hôn nhẹ lên trán con, nắm chặt tay tôi như truyền sự ấm nồng của tình yêu và niềm vui được làm cha. Để có nhiều sữa cho con bú, anh ép tôi ăn món khoai tây hấp trứng gà. Tôi nhớ bức thư anh gửi về từ giữa đường Trường Sơn năm nào, nhìn nét mặt tràn đầy hạnh phúc, tôi biết anh không muốn rời con và tôi trong lúc này. Nhiệm vụ đang chờ. Kẻ thù đang rình rập theo từng bước chân anh. Nhìn anh ra đi mà mấy lần ngoái lại hướng mẹ con tôi, càng thương và càng lo cho anh. Ôm chặt con vào lòng tôi thầm nghĩ: “Con gái bé bỏng của mẹ, con có biết mẹ lo cho bố đến dường nào không? Con là niềm hạnh phúc của bố mẹ, con chóng lớn nhé!”

Đến lần tôi sanh cháu Bình, anh cũng không có mặt. Tình hình ngày càng căng thẳng. Cơ sở bấp bấp. Công tác càng khẩn trương, cần phải gìn giữ bí mật. Những lần anh ghé thăm mẹ con tôi thưa dần. Các con tôi sống trong sự yêu thương đùm bọc của các dì Chín Văn, Ba Yêm, các cháu Hường, Út Nhựt và những cơ sở che giấu mình.

Hồi ấy, cơ quan Phụ vận, cùng với tôi có các chị Tám Thanh, Lê Thị Riêng và Duy Liên. Chị em mình lúc đó cực lắm. Ai cũng phải gọi con để đi cơ sở, nhưng lòng luôn phập phồng lo sợ kẻ thù giở trò bắt con để chiêu dụ mẹ. Tội tôi tra tấn mình chịu được, nhưng nếu con mình rơi vào tay giặc biết đối phó sao đây, thử thách lòng sao cho hết? Nhưng nhiệm vụ thì không chậm trễ được. Sau một thời gian, tôi được giao công tác củng cố chi bộ xã Tân Hưng, tỉnh Bến Tre, nơi địch đánh phá rất dữ. Lòng dân ở đây càng sôi sục căm thù, nổi dậy diệt ác phá kềm và đấu tranh bằng nhiều hình thức phong phú.

Cuối năm 1959, tôi được lệnh ra miền Bắc cùng với các cháu. Anh thu xếp lên tận vùng biên giới thăm con. Lúc đó cháu Linh của tôi mới 18 tháng. Tự tay anh chuẩn bị bình sữa, áo ấm... và dặn đi dặn lại: “Ra miền Bắc phải gắng giữ gìn cho con, lạnh lắm”. Anh biết tôi cũng buồn vì sắp phải xa chồng, xa bạn bè đồng chí, dù rằng ở miền Nam 5, 7 tháng mới được gặp nhau. Anh cố an ủi động viên tôi: “Phải coi đây là nhiệm vụ. Ở đây thằng địch không để cho con mình yên đâu. Chẳng những con mình mà con các đồng chí khác rồi đây cũng lần lượt sẽ đưa ra miền Bắc để đảm bảo tương lai cho chúng nó”.

Chuyến đi khá vất vả. Cứ mỗi lần chuyển tàu, một mình tôi tay ẵm Bình, tay ẵm Linh, còn cháu Hòa nín chặt áo mẹ lon ton chạy theo.

Bù lại, ra Hà Nội mẹ con tôi được chăm sóc chu đáo, ấm đậm tình thương yêu.

Những năm tháng trên miền Bắc, nguồn động viên, an ủi của tôi là công tác vì miền Nam, cố gắng nuôi dạy và không nề hà việc gì cần đến tôi. Các cháu ngày càng lớn phổng lên, tôi nghĩ nếu được gặp các con, chắc anh sung sướng lắm. Những tấm hình của con, những lá thư viết nguệch ngoạc của con trẻ cũng là một nguồn động viên rất lớn đối với anh.

Sau Tết Mậu Thân, và những năm sau đó, tình hình chiến trường miền Nam càng trở nên ác liệt. Giặc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc. Cả nước có chiến tranh. Miền Bắc hậu phương lớn dốc hết sức người, sức của chi viện cho miền Nam. Thanh niên trai gái đều ra chiến trường. Phụ nữ đảm đương việc sản xuất và chiến đấu tại chỗ. Các thành phố, thị xã bị đánh phá, người già và trẻ em phải sơ tán về nông thôn. Các con tôi sơ tán mãi tận Sơn Tây. Mỗi chiều thứ bảy, tôi đạp xe đi thăm con rồi hôm sau lại đạp về. Trên đường đi tôi thường nghĩ về anh. Nhớ mới hôm nào anh và tôi yêu nhau rồi cưới nhau. Bây giờ có ba mặt con mà chưa lần nào vợ chồng được chung sống quá nửa tháng. Hơn lúc nào hết, tôi cảm thấy sự hi sinh là cần thiết, và tự nhiên tôi nghĩ đến cả dân tộc đang hi sinh, cả ở miền Bắc, miền Nam vì nghĩa lớn.

Tôi theo dõi tin tức quê nhà và trông tin anh bằng cả sự khát khao, lo âu dù trong những lá thư gửi ra anh không hề nói điều gì khiến mẹ con tôi lo lắng. Bao giờ anh cũng đem đến sự lạc quan tin tưởng không chỉ cho gia đình mình.

“Các con ơi, miền Nam đang thắng to. Càng thắng to thắng mau, mau đi đến hòa bình độc lập thì gia đình ta và bao gia đình khác càng mau được đoàn tụ. Cho nên bố khỏe và vui lắm.

Bây giờ mẹ phải lo công tác tốt, bố phải nghĩ cách đánh thắng giặc Mỹ. Còn các con phải ngoan và chăm học...”

Nhưng để có được thắng lợi to lớn đó, tôi hiểu cùng với đồng chí, đồng bào, anh đã và đang phải làm việc nhiều, đương đầu với hiểm nguy, phải đối phó với tình hình vô vàn khó khăn phức tạp. Có lần tôi nghe một đồng chí ở cơ quan Trung ương Cục ra miền Bắc học tập kể lại: Khi cần nghiên cứu thực tế để có chủ trương sát hợp, anh đã về sát cận Sài Gòn để nắm tình hình, không nề hiểm nguy gian khó.

Anh có cách nhìn rất thực tế, nhạy bén, vận dụng lý luận với thực tiễn một cách nhuần nhuyễn, nhờ đó giúp lãnh đạo phong trào đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

LỊCH SỬ LẠI SANG TRANG

Giải phóng Thành phố, giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất đất nước là niềm vui của triệu triệu con tim trên cả giang san đất nước.

Gia đình chúng tôi được đoàn tụ như bao gia đình khác. Cha được gặp con, vợ gặp chồng trong nước mắt, phấn khởi tự hào, thương nhớ người đã hi sinh.

Với vai trò Bí thư Thành ủy trong năm đầu sau giải phóng, anh cố gắng đưa thành phố đi lên. Anh nói với tôi: “hình như có cái gì đó chưa ổn lắm”. Cái “chưa ổn” đó khiến cho anh có nhiều ưu tư, trăn trở. Anh mạnh dạn đề đạt với Trung ương những ý kiến về vấn đề cải tạo, xây dựng phát triển kinh tế ở miền Nam, về bước đi đưa kinh tế miền Nam hòa nhập với kinh tế cả nước.

Trong thời gian được Trung ương điều ra làm Chủ tịch Tổng Công đoàn, sau làm Trưởng ban Dân vận, anh nghiêm túc chấp hành sự phân công của Đảng và làm hết trách nhiệm của mình, đồng thời tiếp tục áp ủ những suy tư về đường lối, đối sách trước tình hình rất mới, rất đặc biệt của Việt Nam.

Trong những năm tháng đó, gia đình lại gặp chuyện không may: đứa con trai duy nhất của chúng tôi qua đời. Anh và tôi buồn lắm. Cố kìm giữ lòng mình, anh khuyên tôi: “Hãy cố gắng, hãy lấy nghị lực bản thân mình mà vượt qua”. Rồi anh kể cho tôi nghe những kỷ niệm trong tù lúc thuở xa xưa, kể về cái chết của anh Hiếu, người đồng chí thân thương trước lúc nhắm mắt còn cởi chiếc áo rách của mình trao lại bạn tù mặc cho đỡ lạnh.

Hình như tình đồng chí thiêng liêng, những kỷ niệm sâu sắc thời còn ở tù, những hi sinh to lớn của dân tộc đời này sang đời khác luôn luôn là nghị lực trong anh. Rất thông hiểu anh, tôi cũng tiếp lời anh: “Mình còn hạnh phúc hơn Hiếu và nhiều người bạn tù đã bỏ xương nơi Côn Đảo, vì được tham gia những chặng đường lịch sử của đất nước, được thấy ngày hòa bình, thống nhất Tổ quốc”.

Sau khúc quanh, anh được Trung ương phân công trở về lại Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc bấy giờ thành phố gặp nhiều khó khăn, sản xuất bị chững lại, lòng dân không yên, cán bộ đảng viên có nhiều ưu tư. Không chịu bó tay, nhiều cơ sở kinh doanh đã có những cách “bung ra”, “phá rào”...

Với sự cảm nhận sâu sắc với những chuyển động đang diễn ra ở cơ sở cần được phát hiện, bồi dưỡng, với tác phong sâu sát quần chúng, anh ra sức nắm bắt tình hình thực tế, khi thì đi xuống xí nghiệp, nhà máy, lúc đi vào khu xóm lao động, lúc đi tìm hiểu thị trường không chỉ trên địa bàn Thành phố, mà còn đi tham khảo kinh nghiệm của nhiều địa phương khác.

Từ thực tiễn, tập trung trí tuệ từ nhiều nguồn, trong cán bộ, trong đồng bào các giới, anh đề xuất những chủ trương mới, tạo quyền chủ động cho các doanh nghiệp, tìm cơ chế chính sách giải quyết những ách tắc trong sản xuất, lưu thông phân phối hàng hóa, rút và phổ biến kinh nghiệm làm ăn qua sinh hoạt Câu lạc bộ giám đốc.

Mục tiêu ban đầu là vực nền kinh tế lên rồi dần dần giải quyết những vấn đề khác kế tiếp theo. Khi nền kinh tế thành phố và một số tỉnh thành khác ở miền Nam, miền Bắc khởi sắc, cũng là lúc trong anh hình thành có hệ thống những phương hướng, nội dung, phương pháp đổi mới.

Mẹ con chúng tôi rất vui nghe anh kể về Hội nghị Đà Lạt. Tại đây, giám đốc một số đơn vị sản xuất kinh doanh của Trung ương và của thành phố báo cáo những khó khăn được tháo gỡ, cung cách làm ăn theo kiểu mới, được các đồng chí trong Bộ Chính trị có mặt hôm đó rất quan tâm.

Đến giữa năm 1986, anh được Trung ương điều ra làm Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng. Anh được giao nhiệm vụ chuẩn bị các văn kiện của Đại hội VI (tham gia Tiểu ban Nội dung).

Với sự nhất trí cao, Đại hội lần thứ VI đã mở ra thời kỳ đổi mới, và anh được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Anh rất vui vì những ý tưởng ấp ủ từ nhiều năm giờ đây có điều kiện thực hiện trong cuộc sống. Đất nước chuyển mình trên nhiều lĩnh vực, cả đối nội và đối ngoại.

Tại Đại hội Đảng lần thứ VII, với tấm lòng trung thực và trách nhiệm, anh xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương khóa mới và xin cùng với một số đồng chí lão thành khác nhận nhiệm vụ làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trong những năm tháng còn lại, anh luôn theo dõi, góp ý kiến với lãnh đạo Đảng, chính quyền về nhiều lĩnh vực của công cuộc đổi mới ở Trung ương, Thành phố và nhiều địa phương khác...

Tôi và các cháu rất lo cho sức khỏe của anh mỗi khi thấy anh băn khoăn suy nghĩ qua đọc báo, xem thư, nghe thấy chỗ này, chỗ nọ tình hình chưa tốt, bà con dân nghèo vẫn còn thiếu thốn, đời sống các gia đình thương binh liệt sĩ, cựu chiến binh, cán bộ đảng viên nghỉ hưu... còn nhiều chật vật khó khăn, tệ nạn quan liêu

tham những chưa khắc phục được mà còn có chiều hướng gia tăng ở cấp này, cấp khác...

Cũng có những lúc thấy anh vui khi những thắng lợi dù lớn, dù nhỏ, dù ở lĩnh vực nào, trong cả nước, ở địa phương này, địa phương khác... Có lần đi họp về tôi kể lại: “Đã có 40 trường hợp người nghèo được mổ mắt và trong chương trình “Đem lại nụ cười cho trẻ thơ”, các thầy thuốc đã tận tình giải quyết thành công hàng ngàn ca dị tật.” Anh vui lắm. Trong bữa cơm hôm đó, nhìn anh ăn ngon miệng hơn, ai cũng thấy vui lây và mong anh giữ được sức khỏe để tiếp tục đóng góp theo sức của mình vào công việc chung còn gặp nhiều khó khăn phức tạp.

Đến cuối năm 1997, bệnh cũ tái phát, sức khỏe của anh giảm sút nhiều, cơ thể mòn dần. Đó là căn bệnh tích tụ những trận đòn tra tấn ở ngục tù Côn Đảo và những năm dài sống ở rừng rậm trong chiến khu.

Vào những ngày chuẩn bị đón mừng 30 tháng 4, nghe tôi và các con bàn thêm về việc tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày cưới của anh và tôi, anh gật đầu đồng ý và nói chậm rãi, đầy vẻ ưu tư: “Nhanh quá! Mới đây mà nửa thế kỷ rồi! Trong nửa thế kỷ, bố mẹ xa nhau thì nhiều, gần nhau lại ít. Lúc bố mạnh khỏe thì xa mẹ và các con, lúc được gần thì bố lại yếu đau làm cho mẹ và các con phải cực vì bố”. Tôi bất giác nói liền: “Cực vậy chứ có người muốn mà không được đó. Bố mấy nhỏ cứ yên tâm lo dưỡng bệnh. Kỳ này thấy da dẻ mịn màng, tốt lắm rồi!”.

Lời nói của anh như còn văng vẳng bên tai. Anh nói vậy để an ủi, chứ thật ra anh cũng hiểu được sống bên nhau dù già yếu bệnh tật vẫn là điều hết sức quý giá. Cuộc chiến tranh ác liệt ở miền Nam kéo dài 21 năm, thì 16 năm đằng đẳng chúng tôi sống xa cách nhau trong khắc khoải lo âu, chờ đợi. Nhiều lúc tưởng chừng như không gặp lại nhau được nữa, vì những cơn sốt rét ác tính, vì B.52 rải thảm, vì bom đạn, chất độc hóa học trút xuống như mưa, cái chết và cái sống gần nhau trong gang tấc.

Năm mươi năm tính từ ngày chúng tôi cưới nhau, nhiều lần anh đã ra đi rồi trở về, chỉ có lần này không thể ngờ được, anh ra đi, đi mãi mãi...

Anh Mười ơi, anh mất đi nhưng anh vẫn sống mãi trong tim vợ con anh và trong niềm thương tiếc của đồng bào, bạn bè, đồng chí. Xin nguyện hứa với anh, còn sống ngày nào tôi còn cố gắng làm việc ngày ấy và nhắc nhở con cháu nối chí của anh, hướng theo hoài bão, ước mơ mà anh phấn đấu suốt cuộc đời để mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân, quần chúng và tuổi trẻ yêu thương.

MÃ ĐÀ SƠN CƯỚC ANH HÙNG TỰ

ĐẶNG HỒNG NHẬT (*)

Tôi được đi theo văn phòng Xứ ủy Nam bộ di chuyển cơ quan về Chiến khu Đ vào tháng 5–1961. Xứ ủy Nam bộ lúc về đây gồm có Bí thư là đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư là đồng chí Phan Văn Đáng, đồng chí Phạm Thái Bường và Phạm Văn Xô là Xứ ủy viên. Nếu tôi nhớ không lầm thì đoàn cán bộ chủ chốt của khu V và VI cũng vào đây khoảng tháng 6–1961. Trong đó có đồng chí Võ Chí Công (Năm Công), đồng chí Bùi San (Chín Liềm), đồng chí Nguyễn Hòa và các đồng chí lúc đó còn là cán bộ chuyên viên như đồng chí Đỗ Quang Thắng, Trần Trọng Tân, Nguyễn An... để chuẩn bị cho Hội nghị thành lập Trung ương Cục vào tháng 10–1961.⁽¹⁾

Lúc đó, quân số cơ quan khoảng 300 người gồm cả cơ yếu, điện đài, kinh tế tài chính, bộ phận chuẩn bị cho Đài phát thanh Giải phóng lên tiếng, đội bảo vệ, đội sản xuất, đội thồ tải... Trong số đó, chỉ có mình tôi là nữ, mới 25 tuổi và một thiếu nhi 13 tuổi là em Trần Minh Tâm, thường gọi là Quận.

Đường Mã Đà vào mùa mưa rất khó đi lại vì đồi dốc nối nhau liên tục, hầu như không có đất bằng, đường tiếp tế chỉ tải bằng sức người. Mỗi chuyến đi và về mất ít nhất 4 ngày. Theo quy định chung, trừ các đồng chí lãnh đạo, mỗi người đều phải đi tải gạo và thực phẩm ít nhất đủ tự cung cấp cho bản thân, còn đội chuyên thồ tải là để cho người bệnh yếu và kho dự trữ.

Rừng Mã Đà có đến 4 tầng cây: sát đất là cỏ và các cây non mới mọc; tầng cây nhỏ cao độ 2–3 mét; tầng thứ 3 là các loại cây non và cây có trái ăn được

* Nguyên cán bộ Văn phòng Trung ương Cục miền Nam.

¹ Đ/c Võ Chí Công nguyên Chủ tịch nước. Đ/c Nguyễn Văn Linh nguyên Tổng Bí thư. Đ/c Phan Văn Đáng Phó Bí thư TWC phụ trách tổ chức. Đ/c Phạm Văn Xô – UV BCH TW Đảng sau giải phóng. Đ/c Phạm Thái Bường – TVTWC phụ trách an ninh, đ/c mất trong kháng chiến. Đ/c Đỗ Quang Thắng sau giải phóng là Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng, Bí thư Tỉnh ủy Nghĩa Bình, Bí thư TW Đảng, Chủ nhiệm UB Kiểm tra TW. Đ/c Trần Trọng Tân – UVBCH TW Đảng, Phó Bí thư thường trực thành ủy TP. HCM sau giải phóng. Đ/c Nguyễn Hòa – Bí thư Khu 6 thời kỳ chống Mỹ. Đ/c Bùi San – Bí thư Tỉnh ủy Bình Trị Thiên sau giải phóng. Đ/c Nguyễn Văn Đậu (Bảy Xuội) – Phó Bí thư Khu ủy 1, hy sinh, hiện TP. HCM có tên đường Nguyễn Văn Đậu. Đ/c Nguyễn Văn Phi (tức Tư Lập, Mười Phi) – nguyên Thứ trưởng Bộ Ngoại thương sau giải phóng. Đ/c Phạm Ngọc Lân (tức Mười Tê) nguyên Phó văn phòng TWC. Đ/c Nguyễn An sau giải phóng là Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Phú Khánh.

như: chôm chôm, búa, trường, lười uoi cao từ 7–10m... và dây leo; trên cao chót vót ngửa mặt lên trời mới nhìn thấy ngọn là các loại gỗ quý như gỗ dầu... Do đó, không khí không luân chuyển được nên rất độc, nhất là về đêm. Mỗi sáng thức dậy, con người cảm thấy uể oải nặng nề. Nếu ai có thói quen ngủ trưa thì càng dễ bị bệnh hơn.

Tôi được phân công nhiệm vụ chính là văn thư đánh máy chữ, viết bạch thư (loại văn bản mật viết trên giấy nhưng không nhìn thấy chữ) để gửi đi bằng đường hợp pháp trong vùng giặc. Có lẽ, nhờ có năng khiếu văn thể mỹ nên tôi được phân công làm Bí thư Đoàn Thanh niên cơ quan và dạy văn hóa cho anh em tân binh. Tôi hiểu rằng Ban Chấp hành Đoàn chúng tôi phải hoạt động sao cho anh em trẻ không ngủ trưa để chống bệnh và tạo không khí vui tươi, sống động vượt qua cảnh sống thiếu thốn, buồn tẻ đâm ra nhớ nhà. Chúng tôi tổ chức 3 lớp học văn hóa cho 3 trình độ khác nhau. Tôi đã quá khổ vì nhiệm vụ này! Trước hết vì tôi là nữ, hãy còn trẻ, dưới mắt anh em nam giới tôi chưa đủ uy làm cô giáo. Kể đó vì tôi không có một cuốn sách giáo khoa nào, từ điển cũng không có. Môn toán tương đối dễ, còn môn văn tôi chỉ biết tìm trong các tờ báo có đăng những bài thơ, mẫu tin ngắn, bài viết có số chữ như một bài chính tả. Tôi sợ nhất khi phải giải thích từ ngữ. Những từ không hiểu, tôi hỏi các đồng chí lãnh đạo cũng rất khó vì ít khi các chú rảnh và cũng ngại đến khu vực các đồng chí ở. Cũng may mà học trò tôi không hỏi. Có lẽ họ ngán học. Họ mong cho xong bài để nghỉ và chơi tú lơ khơ. Cũng có khi họ thương tình nên không bắt bí cô giáo. Cũng có thể họ tự ái vì mình là đàn ông mà phải chịu cho phụ nữ dạy học.

Để cho anh em đỡ chán, chúng tôi chia thời gian cứ một trưa học văn, một trưa nhảy múa ca hát, buổi chiều đánh bóng chuyền, buổi tối có khi học toán, có khi học hát...

Đoàn tiền trạm mới cất lên một số nhà chính, đảm bảo chỗ ở cho các đồng chí lãnh đạo và chỗ vừa làm việc vừa nghỉ đêm tập trung cho các bộ phận lớn. Anh em phải tiếp tục đốn cây, chằm lá trung quân cất thêm nhà cho từng bộ phận lẻ để ở thoải mái một chút. Mùa mưa, quần áo giặt phơi không khô vì cây rậm rạp khuất nắng, phần lớn phải phơi lửa mới khô. Do quá nhiều con vắt đeo hút máu người, và vì toàn nam giới nên anh em đi làm lao động trong rừng không mặc quần áo. Chỉ có tôi là nữ, họ quy định cho tôi đi đâu thì phải lên tiếng cho họ tránh. Chẳng lẽ mỗi lần đi đâu tôi phải hò hét lên thì khó nghe quá. Tôi bèn nghĩ cách chỉ có hát lên để đánh tiếng báo cho mọi người biết về sự có mặt của mình. Từ đó, tôi có thói quen vừa đi vừa hát mà hát rất to. Đôi khi tôi bị cậu Bảy Xuội (tức đồng chí Nguyễn Văn Đậu) và cậu Mười Tê (tức đồng chí Phạm Ngọc Lâm) rầy “lớn rồi mà đi đâu, lúc nào cũng hát”. Tôi nín thinh không cãi, cũng không giải thích vì sợ lộ bí quyết của mình. Cũng có người gọi đùa hoặc nói mỉa tôi là chim sơn ca của Mã Đà, tôi cũng mặc kệ họ. Tôi cứ hát mỗi khi đi ra ngoài.

Em Quận rất thính tai. Đang ngồi dán bao thư hoặc đếm tiền mà nghe cây ngã nó nhận định: Tiếng cây nhỏ ngã là các anh đồn cây làm cột nhà. Cây lớn ngã là cây chôm chôm hoặc cây trường. Lúc này đang mùa trái cây rừng, muốn ăn chỉ có cách đồn cả cây chứ không thể leo hái từng trái được. Và hề nghe cây chôm chôm ngã là cậu ta xách giỏ nhắm hướng đó chạy tới. Có lần, tôi quên nên đâm đầu chạy theo Quận, bị mấy ông la ồm tỏi vì quý vị đang thoát y. Thời gian ở Mã Đà có lẽ bạn thân nhất của tôi là em Quận. Chính nó “phiên dịch” hộ tôi những chuyện khó nói với cánh đàn ông.

Ngồi mãi một chỗ cũng chán, thỉnh thoảng tôi và Quận đi sang các bộ phận khác chơi. Chúng tôi thường tới chỗ điện đài phụ quay ragono (máy phát điện quay tay). Một lần, chúng tôi tò mò theo con đường mòn nhỏ đến một ngọn đồi con, thấy có tiếng người đang lúi húi trong cái lều hình bán nguyệt giống cái mui ghe, chúng tôi rình coi, phát hiện ra chú Ba Già cùng với anh Sa đang lắp máy. Chúng tôi hỏi máy gì, tại sao để ở chỗ khuất này... chẳng ai thèm trả lời mà còn đuổi chúng tôi đi. Tôi để ý thấy mỗi ngày liên tiếp hàng tuần cứ 9 giờ sáng, các đồng chí lãnh đạo đều mở radio, nghe một giọng nữ ngâm thơ, giọng ngâm chẳng có gì đặc sắc, chỉ có một bài đó ngâm hoài và một giọng khác đọc truyện Thủy Hử đoạn thầy chùa Lỗ Trí Thâm ăn thịt chó. Rồi các chú bàn luận, nhận xét về kỹ thuật âm thanh, giọng đọc của phát thanh viên có rõ ràng, truyền cảm không... Là nhân viên văn phòng, tôi cũng nhận được thơ của các nơi khác góp ý với nội dung tương tự. Tôi đã biết cái lều như chiếc mui ghe đó chính là Đài Phát thanh Giải phóng đang được lắp và lên tiếng thử ở tại căn cứ này.

Đường vận chuyển tiếp tế quá khó khăn nên khẩu phần ăn của mỗi người rất eo hẹp. Mỗi bữa ăn, mỗi người được một chén cơm – loại chén do Trung Quốc sản xuất bằng sắt có tráng men, bằng rưỡi chén ăn cơm của ta. Tuổi thanh niên của chúng tôi mà ăn chỉ vậy, lại không có rau thật không thấm vào đâu. Chúng tôi đi đào thêm củ chụp, củ mài. Có anh ở đội bảo vệ lấy đọt cây thiên tuế xào ăn bị trúng độc. Y sĩ Phạm Dân càng dè dặt không cho kiếm rau rừng ăn nữa. Có lần, anh em phát hiện một ổ nấm mỗi đem về gọt rửa định xào ăn bị ông Dân bắt đem đổ. Họ nháy mắt nhau đồ đồng ở chỗ sạch sẽ, anh Dân đi rồi mới hốt rửa lại xào ăn. Cơ quan có nuôi một con chó săn rất giỏi. Ai cũng quý vì nó giúp kiếm thêm nguồn thức ăn cải thiện. Mỗi bữa ăn, sau khi nhận phần cơm của mình, mỗi người tự giác nhín lại một chút cơm ở chót đầu muống cho con chó (cỡ ¼ muống cà phê). Nhờ vậy, con chó cũng được một chén cơm. Con chó rất khôn, cứ hề nghe tiếng gõ thùng thiếc báo giờ ăn thì dù ở xa mấy nó cũng cong đuôi chạy về góc mỏ đợi lãnh phần.

Rầy bắp cơ quan trồng chưa tới lứa thu hoạch, anh Năm Mộc phụ trách quản trị tính rất kỹ: nếu ăn bắp dày thì hao hơn là ăn bắp già. Vì vậy, họ chờ bắp già mới thu hoạch. Đồng chí Bảy Xuội –Phó văn phòng– thấy các đồng chí lãnh đạo làm

việc quá căng thẳng, lại thường thức đêm, đồng chí Bảy Xuội bảo đồng chí Tư Quý phụ trách rẫy (chúng tôi gọi là chủ tịch nông trường) bẻ thử một ít bắp dày đem về bồi dưỡng cho các đồng chí lãnh đạo. Chúng tôi gọi đồng chí Bảy Xuội là cậu Bảy. Ông gọi tôi và cậu Quận ra chỗ vắng dúi cho mỗi đứa một trái bắp và dặn: “Chỉ có hai đứa một là nữ, một là con nít mới được ăn bắp. Tụi bây nướng rồi ra suối ăn đừng cho anh em thấy, họ thêm tội nghiệp”. Lần khác, anh Bé ở ban cơ công đi làm cỏ rẫy mì, lén nhổ một bụi được mấy củ nướng ăn. Anh còn lén đem về cho tôi với Quận mỗi người một củ và dặn y như cậu Bảy Xuội vậy (vì mì còn nhỏ, chưa tới lứa thu hoạch).

Thời gian này, Ban Kinh tài chỉ mới có 3 người là đồng chí Tư Lập (tức Nguyễn Văn Phi), đồng chí Sáu Chơn quê ở Bến Tre và đồng chí Trần Minh Triết. Được Trung ương chi viện đô la với số lượng rất lớn, vì qua nhiều đoạn đường khó khăn, tiền giấy bị ướt cần phơi phóng kỹ và đếm để kiểm tra, bộ phận văn thư được huy động đếm phụ. Chưa từng đếm tiền, vừa lóng cọng vừa sợ bị lộn nên phải tập trung cao, không được nói chuyện. Công việc đơn điệu dễ nhàm chán, các anh Tám Đen (Phan Phát Phước), Tám Lùn (Thái Kim Long) còn kiên nhẫn, tôi và Quận ngáp dài ngáp vắn, nhất là cậu Quận cứ uốn éo lưng, hết kiểm chuyện chạy đi, lại hỏi sao đếm hoài không hết. Tôi thì nói xa nói gần “Ước gì bao tiền của chú Tư giống nồi com Thạch Sanh ăn hoài không hết cho mình đỡ đói”. Tôi nhớ mình đã đếm rất nhiều, toàn đô la Mỹ và đô la Hồng Kông. Đếm xong, cứ 100 tờ buộc thành một xấp, bỏ vào bông, buộc lại, gác lên cái kệ trên sàn nhà, trước mặt mọi người, chẳng có tủ có caisse gì cả. Giữa lúc cuộc sống của mọi người vô cùng khổ cực thiếu thốn, vậy mà chẳng ai quan tâm tới những đồng đô la đó. Nó vẫn an toàn nguyên vẹn sống cùng chúng tôi giữa rừng thiêng nước độc, nơi người xưa nói “*Mã Đà sơn cước anh hùng tận*”.

Từ Bắc Tây Ninh về Mã Đà, Đoàn thanh niên chúng tôi có mang theo cây đàn guitare. Nhưng ở đây độ ẩm quá cao, thùng đàn bị tróc keo bung hết không đàn được nữa. Đội văn nghệ chỉ còn có cây sáo trúc của Trần Minh Triết, nhưng không phải bài hát nào Triết cũng thổi sáo được ngay. Một hôm, đồng chí Nguyễn Văn Linh – Bí thư Trung ương Cục – gọi tôi lên đưa cho bản nhạc “*Giải phóng miền Nam*” nhạc và lời Huỳnh Minh Siêng (lúc đó tôi đọc là Liêng), tôi thắc mắc tại sao chữ Liêng có g. Đồng chí bảo tôi tập hát – tối nay họp cơ quan hát cho các chú nghe thử. Không có nhạc cụ đàn cho biết giọng, nếu không biết xướng âm thì rất khó. Tôi nhìn bài hát, thấy không phức tạp nên dám nhận tự nhẩm xướng để tập hát. Cuộc họp cơ quan tối đó, tôi đã hát lên bài hát “*Giải phóng miền Nam*” lần đầu tiên tại đồi Cối Xay. Người nghe thừa nhận bài hát hay cả về nhạc và lời, người hát hát nghe cũng khá. Trung ương Cục đã quyết định chọn bài này ***làm nhạc hiệu của Đài “Tiếng nói của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam”***.

Thời gian tôi ở Chiến khu Đ rất ngắn, chỉ non một năm. Nhưng đến nay, hồi tưởng lại tôi vẫn nhớ như in những kỷ niệm sâu sắc về tâm hồn cao đẹp, về phẩm chất liêm khiết của con người cách mạng, từ già tới trẻ ở nơi này. Người lớn tuổi, các chú lãnh đạo hết lòng tận tụy hi sinh. Tuổi trẻ chúng tôi thì hồn nhiên trong sáng, bụng đói mà không gợn chút tham lam. Tôi đã rất tự hào mình đã có thời gian được ở vùng *địa linh nhân kiệt* này.

Tôi không thể nhớ hết những đồng chí thuộc lứa tuổi trẻ của tôi hồi đó đã vĩnh viễn nằm lại vùng Mã Đà đồi Cối Xay này: đồng chí Bảy – gốc là công nhân cao su, chúng tôi gọi là Bảy cao su, Nguyễn Văn Thành quê Bến Tre, Nguyễn Văn Quân quê ở Long An... cơ thể các đồng chí đã hòa tan vào đất, không trở về nơi chôn nhau cắt rún. Nhưng các đồng chí sẽ tự hào biết mấy vì các đồng chí ở lại canh giữ vùng đất thiêng – điểm ra đời Trung ương Cục, đã mở đầu cho những quyết định chiến lược của cơ quan đầu não, giúp Trung ương Cục chỉ đạo trực tiếp cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam.

CHẶNG ĐƯỜNG HÀNH QUÂN TỪ TÂY NINH ĐẾN MÃ ĐÀ

TRẦN MINH TÂM (*)

Đầu năm 1961, căn Cứ Xứ ủy Nam bộ đóng tại Chiến khu Dương Minh Châu, còn gọi là Chiến khu B hay Chiến khu Tây Bắc (nay là huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh). Phạm vi từ phía trên Tà Đạt lên tới sóc Rùm Đuôn. Các đơn vị trong căn cứ chia làm hai cụm: Dân chánh đóng quân ở vùng Rùm Đuôn và quân sự đóng quân ở vùng trảng 80. Về tổ chức có các đơn vị như sau:

– Khối Dân chánh: Cơ quan Thường vụ đóng chung với khối Văn phòng gọi là C9, gồm có Thường vụ, Văn phòng, Cơ yếu. Cơ quan Tuyên huấn gọi là C91 gồm Tuyên huấn, Thông tấn xã, Báo, Đoàn Văn công. Cơ quan Dân vận gọi là C92 gồm Mặt trận, Dân vận, Binh vận.

– Khối Quân sự: Cơ quan lãnh đạo quân sự và các ngành gọi C94 gồm: Bộ Chỉ huy, Ban An ninh. Cơ quan Hậu cần C90 gồm: Ban Hậu cần, lương thực, vũ khí. Cơ quan Quân trang C40 (đóng quân ở vùng suối Bà Chiêm) gồm có bộ phận lương thực, quân trang quân dụng, công binh xưởng. Đại đội võ trang C80. Đại đội võ trang trinh sát C260. Tổng số lực lượng khoảng chừng 800–900 người.

Hai khối này điều số lực lượng sang Chiến khu Mã Đà khoảng chừng từ 400 đến 500 người.

Những ngày trên chặng đường hành quân

Chặng thứ nhất – Bước chân hành quân

Trước khi khởi hành ngày đầu tiên, mọi người trong cơ quan được lệnh ngủ sớm. Nhưng ít ai ngủ được, vừa thiêm thiếp thì được lệnh chuẩn bị lên đường. Toàn thể đều thức dậy, mọi việc được tiến hành trong 1 giờ. Lệnh hành quân phát ra. Hai tổ tam tam của tiểu đội bảo vệ xuất phát trước 15 phút đi xích hầu, kế đó là tiểu đội bảo vệ (do anh Ba Lu làm tiểu đội trưởng) còn lại đi bảo vệ các chú Thường vụ, rồi lần lượt cả đoàn di chuyển.

Chúng tôi ra đi khi trời còn tối, không nhìn thấy cơ quan cũ, không nhìn thấy mọi người trong đoàn hành quân, từng tổ tự sắp xếp liên lạc và quản lý dưới sự chỉ huy của tổ trưởng.

Trời sáng dần, sương mù còn dày, qua các mảng rừng, từ bên này trông chưa nhìn thấy bên kia trông. Các cây lớn ở gần thì nhìn thấy rõ từ gốc đến nhánh nhóc ngọn cây, cây ở xa chỉ thấp thoáng chập chờn. Đi được hơn 1 giờ thì trời đã sáng

*

Cán bộ văn phòng Trung ương Cục miền Nam tại Mã Đà.

rõ. Khi nắng lên, trông núi rừng rất đẹp. Nhất là khi đi qua các truông và trảng tranh xen kẽ hai bên con đường mòn, mọi vật đều sáng rực.

Chúng tôi nghỉ giải lao và chờ hội với các đoàn bên khối Vận (C92) do bác Nguyễn Hữu Thế (Tư Râu Kẽm) phụ trách và Tuyên huấn (C91) do chú Trần Bạch Đằng (Năm Quang) phụ trách. Một thời gian ngắn, các đoàn lần lượt đến đủ cùng nghỉ giải lao để sau đó hành quân về hướng trảng 80 – nơi ở của khối Quân sự (C94) do bác Phạm Thái Bường – Thường vụ Xứ ủy phụ trách. Đoàn tiếp tục đi, nghỉ giải lao hai lần thì hội với đoàn Quân sự (C94).

Sau khi hội quân, toàn đội hình hành quân rất đông gồm các lực lượng nòng cốt và các đồng chí lãnh đạo của Xứ ủy Nam bộ di chuyển sang Chiến khu Đ (còn gọi là khu A) để thành lập căn cứ Trung ương Cục miền Nam. Trước đó, Xứ ủy đã cử lực lượng tiền trạm về Chiến khu Đ trên 100 cán bộ (Gồm cả Đại đội trinh sát C260 do ông Hai Lâm làm Đại đội trưởng). Như vậy toàn bộ lực lượng từ Chiến khu Dương Minh Châu dời qua Chiến khu Đ cỡ khoảng 450–500 người. Lực lượng còn lại chừng 300 cán bộ, chiến sĩ bám Chiến khu B, xây dựng Huyện căn cứ (C105) ở tỉnh Tây Ninh.

Sau khi gặp nhau, đoàn quân “tiểu Trường Chinh” – theo cách gọi ví von của mấy chú trong Văn phòng Xứ ủy – di chuyển hướng về Tà Đạt. Khu vực này ít rừng già, phần nhiều là trảng truông và bàu, nắng lên khá nóng nên mọi người dần dần thấm mệt. Đến trưa, chúng tôi dừng lại ăn cơm và nghỉ một chút để lấy sức vượt lộ Kà Tum vào khoảng 13 giờ là lúc vắng người nhất.

Khi trinh sát đã bám lộ, lần lượt từng đoàn tiến lên trong im lặng và nhanh chóng vượt qua đường. Đi khỏi lộ Kà Tum chừng 1 giờ thì chúng tôi nghỉ giải lao. Không khí rất vui vẻ, mọi người uống nước và nói chuyện râm ran.

Chúng tôi lại tiếp tục đi. Rừng không có nhiều cây lớn, có khi đi hàng giờ trên một trảng dầu và trước mắt tôi là một vùng cây lúp xúp bằng phẳng. Chúng tôi lại nghỉ giải lao và chuẩn bị qua sông Thala (trên bản đồ là pr.Klok) – nơi thượng nguồn của Rạch Sanh Đồi chảy xuống xóm trại Đền thành sông Bà Hảo đổ ra sông Sài Gòn. Khi qua sông, nước chỉ đến dưới ngực vì đang ở mùa khô. Chúng tôi đi gần hai giờ thì trời vừa xế bóng tới Khe Đon được lệnh ngừng quân để nghỉ qua đêm.

Mọi người ai lo phần nấy, tìm chỗ phát quang để căng tăng mắc võng. Các anh thanh niên phụ chú Hai Già (Phạm Văn Xô), chú Năm Nghênh làm bếp và bôn đựng nước để nấu cơm, nấu nước. Phía trước và sau nơi chúng tôi dừng quân, đã có hai đơn vị võ trang bố trí bảo vệ nên rất an tâm. Đêm hôm đó, sau ngày thứ nhất hành quân, chúng tôi ngủ rất ngon giữa rừng Khe Đon thơ mộng. Đây cũng là một đêm đẹp trên bước đường đi kháng chiến của một thanh niên còn rất trẻ như tôi.

Vào sáng sớm ngày thứ hai, anh Triết – là anh hai của tôi trong đoàn người hành quân, đánh thức tôi dậy sớm. Dọn đồ, cuộn tăng xong, chúng tôi đi xuống bếp châm nước và lãnh cơm vắt. Mỗi người cảm thấy nắm cơm và bình ton nước hôm nay sao thấy nặng hơn hôm trước. Có lẽ, sức chúng tôi đã xuống sau ngày hành quân hôm qua. Ăn cơm với mắm ruốc kho khô vừa xong thì chúng tôi được lệnh tập hợp điểm danh và lại lên đường.

Hôm nay, chúng tôi đi về hướng suối Bà Chiêm. Nhưng để tránh khu vực Hang Đá có giặc đang đóng chốt, đoàn phải đi vòng xuống gần Trà Vò rồi qua suối Bà Chiêm. Sau 1 giờ chúng tôi đến trảng Ba Thùng. Đây là một trảng rộng và chạy dài, rẽ thành ba nhánh. Chúng tôi đi theo rìa trảng một đoạn rồi cắt ngang trảng và đi vào rừng. Đến trưa, đoàn dừng lại ăn và nghỉ trưa đến gần 2 giờ chiều mới đi tiếp.

Đến đoạn đường này thì chân của tôi vừa rát vừa đau dần lên nên đi thật vất vả. Các anh lớn động viên và mang dùm bình ton nước và gạo cho tôi. Nhưng đi được một đoạn, nửa chân càng đau hơn, tôi đi chậm làm cho cả tổ bị động. Các anh phải mang luôn bông đồ của tôi, còn tôi cứ cà nhắc mà đi ráng cho đến khi đoàn nghỉ đêm bên bờ suối Bà Chiêm.

Tôi không còn làm gì nổi, anh Triết lo cho tôi chỗ ngủ, còn tôi chỉ chờ căng võng xong là leo lên nằm, gót và khớp bàn chân đã sưng lên. Chiều tôi không ăn được, tôi anh Triết nấu nước muối cho tôi ngâm chân, dần dần thấy bớt đau và đêm đó tôi ngủ một giấc ngon.

Sáng hôm sau rời suối Bà Chiêm, đi chừng 2 giờ thì đến một vùng hoàn toàn là rừng le. Hơn 1 giờ đi trong rừng le mới tới vùng có cây, vào sâu bên trong chúng tôi đã đến căn cứ. Vùng này là vùng căn cứ của C40, vốn là một đơn vị hậu cần có ca bộ phận may quân trang cho toàn bộ lực lượng Miền. Người phụ trách là bác Năm Thành. Hậu cần Miền lúc đó có hai đơn vị là C90 và C40 – phụ trách chung lúc đó là bác Võ Phát (Tư Võ).

Tại căn cứ này, chúng tôi đã ở lại gần một tháng. Vì có hai lý do: một là căn cứ mới chưa xây dựng xong, hai là giặc đang hoạt động trên vùng chúng tôi sẽ hành quân qua, phải chờ tình hình yên thì mới đi được. Trong một tháng ở căn cứ này người lớn thì đã có nhiệm vụ làm hàng ngày, tôi được phân công làm việc ở bộ phận văn phòng, sau lại xuống nhà quản lý hay nhà bếp, hoặc lại ra nơi ở của tiểu đội bảo vệ, thỉnh thoảng tôi có ra Đại đội trinh sát C260 của chú Hai Lâm đang đóng gần đó.

Để chuẩn bị chuyển đi sắp tới, các đoàn tại căn cứ phải lo lương thực, thực phẩm. Các cơ quan tổ chức một đoàn đi xuống suối Ông Hùng tải gạo, thực phẩm, đường sữa, trà, thuốc rê và thuốc thơm với một số lượng lớn. Còn ở căn cứ, tổ chức nhóm săn do ông Mười Rạnh xuống suối Bò bắn voi để ăn bồi dưỡng và làm

lượng khô cho cuộc hành quân. Hai việc đều mang lại kết quả, chúng tôi đã có nhiều gạo trắng, mắm ruốc, khô, mỡ, đường tán và đường cát, sữa hộp, cà phê, trà, thuốc rê và cả thuốc thơm Cotap và Rubi, có cả một số thuốc trị bệnh cùng bông băng, thuốc đỏ... Bên nhóm đi săn, đã bắt được một con voi, các cơ quan đều cử người đi mang thịt voi. Khi voi được mang về làm thịt, mọi người đến xem rất đông. Buổi cơm chiều hôm nay thật thịnh soạn gồm ba món thịt voi xào củ hành đỏ, thịt voi kho, thịt voi hầm củ cải muối. Khẩu phần ăn mỗi người không hạn chế nên mọi người ăn một bữa thật no nê và ngon miệng.

Chặng thứ hai: Đến sông Sài Gòn địa phận tỉnh Bình Long

Sau hơn một tháng nghỉ tại căn cứ, chúng tôi được phổ biến ngày hành quân, mọi việc đã sẵn sàng chỉ chờ lệnh là đi. Sau khi ra khỏi nơi ở, các cơ quan lại hội quân thành đoàn lớn rồi đi về hướng suối Bò để đến vùng căn cứ Tỉnh ủy Bình Long với phiên hiệu C100 do bác Ba Nghệ làm Bí thư. Gần hơn 10 giờ, chúng tôi qua suối Bò, một vùng rộng lớn kéo dài hai bên bờ suối đầy đầy dấu chân voi, dấu voi nằm, dấu voi cạ mình vào thân cây, đường voi đi lún sâu có nơi thành suối, dấu chân dẫm nát, những bãi phân voi cùng khắp, những thân cây bị voi ăn và quần đạp dẫm nát.

Suối Bò vào mùa khô nước cạn, nước trong veo chảy về hướng Nam. Đoàn hành quân nhanh chóng qua suối. Sau này, khi qua Suối Bò vào mùa mưa thì mất rất nhiều tiếng đồng hồ. Qua khỏi suối một đoạn, đoàn dừng lại nghỉ trưa lấy sức. Chiều đó, đoàn tới nơi đóng quân cách sông Sài Gòn chừng 30 phút đường đất. Chúng tôi nghỉ đêm tại đây và trọn ngày hôm sau, đoàn cử người liên lạc với C100.

Tại vùng này, trong lúc mọi người nghỉ ngơi thoải mái, tôi và anh Xiêm (liên lạc) đến một con suối cạn nước (suối Rùa) xem các anh bên lực lượng vũ trang đang đắp từng chặng và mò bắt cá, rùa. Các anh bắt được rất nhiều rùa – toàn là rùa sông, rùa lớn mới bắt, con nhỏ cỡ cái chén thì bỏ lại. Có cả một con cá sấu đang tuổi lớn. Chiều đó, đoàn người lại được một bữa thịt rùa xào củ hành ăn rất ngon miệng sau chuyến đi khá mệt.

Sáng hôm sau đoàn tiếp tục hành quân theo hướng sông Sài Gòn đến Sông Bé. Đoàn xuất phát khi còn tờ mờ, đi chừng 30 phút thì đến bờ sông nghỉ chờ đến tốp thì vượt sông. Đoàn Văn phòng C99 được qua sông trước, kế tiếp là các chú Thường vụ rồi đến chúng tôi.

Tốp chúng tôi qua sông bằng ghe, mỗi chuyến chở bảy, tám người. Lúc này nắng đã lên, mặt sông sáng rõ, sóng lăn tăn gợn nắng, một thoáng ghe đã cập bờ bên kia. Lên bờ cứ theo hướng đông mà đi, chừng 1 giờ thì ra đến một con đường đất ủi lớn chạy vắt ngang từ hướng Tây – Tây Nam về Đông – Đông Bắc. Chúng tôi rẽ tay phải đi về hướng Tây – Tây Nam.

Cứ đi trên đường ủi này, nghỉ giải lao một lần, lại đi rồi nghỉ để ăn trưa ngay trên lộ, đi tiếp đến một cây cầu gỗ bắc ngang con suối vắt qua đường có dòng nước trong veo (sau này tôi mới biết con suối đó bắt nguồn từ Núi Đất). Qua khỏi cầu chừng 15 phút, đoàn chúng tôi bỏ đường ủi rẽ vào bên trái và tiếp tục đi theo hướng này một đoạn thì đi qua một con đường cũ bỏ hoang. Qua lộ cũ này chúng tôi nghỉ đêm ở gần suối Cầm Xe nhưng không bám suối.

Sáng hôm sau, chúng tôi thức dậy, ăn cơm sáng và chuẩn bị hai phần cơm vì đêm đến phải vượt đường 13 đi vào sông Bé không thể nấu cơm chiều. Trước khi đi, chúng tôi phải làm công việc xóa dấu vết nghỉ quân nhằm tránh sự phát hiện của địch.

Chúng tôi vượt suối Bà Già, hai bên bờ đất thấp nhiều cỏ và cây dừa nước và nhiều con suối khác. Đoàn dừng cơm, nghỉ trưa, khoảng 16 giờ đoàn bắt đầu di chuyển, vượt đường xe lửa đi theo hướng Bắc Nam và chui vào rừng đi tiếp chừng 20 phút thì cả đoàn dừng lại phân tán đội hình, chờ lệnh vượt lộ.

Lúc này trời còn sáng, phải chờ trời nhập nhoạng mới qua lộ được. Chúng tôi ngồi chờ trong im lặng, không hút thuốc, không nói chuyện. Một lát sau có lệnh, mọi người bật dậy, từng người nối chân nhau trước chậm sau nhanh hối hả tiến bước vượt lộ băng vào rừng. Có hai tổ cảnh giới bám lộ đang nằm phục dưới đất súng chĩa nòng về hai hướng trên dưới của con đường. Trời tối dần, mỗi người bám nhìn theo chiếc bóng của người đi trước để theo kịp tốc độ hành quân rất nhanh của đoàn. Đi sâu vào rừng khoảng chừng 15 phút đoàn đi chậm lại để liên kết đội hình. Đoạn này là một vùng đất bằng trống trải chỉ có bụi thấp, mặt đất thoải và thấp dần xuống bên trái. Tôi nghe cả tiếng chó sủa đoán chắc là xóm của dân. Sau này, tôi mới biết là qua đường ở phía dưới cầu Tham Rót, nay là địa giới tỉnh Bình Dương và Bình Phước.

Đang đi, chúng tôi bất ngờ nhận khẩu lệnh từ trước truyền ra sau “nằm xuống”. Mọi người nhanh chóng thực hiện, tất cả yên lặng. Tôi căng thẳng và không biết diễn biến sẽ ra sao vì không có chút kinh nghiệm nào... Chừng vài phút, có người từ trên đi xuống, có tiếng hỏi nhỏ “Sao nằm hết vậy? anh Ba Lâm đâu?”. Lại có tiếng cười khúc khích “Chà hại quá, không có gì đâu, đi đi...”. Té ra khẩu lệnh truyền là “anh Ba Lâm lên”, lại có người phát âm sai thành “anh ba nằm...” người sau chỉ nghe chữ “nằm” cứ thế mà truyền đến cuối hàng quân và đồng loạt nằm xuống. Trong khi đó, phía đầu hàng quân thì vẫn di chuyển như thường.

Sau khi ổn định, chúng tôi đi tiếp và đến một con suối, lại có khẩu lệnh “lấy bình ton đựng nước để có nước uống”. Ai cũng làm như thế nhưng nhiều nhóm có kinh nghiệm hơn đã lấy cả tấm nilon che mưa bọc nước mà vác đi. Đi khỏi suối chừng 30 phút, chúng tôi dừng lại ngủ đêm. Khi mắc võng không ai được dọn cây mà chỉ tìm cây có sẵn tránh không được để lại dấu vết đóng quân.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi dọn dẹp, xóa dấu vết và hành quân ngay. Đi chừng 1 giờ thì tôi lên cơn đau bụng, cơn đau ngày càng tăng, mặt tôi xanh dờn, anh Mười Lù là y tá của Văn phòng (sau giải phóng là bác sĩ riêng của ông Mai Chí Thọ) cho tôi uống thuốc và làm mọi cách nhưng cơn đau của tôi không giảm được. Để giữ tốc độ hành quân của đoàn, anh Mười đã cõng tôi đi, khi còn cách bến sông Bé chừng 1 giờ thì các chú lãnh đạo lệnh anh Mười ở lại chăm sóc bệnh cho tôi. Đoàn vẫn tiếp tục hành quân và phải khăn trương vượt sông Bé. Tôi được đưa vào chỗ ở tạm để bám bến sông của trạm giao liên vừa mới cấp tốc lập ra phục vụ cho đợt dời căn cứ. Nói là trạm nhưng chỉ có một cái chòi nhỏ để dựng một ít gạo và kê bếp nấu cơm. Còn chỗ ngủ thì cứ giăng nilon mắc võng trong các cây lồ ô, nơi đây không nhìn thấy một cây rừng nào lớn. Đến trưa thì các anh giao liên trở lại, nhóm giao liên có ba người, phụ trách là anh Tư Xê (sau này tôi được biết anh Tư Xê phụ trách trạm giao liên tỉnh Bình Long). Nhiệm vụ của giao liên Bình Long đợt này là tổ chức đưa các đoàn hành quân từ sông Sài Gòn đến bờ sông Bé. Hôm sau, tôi hoàn toàn hết bệnh, đến trưa theo các anh giao liên ra lung hái đợt chạy về nấu canh vừa ngon miệng lại vừa bớt gạo, đây là bữa canh đợt chạy đầu đời của tôi.

Chặng đường từ sông Bé đến căn cứ Mã Đà

Đến ngày thứ ba, có lệnh 8 giờ chúng tôi sẽ ra sông để gặp đoàn hành quân đợt hai đi về căn cứ Mã Đà. Sáng hôm sau mấy anh em đều cùng dậy nấu cơm và ăn uống xong lên đường ra bến sông Bé. Tại đây, chúng tôi gặp anh em mới đến khoảng 60 người. Chúng tôi lần lượt qua sông Bé bằng những chiếc xuồng độc mộc do người Stiêng bơi, mùa khô nên nước dòng sông khá trong và không chảy xiết, xuồng qua lại rất nhanh, mỗi chiếc chở từ 2 đến 3 người tùy theo đồ đạc nhiều ít.

Qua đến bờ bên kia cứ theo đường mòn mà đi cho đến khi nào gặp những người trước đang ngồi nghỉ thì hội quân. Chúng tôi tiến về hướng suối Giai với sự dẫn đường của giao liên vùng C300 (là Tỉnh ủy Phước Long do chú Ba Thu (tức Phạm Văn Thuận) làm Bí thư). Khoảng hơn 11 giờ trưa thì chúng tôi vượt qua đường 14. Lần vượt đường này không căng thẳng như vượt đường 13. Qua đường đi chừng 1 giờ thì đoàn dừng lại ăn trưa, ăn xong là đi ngay tới suối Rạt. Nơi qua suối có cây dầu lớn bắt qua. Đốc suối Rạt không cao nhưng khá dài, lên tới chỗ đất bằng thì nghỉ, sau đó đi tiếp vượt suối Bé đến bàu Chân Ra. Chúng tôi được ở ngay bàu chỗ rộng mà tròn nhất. Bàu này đẹp nhất trong các bàu mà tôi từng đi qua suốt đường hành quân. Bìa rừng sát ngay bàu, không có cỏ tranh và nhiều bụi cây như những trảng khác, trong bàu mọc toàn các loại cỏ và cây vùng ngập nước, toàn khung cảnh là một màu xanh rất đẹp. Từ bàu Chân Ra chúng tôi đi vào rừng chừng hơn 30 phút thì vượt suối Dên Dên, đến sườn đồi chúng tôi nghỉ đêm và cả ngày hôm sau. Đây là nơi đóng quân của C300, một thời gian sau thì đơn vị này dời đi.

Ngày nghỉ hôm sau tôi đi vào rừng và xuống suối, rừng ở đây cây cao và rậm, bên dưới cây con trồng trải và đất dốc nhiều hơn rừng bên khu B. Suối thì nhiều đá, nước trong veo và chảy nhanh hơn nước suối ở bên Tây Ninh. Đêm đó, đoàn chúng tôi liên hoan văn nghệ thật là vui.

Sáng hôm sau lại hành quân, sau khi đi một đoạn đường mòn trong rừng, chúng tôi lên một đường be cũ. Tất cả phải giữ sự im lặng và cảnh giác vì gần đến lộ Mã Đà. Bấy giờ lộ này chưa nối thông được với Đồng Xoài. Chúng tôi băng qua lộ vào một động trưng cây cỏ lúp xúp rồi tiến vào rừng dần dần lên dốc toàn là đất đỏ, đây là nơi đất đỏ đầu tiên suốt trong những ngày hành quân. Qua hết dốc thì đến đất bằng, chúng tôi nghỉ và đi tiếp. Các anh giao liên cho biết hết dốc sẽ qua sông Mã Đà.

Nghe vậy, tôi rất nôn nao vì khi chuẩn bị dời căn cứ qua đây tôi đã được phổ biến đầy đủ về sự quan trọng của việc thành lập căn cứ ở Chiến khu Đ. Các chú Bảy Xuội, Mười Tê, Tám Lùn, Tám Đen, Hai Kỹ... hay nói ví von là sự kiện dời căn cứ lần này là “cuộc hội nghĩa của các anh hùng Lương Sơn bạc”, là “cuộc Tiểu vạn lý trường chinh xây dựng căn cứ địa cách mạng”, đi đến Mã Đà là nơi ở vô cùng gian khổ, ai đến đó là đến nơi của “*Mã Đà sơn cước anh hùng tận*”... những điều đó đã gieo cho tôi niềm háo hức tò mò và hãnh diện của tuổi trẻ.

Thế là tôi sắp được đi qua con sông có tên Mã Đà được nhiều người lớn trong cơ quan nói đến, đó là cái mốc đặt ra trong chuyến đi này và cũng là cái mốc đầu tiên của tôi trong đoạn đời đi kháng chiến. Chúng tôi xuống tới sông, bắc qua sông cũng là một thân cây to lớn, lớn hơn cái cây đã bắc qua suối Rạt, tuy vậy đầu cây chỉ cắm được đến mé bờ nước không tới được bờ đất cao của con sông Mã Đà. Leo lên cây chúng tôi đi từ từ qua bờ bên kia, hết đất đỏ đến vùng đất xám, có đoạn là đất đen hay đất vàng pha đá. Khỏi sông chừng nửa tiếng, chúng tôi qua một cái rẫy rộng độ một hai mẫu đất, bắt đã lên chừng hai gang tay còn lúa mọc gần gang tay. Nơi đây đã tía giống từ những cơn mưa đầu mùa khô khi chúng tôi còn ở căn cứ C40. Đi khỏi rẫy một đoạn thì tới một vùng đồi đất đen mọc toàn cây bằng lăng, quá một chút thì băng qua một con suối nước chảy từ Đông sang Tây. Chúng tôi nghỉ ở đây, sau đó đi tiếp qua một con suối nhỏ rồi đến trạm thường trực của khu căn cứ, đây là căn cứ của ông Lâm Quốc Đăng (C50) đóng quân tại đồi có tên là đồi “Cối Xay”. Đến đây thì các đoàn đều có người của cơ quan đến đón về. Anh Xiêm liên lạc của Văn phòng tới đưa chúng tôi về cơ quan. Ba anh em gặp nhau vui vẻ, băng qua một đồi thấp, cây rừng không lớn lắm, chúng tôi đến nhà của tiểu đội bảo vệ của anh Ba Lu. Ở đây chỉ mới cất một nhà ở và một nhà bếp. Tôi tíu tít nói chuyện với các anh, ở chơi một lát thì chúng tôi vào Văn phòng. Đi chừng 5 phút thì chúng tôi bước lên đường đi làm bằng hai thân cây cột chặt lại với nhau và cứ thế nối dài mấy trăm thước trên cao khỏi mặt đất, phía dưới là vùng đất thấp ẩm ướt mọc các loại cỏ và thực vật vùng ngập nước, có vài nơi có nước mặt dù đây là

mùa khô. Cây rừng nhỏ và một loài cỏ cao khỏi đầu người không phải loài sậy lẫn lộn cùng nhau che giấu con đường này. Đây là cách nghi trang đường mòn vào cứ, nếu giặc theo đường mòn đến được nơi ở của tiểu đội bảo vệ thì ta đã rút hết các cây lót đường và nghi trang lại thì địch sẽ không tìm được đường vào căn cứ của Văn phòng Xứ ủy. Đi hết đoạn đường cầu cây anh em tôi đi tiếp chừng 15 phút thì lên dốc, vừa đến chỗ đất bằng thì thấy ngay nhà quản lý ở bên tay phải và nhà bếp ở bên tay trái, vào nhà quản lý tôi gặp chú Hai Kỵ, chú Năm... Sau khi hàn huyên, anh Mười Lù ở lại nhà quản lý còn tôi, anh Xiêm về nơi ở và làm việc của văn phòng, nghiên cứu, văn thư đánh máy và liên lạc.

Thế là tôi đã đến căn cứ mới, gặp các chú các anh và anh Triết của tôi. Tôi mừng vô kể. Tôi đã hoàn thành chuyến hành quân dài ngày từ Tây Ninh đến Mã Đà. Lúc ấy, còn trẻ, được các chú khen tôi hăng diện vô cùng. Tôi đã vượt qua được thử thách của gian khổ để trở thành một người lính trong căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại Mã Đà – Chiến khu Đ vào năm 1961.

SẢN XUẤT – CHIẾN ĐẤU TRONG CĂN CỨ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

TRẦN CÔNG AN (*)

Tháng 10–1960, tôi cùng nhiều cán bộ, chiến sĩ miền Nam tập kết ra Bắc. Chúng tôi thuộc sư đoàn 338, 330 về tham gia khóa huấn luyện ở Dốc Cùn, gần thị xã Hòa Bình. Sau 3 tháng huấn luyện, tôi được cử làm trưởng đoàn cán bộ quân sự gồm 203 thành viên lên đường vào Nam chiến đấu (là tiền thân Q 761 sau này).

Sau hơn 4 tháng hành quân trèo đèo lội suối, có lúc phối hợp chiến đấu giúp bạn Lào, ngày 20–7–1961, đoàn chúng tôi về đến Mã Đà – Căn cứ của Xứ ủy tại Tà Be (tháng 10–1961 là Trung ương Cục miền Nam).

Anh Phạm Văn Xô (Hai Xô), Thường vụ Xứ ủy Nam bộ (từ tháng 10–1961 là Thường vụ Trung ương Cục miền Nam), đến gặp đoàn và giao nhiệm vụ:

– Chúng tôi giữ anh lại để anh phụ trách xây dựng hoàn chỉnh vùng căn cứ của Trung ương Cục. Việc cấp thiết trước mắt là tổ chức sản xuất tự túc trong vùng căn cứ, có dự trữ cơ sở vật chất đầy đủ, đón chiến sĩ từ Trung ương vào miền Nam chiến đấu và công tác. Song song với tổ chức sản xuất là tổ chức đường giao liên từ Khu 6 về T1 qua Tây Ninh. Từ miền Bắc, anh em sẽ về bằng hai đường, đường Bàu Khiêu và đường từ Miền qua đồi Tam Cấp sang. Bên này, anh mở đường về R qua hai ngã, thứ nhất ngã Bình Long, thứ hai ngã Bến Cát. Còn đường từ T1 xuống Bà Rịa, phải coi trọng công tác vận động các đồng bào dân tộc tham gia kháng chiến, sản xuất tăng gia và bảo vệ căn cứ...

Anh Hai đang nói, tôi cắt ngang:

– Tôi dẫn trung đoàn về với nguyện vọng được đánh giặc. Chứ sản xuất thì tôi ở lại làm chủ tịch nông trường ngoài Chi Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình, chớ về đây làm chi...

Lúc đó, anh Trần Văn Quang vừa vào tới nơi. Anh biết tôi từ ngoài Bắc. Anh Hai Xô nói với anh Quang điều gì đó, anh Hai Quang liền kêu tôi lên:

– Về có khỏe không, có tin tức gia đình chưa anh Hai?

Sau hàn huyên thăm hỏi, anh mới nói tới công việc của tôi. Tôi trả lời:

– Việc xây dựng căn cứ nhiều người có thể làm được, đâu chỉ có mình tôi. Nguyện vọng của tôi là đánh giặc... Hồi chín năm tới nay, tôi vẫn đánh giặc tốt đó thôi...

* Đại tá, Anh hùng lực lượng vũ trang, nguyên lãnh đạo đoàn U 50.

– Nói vậy là không được, hồi đó chưa có chủ lực. Bây giờ đánh nhau với Mỹ, ta cần có nhiều chủ lực, cần có địa bàn rộng rãi để ém quân. Tôi thay mặt Bộ Quốc phòng, chỉ thị cho anh phải đứng ra xây dựng căn cứ và tổ chức sản xuất ở vùng này.

Sau đó ông lý thuyết đủ thứ một hồi, xây dựng căn cứ thế nào, Lênin nói ra làm sao... Tôi phản ứng:

– Nói thế thôi, biểu người khác thì không ai làm. Đây là công tác thầm lặng, làm thất bại thì bị khiển trách. Còn đánh giặc mình giỏi thì thắng nó, dở thì hy sinh. Công việc này sống không sống, chết không chết, làm không được thì mất chức. Bây giờ nếu trên chỉ thị thì tôi chấp nhận, đã chấp nhận thì tôi sẽ làm hết khả năng!

Anh cười, vỗ vai tôi thân mật:

– Cậu có biết ông Hai Xô là ai không?

– Chắc ảnh trong Trung ương Cục, trong Ban Quân sự Miền.

– Ông là Ủy viên Chấp hành Trung ương Đảng đây, nếu ông chỉ thị, tôi cũng phải chấp hành không điều kiện đó!

Anh Quang đã nói vậy, tôi còn biết làm sao !

Tháng 11-1961, tôi được Trung ương Cục kêu vô gặp các anh Mười Cúc, Hai Đáng, Ba Bường¹). Các anh cho tôi biết, để thuận tiện cho công tác chỉ đạo toàn Miền, Trung ương Cục sẽ chuyển căn cứ sang Tây Ninh. Bây giờ chúng tôi giao cho đồng chí sáu cơ sở vùng xung quanh căn cứ trải rộng từ Tà Lài, Bù Đăng, Đồng Xoài, Bù Na, Bến Bàu, Bình Mỹ. Tạm thời mỗi nơi chốt một trung đội, hoặc tiểu đội.

Nhận chỉ thị xong, tôi mất một tháng đi nhận các cơ sở trong địa bàn U50 (tương đương cấp tỉnh) mới thành lập. Anh Lâm Quốc Đăng (Tư Thước) là Bí thư trực tiếp phụ trách đường dây giao liên; anh Năm Ninh phụ trách quân nhu; anh Mười Bị (nguyên Huyện đội trưởng Trảng Bàng, Tây Ninh) phụ trách sản xuất cơ quan; tôi phụ trách sản xuất chuyên nghiệp đại trà.

Tháng 12-1961, qua đường dây giao liên, tôi móc được liên lạc với gia đình tại Vĩnh Tân (Tân Uyên). Gia đình đoàn tụ xiết bao vui mừng. Các con tôi đã lớn. Để địch không phát hiện, tổ chức thu xếp cho vợ và các con tôi thoát ly vào căn cứ cùng tham gia sản xuất và chiến đấu.

¹ Mười Cúc, tức đ/c Nguyễn Văn Linh – Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Hai Đáng, tức đ/c Phan Văn Đáng – Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Ba Bường, tức Phạm Thái Bường – Ủy viên Trung ương Cục miền Nam.

Thời gian đầu khi vợ lên căn cứ, ở nhờ chỗ anh Mười Thiện, anh giúp vốn cho nuôi một bầy heo. Năm 1964, vợ tôi nhập ngũ, số heo đó nhập vào tài sản của đơn vị. Một đêm cộp về bắt heo, vợ tôi và anh em đốt đuốc đuổi theo, khiến cộp phải bỏ mồi tháo chạy!

Đầu năm 1962, U50 nhận thêm 200 quân của Miền, do anh Năm Thọ giao. Trong đó nữ chiếm hơn 60% quân số, còn con trai, hầu hết bị cán bộ tổ chức xếp vào loại không thuộc thành phần cơ bản. Đảng ủy tổ chức lớp chỉnh huấn, nội dung về những nét lớn của cách mạng miền Nam, nhiệm vụ của U trong việc xây dựng chiến khu, căn cứ của cách mạng, tuổi trẻ phải làm gì để đồng đội có cơm ăn mà xuống đường đánh giặc? Trong lớp học mình nói anh em nghe, nhưng trong tâm tư anh chị em còn nhiều lẩn cẩn. Tuổi trẻ thời loạn, thoát ly gia đình tham gia kháng chiến, ai cũng có tâm nguyện được cầm súng giết giặc lập công. Bây giờ bảo họ cầm cuốc, cầm cày đi phát nương đốt rẫy, cày ruộng, cấy lúa... chưa kể tới ăn không đủ no, sốt rét ngã nước... làm cách nào cho họ hiểu tầm quan trọng của nhiệm vụ sản xuất, để có thể say mê mà cống hiến đây?

Năm đầu, rẫy cũ còn khoảng 40 mẫu, anh chị em phá hoang thêm tổng cộng khoảng 250 mẫu trồng mì, trồng bắp. Tìm mua mấy cặp trâu cày, vỡ hóa một số chân ruộng ở bầu Cây Xoài, bầu Sen, bầu Thái Bình Dương dưới Cát Tiên để cấy lúa. Cuối năm, thu hoạch khoai mì và bắp dư ăn. Phần lớn mì được nhổ lên, bóc vỏ, rửa sạch xắt lát phơi, hoặc sấy khô, cung cấp mấy chục tấn cho các đoàn hành quân xuống chiến trường Bà Rịa.

Ban Chỉ huy chúng tôi, tiêu chuẩn ăn cũng như anh em: mỗi ngày 8 lạng gạo, còn lại ăn độn khoai mì, bắp thả dạn. Chúng tôi tính tiêu chuẩn ăn của lao động chính (lực điền) ngày phải là 1,2 ki lô gạo mới đủ sức làm. Được thuận lợi là Nam Cát Tiên có nhiều bầu nước, cá nhiều vô số kể, những anh em quen sông nước được cử đi đánh bắt cá, cung cấp cho các cơ quan trong căn cứ cá tươi, còn lại làm mắm và phơi khô.

Phong trào cách mạng miền Nam phát triển mạnh, nguồn nhân lực chiến đấu là rất cần thiết. Mỗi tháng, Miền bổ sung cho U50 vài trăm cán bộ chiến sĩ. Đầu năm 1963, biên chế của chúng tôi lên con số ngàn. Phong trào đấu tranh cách mạng ở miền Nam lên cao, thanh niên nam nữ xung phong tòng quân ngày càng đông. Các trung đoàn chủ lực đã đủ biên chế, còn lại bao nhiêu được bổ sung cho các đơn vị của U50.

Nhân lực đông, dụng cụ phương tiện lao động thiếu thốn, số dụng cụ cũ hư hỏng cần sửa chữa và thay thế. Chúng tôi cho cán bộ đi mời và đón ông thợ rèn vào sửa chữa và rèn mới công cụ. Cử một số thanh niên nhanh nhẹn vô làm thợ phụ tranh thủ học nghề. Anh em bên binh công xưởng ra lộ 13, dùng cưa cắt đường ray và tà vẹt trên đường xe lửa Sài Gòn – Lộc Ninh, báo cho chúng tôi cử anh em

ra vác về hoặc mượn xe bò của dân chắt lên kéo về làm nguyên liệu rèn dụng cụ lao động.

Nhờ có đủ dụng cụ bén tốt, tháng 3-1963, cả đơn vị phát thêm được 1000 mẫu đất để xuống mìn, trồng xen thêm vào 400 mẫu bắp. Do được mua thêm nên tất cả có một chục đôi trâu cày, cấy 60 mẫu lúa nước. Lúc này, tôi là Đoàn trưởng Đoàn U50. Anh Đào Sơn Tây (Tư Khanh), nguyên là sĩ quan chỉ huy pháo binh, nhưng vì chưa có pháo, về làm Bí thư, Đoàn phó là các anh Mười Bị và Năm Ninh. Giữa năm, tình hình có bước chuyển mới, anh Tư Khanh được Miền gọi về phụ trách pháo binh. Anh Mười Bị cũng được rút qua thành lập Đoàn Hậu cần U83 bên Long Nguyên (Bến Cát). Anh Năm Ninh đi kiểm tra dọc sông Bé, chẳng may đụng trăn càn, anh hy sinh tại bàu Châu Ra.

Tôi được chỉ định làm Đoàn trưởng, Bí thư Đảng ủy U50, lại kiêm thêm chức Đoàn trưởng Đoàn Hậu cần U81, tham gia Đảng ủy Cục Hậu cần Miền. Lúc này, đơn vị tôi phụ trách có đầy đủ các đơn vị trực thuộc: Quân y, Vận tải, Quân nhu, Binh công xưởng. Riêng quân nhu các anh Tư Hải, Tư Ký là người chạy mua lương thực rất giỏi. Có thời kỳ Miền chưa kịp rút tiền xuống, anh cho người xuống cơ sở Thủ Dầu Một, hoặc Sài Gòn, vay tiền mua được 300 tấn gạo, chuyển ra kéo lên chắt vào kho bên bờ sông Bé. Hai anh sau này đều đã hy sinh. Dân buôn bán gạo thời này “một vốn bốn lời”, tuy có sợ chính quyền Sài Gòn bắt, nhưng họ tìm cách mua lẻ ít một, gom cất trong làng, trong ấp cho đủ một xe bò kéo, thì giao cho mình. Trí tuệ của nhân dân ta mênh mông, nghĩ ra trăm mưu ngàn kế để qua tai mắt địch. Có lúc đoàn xe bò gạo hàng trăm chiếc, ùn ùn lẫn bánh qua đường 16 đến giao hàng tại kho tạm ở bến Bào vàm suối Rạt. Họ hợp đồng trước với dân bứt mây, rút song, đốn cây, múc dầu chai... để tại nơi qui định. Giao gạo xong, nạp thuế cửa rừng cho ta xong, chắt hàng đôi lưu ấy lên xe kéo về, lời đơn lời kép, ăn cả hai chiều!

Đoàn U81 số đông là con gái, nhưng tải gạo người thồ ít nhất cũng là 40 lít (khoảng 30 ký) vẫn đi như đi chơi. Trong khi bộ đội tải 20 lít (15 ký) đã thấy lặc lè khi leo dốc. Gặp chị em U81, bị khích:

– Các anh vác vác, không đủ gạo cho “cò” ăn !

Biết mình yếu thế, đành cười trừ hoặc đánh trống lảng.

Chúng tôi cho người ra đường 14 tịch thu mấy chiếc xe REO, chuyên dùng chở gỗ cây và 1 chiếc máy ủi đưa về lấy ván đóng thùng biến xe REO thành xe tải để chở gạo và hàng hóa. Chiếc máy ủi dùng mở đường từ Bến Bào lên Cây Xé, cách Mã Đà chừng hai cây số, đặt tại đó một kho dự trữ, kho thứ hai đặt tại quãng giữa Bến Bào (bờ sông Bé) tới Cây Xé. Từ Bến Bào, ô tô chạy lên đồng Chân Ra, tới Cây Xé, tới đường mới ủi lên tận Xà Coóc. Tháng 10-1963, Đoàn U81 đã có 1000 tấn gạo dự trữ, còn bắp và mìn thì không tính nổi. Cấp trên cấp tiền cho chúng

tôi mua 50 con heo nái, phát cho các khu vực nuôi. Heo nuôi thả rông, heo nái gắp heo rừng, đẻ ra mấy bầy heo lai. Bầy heo của chúng tôi phát triển tới mấy trăm con. Bộ phận chài cá ở Bàu Cá, có đêm chỉ một tay lưới trúng tới 500 ký cá. Chiếc lợp lớn cỡ mui chiếc ghe loóng, thả xuống suối buổi tối, sáng ra cá vào đầy nhóc, kéo lên không nổi, lấy dây mây cột vào cây quay lên cũng không được, phải mở miệng lợp xả bớt cá ra mới kéo lên nổi.

Thời kỳ này, mỗi tháng chúng tôi cấp cho quân y trên 2 tấn cá khô. Đêm anh em đi săn, có lần bắn trúng một con trâu khoảng 300 ký, tưởng là trâu rừng hóa ra là con trâu già ngày xưa kéo gỗ bỏ thả hoang. Phải nói năm đó, mọi mặt sản xuất của U81 đều đạt kết quả tốt, nạp đủ chỉ tiêu, bảo đảm đời sống của chiến sĩ, còn cấp thêm lương thực (chủ yếu là khoai mì) cho các đoàn khách vắng lai, tính ra cả vạn lượt người. U81 có ba viện quân y, một ở Bù Cháp, một ở Xà Coóc, một ở Bền Bào, và hai trạm xá K71 và K72, lại còn mở trường đào tạo y tá, y sĩ, dược sĩ trung cấp, lập 10 đội phẫu thuật sẵn sàng đi tiền phương. U81 có xưởng quân khí, sửa chữa vũ khí, sản xuất mìn định hướng ĐH10, quản lý kho súng đạn Bàu Lùng (bên dưới Tà Be). Kho dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cả ngàn tấn; có 2 đại đội vận tải với 6 xe REO, 1 trung đội lái xe vận tải, xe ủi mở và sửa đường. Anh Hai Hậu (Trần Lương tức Trần Nam Trung) sau là Bộ trưởng Quốc phòng Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, và anh Trần Đình Xu Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Miền, cùng một số cán bộ cấp cục về kiểm tra đơn vị đều khen ngợi.

Từ tháng 8 đến giữa tháng 9-1963, Sư đoàn 18 ngụy mở cuộc càn lớn vào Chiến khu Đ từ phía Đồng Xoài, máy bay, pháo binh và xe tăng yểm trợ của địch tiến vào đóng chốt ở sân bay Rang Rang, cầu sắt Mã Đà trên trục lộ Đồng Xoài – Cây Gáo. Cuộc càn nhằm hỗ trợ thực thi “quốc sách ấp chiến lược” trong kế hoạch của Stalây-Taylo kìm kẹp nhân dân vùng Chiến khu Đ. Hàng ngày chúng chia thành từng phân đội lùng sục, tìm kiếm kho tàng của ta đánh phá và triệt hạ các căn cứ của ta, chặt phá một số diện tích trồng trọt của một vài đơn vị U81.

Trước khi chúng bắt đầu cuộc càn, Đại đội cơ động U81 nhanh chóng vận động từ cầu Mã Đà ra Đồng Xoài chôn mìn đánh xe tăng và trận địa ĐH10 phục kích bộ binh. Chết bọc phá lên bè, thả trôi theo dòng suối tấp vô chân cầu, bọc phá nổ cầu bị sập. Các đơn vị sản xuất, vận tải, hành chính... chia nhau chuyển các kho có thể bị phát hiện tới nơi an toàn và chiến đấu bảo vệ kho tàng, xưởng, trạm, bệnh viện, bệnh xá... Lúc đầu chúng còn hùng hổ, sau bị đánh đau vài trận, đêm đến chúng thấp nhang cúng bái cùng khắp. Tinh thần binh lính ngụy nhanh chóng rệu rã. Sau hơn một tháng hành quân thất bại nặng nề, chúng buộc phải thu quân, bỏ dở trận càn. Tất cả cơ sở vật chất của U81 hầu như nguyên vẹn, tổn thất vật chất và sinh lực không đáng kể. Bị thua đau, chúng cho máy bay tới rải chất độc hóa học xuống các rẫy khoai mì. Dính thuốc, lá cây héo rũ, chết dần từ ngọn xuống gốc.

Tôi ra lệnh huy động tất cả mọi người không chừa ai, dùng dao phay ngang thân cây khoai mì, không cho chất độc ngấm xuống gốc và củ mì. Vì vậy, sau ít bữa, tược lại bắt đầu nảy ra, lá mì xòe ra như bàn tay đón nắng và khí trời nuôi cây giữ củ. Cùng với cuộc càn vào Chiến khu Đ, địch còn bịt kín các cửa khẩu, nhiều mặt hàng không mua được, gây cho chúng ta một số khó khăn trong vài ba tháng. Tiết kiệm gạo dành cho phía trước, chúng tôi ăn khoai mì, củ từ, lá bép, rau tàu bay... Mùa mưa đến, một số anh chị em bị sốt rét, một vài ca chuyển sang ác tính. Ấm ướt lại thiếu quần áo thay, bệnh lác, lang ben, ghẻ lở lây lan, ảnh hưởng tới sản xuất và các nhiệm vụ khác.

Đơn vị chúng tôi trách nhiệm chính là sản xuất và bảo vệ căn cứ. Nhưng chỉ ngồi chờ địch đến mới đánh thì quá thụ động, chúng tôi phải chủ động nổi ra, mở rộng vành đai căn cứ địa, có lẽ là cách bảo vệ từ xa, chủ động và hiệu quả hơn. Tôi bàn với anh em, phối hợp với lực lượng địa phương T1 phá ấp chiến lược tước súng, phá lỏng, phá rã ấp chiến lược.

Khu vực Bù Na gần cầu cây số 11, địch lập một ấp chiến lược, gom đồng bào dân tộc trong vùng dồn về đây. Có một trung đội dân vệ đóng đồn để bảo vệ cầu và ấp chiến lược, khoảng 2 trung đội lính người dân tộc. Chúng tôi vạch kế hoạch phục kích phía suối theo đường từ Bù Đăng xuống. Sau đó, một bộ phận phía ngọn suối phát loa, đốt lửa vút nhiều ống nứa tươi vào lửa, ống nứa và bộc phá nhỏ nổ âm, hù dọa. Bọn dân vệ hoảng hồn bỏ chạy xuống suối, lọt ổ phục kích, ta bắt gọn, thu 44 khẩu súng. Sau đó, bảo già làng nói cho bọn chúng nghe, cùng nhân dân về phum sóc cũ làm ăn, và giải tán hội tề. Tiếp đó, phối hợp với T1, dùng chiến thuật đặc công tiêu diệt đồn Tà Lài. Đại đội 9 cơ động còn phối hợp diệt bót Bình Mỹ, khai thông đường tải gạo và tuyến giao liên gồm 10 trạm đưa rước khách về Khu miền Đông và Trung ương Cục an toàn. Các cửa khẩu được khôi phục, anh Hai Xô dẫn đoàn cán bộ Trung ương Cục về kiểm tra kho tàng và quân y. Là cán bộ lãnh đạo có tác phong sâu sát, anh cho đo đạc lại các diện tích canh tác, đếm điểm vài mẫu, sau cộng lại chia trung bình xem mỗi mẫu có bao nhiêu gốc mì, nhổ thử đem cân xem trung bình mỗi gốc mì được bao nhiêu củ. Nhờ đó tôi mới biết mỗi mẫu trung bình có 7000 gốc, bình quân mỗi gốc 2 ki lô củ. Anh cho tính ra sản lượng khoai mì dự trữ của Đoàn U81 là bao nhiêu tấn. Kiểm tra bắp anh làm khác, cắt ra một sào, anh tuyên bố: “Cho anh em ăn một bữa bắp tươi, bồi dưỡng sau trận chống càn.” Anh em ăn thả dăn, sau đó tính ra người ăn nhiều nhất được 21 trái bắp luộc, nửa kí 6 trái, tính ra tối đa một người ăn 1,7 kí bắp tươi. Một sào có thể cho bao nhiêu người ăn một bữa, từ đó suy ra 400 mẫu bắp nuôi được bao nhiêu quân, hai kí bắp tươi bằng một kí gạo.

Sau này, tôi mới hiểu việc kiểm tra sản xuất ở đoàn U81 là chuẩn bị phục vụ cho Chiến dịch Bình Giã, sau đó tới chiến dịch Đồng Xoài cuối năm 1964 đầu 1965. Trong chiến dịch này, U81 chịu trách nhiệm lập hai trạm cung cấp gạo, một

ở sân lễ Phước Thành, một tại Phương Lâm trên quốc lộ 20 Sài Gòn – Đà Lạt. Anh Năm Thi, Cục trưởng Cục Hậu cần, ngồi theo xe ban ngày lên đồ gạo tại Phương Lâm. Anh còn chỉ thị cho chúng tôi đắp một lò nướng bánh mì ở sân lễ Phước Thành, cấp cho bộ đội khỏi mất công nấu nướng.

Nhưng chúng tôi không đào đâu ra thợ làm bánh mì, chuyển sang cung cấp tại đây 60 tấn gạo vận chuyển từ Cây Xé qua Mã Đà lên kho ở sân lễ Phước Thành. U81 lúc này quân số lên 2500 người, có 1000 nam thanh niên. Tháng 12 năm 1964, tôi về Miền hợp Đảng ủy Cục Hậu cần. Miền quyết định rút 700 người của Đoàn sang làm nòng cốt xây dựng một tiểu đoàn của Trung đoàn 4, một đại đội về làm nhiệm vụ vận tải ở Miền, 1 đại đội chi viện cho Chiến dịch Bình Giã, lựa chọn 50 người đưa về thị xã Biên Hòa.

Trong hội nghị tổng kết, anh Tư Chi (Trần Văn Trà) đánh giá thành công của U81:

– Anh Hai Cà có tư tưởng của chủ lực, trong tay có kho hàng dự trữ lớn, dưới mặt đất lại có kho củ mì như thế này, khiến chúng ta yên tâm. Đoàn vận tải U81 cũng rất mạnh, không chỉ mạnh sức người mà còn đội xe cơ giới cũng mạnh. Nếu như cánh bên chúng ta đây chỉ có xe bò và tải chạy, chủ lực lấy gì mà ăn? Tư tưởng chủ lực của Hai Cà là sức mạnh phù hợp với giai đoạn mới !

Sau hội nghị, anh Tư Chi hỏi tôi:

– Bây giờ có ai thế cho anh? Người đó phải làm được việc như anh, tôi muốn sử dụng anh vào việc khác?

– Có chứ, anh Mười Thiện đó...

Anh Mười Thiện, ở Ban Tham mưu Hậu cần Miền, là người năng động, tích cực. Tôi với anh thân thiết với nhau từ ngoài Bắc, về trong này cũng vậy. Anh Tư liền cho gọi anh Mười sang, chỉ thị: “Mười Thiện đi cùng anh Hai Cà, qua nhận bàn giao luôn. Hai Cà cũng nhận luôn 50 người, bàn giao xong xuống Biên Hòa, nhiệm vụ gì, qua phòng Tham mưu gặp anh Lê Đức Anh, anh truyền đạt rõ.”

Anh Mười Phụng vừa từ miền Bắc vô, thay anh Mười Thiện ở phòng Tham mưu Hậu cần Miền. Sáng hôm sau, tôi sang phòng Tham mưu gặp anh Lê Đức Anh, anh cho biết:

– Tỉnh Biên Hòa có lực lượng vũ trang do cấp ủy phụ trách, nhưng Thị xã Biên Hòa chưa có Thị đội. Miền tăng cường anh xuống phụ trách Thị đội. Anh có trong tay chỉ 50 anh em, còn quân Mỹ và chư hầu sẽ lên khắp, liệu cách đánh sao thì đánh!

Sau đó, Phòng Tham mưu báo cáo cho biết tình hình, thế và lực của thắng Mỹ. Theo tính toán của chúng, tiến hành chiến tranh cục bộ ở Nam Việt Nam, phải có trung bình 15 lính Mỹ và ngụy mới có thể đánh với 1 Việt Cộng. Chúng biết rõ

bộ đội chính qui của ta có 3 sư đoàn, nên chúng tính đưa 500 ngàn lính Mỹ và chư hầu, cùng 1 triệu quân nguy Sài gòn (đó là chưa tính đến lính bảo an, dân vệ và cảnh sát). Hơn nữa, chúng tính hoả lực trong một trận mạnh hơn nhiều trong chiến tranh Triều Tiên. Được giao nhiệm vụ đánh Mỹ trên quê hương trong giai đoạn mới, nhiều khó khăn ác liệt, tôi quyết tâm chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh của thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Anh Mười Thiện đi với tôi, cùng 50 anh em tôi mới tiếp nhận, trang bị toàn AK 47 báng xếp, về Chiến khu Đ. Tới nơi, tôi vừa bàn giao đơn vị cho anh Mười Thiện vừa mở Hội nghị thi đua, phát động “xuống đường”, đưa tiền tiểu đoàn gia nhập Trung đoàn 4, tiền đại đội vận tải, đại đội chi viện Chiến dịch Bình Giã. Anh Năm Thi tổ chức bữa thịt cày 7 món liên hoan tại cầu Ông Cộ đường 14. Sau đó tôi đưa quân về chiến trường Biên Hòa.

Đầu năm 1965, tôi cùng 50 chiến sĩ về nhận nhiệm vụ mới ở thị xã Biên Hòa. Giai đoạn sản xuất và chiến đấu xây dựng bảo vệ căn cứ Trung ương Cục miền Nam ở Chiến khu Đ mãi là kỷ niệm đẹp với tôi trong suốt cuộc đời cách mạng. Bài học tiến công và tinh thần tự lực tự cường khắc phục khó khăn trong căn cứ Trung ương Cục giúp tôi rất nhiều trong công tác mới: đánh vào cơ quan đầu não và kho tàng Mỹ nguy ở Biên Hòa sau này.

KHAI THÔNG HÀNH LANG BẮC NAM – ĐƯỜNG MÒN HỒ CHÍ MINH

GIANG THANH TRÀ (*)

Vào những năm 1957–1959, cách mạng miền Nam ở trong một giai đoạn cực kỳ đen tối. Chính quyền Ngô đình Diệm, tay sai của Mỹ, trắng trợn tuyên bố xé bỏ Hiệp định Giơnevơ; hô hào Bắc tiến; ban hành luật 10/59, lê máy chém đi khắp miền Nam, thẳng tay khủng bố, tàn sát những người kháng chiến cũ và nhân dân yêu nước, gây bao cảnh đau thương tang tóc. Nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác là phải đứng lên đấu tranh cách mạng lật đổ ngụy quyền, đánh đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi đất nước, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa II), chính là sự thể hiện cụ thể của “Lòng Dân ý Đảng”.

Một trong những nhiệm vụ cấp bách để thực hiện Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lúc bấy giờ là phải mở con đường hành lang chiến lược Bắc Nam, tạo điều kiện để hậu phương miền Bắc chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam; đồng thời đưa cán bộ, chiến sĩ là con em của miền Nam tập kết ra Bắc, trở lại chiến trường làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới.

ĐOÀN B90 LÊN ĐƯỜNG

Ngày 15–5–1959, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định thành lập Đoàn 559 (sau này là bộ đội Trường Sơn) để thực hiện nhiệm vụ này. Nhưng bấy giờ, ở khu vực cuối dãy Trường Sơn tiếp giáp giữa Nam Tây Nguyên và Đông Nam Bộ vẫn còn là vùng trắng, chưa có cơ sở cách mạng trong quần chúng. Để giải quyết vấn đề này, theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị đã tổ chức đoàn B90 ngày 25–5–1959 tại Hà Nội, với nhiệm vụ “Xoi đường về Nam bộ, bắt liên lạc với Xứ ủy và lực lượng vũ trang cách mạng của Nam bộ”.

Đoàn B90 được tổ chức gọn nhẹ với 25 cán bộ, chiến sĩ trong kháng chiến đã từng hoạt động ở chiến trường Tây Nguyên và miền Đông Nam bộ. Ban Chỉ huy đoàn gồm có: đồng chí Trần Quang Sang (tức Ba Phước), Trưởng đoàn; đồng chí Phạm Lạc (tức Tư Lạc – Long Khánh), Phùng Đình Ấm và Phạm Văn Nhường, Phó đoàn.

Đoạn đường từ Quảng Trị – Thừa Thiên vào Quảng Nam, Quảng Ngãi, rồi sang Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc xa vạn dặm và đầy gian khổ. Song nhờ có đường dây giao liên của Liên khu 5, nên chỉ mất 3 tháng đoàn đã tới được căn cứ của Tỉnh

*

Nguyên Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh Đồng Nai.

ủy Đắc Lắc. Nhưng đường từ Đắc Lắc xa xôi về Chiến khu Đ, Đoàn đã mất gần một năm vẫn chưa khai thông được. Đoạn đường này, trong kháng chiến chống Pháp, ta chưa có cơ sở cách mạng, chưa có hành lang, Đoàn phải vừa mở đường, vừa làm công tác vận động đồng bào dân tộc, xây dựng cơ sở.

ĐOÀN C200 ĐI ĐÓN

Trước tình hình đó, tại Chiến khu Đ, tháng 3 năm 1960, anh Mai Chí Thọ (Tám Cao) và Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiến Quốc) – Tư lệnh lực lượng vũ trang Miền – được Xứ ủy Nam bộ chỉ đạo đã tổ chức một đội vũ trang do anh Lâm Quốc Đăng phụ trách xoi đường từ Chiến khu Đ đi về hướng Tây Bắc (ngã ba biên giới) để đón Đoàn B90. Đoàn lên đường được trang bị một đài vô tuyến điện (VTĐ) do anh Lê Trọng Hứa phụ trách để liên lạc về đài căn cứ. Đến giữa năm 1960, đoàn này được chuyển giao lại cho Ban Cán sự Đảng tỉnh Phước Long phụ trách. Đồng chí Ba Nhân làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Hai Hùng làm Chính trị viên. Đến 20 giờ ngày 4-11-1960, đoàn đã bắt liên lạc với đoàn xoi đường từ Bắc vào do đồng chí Phùng Đình Ấm chỉ huy. Địa điểm gặp nhau của hai đoàn tại trụ cây số 4, đường 14 bis (từ ngã ba Dak Song vào Gia Nghĩa).

Ngoài đoàn thứ nhất, Khu ủy miền Đông tổ chức đoàn thứ hai lấy tên Đoàn C200 do đồng chí Nguyễn Hồng Sơn làm Đại đội trưởng, Nguyễn Trọng Tâm làm Chính trị viên mở đường lên hướng Đông Bắc đón đoàn từ miền Bắc vào. Điểm của đoàn B90 hẹn đến gặp là sóc Bù Pugar.

Đoàn lên đường không thể không có thông tin VTĐ cùng đi để hàng ngày liên lạc báo tin về cho cấp ủy. Lúc ấy, tôi là điện báo viên vừa đi phục vụ tiền phương về, được lãnh đạo gọi tới giao nhiệm vụ tiếp tục theo phục vụ đoàn mở đường C200. Về phía cơ yếu, tôi tiếp tục cử Chín Chương cùng đi.

Hồi đó, ta chưa có máy VTĐ 15 watt xài Ragonot. Đài ra đi lần này vẫn với bộ thu phát vô tuyến điện tự lắp CX 2 watt từ Thủ Dầu Một mang lên. Máy được anh Bảy Tồn (Vũ Trần Tồn) lắp ráp khá gọn, nằm vừa vặn trong một cái thùng đạn đại liên Mỹ. Nhưng nguồn cung cấp cho máy thu phát thì hết sức cồng kềnh, nặng nề bởi 12 lọ pin đại, mỗi viên 1,5 vol được đấu ghép trong một thùng cây. Để giúp đỡ cho tôi trên đường hành quân, anh Sáu Kèn (tức Lê Văn Hoanh) phụ trách đài căn cứ đã cử em Lê Minh Trí (Hai Trí), một học viên của lớp điện báo khóa 1 mới khai giảng đầu tháng 5-1960 cùng đi. Phương án của các anh lúc bấy giờ là Hai Trí tuy mới học xong 24 chữ cái, nghe tín hiệu còn chậm, chưa quen, nhưng cho theo sẽ có hai cái lợi: Một là phụ mang máy, mang pin. Hai là được tôi kèm cặp dạy thêm lúc dừng quân. Các anh hy vọng Hai Trí sẽ đạt kết quả nhanh hơn số học viên ở nhà.⁽¹⁾

¹ Lớp học điện báo khóa 1, phải học theo kiểu một ngày đi đào chup, một ngày học.

Với tinh thần khẩn trương, sáng ngày 6 tháng 6 năm 1960, tại căn cứ Suối Nhung, anh Nguyễn Trọng Tâm Chỉ huy đoàn, anh Lai chiến sĩ bảo vệ, tổ đài VTĐ và anh Chí Chương cán bộ cơ yếu bắt đầu lên đường đi Bù Na để gặp anh Hai Hồng Sơn.

Ngày 8 tháng 6 năm 1960, khi sắp tới căn cứ C200 thì Đoàn đụng một tốp biệt kích nguy. Hai bên nổ súng một chập rồi mạnh ai nấy rút. Đoàn chúng tôi không ai bị thương tích gì cả, chỉ mất một ít gạo. Chiều hôm đó, trời chạng vạng tối, chúng tôi cũng đã đến được chỗ anh Hồng Sơn. Được anh Bảy Tâm phổ biến lại chỉ thị của anh Tám Kiên Quốc, anh Hồng Sơn, C trưởng C200, đã nhanh chóng sắp lực lượng, cắt một trung đội vũ trang (một B) gồm 2 tiểu đội đi theo làm nhiệm vụ bảo vệ và cắt đường.

Sáng hôm sau, cả đoàn chính thức lên đường, hướng về sóc Bù Pugor. Căn cứ theo bản đồ cũ của Pháp, Ban Chỉ huy đoàn, anh Hồng Sơn và Bảy Tâm dự kiến chỉ mất 15 ngày cắt rừng là có thể đến Bù Pugor.

Đoàn lúc bấy giờ có tất cả 18 em ⁽¹⁾, trong đó có 12 là bộ đội, giao liên, một tổ đài, và y tá Thanh Bon theo bảo vệ sức khỏe.

Mỗi người trước khi đi, ngoài súng ống, máy móc, nồi niêu và đồ dùng cá nhân đều được đơn vị cấp phát một túi gạo 5 kg và một lon muối. Dự tính nếu ăn tận tiện, tìm thêm rau ăn độn thì có thể kéo dài được 15, 20 ngày.

Từ Chiến khu Đ cắt thẳng lên hướng Bắc Đông Bắc là khu vực đồi núi chập chùng, rừng cây hỗn tạp giao nhiều tầng phủ kín một màu trông thật hùng vĩ.

Đề tới điểm hẹn, chúng tôi thực hiện đúng lời dặn dò của anh Tám Kiên Quốc – “Đoàn phải giữ tuyệt đối bí mật hành trình, cắt rừng mà đi, không được đi theo các đường mòn dễ bị lộ...”

Theo sự phân công của Trưởng đoàn, mỗi ngày đều có một tổ giao liên đi trước mở đường, các anh lưng bồng, vai súng, tay mã tấu, dùng la bàn định hướng cắt rừng mà đi. Gặp lúc lùm cây lớn, bụi rậm không lách tránh được thì phải phát dọn để anh em phía sau đi theo và không bị chệch hướng.

SÔNG ĐẠ ĐỒNG – NHỮNG THÁNG NGÀY GIAN KHỔ

Đầu tháng 7-1960, sau hơn 20 ngày cắt rừng, đoàn chúng tôi đã đến được bên bờ sông Đạ Đồng (tức Đồng Nai thượng). Đoạn sông này thác liên thác, ngày đêm đổ nước ầm ầm nghe như cả tai. Hai bên bờ là đồi cao và vách đá cheo leo hoặc là những đoạn rừng tre dày đặc. Vào mùa mưa, lúc chúng tôi đi cặp theo sông thì

¹ Sau đó có thêm anh B. Ren người dân tộc, theo làm phiên dịch.

cũng là lúc lũ vắt đói đã sống lại ngóc đầu lên chào đón, tiếng rì rào, lách tách, lách tách nghe rộn cả người.

Tôi đã từng sống nhiều năm ở rừng Chiến khu Đ, từng bị vắt cắn đỏ máu khi đi lại công tác, nhưng lần này thì đụng phải vắt bầy trùng trùng điệp điệp, cả Đoàn chỉ có cách cột ống quần cho chặt và vượt qua thật nhanh. Nếu bị vắt bầu lên chân hoặc chỗ nào đó, thì dùng cây cọ bỏ hòn (đeo ở hông) đập cho nó tự rớt. Dừng lại để bắt, thì vắt sẽ leo lên khắp người.

Cắt rừng, leo đèo, lội suối, đổ máu vì vắt cắn là chuyện thường ngày của đoàn mở đường. Cực thì cực nhưng khi đến chỗ đóng quân, tiếng cười, tiếng hát của anh em vẫn vang lên. Họ rất vui, rất phấn khởi vì biết mình được Đảng tín nhiệm, giao cho một nhiệm vụ vô cùng quan trọng.

Cái khó, cái khổ nhất, gian nan nhất của Đoàn ở thời điểm đó là gạo muối sắp hết. Gạo còn vài lít, phải để nấu cháo cho anh em bệnh ăn. Muối phải giao cho y tá Thanh Bon quản lý, thực hiện chế độ phân phối, cứ sau một bữa ăn, mỗi người được phát vài hột muối (y như phát thuốc) để ngâm cho đỡ bọn dạ.

Để có cái ăn, đảm bảo sức khỏe đi tiếp, các anh lãnh đạo Đoàn luôn vận động anh em phải cố gắng vượt qua bằng mọi cách: Vừa đi vừa quan sát tìm rau rừng, củ rừng, cái nào ăn được thì tranh thủ hái hoặc moi lên chùm mang theo. Mặt khác, cần để ý phát hiện các đường mòn cặp sông, nếu căn cứ theo bản đồ để xác định điểm gặp thì sóc Bù Pugor nằm bên tả ngạn cũng không còn xa nữa.

Trên đường đi tiếp, anh em cố tìm cái ăn được nhưng nhìn qua nhìn lại chỉ thấy toàn củ nằng. Anh em định ngừng lại moi, nhưng anh B. Ren (người dân tộc) can: “Củ này ăn không được, mầy ăn mầy chết đó”. Đúng vậy, lúc còn ở nhà thỉnh thoảng tôi đã được ăn, củ nằng hấp rất thơm ngon. Nhưng để ăn được, nằng phải được xắt ra ngâm 9 ngày tẻ 9 nước, nếu làm không kỹ, ăn vào sẽ bị say, say khó chịu còn hơn say rượu. Bây giờ trong cơn đói, dù biết vậy, các anh chỉ huy Đoàn vẫn phải cho lấy về, làm ăn thử với phương pháp luộc và xả nước nhiều lần.

Chiều hôm ấy, đoàn dừng quân bên cạnh một con suối nhỏ chảy ra sông Đa Đồng, tôi và Hai Trí tranh thủ dọn chỗ căng ang ten, lấy máy ra chuẩn bị đúng giờ hẹn thì liên lạc về đài căn cứ. Các anh em khác, người lo đốn tre chẻ nan đan giỏ, người lo làm nằng. Nằng được xắt mỏng, đem luộc sơ rồi đem xuống suối xả nước, xả xong lại luộc, luộc và xả đến năm, sáu lần mới đem ra ăn thử. Tưởng làm như vậy chất độc sẽ không còn nữa. Bụng đang đói, ai cũng xáp lại ăn thử và rồi tất cả đều bị say. Người ăn ít, say ít, người ăn nhiều thì vừa say vừa ói, phải lập tức về vồng leo lên nằm cho qua cơn.

Sáng hôm sau, mọi người đều uể oải, cả đoàn phải nằm lại tại chỗ, ai còn khỏe thì tiếp tục lui rừng đi tìm bất cứ cái gì ăn được ăn cho đỡ dạ. Trưa hôm đó một tin vui đã đến với đoàn, không phải tin đã tìm được cái ăn mới, mà tin anh em vừa khám phá ra số nằng dư thừa đêm qua đem bỏ giỏ ngâm dưới suối chảy, trưa nay vớt lên ăn không còn bị say nữa. Một công thức mới làm nằng đã được đúc kết

ngay: Nâng xắt mỏng luộc sơ, bỏ vô giỏ ngâm dưới dòng nước chảy, cử một người một giỏ xuống đảo một lần, tách các miếng nâng còn dính nhau, thì chỉ cần một đêm đã có thể ăn được.

Cái ăn đã được giải quyết, từ hôm đó cả đoàn đều phấn khởi, tiếp tục cất bước lên đường.

SÓC BÙ PUGOR, MỘT BỮA CƠM NGON HƠN ĂN GIỎ

Ngày 20 tháng 7 năm 1960, tổ tiên trạm của Đoàn đang mở đường đi cặp theo sông Đa Đồng, định tìm một đoạn sông hẹp nhất, nước chảy êm nhất để vượt qua sông tìm điểm hẹn, thì tổ đi đầu phát hiện có một con đường mòn từ dốc đồi cao đi thẳng xuống bên kia sông. Ban Chỉ huy Đoàn nhận định: Đây chắc chắn là con đường của một sóc đồng bào dân tộc mở xuống lấy nước, chúng ta cần phải lợi qua xem thử.

Anh Hồng Sơn, Trưởng đoàn, quyết định chọn hai chiến sĩ biết bơi lội giỏi cùng anh vượt sông đi tìm nơi có đồng bào ở. Nếu phát hiện sóc, anh sẽ trở lại ra hiệu cho toàn đoàn tổ chức lợi qua sông.

Vài giờ sau, tổ trình sát quay lại, anh Hồng Sơn phát khẩn ra lệnh cho Đoàn qua sông. Nhận được ám hiệu (vì thác nước đổ ào ào, dù chỉ cách nhau vài chục mét cũng không nghe tiếng được), anh Bảy Tâm, Chính trị viên của Đoàn, ra lệnh cho anh em lấy nylon trải ra, trùm tất cả quần áo, đồ đạc vào trong để làm phao nổi, gác súng lên trên lợi qua sông. Để chắc ăn hơn anh đã phân công số biết bơi lội giỏi, kèm số không biết lội.

Đoạn sông ở đây tuy hẹp, nhưng mùa nước chảy rất mạnh và có nhiều xoáy. Do vậy, một số anh em không biết lội, trong đó có Hai Trí, mang thùng pin, khi được đẩy qua gần bờ, lại bị nước xoáy đẩy ra, trôi giạt gần tới thác. Nhờ chụp được cây rù rì cạnh bờ sông, Hai Trí mới thoát hiểm, chờ anh em tới kéo lên. Vượt qua sông lần đó hết sức nguy hiểm, nhưng cuối cùng thì cả Đoàn đều an toàn, toàn bộ máy móc và pin của đài vẫn còn nguyên vẹn.

Theo đường mòn, anh em chúng tôi leo dốc chưa đầy nửa giờ thì gặp được một sóc nhỏ có khoảng 10 nhà sàn, không một bóng người. Chỉ huy Đoàn cho lực lượng đi lục soát một vòng, anh em phát hiện có dấu vết quân nguy đã từng đến sóc này. Có lẽ chúng đã gom tất cả bà con ở đây ra áp chiến lược cách đây không lâu. Căn cứ vào những giấy tờ còn sót lại, chúng tôi biết đây là sóc Bù Pugor, điểm chúng tôi đang tìm.

Cũng chiều hôm đó, anh em tiếp tục lùng sục quanh sóc, đã gặp được một kho lúa có cả muối của đồng bào ở đây giấu lại trước khi bị gom đi. Trước tình hình anh em đói cơm lạt muối lâu ngày, sức khỏe yếu dần, để lấy lại sức tiếp tục đi, không còn cách nào khác, Chỉ huy Đoàn quyết định dùng ngay số lúa đó. Anh Bảy Tâm dặn: Lấy bao nhiêu lúa phải quy ra tiền để lại đó cho đồng bào, khi họ trở về, không còn lúa cũng có tiền đi mua cái khác mà ăn.

Các anh ra lệnh cho Đoàn đóng quân tại chỗ, bố trí canh gác cẩn mật và phân công một số anh em đi lấy lúa về “chọt”.⁽¹⁾

Chiều và tối hôm đó, tất cả hì hà hì hục, kẻ chọt lúa, người sàng sảy gạo, kiểu làm này các đồng chí C200 rành lắm. Tuy đã thấm mệt, nhưng giọng nói tiếng cười vẫn vang lên. Tối hôm đó, lần đầu tiên sau hơn một tháng hành quân, chúng tôi được ngủ nhà sàn và ăn một bữa cơm rất thịnh soạn với thực đơn: Cơm trắng và muối ớt!

Bữa ăn đó, đối với chúng tôi là một bữa cơm hết sức ngon, ngon còn hơn một bữa giỗ, đến nay tôi còn nhớ mãi.

NGÀY VUI RỜI CŨNG ĐẾN: 30-10-1960

Đài vô tuyến điện đi theo đoàn mở đường lần này có vai trò đặc biệt quan trọng là hàng ngày phải liên lạc về đài căn cứ (do Sáu Kèn phụ trách) một lần để báo cáo cho cấp ủy biết Đoàn đã đi tới đâu, có phát hiện được dấu vết gì không và nghe trên chỉ đạo hướng đi tiếp.

Cuộc hành quân kéo dài hết tháng 6 rồi tháng 7, tháng 8. Nguồn điện cho máy phát yếu dần, từ 180 volt xuống còn 160 volt, rồi chỉ còn 120 volt, không còn pin đâu để thay thế. Tình hình liên lạc về đài căn cứ ngày càng khó, nhiều hôm không còn thực hiện được. Cả Đoàn nhón nháo lo sợ, vì nếu không liên lạc về căn cứ được thì sẽ không biết đường đâu mà lần vì điểm hẹn Bù Pugar Đoàn đã đến, nơi đây không có dân, cũng không có dấu vết Đoàn B90.

Trước khó khăn như vậy, tôi kịp nghĩ ra là phải mang đài lên một đỉnh đồi trống, thật cao để căng ăngten, lên máy nối liên lạc về đài căn cứ, hy vọng ở nhà sẽ nghe được. Đúng như vậy, khi đài của Đoàn vừa phát sóng gọi về hơn nửa phút, thì đài căn cứ, anh Sáu Kèn đã lên máy báo OK, cả Đoàn ai cũng vui mừng hớn hờ khi biết chúng tôi đã phát xong bức điện gửi anh Tám, đồng thời cũng nhận ngay một công điện khẩn.

Bức điện được Chín Chương dịch liền nội dung, anh Tám báo: “Đoàn B90 đã không tới điểm hẹn cũ được, đoàn đã tới ngã ba Vàm Đạc Rtihi vì hết gạo, đoàn phải quay về Đắc Lắc. 15 ngày sau sẽ quay lại, yêu cầu Đoàn C200 tìm tới đó chờ”.

Thế là đoàn chúng tôi cấp tốc lên đường đi tiếp. Nhờ mấy ngày nghỉ ngơi dưỡng sức và được bổ sung mỗi người 5 kg gạo, trên đường đi nét mặt ai cũng rạng rỡ.

¹ Vì không có cối xay, phải bỏ lúa vào cối chọt cho tróc vỏ.

Đoạn đường hành quân hôm ấy càng đi chúng tôi càng ngạc nhiên. Trước mặt không còn là rừng đồi dốc, mà là một cao nguyên rộng lớn bằng phẳng, cỏ xanh man mác trải dài. Đoàn mới đi một đoạn đã phát hiện một đàn min⁽¹⁾ hàng mấy trăm con đang thông dong gặm cỏ. Qua khỏi đàn min không lâu, lại gặp đàn hươu đang đùa giỡn, cứ như thể hết gặp hươu lại gặp nai và sau cùng là một đàn min khá đông khi chúng tôi sắp bước vào cửa rừng. Cảnh thiên nhiên ở đây, ôi sao đẹp quá, ước gì hồi đó có được một máy ảnh hay máy quay phim ghi lại thì tuyệt biết bao.

Đầu tháng 9-1960, sau khi vượt qua một sổ sóc như Bù Sare, Bù Xania (còn gọi là sóc Lác), chúng tôi đã đến vàm Đạc Rtihi (cũng có người gọi là Đạc Quýt). Tổ tiên trạm của Đoàn đã phát hiện được dấu vết của anh em từ miền Bắc vào đóng quân và nấu cơm ăn cách đó không lâu.

Anh Hai và anh Bảy chỉ huy đoàn lập tức viết báo cáo đề đài điện về trên. Một mặt cho toàn đoàn lùi lại gần sóc Bù Xania đóng quân chờ. Mặt khác, hằng ngày cho một tổ đến điểm hẹn thăm chừng. Sóc Bù Xania là sóc chúng tôi đã từng ghé qua, được đồng bào hết sức thương yêu và tận tình giúp đỡ.

Điều đáng mừng là trên đường đi, Lê Minh Trí, học viên điện báo, được tôi tận dụng lúc nghỉ quân, kèm cặp nâng tốc độ nghe tín hiệu, dạy thêm về qui ước và cách liên lạc, đã có thể độc lập lên máy nối liên lạc về đài căn cứ. Kết quả này không bất ngờ, bởi Trí có sự nỗ lực lớn cộng với sự kèm cặp, rèn luyện trong thực tế.

Những ngày mong đợi rồi cũng đến: 11 giờ trưa ngày 30 tháng 10 năm 1960, tại khu vực vàm Đạc Rtihi, hai tổ tiên trạm của Đoàn B90 và Đoàn C200 đã gặp nhau trong vòng tay siết chặt, nước mắt dâng trào vì xúc động và sung sướng.

Cuộc hành trình và mở đường năm 1960 đã kết thúc thắng lợi. Với 5 kg gạo mang trên vai, anh em Đoàn C200 không phải chỉ mất 15 ngày đường để đến điểm hẹn như dự kiến, mà là 142 ngày đêm đầy gian nan thử thách, đói cơm lạt muối.

Ngày 30 tháng 10 năm 1960 trở thành ngày khai thông con đường từ hậu phương lớn ra tiền tuyến lớn, một thành quả cực kỳ quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Con đường thể hiện quyết tâm của cả dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, con đường “*huyền thoại*” dẫn tới chiến thắng lịch sử ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Đường Trường Sơn, **đường mòn Hồ Chí Minh**, nay trở thành đại lộ Hồ Chí Minh trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

¹ Con min mình giống con trâu, đầu và sừng thì giống con bò.

TINH THẦN CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TRONG QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO ĐẤU TRANH CHỐNG CÁC CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

GS.TS TRỊNH NHƯ (*)

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III xác định nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và nhiệm vụ cơ bản của cách mạng ở miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là chống Mỹ xâm lược, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Về xây dựng Đảng bộ miền Nam, trong báo cáo về tình hình và nhiệm vụ xây dựng Đảng ở miền Nam trình bày tại Đại hội nêu rõ: *“Nhiệm vụ xây dựng Đảng ở miền Nam là phải tích cực giữ gìn, củng cố Đảng, xây dựng một Đảng bộ ngày càng vững mạnh hơn nữa để đảm bảo hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị nói trên. Đó là điều căn bản nhất, quyết định thắng lợi của cách mạng miền Nam.”*⁽¹⁾ Cụ thể hóa nhiệm vụ trên, Điều lệ Đảng (sửa đổi) do Đại hội thông qua đã ghi: Ban Chấp hành Trung ương có thể cử ra một số ủy viên Trung ương thành lập Trung ương Cục, phụ trách chỉ đạo công tác Đảng ở những Đảng bộ đặc biệt trọng yếu. Trung ương Cục đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Theo đó, khí thế tiến công của cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ. Tháng 1-1961, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam, đảm đương vai trò trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo Đảng bộ, quân và dân tại các địa bàn do Trung ương xác định, thực hiện các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng và các chủ trương, chính sách của Trung ương Cục miền Nam. Từ khi thành lập, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo toàn bộ công tác Đảng ở miền Nam. Đến năm 1965, Liên khu V và Trị Thiên do Trung ương trực tiếp lãnh đạo.

Trụ vững trên chiến trường miền Nam vô cùng ác liệt trong 15 năm, Trung ương Cục miền Nam đã hoàn thành xuất sắc chức năng, nhiệm vụ của mình.

* Nguyên Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Báo cáo tình hình và nhiệm vụ xây dựng Đảng ở miền Nam, lưu tại Kho lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.

Ngay sau khi thành lập, Trung ương Cục miền Nam đã trực tiếp đương đầu với những mưu đồ và thủ đoạn của chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” do đế quốc Mỹ tiến hành, sau đó là các chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*” và “*Việt Nam hóa chiến tranh*”. Trong tất cả các bước phát triển của chiến tranh cách mạng đều hiện rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam trên chiến trường miền Nam để đánh thắng các chiến lược đó của kẻ thù. Trung ương Cục miền Nam vừa lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân miền Nam quán triệt và nghiêm chỉnh thực hiện các nhiệm vụ chiến lược cũng như phương pháp cách mạng do Đại hội III của Đảng và Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra, vừa tổng kết thực tiễn, nắm bắt kịp thời diễn biến chiến trường để cung cấp những nhận định và dự báo đúng đắn, giúp Trung ương Đảng hoạch định những chủ trương, biện pháp đấu tranh đạt hiệu quả hơn.

Sức mạnh tiến công của phong trào Đồng khởi đập tan từng mảng lớn chính quyền cơ sở của địch ở nông thôn, khiến tập đoàn Kennodi phải thực hiện chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” ở miền Nam từ giữa năm 1961 để cứu chính quyền Ngô Đình Diệm khỏi bị sụp đổ. Nét nổi bật nhất của chiến lược này được áp dụng ở miền Nam là tăng cường quân nguy và bộ máy cảnh sát, nâng mức viện trợ quân sự, đưa thêm cố vấn và các phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam. Thủ đoạn thực hiện chiến lược đó là hành quân càn quét, bình định nông thôn và dồn dân lập ấp chiến lược trên toàn miền Nam như kế hoạch Stalây–Taylo đã xác định. Mỹ–Diệm coi việc lập ấp chiến lược là “quốc sách”, là “xương sống” của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, dựa trên cơ sở lý luận do Rôbéc Tômxơn (Robert Thompson) – chuyên gia số một của chủ nghĩa đế quốc về ấp chiến lược, đã tổng kết: “*việc lập ấp chiến lược và ấp chiến đấu là một trong những biện pháp đánh bại cộng sản nổi dậy*”.⁽¹⁾ Mục tiêu hàng đầu của hành động đó là “*tiêu diệt tổ chức ngầm của quân khởi nghĩa trong thôn ấp*”.⁽²⁾ Chính quyền Sài Gòn cụ thể hóa mục tiêu đó thành tiêu chuẩn số một trong sáu tiêu chuẩn lập ấp chiến lược. “*Đã thanh toán xong cộng sản năm vùng*”.⁽³⁾

^{1,2} Robert Thompson: *Defeating communist insurgency. The lessons of Malaya and VietNam.* (Đánh bại sự nổi dậy của cộng sản. Bài học của Mã Lai và Việt Nam). Frederick A. Praeger publishers. New York. Washington 1966, tr.123, 124.

³ Phiếu trình về chính sách ấp chiến lược. VNCH, 10–1963.

1. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam sớm xác định các chủ trương đấu tranh làm thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Để đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, Trung ương Đảng chủ trương chuyển cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng.

Tại phiên họp Bộ Chính trị bàn về cách mạng miền Nam, ngày 2–10–1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ những nhiệm vụ và phương pháp đấu tranh: *“Trước mắt phải phá cho được kế hoạch mới của địch, bàn thêm về phương châm quân sự, vấn đề mặt trận của Đảng. Ta chính trị mạnh nhưng quân sự yếu. Nếu ta lấy sức độ sức để tiêu hao thì không có lợi. Ta không lấy đấm chọi đấm mà lấy mưu mẹo diệt nó, trừ bọn ác đi để bảo vệ cơ sở, phong trào dân sẽ lên. Địch công thành, ta công tâm, phải lấy cho được lòng dân... Tổ chức du kích cho đều, dễ hoạt động, giúp được dân mà phân tán địch. Đồng thời ta phải có vài cú đấm, đánh rồi ta luôn đi.”*⁽¹⁾

Cũng ở thời điểm này, về chỉ đạo cách mạng miền Nam, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương, nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa, phát triển lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị. Đó là ba yếu tố quan trọng đưa cách mạng tiến tới thành công. Những ý kiến trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Lê Duẩn giúp Trung ương Cục miền Nam xác định các nhiệm vụ của mình trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Tháng 10–1961, Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục miền Nam cụ thể hóa và triển khai thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 31–1–1961 về phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam. Trong đó, Trung ương Cục miền Nam nêu lên 10 nhiệm vụ cụ thể như: mở rộng phong trào đấu tranh chính trị trên khắp ba vùng; kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang, phá tan kế hoạch Stalây–Taylor của địch; chuẩn bị mọi mặt cho tổng khởi nghĩa; tăng cường công tác binh vận, đẩy mạnh công tác kinh tế, tài chính cải thiện đời sống nhân dân trong vùng giải phóng; xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng trong thành thị; đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục; củng cố và phát triển Đảng, Đoàn.

Tháng 4–1962, trên cơ sở bám sát thực tiễn phong trào và kịp thời rút kinh nghiệm, bổ khuyết chỉ đạo, Ban Thường vụ Trung ương Cục miền Nam họp hội nghị mở rộng quán triệt Nghị quyết tháng 2–1962 của Bộ Chính trị và các biện pháp phá tan kế hoạch Stalây–Taylor. Trong đó, Bộ Chính trị chủ trương: *“Kiên quyết đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự, giành và giữ vững thế chủ động, đẩy*

¹ Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 8, Nxb CTQG, Hà Nội, 1995, tr.150.

địch vào thế bị động hơn nữa, tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, ra sức phá kế hoạch Stalây–Taylo, mở rộng hơn nữa phong trào giải phóng dân tộc, tăng cường chặt chẽ hơn nữa khối đoàn kết toàn dân... tiến lên giành thắng lợi lớn hơn nữa.”⁽¹⁾ Bộ Chính trị đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ đấu tranh chống phá áp chiến lược: “*Đây là một nhiệm vụ có tính chất cấp bách, đồng thời là một nhiệm vụ lâu dài.*”⁽²⁾ Trung ương Cục miền Nam hoàn toàn nhất trí với những chủ trương do Bộ Chính trị đề ra và nhấn mạnh ba công tác trọng tâm: Kiên quyết đấu tranh làm thất bại kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch, đây là nhiệm vụ quan trọng nhất; ra sức xây dựng và mở rộng căn cứ địa toàn diện, tăng cường quản lý nông thôn; khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, chú trọng cả ba thứ quân lớn mạnh để đủ sức chặn đứng và đánh lui các hành động quân sự của địch.

Trong các nhiệm vụ trên, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam xác định rõ tầm quan trọng và vị trí hàng đầu của nhiệm vụ chống phá áp chiến lược: “*Việc chống và phá kế hoạch khu ấp chiến lược và gom dân của địch là một vấn đề quyết định cho việc duy trì mở rộng phong trào. Đó là một cuộc đấu tranh trung tâm hàng đầu của các cấp, các vùng, các lực lượng chính trị, vũ trang và các ngành công tác của Đảng và cuộc đấu tranh này nhất định sẽ giằng co lâu dài quyết liệt cho đến khi có sự thay đổi lớn về so sánh lực lượng giữa ta và địch mới hoàn toàn đánh bại âm mưu này của địch.*”⁽³⁾

Thường vụ Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo các cấp ủy cơ sở Đảng nhận thức đúng về sự kết hợp chặt chẽ hai mũi đấu tranh vũ trang và chính trị theo hướng thực hiện tốt nhất ba nhiệm vụ trên.

Qua chỉ đạo đấu tranh, Trung ương Cục miền Nam tổng kết các biện pháp chống phá “quốc sách” áp chiến lược và đánh bại chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của đế quốc Mỹ.

Từ đầu năm 1962, Mỹ–Diệm ra sức thực hiện kế hoạch Stalây–Taylo. Chúng huy động tối đa lực lượng quân sự, cảnh sát dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ và sử dụng chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”, đánh phá ác liệt hầu khắp các vùng nông thôn đồng bằng, để tiêu diệt lực lượng vũ trang ta, gom dân lập ấp chiến lược, phá vỡ các tổ chức cách mạng.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 23*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tr.146, 151.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 23*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tr.146, 151.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 23*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tr.883.

Sau khi thí điểm lập ấp chiến lược tại một số tỉnh đồng bằng Nam bộ, đến tháng 3-1962, Mỹ-Diệm tập trung lực lượng tiến hành ồ ạt chương trình lập ấp chiến lược trên toàn miền Nam. Đến tháng 4-1962, Mỹ-Diệm nâng chương trình đó thành “quốc sách”. Ngô Đình Diệm gọi năm 1962 là “năm phản công”, “năm áp chiến lược”.

Vì thế, ấp chiến lược trở thành nơi kết tụ những mâu thuẫn gay gắt nhất, xung đột quyết liệt nhất giữa Đảng ta, nhân dân ta với đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Nửa đầu năm 1962, địch dồn sức lần tới lập hàng ngàn ấp chiến lược, gây cho ta rất nhiều khó khăn.⁽¹⁾ Cũng ở thời điểm đó, phong trào đấu tranh của nhân dân các địa phương chống địch càn quét, lập ấp chiến lược bùng nổ và phát triển nhanh chóng bằng nhiều hình thức từ thấp đến cao. Tại rất nhiều nơi, khi bị dồn vào ấp chiến lược, nhân dân đòi hỏi chính quyền địch cung cấp lương thực, thực phẩm, đòi tự do đi lại làm ăn, vận động binh lính địch không đánh phá, giết hại đồng bào. Ở tầm mức cao hơn, nhân dân tập hợp hàng chục ngàn người đấu tranh trực diện với chính quyền địch, đòi hủy bỏ việc gom dân lập ấp chiến lược. Từ tháng 4 đến tháng 7-1962, nếu như ở Mỹ Tho diễn ra cuộc đấu tranh của hơn 30.000 người, phá tan một số ấp chiến lược, dân trở về nhà làm ăn, thì tại ấp chiến lược Hòa Nhật (Châu Thành, Biên Hòa) cuộc đấu tranh phá ấp chiến lược lại được kết hợp giữa lực lượng du kích tấn công từ bên ngoài vào và hơn 300 gia đình phá hàng rào kéo ra ngoài. Còn ở ấp Bầu Mây (Trảng Bàng, Tây Ninh), cuộc đấu tranh giằng co giữa nhân dân, chủ yếu là do các bà, các chị tiến hành, chống địch cưỡng ép đồng bào vào ấp chiến lược và ngăn chặn địch thực hiện kế hoạch lập ấp chiến lược. Chính tại Bầu Mây, trong cuộc đấu tranh chính trị của đồng bào đã xuất hiện khẩu hiệu “*Một tác không đi, một li không rời*”. Từ đây, khẩu hiệu đó được phổ biến nhanh chóng, trở thành phương châm đấu tranh của đồng bào miền Nam chống Mỹ và tay sai lập ấp chiến lược.

Tất cả các hình thức đấu tranh trên thể hiện ý chí kiên cường của nhân dân và hé mở nhiều biện pháp sáng tạo, nhưng hiệu quả đạt được hầy còn thấp. Mỹ-Diệm vẫn lần tới, gia tăng các biện pháp khủng bố, cưỡng ép nhân dân sống trong ấp chiến lược và ngăn chặn, cắt đứt nhiều mối liên hệ của các cấp bộ Đảng và lực lượng vũ trang với nhân dân và tổ chức Đảng bên trong ấp chiến lược. Do vậy, nhiều cuộc tiến công của lực lượng vũ trang cách mạng từ bên ngoài vào ấp chiến lược gặp rất nhiều khó khăn. Nửa đầu năm 1962, số cán bộ, chiến sĩ của ta bị hy sinh, bị thương, bị bắt lên tới hơn 36.000 người. Cơ sở cách mạng đã lập được ở nhiều ấp chiến lược bị đánh bật ra. Số ấp giải phóng bị giảm nhiều.

¹ Chỉ thị ngày 20-11-1962 của TW Cục miền Nam cho biết: đến ngày 30-9-1962, Mỹ-Diệm đã lập 3.225 ấp chiến lược trong tổng số 11.316 ấp mà chúng định lập trên toàn miền Nam.

Tình trạng đó thật khó tránh khỏi do Đảng ta và quân, dân ta phải đối phó với một chiến lược chiến tranh mới của đế quốc Mỹ. Cần phải có thời gian tiến hành đấu tranh, mới nắm bắt được những thủ đoạn cụ thể của đối phương và thể nghiệm, đúc kết các phương pháp đấu tranh đưa lại hiệu quả tối ưu. Trong những tháng cuối năm 1961 đầu năm 1962, lực lượng lãnh đạo và cơ sở cách mạng ở những vùng trọng yếu hầu còn mỏng, lực lượng vũ trang, nhất là dân quân du kích và bộ đội địa phương chiến đấu chống địch càn quét tại chỗ và hỗ trợ cho đấu tranh chính trị của nhân dân chưa xây dựng được nhiều, vũ khí thiếu. Điều quan trọng nhất là các cấp bộ Đảng chưa tìm ra được phương pháp lãnh đạo đấu tranh để phát huy cao nhất sức mạnh của ba mũi giáp công được hình thành trong Đồng khởi. Song như trên đã trình bày, thực tiễn đấu tranh của nhiều Đảng bộ cơ sở và quần chúng nhân dân đã gợi mở nhiều phương pháp đấu tranh chính trị, vũ trang và binh vận có khả năng ngăn chặn địch lập ấp chiến lược hoặc phá vỡ ấp chiến lược.

Giữa lúc đó, Trung ương Cục miền Nam ra Nghị quyết về nhiệm vụ quân sự năm 1962, ban hành tháng 5-1962, hướng dẫn các cấp bộ Đảng, quân và dân miền Nam thực hiện nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng, phát triển ba thứ quân, chấp hành đúng phương châm đấu tranh tại ba vùng với ba mũi giáp công; chủ động tiến công địch và đối phó với các cuộc tiến công, càn quét của địch, đồng thời tập trung mọi khả năng cùng toàn dân thực hiện trọng tâm công tác: phá tan kế hoạch Stalây-Taylor, chủ yếu là đánh bại âm mưu gom dân lập ấp chiến lược.

Thực hiện Nghị quyết đó, nhiều đơn vị chủ lực của Miền được điều động tới một số địa phương phối hợp với dân quân du kích tấn công ấp chiến lược. Quần chúng đã nổi dậy phá ấp chiến lược đạt được kết quả bước đầu. Tuy nhiên, địch vẫn rất mạnh, ta vẫn chưa đánh bại được chiến thuật “thiết xa vận”, “trục thăng vận” của chúng. Sức cơ động bằng xe tăng, thiết giáp và máy bay lên thẳng của Mỹ – nguy gây cho ta rất nhiều khó khăn, tổn thất.

Trước diễn biến mới của tình hình miền Nam, trong thư gửi Trung ương Cục miền Nam ngày 19-7-1962, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: Hiện nay địch đang đánh ta rất quyết liệt bằng chính trị, quân sự, thông qua cái gọi là “quốc sách ấp chiến lược”. Vì vậy, một mặt phải phá cho được ấp chiến lược của địch, một mặt phải biết xây dựng lực lượng ngày càng mạnh, đặc biệt là lực lượng quân sự và “chống lại ấp chiến lược của địch phải bao gồm lực lượng chính trị và quân sự”. Do đó, phải đánh bại chương trình lập ấp chiến lược là một nhiệm vụ hết sức cấp bách hiện nay... Muốn chống phá ấp chiến lược, nhất thiết phải dựa vào quần chúng.. phải tạo phương tiện, thời cơ cho quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược.

Sài Gòn – Gia Định là một trong những địa phương tiến hành đấu tranh chống Mỹ–Diệm lập ấp chiến lược bằng nhiều biện pháp. Nét nổi bật ở đây là sự kiên trì của nhiều cán bộ ẩn nấp bí mật, tìm cách móc nối với những gia đình cơ sở cũ bị địch bắt vào ấp, hướng dẫn họ đào hầm bí mật trong ấp. Khi đã có hầm, cán bộ vào

được trong ấp ẩn nấp và gây thêm cơ sở mới, xây dựng tự vệ mật, rồi vận động nhân dân đấu tranh phá vỡ bộ máy kềm kẹp của địch, kết hợp với lực lượng vũ trang tiến công từ ngoài vào. Ở đây, cũng tiến hành binh vận làm phân hóa đội ngũ dân vệ và thanh niên chiến đấu, giác ngộ họ ngả về phía cách mạng. Từ thực tiễn đấu tranh phong phú đó, tháng 7-1962, Khu ủy Sài Gòn – Gia Định tổ chức Hội nghị chuyên đề chống phá ấp chiến lược. Hội nghị tổng kết và khái quát thành các phương châm đấu tranh: cán bộ “bám dân, bám đất” với biện pháp “mang nấp hầm bí mật vào ấp chiến lược”; phải tổ chức xây dựng lực lượng cách mạng bên trong ấp; huy động nhân dân nổi dậy phối hợp với lực lượng vũ trang tấn công từ bên ngoài vào.

Ở các vùng khác thuộc Nam bộ, Khu VI và Khu V, các cấp bộ Đảng vừa chỉ đạo cuộc đấu tranh chống phá ấp chiến lược, vừa rút kinh nghiệm để tìm ra phương thức đấu tranh đạt hiệu quả cao nhất. Một số tỉnh thuộc đồng bằng Khu V, thời gian đầu, các Đảng bộ địa phương chỉ đạo các cơ quan quân sự sử dụng lực lượng vũ trang tiến công từ bên ngoài vào ấp chiến lược, kết quả thu được rất hạn chế. Sau đó, một phương pháp mới được tiến hành. Đó là cán bộ, đảng viên tìm cách vào ấp chiến lược, tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang bí mật, và lãnh đạo quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược. Phương pháp đấu tranh đó được khái quát bằng câu ca:

Dân làm, dân phá mới hay,

Dân làm, quân phá biết ngày nào xong.

Từ thực tiễn chỉ đạo cuộc đấu tranh chống phá ấp chiến lược với những thắng lợi và những vấp vấp, lúng túng của các cấp bộ Đảng, ngày 8-8-1962, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị 21 về vấn đề đấu tranh chống phá ấp chiến lược, xã tự vệ và gom dân của địch, nhằm uốn nắn những lệch lạc và hướng dẫn các Đảng bộ cơ sở chỉ đạo phong trào đấu tranh. Đây là chủ trương mang tính toàn diện của Trung ương Cục miền Nam về chống phá ấp chiến lược, bao gồm những nội dung chính sau đây:

– Các cấp ủy Đảng cần rà soát lại khu ấp chiến lược trong địa phương, từ đó có kế hoạch phân từng loại, từng khu để chống phá một cách hiệu quả.

– Từng khu, tỉnh, huyện cần chọn địa điểm cho mỗi loại để chỉ đạo đấu tranh và kịp thời rút kinh nghiệm. Mỗi huyện cần chọn điểm yếu nhất tập trung phá cho bằng được để kích động phong trào chung.

– Cần có kế hoạch vận động và tổ chức quần chúng ở trong các ấp chiến lược cho thích hợp sao cho các tầng lớp, các giai cấp tin tưởng và đi theo cách mạng.

– Cần sử dụng lực lượng tập trung đánh những trận quan trọng tiêu diệt sinh lực địch, tạo điều kiện cho phong trào quần chúng nổi dậy phá áp chiến lược.

– Kết hợp chặt chẽ chống gom dân, phá áp chiến lược với xây dựng ấp, xã chiến đấu, xây dựng căn cứ địa cách mạng.

– Đấu tranh chống gom dân lập ấp chiến lược là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ cần kết hợp chặt chẽ với các mặt quân sự, kinh tế, chính trị, các hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp...

Chủ trương của Trung ương Cục kịp thời giúp cho các địa phương vận dụng linh hoạt phương châm đấu tranh “3 mũi” tại 3 vùng chiến lược có kết quả, giảm bớt tổn thất do sự chống phá của địch, bảo đảm được thể hợp pháp trong đấu tranh của quần chúng ở những vùng đông dân cư. Kể cả vùng giải phóng do ta làm chủ cũng cần nâng cao cảnh giác, chuẩn bị kế hoạch bảo vệ dân, xây dựng làng chiến đấu sẵn sàng đánh thắng địch.

Cuối cùng, Trung ương Cục miền Nam tổng hợp các biện pháp đấu tranh trên và nhấn mạnh: việc phá thành rào cũng như lực lượng vào đánh phá chỉ là một mặt, chủ yếu là phải phát động lực lượng bên trong và phá từ bên trong.

Có thể nói rằng, trải qua khoảng một năm, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương, Đảng bộ và nhân dân miền Nam với ý chí sắt đá, tinh thần sáng tạo trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của đế quốc Mỹ, đã tìm ra phương sách đấu tranh chống phá “quốc sách” áp chiến lược đạt hiệu quả cao nhất mà các văn kiện trên đã đúc kết. Cũng từ đó, hướng phát triển của phong trào chống phá áp chiến lược được mở rộng và bùng lan mạnh mẽ, đẩy “quốc sách” áp chiến lược tới chỗ bị phá sản.

Trong quá trình lãnh đạo quân và dân miền Nam đánh bại chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của đế quốc Mỹ, Trung ương Cục miền Nam vừa coi trọng đấu tranh chống phá “quốc sách” áp chiến lược, vừa chỉ đạo các cấp bộ Đảng xúc tiến chuẩn bị lực lượng, phát huy thế mạnh của chiến tranh nhân dân, thực hiện sáng tạo phương pháp đấu tranh “hai chân” “ba mũi”, làm thất bại chiến thuật hành quân càn quét của địch bằng những binh chủng trang bị vũ khí hiện đại, cơ động mạnh.

Thắng lợi đầu tiên tiêu biểu cho hoạt động đó là Chiến thắng Ấp Bắc do Khu VIII và Tỉnh ủy Mỹ Tho chỉ đạo quân và dân trong vùng đấu tranh giành được.

Ngày 2-1-1963, địch huy động hàng nghìn quân tinh nhuệ với nhiều vũ khí tối tân hiện đại: xe bọc thép, máy bay, tàu chiến mở 4 đợt tiến công vào Ấp Bắc, xã Phú Tân, huyện Cai Lậy (Mỹ Tho) nhằm tiêu diệt lực lượng ta.

Do chủ động chuẩn bị đối phó từ trước, với tinh thần quyết chiến quyết thắng, quân dân Ấp Bắc chiến đấu rất dũng cảm. Hàng ngàn dân thuộc hai huyện Châu Thành, Cai Lậy kéo vào đấu tranh chính trị, phối hợp với lực lượng vũ trang bao

vây tiến công nhiều đồn bót, phá nhiều ấp chiến lược và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Như vậy, lần đầu tiên với số quân ít hơn địch 10 lần, các chiến sĩ giải phóng đã cùng với nhân dân đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn 2.000 lính nguy có cổ vắn Mỹ chỉ huy và xe tăng, máy bay lên thẳng yểm trợ.

Chiến thắng Ấp Bắc chứng minh chủ trương của Trung ương Cục miền Nam về sự vận dụng phương châm “hai chân” “ba mũi” đấu tranh, ba thứ quân phối hợp, chống càn quét và tiêu diệt địch, nổi dậy phá ấp chiến lược giành quyền làm chủ là hoàn toàn đúng đắn. Chiến thắng Ấp Bắc đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc về sự chỉ đạo chiến tranh của Trung ương Cục miền Nam, của Khu ủy Khu VIII. Sức chiến đấu của lực lượng vũ trang cách mạng, của nhân dân miền Nam đã được nâng lên cấp độ mới, khiến cho đế quốc Mỹ thấy rằng sau thất bại tại Ấp Bắc, chúng khó thắng được ta. Từ căn cứ Bắc Tây Ninh, Trung ương Cục miền Nam và Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng đã phát động phong trào “*Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công*”, tiếp tục tiến công địch trên khắp chiến trường miền Nam.

Phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam càng lên cao thì mâu thuẫn trong nội bộ địch ngày càng sâu sắc. Bộ Chính trị và Trung ương Cục miền Nam đã nhiều lần dự đoán: sớm muộn sẽ xảy ra đảo chính và chỉ đạo các địa phương chuẩn bị sẵn sàng về tư tưởng, tổ chức, kế hoạch, lực lượng để có thể giành thắng lợi lớn hơn khi đảo chính diễn ra. Sau ngày Diệm – Nhu bị đảo chính (1-11-1963), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: “*Tình hình còn lộn xộn một thời gian nữa, và đây không phải là lần đảo chính cuối cùng*”.⁽¹⁾

Ngày 12-11-1963, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo cho các địa phương: Cần tận dụng tình trạng khủng hoảng suy yếu của địch, tập trung mọi lực lượng, mọi cố gắng để tiến công địch về mọi mặt trên khắp các chiến trường làm cho địch không ổn định, mâu thuẫn nội bộ ngày càng tăng; ra sức phát triển thực lực cách mạng (Đảng, Đoàn, các đoàn thể quần chúng khác và các lực lượng vũ trang) khắp các vùng. Đặc biệt, chú ý phát triển lực lượng ở thành phố, thị trấn, vùng chưa có cơ sở.

Thực hiện chủ trương trên, quân dân miền Nam đẩy mạnh các hoạt động trên khắp các chiến trường. Đây là thời cơ thuận lợi để ta tiến công tiêu diệt địch. Nhưng bộ đội ta mới được xây dựng và tác chiến tập trung quy mô tiểu đoàn từ sau trận Ấp Bắc. Trình độ tổ chức, khả năng chiến đấu có nhiều tiến bộ, nhưng vẫn chưa theo kịp sự phát triển của tình hình. Chính vì vậy, mà ta chưa tận dụng hết

¹ Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử, tập 12*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1995, tr.492.

những nhân tố thuận lợi do sự khủng hoảng trầm trọng của ngụy quyền Sài Gòn tạo ra.

Đầu năm 1964, Chính phủ Mỹ quyết định đẩy mạnh hơn nữa “*Chiến tranh đặc biệt*” để ổn định miền Nam trong vòng hai năm (1964–1965).

Tháng 3–1964, trước diễn biến mới của chiến tranh, Hội nghị lần thứ hai Trung ương Cục miền Nam đánh giá so sánh lực lượng ta, địch và nhấn mạnh: “*cần phải nắm vững tinh thần cơ bản của phương châm chiến lược và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam do Trung ương đề ra là: Trường kỳ đấu tranh chống địch bằng cả chính trị và vũ trang. Đồng thời tranh thủ thời cơ, nỗ lực phấn đấu giành thắng lợi quyết định trong những năm tới.*”⁽¹⁾

Trên cơ sở đó, Trung ương Cục miền Nam xác định quyết tâm trước mắt của Đảng bộ miền Nam phấn đấu đạt được hai mục tiêu chính là:

- Làm thất bại mưu đồ gom dân lập ấp chiến lược của địch, phá tan phần lớn các ấp chiến lược, bảo đảm giành nhân tài, vật lực cho cách mạng, làm chủ phần lớn rừng núi và vùng nông thôn.

- Tiêu diệt sinh lực địch và làm tan rã từng bộ phận quân đội ngụy.

Trung ương Cục đề ra 11 công tác cụ thể để thực hiện hai mục tiêu trên.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và nghị quyết của Hội nghị Trung ương Cục lần thứ hai về tiêu diệt một bộ phận quân chủ lực địch, phối hợp ba mũi giáp công làm tan rã phần lớn quân địch, từ tháng 4 đến tháng 10–1964, Bộ chỉ huy Miền nghiên cứu vạch kế hoạch tác chiến Chiến dịch Bình Giã (Bà Rịa) sau khi nghe đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách Trung ương Cục đi kiểm tra tại chiến trường về báo cáo, Trung ương Cục mới hoàn toàn nhất trí với kế hoạch đó.

Chiến dịch Bình Giã, một chiến dịch lớn đầu tiên trong chiến tranh chống Mỹ, ta đã thu được thắng lợi sau ba tháng chiến đấu kể từ đầu tháng 12–1964. Thắng lợi ở Bình Giã chứng tỏ ta có khả năng xây dựng những đơn vị chủ lực lớn tại chỗ, có thể đánh lớn, thắng lớn, làm chủ chiến trường tiêu diệt địch trên địa bàn rộng và trong một thời gian dài. Chiến thắng Bình Giã của ta đã đưa chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” vào vòng phá sản không thể cứu vãn được.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 25*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2003, tr.717.

2. Đương đầu với chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”, Trung ương Cục nêu cao quyết tâm đánh Mỹ và từ thực tiễn chiến trường đã tổng kết cách thắng Mỹ.

Chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” bị phá sản, đế quốc Mỹ chuyển sang dùng chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*” và chiến tranh phá hoại miền Bắc với mục tiêu: tiêu diệt cách mạng miền Nam trong vòng 20–30 tháng (giữa năm 1965 đến 1967), hủy diệt miền Bắc. Cả nước trở thành chiến trường trực tiếp đánh Mỹ.

Đầu tháng 3–1965, đế quốc Mỹ đưa quân vào chiến trường miền Nam, bắt đầu thực hiện chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và căn cứ vào tình hình cụ thể miền Nam, ngay từ cuối tháng 3–1965, Trung ương Cục ra Nghị quyết nêu cao quyết tâm chống Mỹ của Đảng bộ và nhân dân miền Nam là “sẵn sàng đối phó với tình huống phức tạp và xấu nhất là đế quốc Mỹ sẽ chuyển sang thi hành chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*””. Ngay sau khi ban hành Nghị quyết này, Trung ương Cục quyết định mở cuộc động viên chính trị trong lực lượng vũ trang và nhân dân xây dựng quyết tâm đánh Mỹ, diệt ngụy với khẩu hiệu “*tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt*”.

Tháng 7–1965, trong phiên họp Hội nghị Bộ Chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định và nhắc nhở: Mỹ sẽ tiếp tục leo thang, nên nhân dân miền Nam phải duy trì phát triển chiến tranh du kích, chú ý xây dựng lực lượng đặc công. Người nhắc đồng bào, chiến sĩ miền Nam thấu suốt chủ trương kháng chiến lâu dài và xây dựng nhiều căn cứ địa tại chỗ. Người nêu cao quyết tâm: “*tất cả để chiến thắng ở miền Nam*”.

Thực hiện phương hướng Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết của Trung ương Cục miền Nam và Khu ủy V, quân và dân ta đã thắng Mỹ oanh liệt ở Núi Thành (tháng 5–1965), Vạn Tường (tháng 8–1965).

Những thắng lợi đầu tiên đó đã cổ vũ quyết tâm đánh Mỹ và đẩy lên phong trào “*tìm Mỹ mà diệt*”, “*nắm thắt lưng địch mà đánh*”. Tiếp đó là các trận thắng Plâyme, Đất Cuốc, Bàu Bàng... theo phương hướng và quyết tâm: cứ đánh Mỹ sẽ tìm ra cách thắng Mỹ như đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã nêu ra trong Đại hội Anh hùng chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam lần thứ nhất, tháng 5–1965. Trung ương Cục miền Nam và các Khu ủy trực tiếp chỉ đạo lực lượng vũ trang và nhân dân đánh Mỹ; đấu tranh chính trị, binh vận đối với các đơn vị lính Mỹ hành quân, càn quét. Từ thực tế đấu tranh, ta đã tìm ra cách đánh Mỹ và chiến thắng giặc Mỹ ngay trong năm 1965. Điều đó chứng tỏ quân và dân ta ở miền Nam chẳng những dám đánh Mỹ mà còn biết cách đánh thắng các quân, binh chủng Mỹ, chẳng những đánh tiêu hao mà còn đánh tiêu diệt từng đơn vị Mỹ, làm chủ chiến trường.

Phong trào “vành đai diệt Mỹ” trở thành hình thức tiến công chủ động có hiệu quả của chiến tranh du kích từ Củ Chi, Long Phước lan rộng khắp miền Nam. Đây là nét sáng tạo mới của phong trào toàn dân đánh Mỹ, nâng cao khả năng tiêu hao, tiêu diệt nhiều hơn quân ngụy và quân Mỹ, làm cho chúng hoảng sợ, lúng túng. Trên mặt trận đấu tranh chống “bình định”, giữ vững vùng giải phóng – hậu phương trực tiếp tại chỗ của chiến trường, Trung ương Cục miền Nam dồn nhiều tâm sức lãnh đạo nhân dân ra sức đấu tranh phá tan âm mưu “bình định” của địch, động viên nhân dân trong vùng giải phóng vừa chiến đấu, vừa sản xuất, thực hành tiết kiệm, đóng góp của cải và sức người cho tiền tuyến.

Trong hai năm 1965–1966, Trung ương Cục vừa chỉ đạo cụ thể cuộc đấu tranh chống chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”, vừa rất coi trọng công tác tổng kết kinh nghiệm đánh Mỹ và nhân rộng phương pháp đánh Mỹ, diệt ngụy đạt hiệu quả cao nhất của các điển hình tiên tiến.

Quân khu Sài Gòn – Gia Định là nơi đụng độ rất ác liệt giữa ta và Mỹ – ngụy trên hai địa bàn đô thị và nông thôn. Cũng chính nơi đây, từ đầu năm 1966, đã sớm đúc kết được 10 kinh nghiệm đánh Mỹ. Từ đó, toát lên tính chất của cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ: bất cứ ai, sử dụng vũ khí gì, ở đâu và lúc nào, bằng vũ trang, chính trị, binh vận cũng đánh được Mỹ, thắng được các binh chủng Mỹ.

Trong lúc khí thế đấu tranh của nhân dân và lực lượng vũ trang miền Nam đang dâng cao, thì lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 7–1966, động viên đồng bào cả nước chống Mỹ, cứu nước với tinh thần không có gì quý hơn độc lập, tự do, càng nâng cao hơn ý chí đấu tranh và tinh thần sáng tạo của Đảng bộ, quân dân miền Nam, để đánh thắng chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*” của đế quốc Mỹ.

Dù phải chịu nhiều tổn thất, đến cuối năm 1966, đế quốc Mỹ vẫn đẩy cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lên một mức độ cao hơn.

Tiến hành phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai 1966–1967, địch sử dụng tới 98 vạn quân. Trong đó, có 38 vạn quân Mỹ, tập trung trên hướng miền Đông Nam bộ, trọng điểm là Tây Ninh nhằm tiêu diệt căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Bộ Chỉ huy Miền và Mặt trận Dân tộc giải phóng.

Về hành động chiến tranh đó của đế quốc Mỹ, Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy Miền nhận định: tuy địch bị thất bại nặng trong mùa khô lần thứ nhất, chúng vẫn tăng cường lực lượng phản ứng quyết liệt hòng giành thế chủ động trên chiến trường và củng cố tinh thần cho quân Mỹ, ngụy, chư hầu. Trung ương Cục miền Nam và Bộ Chỉ huy Miền quyết định điều chỉnh, bố trí lại lực lượng trên các hướng, khẩn trương xây dựng, tổ chức trận địa, chuẩn bị vũ khí, hậu cần, sẵn sàng đánh bại các cuộc phản công mới của địch.

Nhờ chuẩn bị chu đáo, quân và dân Nam bộ đã bẻ gãy 6 cuộc hành quân cấp lữ đoàn và sư đoàn địch đánh vào các khu căn cứ Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu. Đặc biệt, từ tháng 2 đến tháng 4-1967, các cơ quan dân chính Đảng và đồng bào vùng Bắc Tây Ninh đánh bại cuộc hành quân Gianxon Xity (Junction City) lớn nhất của Mỹ vào căn cứ Tây Ninh. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh lúc đó nhận xét: Đây là cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ vào vùng Bắc Tây Ninh, là cuộc hành quân thua đau đớn nhất, là cái mốc tội điểm đánh dấu thất bại của chúng trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

Kết quả mùa khô 1966-1967, quân dân miền Nam loại khỏi vòng chiến đấu hơn 17 vạn tên địch, phá hủy nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mỹ - ngụy. Ta giữ vững vùng giải phóng cũ và giải phóng thêm gần 400 ấp. Chiến tranh du kích ngày càng phát triển về chất lượng. Căn cứ Trung ương Cục miền Nam vẫn được bảo vệ vững chắc. Trên các mặt trận đấu tranh chính trị, Đảng bộ các khu, tỉnh đã huy động hàng triệu lượt đồng bào trong các vùng đồng bằng, vùng ven đô thị đấu tranh chống địch càn quét, bắn phá, rải chất độc hóa học, phản đối chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ cho nhân dân thế giới biết, đặc biệt tuyên truyền vận động quốc tế hóa phong trào ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Hoạt động của Trung ương Cục miền Nam là một nhân tố rất quan trọng tạo nên những thắng lợi to lớn đó.

Ta thắng lớn địch sau hai mùa khô 1965-1966, 1966-1967. Song tình hình chiến trường vẫn phức tạp. Giới cầm quyền Mỹ tuy dao động, lúng túng, nhưng vẫn chuẩn bị mở cuộc phản công chiến lược lần thứ ba chống lại ta.

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp bàn chuyển cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định. Muốn vậy, ta phải tạo ra một bước ngoặt lớn của cuộc chiến tranh, phải giáng một đòn bất ngờ thật mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ. Chủ trương đó được Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tháng 1-1968, nhất trí thông qua.

Sự chuẩn bị của Trung ương Cục miền Nam góp phần quan trọng để Trung ương Đảng đi tới quyết định trên. Từ tháng 8-1967, khi đồng chí Phạm Hùng vào Nam làm Bí thư Trung ương Cục, do đồng chí Nguyễn Chí Thanh từ trần ngày 6-7-1967, đã bắt đầu hình thành ý định đánh vào thành thị. Rồi lần lượt các đồng chí phụ trách chiến trường ra Hà Nội báo cáo với Trung ương về “cách đánh mới” đó và nhận được sự nhất trí cao. Tuy vậy, đến ngày 14 và 15-1-1968, đồng chí Nguyễn Văn Linh ra Hà Nội trình bày cụ thể thêm về tình hình chiến trường, Bộ Chính trị mới thống nhất về thời điểm khởi đầu cuộc tổng công kích và tổng khởi nghĩa.

Chủ trương trên của Bộ Chính trị được Trung ương Cục miền Nam tiếp thu, quán triệt và xây dựng thành “Nghị quyết Quang Trung” vào tháng 12-1967, lấy

Đông Nam bộ và Sài Gòn – Gia Định là hướng tiến công trọng điểm. Mục đích đặt ra là xóa bỏ nguy quyền, thành lập chính quyền cách mạng.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Sài Gòn – Gia Định khẩn trương chuẩn bị chiến trường: giải thể Quân khu 7 và Quân khu Sài Gòn – Gia Định; tổ chức lại chiến trường miền Đông theo yêu cầu nhiệm vụ mới; thành lập khu trọng điểm mới và ban lãnh đạo gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà. Khu trọng điểm Sài Gòn – Gia Định được tổ chức thành 6 phân khu và thành lập Đảng ủy tiền phương.

Đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, thực hiện mệnh lệnh Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa đồng loạt trên các hướng trọng điểm đô thị mà tập trung là Sài Gòn – Gia Định, quân và dân ta mở liên tiếp 3 đợt tiến công vào các mục tiêu xác định: 4 thành phố, 37 thị xã, hàng trăm thị trấn và đánh vào hầu hết các cơ quan đầu não của Mỹ – nguy. Nhân dân ở hầu khắp các vùng nông thôn hỗ trợ lực lượng vũ trang nổi dậy phá tan từng mảng hệ thống kèm kẹp của nguy quyền ở nông thôn, xã ấp giành quyền làm chủ.

Thắng lợi chiến lược của Tổng công kích – Tổng khởi nghĩa Mậu Thân 1968 đánh bại ý chí xâm lược của Mỹ, tạo ra bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố hạn chế, rồi chấm dứt ném bom miền Bắc và chấp nhận đàm phán với ta tại Paris.

Thắng lợi Tết Mậu Thân 1968 tạo điều kiện mở ra mặt trận tiến công mới về ngoại giao và cục diện vừa đánh vừa đàm, kết hợp chặt chẽ 3 mặt trận quân sự – chính trị – ngoại giao để thắng Mỹ. Đó là những thắng lợi rất to lớn và cơ bản.

Tuy nhiên, về mặt quân sự, sau đợt 1, khi đã hết yếu tố bất ngờ nhưng ta vẫn tiếp tục tiến công vào đô thị, không chuyển hướng kịp thời chống âm mưu bình định của địch ở nông thôn, nên đã bị tổn thất lực lượng và mất đất, mất dân. Khuyết điểm đó còn kéo dài trong năm 1969, tới năm 1970 ta mới chuyển hướng chỉ đạo.

3. Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo phong trào đấu tranh giành đất, giành dân, phản công và tiến công mạnh mẽ, đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và mưu đồ của Mỹ mở rộng chiến tranh sang Campuchia.

Sau Mậu Thân 1968, ta tuy thắng lớn, nhưng lực lượng cũng bị tổn thất nặng, chưa được bổ sung kịp thời. Địa bàn nông thôn bị bỏ trống và bị địch lợi dụng tiến hành “bình định cấp tốc” để tranh giành quyết liệt những vùng bị mất, đặc biệt là vùng ven Sài Gòn, đồng bằng sông Cửu Long. Địch chiếm lại hầu hết những vùng nông thôn do ta mở rộng trong Tết Mậu Thân. Nhiều cơ quan lãnh đạo không có chỗ đứng chân ổn định. Thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, về thực chất, Mỹ – nguy tiến hành phản công quyết liệt, hủy diệt tàn khốc bằng sức mạnh toàn diện, hòng giành dân, chiếm đất, giành lại thế chiến lược tiến công trên các

chiến trường. Chúng gây cho ta nhiều tổn thất lớn: lực lượng chiến đấu bị hao tổn nặng, vùng giải phóng bị thu hẹp nhiều. Số cán bộ, chiến sĩ bị thương vong của Nam bộ trong 2 năm 1968–1969 lớn gấp 2 lần 7 năm trước đó (1961–1967). Đây là một trong hai thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng miền Nam, làm cho thế và lực tiến công của ta trên chiến trường bị suy giảm.

Đầu năm 1970, Trung ương Đảng kiểm điểm những khuyết điểm đó và chủ trương chuyển hướng tiến công, lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi các chương trình “bình định” của địch. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 7–1969, “*đánh cho quân Mỹ phải rút hết sạch, đánh cho nguy quân và nguy quyền sụp đổ hết, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà*”⁽¹⁾ và chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam: lãnh đạo đẩy mạnh ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược, vừa tiến công địch, vừa xây dựng củng cố thế đứng chân của lực lượng vũ trang, bám trụ trở lại vùng ven căn cứ, ven đô thị, tạo những điều kiện cơ bản cho bước tiến mới của cách mạng miền Nam.

Tháng 3–1970, sau khi đế quốc Mỹ sử dụng tay sai gây đảo chính ở Campuchia hòng lôi kéo Campuchia vào con đường thân Mỹ, chống phá cách mạng miền Nam, chúng lại mở rộng chiến tranh sang Campuchia. Trung ương Cục miền Nam đã sớm nhận định: đây là một hành động nằm trong âm mưu “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của đế quốc Mỹ, nhằm giành thế mạnh trên chiến trường Việt Nam và đàn áp phong trào cách mạng Campuchia. Trung ương Cục miền Nam chủ trương: trước mắt ta phải tập trung củng cố thế đứng chân của ta ở vùng biên giới, đồng thời khẩn trương giúp bạn phát triển thực lực chính trị, vũ trang, mở rộng căn cứ... phối hợp chặt chẽ với chiến trường Việt Nam, Lào.

Vào thời điểm đó, Bộ Chính trị cho rằng, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh trên toàn bán đảo Đông Dương là biểu hiện thế yếu và thất bại của chúng. Do vậy, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta cần tăng cường đoàn kết với nhân dân Lào, Campuchia, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ và bè lũ tay sai. Chiến trường miền Nam Việt Nam giữ vị trí quan trọng và chi phối cục diện chiến trường toàn bán đảo Đông Dương, phải tập trung lực lượng đập tan kế hoạch “bình định” và âm mưu “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của đế quốc Mỹ. Đồng thời, tranh thủ thời cơ khi địch bị sa lầy trên chiến trường Campuchia để đẩy mạnh hoạt động ở đồng bằng sông Cửu Long, uy hiếp xung quanh Sài Gòn và các đô thị khác.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng, Quân ủy Miền điều một số đơn vị chủ lực của ta, phối hợp với lực lượng vũ trang bạn, tấn công nhiều

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.479.

thị trấn và chi khu quân sự của địch, mở rộng vùng căn cứ của bạn và của ta dọc theo biên giới hai nước.

Thắng lợi của quân và dân Campuchia cùng với chiến thắng dồn dập của quân và dân Lào đẩy Mỹ – nguy ngày càng sa lầy lâu hơn trên chiến trường Đông Dương.

Lợi dụng sự lúng túng của địch trong việc chia nhỏ, phân tán lực lượng trên nhiều chiến trường, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo các khu, tỉnh đẩy mạnh đánh phá “bình định” một cách tập trung và toàn diện, làm cho kế hoạch “bình định cấp tốc” của địch bị trì trệ, phá sản.

Cuối tháng 4-1970, Mỹ-ngụy huy động 10 vạn quân cùng các phương tiện chiến tranh hiện đại, cơ động mở cuộc tiến công càn quét dồn dập vào 6 tỉnh Campuchia. Mục tiêu là nhằm giành thế chủ động trên chiến trường Campuchia và tiêu diệt căn cứ Trung ương Cục miền Nam đóng sát biên giới Việt Nam – Campuchia, cắt đứt đường hành lang vận chuyển hậu cần từ cảng Xi-hanúcvin đến Nam bộ, bao vây và uy hiếp trực tiếp lực lượng kháng chiến của nhân dân ta ở Đông và Tây Nam bộ.

Nắm được ý đồ của địch, quân và dân ta chủ động phối hợp của lực lượng kháng chiến Campuchia đập tan cuộc hành quân phản kích của địch, giải phóng 5 tỉnh phía Đông Bắc Campuchia với hơn 4 triệu dân. Căn cứ Trung ương Cục miền Nam vẫn giữ vững. Vùng giải phóng Campuchia nằm sát với biên giới Việt Nam trở thành vùng căn cứ, hậu phương trực tiếp cho cách mạng hai nước. Đây là một thắng lợi quan trọng có ý nghĩa to lớn, mở ra những thuận lợi to lớn cho cách mạng nước ta.

Để tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa, đặc biệt giữ vững quyền chủ động của ta trên chiến trường miền Nam Việt Nam, Trung ương Cục miền Nam chú trọng thực hiện chủ trương vừa tiến công vừa chấn chỉnh lực lượng; vừa phát triển vừa củng cố; vừa tiếp tục thực hiện kế hoạch trước mắt vừa tích cực chuẩn bị mọi mặt đón thời cơ lớn.

Chấp hành sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Trung ương Cục miền Nam, Quân ủy Miền bổ sung lực lượng vũ trang và tăng cường thêm cán bộ lãnh đạo phong trào ở đồng bằng sông Cửu Long và một số tỉnh miền Đông. Dưới sự lãnh đạo của các Đảng bộ cơ sở, nhân dân các tỉnh Khu VIII, Khu IX liên tục tiến công địch và lập nên những chiến thắng to lớn ở Xẻo Rô, Rạch Giá, An Biên... bảo vệ vững chắc vùng căn cứ của ta. Với sức mạnh tiến công của 3 mũi giáp công, nhân dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã phá tan gần hai ngàn ấp chiến lược, giáng một đòn nặng nề vào kế hoạch “bình định” của Mỹ – nguy.

Song song với chỉ đạo phong trào đấu tranh ở các vùng nông thôn, Trung ương Cục miền Nam tăng cường chỉ đạo phong trào đấu tranh của đồng bào Sài

Gòn – Gia Định và các đô thị lớn. Mục tiêu đấu tranh là vạch tội ác của Mỹ – Thiệu, đoàn kết và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, chống tập đoàn tay sai bán nước phản động thân Mỹ, phân hóa và lôi kéo các tầng lớp trung gian ủng hộ Mặt trận Dân tộc giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của dư luận quốc tế. Do tác động của các khẩu hiệu hòa bình, dân chủ, phản đối chế độ phát xít tay sai, và sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy Sài Gòn – Gia Định, các phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên diễn ra mạnh mẽ, dồn dập tiến công vào dinh lũy sào huyệt của ngụy quyền Sài Gòn, làm rung chuyển chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Hàng chục nghìn học sinh, sinh viên các thành phố Huế, Đà Lạt, Cần Thơ và các thị xã miền Nam phát động các cuộc tổng bãi khóa với quy mô lớn chống chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Các phong trào vận động trốn quân dịch trong thanh niên, sinh viên, phong trào vận động giác ngộ binh lính địch quay súng trở về với cách mạng được phát triển rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân miền Nam.

Trên đà thắng lợi, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo thực hiện quyết tâm đánh thắng địch, tạo một bước chuyển biến mới trên toàn bộ chiến trường Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam và Bộ Chỉ huy Quân sự Miền quyết định mở chiến dịch phản công trên đường số 6, phối hợp với lực lượng cách mạng Campuchia tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của quân Mỹ và ngụy Lonnon.

Sau 3 tháng phản công tích cực, ta và bạn đánh bại hoàn toàn cuộc phản công mang tên Chen la 2 của địch, giữ vững được hành lang chiến lược của ta.

Mặc dù có những thắng lợi lớn về quân sự, song công tác chống “bình định” chưa đạt kết quả cao. Tháng 8-1970, Trung ương Cục ra chỉ thị nhấn mạnh các vấn đề then chốt trong chỉ đạo đánh phá “bình định” của địch và trong bất cứ tình huống nào cũng phải tập trung cao độ đánh bại kế hoạch “bình định đặc biệt” của địch. Trung ương Cục miền Nam yêu cầu các khu ủy, tỉnh ủy phải tiếp tục lãnh đạo phong trào, đẩy tới một bước tiêu diệt lực lượng dân vệ, bảo an, lực lượng chủ chốt trong bình định kèm kẹp ở cơ sở, đưa phong trào phát triển cả thể và lực.

Sau hơn một năm chuyển hướng hoạt động, tháng 10-1971, Hội nghị lần thứ 11 Trung ương Cục miền Nam nhận định: Phong trào cách mạng ở B2 đã vượt qua thời kỳ nghiêm trọng nhất và đang tạo ra những thuận lợi rất cơ bản cho việc chuyển biến cục diện chiến trường. Ở đồng bằng sông Cửu Long, ta đã chuyển lên làm chủ một vùng rộng lớn với gần 40 vạn dân. Vùng giải phóng rộng lớn nối liền miền Bắc nước ta qua các vùng giải phóng Tây Trĩ Thiên, Tây Nguyên, miền Đông Nam bộ và vùng giải phóng Campuchia thành một căn cứ rộng lớn, một thể trận vững chắc của 3 nước Đông Dương. Đường hành lang chiến lược xuyên Đông Dương mở ra ngày càng rộng lớn, xẻ dọc Tây Trường Sơn xuyên suốt vào miền

Nam, bẻ gãy mưu đồ của Mỹ bóp nghẹt và cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta tại miền Nam.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 20 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cuối tháng 1 đầu tháng 2-1972 và nhiệm vụ quân sự 1972 do Bộ Chính trị đề ra, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo các cấp ủy nắm vững thời cơ, khẩn trương phát động toàn dân, toàn quân xốc tới giành thắng lợi. Nhân tố đảm bảo thắng lợi là gắn quyết tâm với công tác chuẩn bị khẩn trương, cụ thể, chặt chẽ và toàn diện. Trung ương Cục miền Nam xác định rõ đây là cuộc tiến công lớn nhất bằng quân sự, chính trị, binh vận trên cả 3 vùng với 3 quả đấm chiến lược, kết hợp chặt chẽ với tấn công ngoại giao buộc địch phải chịu thua. Từ cuối tháng 3-1972, theo quyết định của Thường vụ Quân ủy Trung ương, ba chiến dịch lớn của bộ đội chủ lực tại đường số 9 – Trị Thiên, Bắc Tây Nguyên và Đông Nam bộ đồng thời diễn ra. Chiến dịch Đông Nam bộ mang tên Nguyễn Huệ do Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền trực tiếp chỉ đạo, kéo dài 10 tháng (31-3-1972 đến 28-1-1973), tiến công dồn dập vào các căn cứ, sở chỉ huy, sân bay, đường giao thông chiến lược của địch. Đây là chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, giành thắng lợi hết sức quan trọng có ý nghĩa chiến lược đối với chiến trường miền Nam. Phối hợp với Chiến dịch Nguyễn Huệ, quân dân ta còn mở nhiều chiến dịch tiến công tổng hợp ở đồng bằng Nam bộ, đánh mạnh và bất ngờ vào lực lượng quân sự và bộ máy kìm kẹp của Mỹ-ngụy.

Do những nỗ lực của quân và dân Nam bộ, ở Khu VIII, Khu IX ta đã giành được nhiều thắng lợi quân sự, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành chính quyền ở vùng Nam Bắc đường số 4, Bến Tre, vùng 4 Kiến Tường, Kiến Phong, huyện Long Mỹ, nối liền xuống U Minh và nhiều lõm giải phóng sát nách Sài Gòn. Một vùng giải phóng mới được mở ra với những lợi thế to lớn làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh. Thắng lợi của cuộc tổng tiến công nổi dậy Xuân 1972 góp phần quan trọng buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Paris.

4. Thực hiện quyết tâm của Trung ương Đảng giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trước khi Hiệp định Paris được ký kết, ngày 19-1-1973, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị xác định rõ chủ trương và các nhiệm vụ công tác cấp bách khi có giải pháp chính trị. Trung ương Cục nhận định: thắng lợi cơ bản nhất mà ta giành được qua việc ký kết Hiệp định là buộc Mỹ phải công nhận và tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam. Khẩu hiệu đấu tranh trong giai đoạn cách mạng mới là *“Hòa bình, độc lập, dân chủ, cơm áo và hòa hợp dân tộc”*. Mục tiêu đấu tranh là đòi thi hành Hiệp định, làm tan rã và suy sụp nặng nề quân, ngụy quyền, chiếm lĩnh nông thôn, giành chính quyền cách mạng và vùng giải phóng, đập tan âm mưu phá hoại Hiệp định của địch... đưa cách mạng Việt Nam tiến lên hoàn

thành mục tiêu cơ bản đề ra, đồng thời luôn luôn cảnh giác sẵn sàng đối phó với âm mưu gây chiến tranh trở lại của đế quốc Mỹ.

Cũng ở thời điểm này, ngày 19-1-1973, đồng chí Võ Nguyên Giáp và Thường vụ Quân ủy Trung ương điện gửi Trung ương Cục về những biện pháp đấu tranh quân sự: giữ vững vùng giải phóng miền Đông, đặc biệt là Lộc Ninh; cần nắm vững lực lượng mạnh trong tay, không tung ra nhiều và quá sớm; để phá âm mưu lấn chiếm của địch cần phá hậu cứ giao thông của địch ở bên trong, phân tán lực lượng địch, đẩy chúng vào thế bị động.

Ngày 27-1-1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (thường gọi là Hiệp định Paris) được ký kết, ghi nhận thắng lợi cơ bản của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Mỹ và các nước công nhận chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Mỹ phải rút hết quân và các nhân viên quân sự, cam kết chấm dứt mọi sự dính líu quân sự vào miền Nam Việt Nam. Quân đội miền Bắc và lực lượng vũ trang cách mạng vẫn ở nguyên tại miền Nam.

Một ngày sau khi ký kết Hiệp định Paris (28-1-1973), Ban Chấp hành Trung ương ta ra lời kêu gọi, nêu bật thắng lợi rất vẻ vang của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và cho rằng kẻ thù vẫn chưa từ bỏ mưu đồ phá hoại hòa bình, ngăn chặn nhân dân ta thực hiện nguyện vọng độc lập, tự do. Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi nhân dân cả nước tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, củng cố những thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất nước nhà.

Về phía địch, do thắng lợi to lớn của nhân dân ta trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, chúng buộc phải ký kết Hiệp định. Nhưng ngay sau đó, Mỹ vẫn tiếp tục viện trợ kinh tế và quân sự cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu để tiến hành chiến tranh dưới một hình thức khác. Mục tiêu hàng đầu của Mỹ – Thiệu là xóa bỏ thế “đa báo” lấn chiếm vùng giải phóng, vùng chiến lược quan trọng, nâng chương trình “bình định” lên tầm quốc sách. Trong năm 1973, địch mở tới hàng vạn cuộc hành quân lấn chiếm các địa bàn quan trọng nằm dọc các đường giao thông lớn thuộc Đông Nam bộ, Trung Nam bộ và vùng Chương Thiện, Bảy Núi thuộc Tây Nam bộ, vùng vành đai Sài Gòn.

Trong lúc đó, một số cấp bộ Đảng và một bộ phận cán bộ, chiến sĩ và nhân dân mang ảo tưởng hòa bình, mất cảnh giác và tin rằng những nội dung chính của Hiệp định Paris sẽ được thi hành, cho nên “*lùng chùng, hữu khuynh trong việc đối phó với địch*” như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng năm 1973 nhận xét. Khuyết điểm đó dẫn tới sai lầm trong thực tiễn đấu tranh được biểu hiện ở sự bị động, không chống trả kịp thời hành động lấn chiếm của địch để mất đất, mất dân. Trước tình hình đó, tháng 2-1973, Hội nghị Thường vụ

Khu ủy IX xác định nhiệm vụ của toàn khu và đề nghị Trung ương Cục và Trung ương Đảng quyết định tấn công địch bằng quân sự và chính trị, nhằm giữ vững thành quả cách mạng và tiếp tục đưa phong trào tiến lên.

Do sớm nhận rõ âm mưu của địch và có chủ trương tiến công kiên quyết, liên tục bằng ba thứ quân nên Khu IX không chỉ giữ được đất như trước ngày 27-1-1973, mà còn mở thêm nhiều lổm giải phóng, giành thêm dân.

Trước những biến động của tình hình cách mạng và diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, của chiến sĩ và nhân dân, từ cuối tháng 2 đến tháng 5-1973, Trung ương Cục quyết định nhiều chủ trương và biện pháp đấu tranh chống các thủ đoạn “bình định” lấn chiếm của địch; tiến hành giáo dục tư tưởng trong Đảng, trong lực lượng vũ trang và nhân dân về nhận thức đúng đắn thắng lợi của quân và dân ta, những mưu đồ của địch chống phá Hiệp định và các biện pháp đấu tranh của ta.

Trong chỉ đạo thực tiễn, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam chủ trương mở cuộc vận động sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trên khắp ba vùng, liên tục tiến công địch, lấy đấu tranh chính trị làm cơ sở, sử dụng lực lượng quân sự làm hậu thuẫn đắc lực, triệt để phát huy tác dụng pháp lý của Hiệp định, buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định, ra sức phát triển lực lượng chính trị, quân sự của ta, tiếp tục giành thắng lợi mới tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Trên cơ sở đó, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam vạch ra các nhiệm vụ cụ thể cho các địa phương thực hiện và nhấn mạnh: các khu ủy, tỉnh ủy cần dựa vào nguyên tắc chiến lược và liên hệ với tình hình thực tế đang diễn biến để hướng dẫn các cơ sở vận dụng vào ấp, xã mình.

Đầu tháng 3-1973, trước tình hình địch phá hoại Hiệp định Paris rất nghiêm trọng và hệ thống, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam xác định cụ thể hơn nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn trước mắt là ngoài bạo lực cách mạng cần phải phát huy tác dụng pháp lý của Hiệp định, kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự và pháp lý, tùy tình hình của từng vùng, từng nơi mà lựa chọn, kết hợp các phương thức đấu tranh cho thích hợp. Ở vùng giải phóng, phải củng cố quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội... để tạo thế và lực vững mạnh, có đủ sức phối hợp với phong trào đô thị và vùng yếu để đánh đổ cơ sở của địch ở tận sào huyệt của chúng.

Tiếp sau chủ trương nêu trên, Trung ương Cục miền Nam còn liên tục chỉ đạo các cấp ủy Đảng và các địa phương khắc phục những khuyết điểm và chuyển hướng đấu tranh chống địch lấn chiếm.

Đúng 60 ngày sau khi ký Hiệp định Paris, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra chỉ thị, kiểm điểm những khuyết điểm của ta về mặt chỉ đạo như chưa đánh giá đúng tình hình, không phát huy kịp thời những thắng lợi đã giành được, không

đánh giá hết sự ngoan cố của địch, việc chuyển phương châm, phương thức chỉ đạo không kịp thời và còn lúng túng, công tác tổ chức và thực hiện không đến xã và quần chúng, còn có tư tưởng hòa bình nghỉ ngơi, mất cảnh giác, làm giảm ý chí đấu tranh sắc bén, không kịp thời đối phó với địch.

Nhiệm vụ trước mắt là mở cuộc vận động lớn đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris, ra sức xây dựng lực lượng, đẩy lùi địch từng bước để giữ hòa bình, đưa phong trào cách mạng tiến lên, sẵn sàng đánh bại những hành động chiến tranh liều lĩnh của địch nếu chúng gây ra.

Các công tác trước mắt phải tiến hành là làm tốt công tác tư tưởng để cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân thấy rõ thắng lợi to lớn của Hiệp định Paris. Song, địch sẽ còn tiếp tục phá hoại Hiệp định bằng nhiều thủ đoạn tinh vi và trắng trợn. Do vậy, ta tuyệt đối không được ảo tưởng và không để cho địch muốn làm gì thì làm. Hiệp định là nhân tố mới, vũ khí mới để ta tiến công địch, xây dựng thực lực của ta. Cần bình tĩnh đánh giá, tránh nôn nóng, chủ quan và tiêu cực bị động; tích cực chuẩn bị làm thay đổi tương quan lực lượng về mọi mặt.

Về phương châm đấu tranh, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam còn nhắc lại phương châm kết hợp đấu tranh chính trị, vũ trang và pháp lý. Trong đấu tranh vũ trang phải phân tán, linh hoạt, đúng mức, đúng nơi, đúng đối tượng, có lý, có lợi, tạo thế cho phong trào quần chúng phát triển. Khi địch dùng quân sự tiến công ta, ta phải kiên quyết diệt chúng. Cần kết hợp với pháp lý của Hiệp định để đẩy mạnh công tác binh vận. Tích cực xây dựng lực lượng cách mạng, củng cố và mở rộng vùng giải phóng.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cách mạng, trong tháng 4, tháng 5, Trung ương Cục miền Nam khẩn trương chỉ đạo củng cố và mở rộng quy mô vùng căn cứ Tây Ninh và Đồng Tháp Mười theo phương hướng nối liền Đồng Tháp Mười với Đông Nam bộ, Tây Nguyên, thông ra miền Bắc. Vấn đề mấu chốt của việc xây dựng căn cứ địa là phá cho được hệ thống đồn bót kèm kẹp, tạo thế liên hoàn giữa các ấp, xã, huyện, tỉnh.

Đầu tháng 4-1973, một số đồng chí lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam và Khu ủy Khu V, Trị Thiên được Bộ Chính trị triệu tập ra Hà Nội để phản ánh tình hình, chuẩn bị Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương.

Ngày 24-5-1973, Bộ Chính trị họp hội nghị mở rộng với đại diện của các chiến trường và xác định chủ trương trọng tâm của cách mạng miền Nam là phát động phong trào đấu tranh chính trị, phản công và tiến công địch lấn chiếm bình định.

Những chủ trương mới đó của Bộ Chính trị giúp cho các cấp Đảng bộ miền Nam củng cố phương hướng hành động đúng đắn, để tiếp tục đưa cách mạng miền Nam bước vào bước ngoặt quyết định.

Sau Hội nghị Bộ Chính trị, Trung ương Cục miền Nam triển khai nhanh việc thực hiện chủ trương mới trên chiến trường Nam bộ. Ngày 30-5-1973, Thường vụ Trung ương Cục điện gửi cho khu ủy, tỉnh ủy về một số vấn đề chuyển hướng chỉ đạo của Đảng và nhấn mạnh: Cấp ủy Đảng cần vận dụng tốt 3 mũi tiến công địch, nhằm buộc chúng phải thi hành Hiệp định. Đồng thời phải ra sức khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị, xây dựng căn cứ và vùng giải phóng để có sức mạnh buộc địch phải thi hành Hiệp định, vừa sẵn sàng đánh bại nếu địch gây chiến tranh trở lại.

Trung ương Cục miền Nam hướng dẫn các địa phương đánh giá đúng tình hình, đề ra phương thức hoạt động phù hợp, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp 3 mũi giáp công đạt hiệu quả cao nhất với mục đích vừa giữ được đất vừa chống địch lấn chiếm và buộc chúng phải để cho nhân dân tự do đi lại, bung về địa phương sản xuất.

Do kịp thời khắc phục những khuyết điểm và cố gắng đẩy mạnh các mặt hoạt động, quân và dân trên khắp các chiến trường Nam bộ đã tiêu diệt được một bộ phận khá lớn sinh lực địch. Học tập Khu IX, các phong trào phản công, tiến công, chủ động chống địch lấn chiếm, phá “bình định” phát triển mạnh ở Đông Nam bộ và Tây Nam bộ, quân và dân ta đã đập tan cuộc hành quân lấn chiếm dài ngày của 75 tiểu đoàn ngụy trên địa bàn Chương Thiện (Cần Thơ).

Trải qua 5 tháng đấu tranh thi hành Hiệp định Paris, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho rằng: Đế quốc Mỹ vẫn thực hiện “Học thuyết Níchxon”; áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, chia cắt lâu dài đất nước ta. Quân ngụy tuy vẫn còn đông và chiếm giữ những địa bàn quan trọng và vẫn được Mỹ giúp đỡ, nhưng mặt yếu cơ bản về chính trị không thể khắc phục được. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định dù tình hình phát triển như thế nào, con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực. Ta phải nắm vững thời cơ, giữ vững tư tưởng chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng tiến lên.

Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là đoàn kết toàn dân, đấu tranh trên ba mặt trận: chính trị, quân sự và ngoại giao một cách thích hợp và linh hoạt, buộc địch phải thi hành Hiệp định Paris, không ngừng giữ vững và phát triển lực lượng cách mạng, thắng địch từng bước, chủ động trong mọi tình huống, đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

Từ cuối tháng 7 đến tháng 9-1973, Trung ương Cục miền Nam liên tục mở nhiều hội nghị thảo luận quán triệt và vận dụng nội dung Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng để chỉ đạo cách mạng hướng dẫn các địa phương chống địch lấn chiếm và vơ vét thóc gạo, bảo vệ nguồn dự trữ hậu cần của ta, đẩy mạnh hoạt động xây dựng vùng căn cứ địa một cách toàn diện, nhất là phát triển kinh tế nông nghiệp. Trung ương Cục miền Nam cũng nghiên cứu xây dựng đề án

công tác đô thị với nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng cơ sở vững mạnh, tập hợp, bố trí, sử dụng lực lượng quần chúng, liên tục tiến công địch bằng nhiều hình thức nhằm đánh đổ chính quyền tay sai Mỹ, xóa bỏ chế độ thực dân mới, thiết lập chính quyền dân tộc, dân chủ, xây dựng nền kinh tế, văn hóa lành mạnh, tiến bộ.

Do quán triệt, vận dụng Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và do sự chỉ đạo của Trung ương Cục, từ mùa khô 1973–1974, quân dân ta trên chiến trường miền Nam đã chuyển lên tiến công, phản công địch làm cho âm mưu bình định lấn chiếm, cướp thóc gạo của địch bị thất bại nặng nề.

Đến cuối năm 1973, trên toàn chiến trường miền Nam, ta đã tạo dựng được vùng giải phóng khoảng trên 4 triệu dân và vùng tranh chấp khoảng 12 triệu dân. Cùng với mũi tiến công và phản công về quân sự, các Đảng bộ địa phương đã triệt để vận dụng pháp lý của Hiệp định Paris lãnh đạo nhân dân trong các vùng đô thị, vùng giáp ranh đẩy mạnh mũi đấu tranh chính trị, binh vận đòi địch phải thi hành Hiệp định, đòi thực hiện các quyền dân sinh dân chủ. Ở nông thôn, nhân dân vận động binh sĩ nguy trở về nhà làm ăn, hoặc giữ thái độ trung lập.

Trước khí thế chiến thắng đó, Hội nghị quân chính toàn Miền cuối năm 1973 quyết định mở chiến dịch mùa khô 1973–1974 nhằm mở hành lang bàn đạp tiến công và hoàn chỉnh vùng giải phóng Đông Nam bộ.

Cùng với các hoạt động trên, Trung ương Cục miền Nam xúc tiến mạnh mẽ phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị, xây dựng, mở rộng cơ sở cách mạng, mở rộng mặt trận đấu tranh vì mục tiêu hòa bình, hòa hợp dân tộc, đòi lật đổ chế độ Nguyễn Văn Thiệu.

Trong các vùng giải phóng, vùng căn cứ kháng chiến, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo khôi phục, phát triển kinh tế, bồi dưỡng sức dân. Đặc biệt huy động sức đóng góp của nhân dân về tài chính, lương thực, sức người cho giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến.

Cuối tháng 7 đầu tháng 8–1974, Hội nghị lần thứ 13 Trung ương Cục miền Nam đề ra nhiệm vụ của mùa khô 1974–1975 là tạo khả năng thắng lớn, tạo bước ngoặt quyết định để chuyển phong trào lên; phải nỗ lực lớn vì tình hình sẽ phát triển nhanh. Hội nghị quyết định: Phải đánh thắng kế hoạch “bình định” của địch; tăng cường xây dựng vùng giải phóng và căn cứ địa; tăng cường công tác đô thị và công tác tư tưởng theo yêu cầu của các nhiệm vụ nêu trên.

Từ ngày 30–9 đến ngày 8–10–1974, Bộ Chính trị họp bàn chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bộ Chính trị khẳng định: Lúc này, chúng ta có thời cơ... Đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Những tháng cuối năm 1974, Trung ương Cục miền Nam chủ trương tích cực hoàn thành kế hoạch năm 1974 với những mục tiêu cụ thể như: Đánh bại về cơ bản

kế hoạch “bình định” lần chiếm của địch, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, ven đô Sài Gòn. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở đô thị, tranh thủ lực lượng đối lập với chính quyền Nguyễn văn Thiệu.

Trên địa bàn Đông Nam bộ, các cuộc tiến công của quân và dân ta từ giữa tháng 12-1974 đến 6-1-1975 đã giải phóng tỉnh Phước Long, mở ra thời cơ rất thuận lợi để Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976. Đồng thời, còn dự kiến thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thực hiện quyết định trên, Trung ương Cục miền Nam xác định nhiệm vụ của các khu thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long là phải phối hợp thật tích cực với mặt trận Sài Gòn – Gia Định, chuẩn bị lực lượng, kế hoạch chỉ đạo, nắm thời cơ khi ta đánh vào Sài Gòn thì phát động tiến công và nổi dậy tự giải phóng địa phương mình.

Ngày 29-3-1975, Trung ương Cục họp Hội nghị lần thứ 15, ra quyết định đặc biệt về đẩy mạnh 3 mũi giáp công, 3 thứ quân, 3 vùng chiến lược vùng lên thực hiện chủ trương tổng công kích, tổng khởi nghĩa với khí thế “*thần tốc, táo bạo, quyết giành phần thắng*”.

Phương châm tổng công kích – tổng khởi nghĩa do Trung ương Cục miền Nam đề ra cho các địa phương là “*xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh, tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam*”. Trung ương Cục miền Nam trực tiếp chỉ đạo hướng dẫn công tác tiếp quản vùng giải phóng, đặc biệt chuẩn bị cho việc tiếp quản thành phố Sài Gòn – Gia Định, nhằm bảo đảm thắng lợi triệt để.

Sau ngày 30-4-1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, Trung ương Cục tiếp tục chỉ đạo chính quyền cách mạng thực hiện những công việc bề bộn của việc tiếp quản, khắc phục hậu quả chiến tranh, chuẩn bị thống nhất đất nước.

Cuối tháng 9-1975, Trung ương Đảng quyết định giải thể Trung ương Cục miền Nam cũng là lúc cơ quan lãnh đạo này đã hoàn thành xuất sắc chức năng, nhiệm vụ của mình và hiến dâng cho Tổ quốc Việt Nam quang vinh những công tích to lớn mãi mãi chói sáng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

PHỤ LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong quá trình trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ (1961–1962), Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các cơ quan Trung ương, các đồng chí tướng lĩnh Công an, Quân đội; các đồng chí lão thành cách mạng – nguyên lãnh đạo Trung ương Cục và nhiều đồng chí sống, chiến đấu ở Chiến khu Đ. Trải qua 38 cuộc họp xin ý kiến, qua hơn 2 năm khảo sát địa điểm, 6 lần sửa chữa văn bia, Dự án trùng tu di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962) được hoàn thành.

Do khuôn khổ cuốn sách có hạn, Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Nai xin trích đăng lại một số ý kiến đóng góp trong quá trình thực hiện dự án trên.

TRÙNG TU TÔN TẠO DI TÍCH CĂN CỨ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM GẮN LIỀN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

LÊ HOÀNG QUÂN (*)

Kính thưa:

- Đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ;
- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Đồng chí Võ Hồng Nhân, Phó Trưởng ban Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương;
- Các đồng chí lão thành cách mạng và toàn thể các đồng chí.

Thực hiện chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, sau hơn 2 năm tập trung khảo sát thu thập tư liệu, thực hiện các thủ tục theo quy định; được sự đồng ý của Ban Bí thư và Chính phủ, hôm nay, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức lễ khởi công công trình trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1961–1962.

Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai rất vui mừng được đón tiếp đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Võ Hồng Nhân, Phó trưởng ban Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; đồng chí Nguyễn Thị Huệ, phu nhân cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, các đồng chí lão thành cách mạng, đại diện Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Quân đoàn 4, Bộ Văn hóa – Thông tin; lãnh đạo các tỉnh thành miền Đông đến dự lễ khởi công công trình trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Căn cứ cách mạng Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1961–1962.

Thưa các đồng chí,

Lễ khởi công hôm nay được tổ chức trùng hợp với một dịp có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Đó là ngày 13–03–1954, cách đây tròn 50 năm, quân đội ta đã nổ súng tiến công lần thứ nhất vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, mở đầu cho một chiến

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai. Bài phát biểu trong Lễ Khởi công trùng tu tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam.

thắng vĩ đại, một chiến công chói lọi trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

Lễ khởi công hôm nay là cột mốc quan trọng, đánh dấu quá trình chuẩn bị chu đáo theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và đáp ứng lòng mong đợi của Đảng bộ, nhân dân các tỉnh miền Đông Nam bộ về việc trùng tu một di tích quốc gia, biểu tượng ngời sáng của truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, là niềm tự hào của “**Miền Nam thành đồng tổ quốc**” và “**Miền Đông gian lao mà anh dũng**”.

Công tác trùng tu tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục đã được tiến hành tỉ mỉ, cẩn thận từ khâu tham khảo ý kiến, thu thập tư liệu qua các nhân chứng lịch sử, nguyên là các đồng chí Ủy viên Trung ương Cục miền Nam và lãnh đạo các ban tham mưu của Trung ương Cục, từ công tác quy hoạch, thiết kế chi tiết các hạng mục trùng tu, tôn tạo, thể hiện tính khách quan và tôn trọng lịch sử. Đặc biệt, đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, nguyên Ủy viên Trung ương Cục đầu tiên đã chỉ đạo sâu sát và trực tiếp đóng góp nhiều ý kiến quan trọng trong khảo sát thực địa, xác định địa điểm, giúp cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tiến hành thủ tục xếp hạng di tích, lập dự án tiền khả thi.

Ngày 19 tháng 01 năm 2004. Bộ Văn hóa – Thông tin đã ra Quyết định số 02/2004/QĐ-BVHTT công nhận địa điểm Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (thời kỳ 1961–1962) thuộc xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai là di tích quốc gia.

Quyết định công nhận di tích quốc gia thể hiện sự đánh giá rất cao của Đảng và Nhà nước về vai trò, vị trí của Căn cứ Trung ương Cục (thời kỳ 1961–1962) tại Chiến khu Đ và những đóng góp to lớn của Đảng bộ và quân dân miền Nam trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Chính tại địa điểm này, thực hiện Nghị quyết Đại hội 3 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, sau khi giải thể Xứ ủy Nam bộ, tháng 10–1961, Hội nghị lần thứ nhất thành lập Trung ương Cục miền Nam đã được triệu tập. Tại hội nghị lịch sử này, Trung ương Cục đã đánh giá tình hình cách mạng miền Nam và đã quyết định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng miền Nam trong thời kỳ mới. Trung ương Cục miền Nam là một bộ phận của Trung ương Đảng, thay mặt Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà Mau. Ban Chấp hành Trung ương Cục miền Nam đầu tiên gồm 10 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

Việc thành lập Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ tạo ra một bước ngoặt mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Đảng bộ và quân dân miền Nam. Địa điểm này, nơi Trung ương Cục đứng chân, trở thành căn cứ chính thức đầu tiên của bộ máy lãnh đạo cao nhất của quân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tại địa điểm này, đã hình thành bộ máy các cơ quan quan trọng như: Văn phòng Trung ương Cục, Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam, Ban Giao bưu vận, Ban Thông tin liên lạc, Đài phát thanh và Thông tấn xã Giải phóng, Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn, Ban Bảo vệ An ninh Trung ương Cục. Các cơ quan này đã vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh thử thách, tham mưu phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào chiến tranh nhân dân ở miền Nam, xây dựng và phát triển các lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, tiếp nhận nguồn chi viện nhân lực, vật lực từ hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm cơ sở cho việc phát động đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân toàn diện để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ (1961–1962) là biểu hiện của lòng quyết tâm của Trung ương, của toàn Đảng bộ và quân dân miền Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Tuy Trung ương Cục chỉ làm việc tại đây trong khoảng thời gian ngắn, sau đó chuyển về khu căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh), nhưng chính nơi đây, Hội nghị Trung ương Cục đầu tiên đã quyết định nhiều nhiệm vụ quan trọng của cách mạng miền Nam.

Với ý nghĩa quan trọng như vậy, được sự chấp thuận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và hướng dẫn của Bộ Văn hóa – Thông tin, hôm nay, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Đồng Nai quyết định tổ chức lễ khởi công dự án trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (thời kỳ 1961–1962) nhằm bảo vệ và phát huy những giá trị lịch sử, truyền thống cách mạng vẻ vang của dân tộc với đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai. Với quyết tâm của toàn Đảng bộ, sự liên kết chặt chẽ với lãnh đạo các tỉnh miền Đông, dưới sự lãnh đạo của Trung ương và các đồng chí cách mạng lão thành trong Trung ương Cục miền Nam, chúng ta sẽ huy động nhiều nguồn lực và nhất định hoàn thành nhiệm vụ trùng tu tôn tạo di tích cách mạng rất quan trọng của Đảng: Căn cứ Trung ương Cục miền Nam là tài sản vô giá của Đảng, một địa điểm giáo dục truyền thống cách mạng quý báu phục vụ cho tham quan, học tập, nghiên cứu của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong

cũng như ngoài tỉnh, phấn đấu đến cuối năm 2004 hoàn thành để phục vụ cho Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai ngày kỷ niệm lịch sử của dân tộc.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, Ban Chỉ đạo dự án cần lưu ý là di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam hiện nằm trong khu vực rừng bảo tồn thiên nhiên của tỉnh. Do đó, công tác trùng tu tôn tạo, đảm bảo các nguyên tắc như chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Kiệt, đó là:

– Trùng tu tôn tạo di tích phải đi đôi với việc bảo vệ rừng thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên trong khu vực.

– Phương pháp trùng tu tôn tạo phải kết hợp được yếu tố bền vững và giữ được giá trị lịch sử của di tích. Hình thức mỹ thuật thể hiện phải đảm bảo tính truyền thống dân tộc. Đồng thời, đặt di tích trong mối tương quan với các di tích cấp quốc gia trong vùng như Địa đạo Suối Linh (Hiếu Liêm), Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ (Hiếu Liêm) và Trung tâm Lịch sử – Văn hóa miền Đông ở Bà Hào, tạo thành một hệ thống cụm di tích có ý nghĩa lịch sử, văn hóa và sinh thái, có tính giáo dục cao với nhân dân, tiến tới liên kết với các di tích trong khu vực Lâm Đồng, Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh... trở thành một hành trình *tua* du lịch lịch sử cách mạng, văn hóa ở miền Đông Nam bộ.

Thay mặt Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai, tôi chân thành cảm ơn Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng chí Võ Văn Kiệt và các đồng chí lão thành cách mạng đã cho ý kiến lãnh đạo trong vấn đề trùng tu tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục; cảm ơn Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa Thông tin, Quân khu 7, Cục Bảo tồn bảo tàng đã giúp đỡ chúng tôi trong việc lập hồ sơ xếp hạng di tích và đóng góp nhiều ý kiến trong vấn đề phương pháp, kỹ thuật, mỹ thuật trong việc trùng tu tôn tạo di tích cách mạng quan trọng này.

Thay mặt Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, tôi tuyên bố bắt đầu lễ khởi công trùng tu tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (thời kỳ 1961-1962).

Kính chúc sức khỏe các đồng chí và quý vị đại biểu. Chúc các đồng chí trong Ban Chỉ đạo dự án, các đơn vị tham gia thiết kế, trùng tu tôn tạo di tích đạt thắng lợi đảm bảo chất lượng tuyệt đối, tiết kiệm, không để xảy ra tiêu cực trong thi công để sớm đưa di tích vào hoạt động có hiệu quả cao nhất.

THÔNG BÁO

Ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai các công trình dự án Chiến khu Đ

Ngày 14-8-2002, tại Văn phòng Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đã làm việc với một số ban, ngành, đơn vị có liên quan về việc triển khai xây dựng dự án phục hồi di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962) theo ý kiến chỉ đạo của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Tham dự cuộc họp có đồng chí Lê Hoàng Quân, UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Võ Văn Một, Chủ tịch UBND tỉnh, đồng chí Nguyễn Trùng Phương, Trưởng ban và đồng chí Nguyễn Văn Tiến, Phó ban Ban quản lý dự án xây dựng khu di tích lịch sử Chiến khu Đ, đồng chí Nguyễn Thành Trí, Giám đốc Sở Văn hóa – thông tin, đồng chí Nguyễn Văn Long, Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đồng chí Trần Quang Toại, Giám đốc và đồng chí Lưu Văn Du, Phó Giám đốc Nhà bảo tàng tỉnh, đồng chí Phạm Thanh Sơn, Giám đốc và đồng chí Lê Trí Dũng, Phó Giám đốc Trung tâm quản lý di tích lịch sử Chiến khu Đ, Đại tá Phan Oánh, Giám đốc Bảo tàng Quân khu 7, đại diện Công ty tư vấn thiết kế kiến trúc PA-Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh và chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy.

Sau khi nghe báo cáo của đồng chí Nguyễn Trùng Phương, Trưởng ban Quản lý dự án xây dựng khu di tích lịch sử Chiến khu Đ, ý kiến đóng góp của đồng chí Võ Văn Một, Chủ tịch UBND và báo cáo của các thành viên tham dự cuộc họp, đồng chí Lê Hoàng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy đã chỉ đạo một số nội dung sau:

1) Xác định di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961-1962 tại Mã Đà (Chiến khu Đ) là di tích lịch sử có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai quyết tâm phục hồi với quy mô vừa phải, nhưng phải tạo được dấu ấn mạnh đúng với ý nghĩa lịch sử, vị trí chiến lược của Căn cứ Trung ương Cục đầu tiên này.

Việc lập dự án phục hồi di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962) và dự án khu Trung tâm văn hóa lịch sử cách mạng miền Đông Nam bộ (ngã 3 Bà Hào) là rất cấp thiết. Công trình này không chỉ là tài sản của các tỉnh khu vực

miền Đông mà còn là tài sản vô giá của cả nước, vì vậy phải được cân nhắc, tính toán hiệu quả ngay từ khâu lập dự án, quản lý, sử dụng và khai thác công trình.

Việc lập dự án phục hồi di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962) và dự án khu Trung tâm văn hóa – lịch sử cách mạng miền Đông Nam bộ (Chiến khu Đ tại ngã 3 Bà Hào) phải gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái; từng bước phát triển tuyến tham quan du lịch các di tích lịch sử – văn hóa khu vực miền Đông Nam bộ gắn với quy hoạch các công trình di tích lịch sử đấu tranh cách mạng ở Chiến khu Đ.

2) Các di tích lịch sử được chọn lọc đưa vào công trình được phục hồi, tái hiện, tôn tạo phải trung thực với lịch sử, đặc biệt chú ý việc mở đường vào căn cứ Chiến khu phải đáp ứng nhiều loại phương tiện vận chuyển và phù hợp nhu cầu từng đối tượng, vừa gợi được tính huyền kỳ của khách tham quan du lịch.

3) Chiến khu Đ là công trình của khu vực miền Đông bao gồm 6 tỉnh: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Bà Rịa – Vũng Tàu (chưa kể 2 tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận và thành phố Hồ Chí Minh). Với tầm vóc lịch sử như vậy, công trình Khu di tích trung tâm văn hóa, lịch sử cách mạng miền Đông Nam bộ ở Chiến khu Đ phải được tái hiện với các biểu tượng đặc trưng cho tất cả các tỉnh miền Đông và phải huy động được trí tuệ, tình cảm của Đảng, chính quyền và quân dân các tỉnh bạn. Đồng Nai sẽ phác thảo đề cương chi tiết, báo cáo rõ nội dung chủ đề tư tưởng của các biểu tượng văn hóa – lịch sử, xin ý kiến nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử miền Đông (có 6 đồng chí nguyên là Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh miền Đông) vào cuối tháng 9–2002. Phần đầu đạt:

+ Đền 30–4–2003: Khánh thành cụm di tích căn cứ Trung ương Cục và các cơ quan của Trung ương Cục.

+ Làm lễ khởi công cụm di tích khu căn cứ Khu ủy miền Đông Chiến khu Đ tại Bà Hào.

4) Về mô hình văn hóa – lịch sử, biểu tượng đặc trưng của các tỉnh miền Đông, Đồng Nai đăng ký 2 biểu tượng: Trận đánh Nhà Xanh và Chiến thắng Xuân Lộc. Về chất liệu xây dựng công trình nên sử dụng nguyên liệu địa phương (như bia đá).

5) Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch phân công trách nhiệm cụ thể, đề ra tiến độ chặt chẽ, đảm bảo các yếu tố và điều kiện khả thi từ khâu lập dự án đến tổ chức triển khai dự án vào tháng 1/2003.

Thường trực Tỉnh ủy yêu cầu các đồng chí tổ chức thực hiện các nội dung, chỉ đạo trên đây và báo cáo kết quả trước ngày 20/9/2002.

Nơi nhận:

- Các thành viên dự họp.
- Các đ/c TVTU (để chỉ đạo).
- BCS Đảng UBND tỉnh
- Các Ban Đảng tỉnh (TGTU, TCTU, NC.TU)
- VP HĐND & UBND tỉnh.
- CPVP.TU – TH (đ/c Lê Dung)

T/L BAN THƯỜNG VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG

Đỗ Tiến Khải

THÔNG BÁO

Ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về dự án trùng tu, tôn tạo di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962)

Tiếp sau cuộc khảo sát, làm việc tại hiện trường của đồng chí Võ Văn Kiệt và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực UBND tỉnh, lãnh đạo một số sở, ngành, huyện Vĩnh Cửu, ngày 21–03–2003, tại Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai, Thường trực Tỉnh ủy đã làm việc với một số ban, ngành, đơn vị có liên quan về việc góp ý xây dựng dự án trùng tu, tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam 1961–1962 theo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Trung ương Cục, nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ. Tham dự cuộc họp có đồng chí Lê Hoàng Quân, UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Dương Thanh Tân, UVTW Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Trùng Phương, Trưởng ban Quản lý dự án xây dựng khu di tích lịch sử Chiến khu Đ, đồng chí Phạm Văn Dung, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư, đồng chí Nguyễn Minh Hùng, Phó Giám đốc Sở Văn hóa – thông tin, đồng chí Trần Quang Toại, Giám đốc Nhà bảo tàng tỉnh, Đại tá Phan Oánh, Giám đốc Bảo tàng Quân khu 7; kiến trúc sư Đỗ Quang, đại diện Công ty tư vấn thiết kế kiến trúc PA–Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Dự án, chuyên viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Tỉnh ủy.

Sau khi nghe báo cáo của đồng chí Nguyễn Trùng Phương, Trưởng ban Quản lý dự án xây dựng khu di tích lịch sử Chiến khu Đ, trình bày của kiến trúc sư Đỗ Quang, đại diện Công ty tư vấn thiết kế kiến trúc PA–Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Dự án và ý kiến đóng góp của các thành viên tham dự cuộc họp, đồng chí Lê Hoàng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy đã chỉ đạo một số nội dung sau:

1. Về chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai

Di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961–1962 (Chiến khu Đ) là di tích lịch sử có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng. Vừa qua, hai nhân chứng lịch sử là đồng chí Võ Văn Kiệt (là 1 trong 8 thành viên lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961–1962) và Đại tá Trần Công An, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã trực tiếp đến hiện trường xác định địa điểm, vị trí tại đồi Bằng Lăng là nơi đặt căn cứ đầu tiên của Trung ương Cục, đồng thời

là nơi Trung ương Cục tổ chức hội nghị đầu tiên (tháng 10-1961), quyết định những nhiệm vụ mới của cách mạng miền Nam. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai có thông báo số 114-TB/TU về dự án phục hồi di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961-1962, chủ trương tôn tạo với quy mô vừa phải, không trùng lặp di tích Trung ương Cục ở Tây Ninh và tạo được dấu ấn mạnh đúng với ý nghĩa lịch sử, vị trí chiến lược của Căn cứ Trung ương Cục đầu tiên này; các hạng mục công trình di tích Căn cứ Trung ương Cục (Chiến khu Đ) có kiến trúc – điêu khắc, phù điêu – cây xanh được thiết kế, xây dựng tạo thành một quần thể kiến trúc hài hòa, theo hướng Nam (là hướng mở nước của tổ tiên ta), khôi phục theo hướng vĩnh cửu hóa các nền nhà – hầm trú ẩn, giao thông hào, bia, phù điêu... Do đó, chất liệu xây dựng kết cấu chủ yếu phải là bê tông và đá... để không phải sửa chữa tốn kém.

2. Về chi tiết thiết kế các hạng mục công trình như sau:

a) *Đài, bia kỷ niệm chính* để kỷ niệm nơi thành lập Trung ương Cục miền Nam, đặt trên đỉnh đồi, trên là cờ Đảng, kế đến là phù điêu Bác. Mặt trước bia ghi nội dung quá trình thành lập Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961-1962, gắn với 10 nhiệm vụ của Trung ương Cục. Mặt sau bia ghi danh sách 10 vị thành lập TW Cục (lưu ý đối với các Ủy viên Trung ương Cục phải nghiên cứu sắp xếp thứ tự trước sau chức vụ, theo tuổi tác.) Ngoài đài bia chính, hệ thống bia trên đồi còn có 8 bia đó là:

- Bia lưu niệm nơi thành lập Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam.
- Bia lưu niệm nơi thành lập Ban Tổ chức TW Cục.
- Bia lưu niệm nơi thành lập Ban Tuyên huấn TW Cục.
- Bia lưu niệm nơi thành lập Ban An ninh TW Cục.
- Bia lưu niệm nơi thành lập Đài phát thanh Giải phóng, Thông tấn xã Giải phóng.
- Bia lưu niệm nơi thành lập Ban giao-bưu-vận TW Cục.
- Bia lưu niệm nơi thành lập Ban Thông tin liên lạc TW Cục.
- Bia lưu niệm nơi thành lập Văn phòng TW Cục.

b) *Nhà lưu niệm* là nơi kỷ niệm 10 đồng chí thành viên Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961-1962 và các hiện vật, kể cả gắn liền với Trung ương Cục ở khu căn cứ R (Chiến khu Dương Minh Châu). Từ nơi này sẽ tổ chức giới thiệu, trưng bày các tư liệu, hình ảnh liên quan về lịch sử, thân thế, sự nghiệp của 10 đồng chí thành lập TW Cục gắn với quá trình hình thành và phát triển của Trung ương Cục miền Nam. Vì thế, nhà lưu niệm cũng là nơi tổ chức sinh hoạt, hội họp của khách

tham quan. Kiến trúc nhà lưu niệm kiểu nhà Nam bộ, tổng diện tích không vượt quá 160m².

c) *Hội trường Trung ương Cục*, phục chế nguyên trạng, giữ đúng cự ly so với nhà lưu niệm.

d) *Về hệ thống hạ tầng giao thông và các công trình*, Ban Quản lý dự án xây dựng khu di tích lịch sử Chiến khu Đ, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông – Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, huyện Vĩnh Cửu, Du lịch, Văn hóa Tư tưởng... tính toán trên quan điểm đảm bảo yêu cầu về văn hóa – du lịch và quản lý, bảo vệ rừng. Về việc mở rộng thêm đường giao thông vào Căn cứ Trung ương Cục, đề nghị các sở, ban, ngành cần thống nhất quan điểm, không gây trở ngại cho việc phát triển dự án.

3. Về tổ chức triển khai dự án.

a) Công ty tư vấn thiết kế kiến trúc P.A cùng Ban Quản lý dự án xây dựng khu di tích lịch sử Chiến khu Đ chuẩn bị các mẫu phác thảo (chất liệu xây dựng kiên cố, kiểu dáng) về đài bia, phù điêu, nhà lưu niệm, hội trường... gửi Hội đồng thẩm định gồm Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Văn hóa – Thông tin và Nhà Bảo tàng tỉnh vào giữa tháng 4–2003. Thông qua đề báo cáo UBND tỉnh và Thường vụ Tỉnh ủy, xin ý kiến đồng chí Võ Văn Kiệt lần chót để triển khai.

b) Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Văn hóa – Thông tin và Nhà Bảo tàng tỉnh chịu trách nhiệm về các tư liệu, bản đồ, sa bàn, hình ảnh... trưng bày trong nhà lưu niệm, về nội dung lẫn kích cỡ, hình thức, bố trí đặt các bức phù điêu, văn bia (có trao đổi thống nhất với nhóm tác giả dự án), trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chậm nhất là vào cuối tháng 4–2003. Nội dung các văn bia sau khi được thông qua, chỉ sử dụng bằng chữ bằng mica (không khắc trên bia đá), chờ xin thêm ý kiến đóng góp của các nhân chứng lịch sử nhân dịp lễ khởi công ngày 19–5–2003.

c) Sở Văn hóa – Thông tin tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn tất thủ tục hồ sơ di tích lịch sử căn cứ Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961–1962, trình Bộ Văn hóa – Thông tin xin xét công nhận di tích lịch sử quốc gia kịp thời.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch phân công trách nhiệm cụ thể, kế hoạch về thời gian chặt chẽ đảm bảo các yếu tố và điều kiện khả thi từ khâu lập thiết kế kỹ thuật – tổng dự toán, hoàn tất thủ tục hồ sơ trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì chỉ định thầu xây dựng đối với các công trình nhà lưu niệm, các văn bia nhỏ... Các hạng mục công trình đòi hỏi tính chất chuyên môn kỹ thuật, đề nghị Công ty Tư vấn thiết kế kiến trúc P.A giới thiệu giúp tỉnh một đội ngũ điêu khắc, kiến trúc có kinh nghiệm, tay nghề.

e) Ban Thường vụ Tỉnh ủy có tờ trình báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư.

Sau khi được Ban Bí thư chấp thuận, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai hạ quyết tâm khởi công xây dựng dự án trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam 1961–1962 vào đúng dịp kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu 19–5 năm nay.

Thường trực Tỉnh ủy yêu cầu các đồng chí tổ chức thực hiện các nội dung chỉ đạo trên đây và báo cáo kết quả *trước ngày 30–4–2003*.

Nơi nhận:

- Các thành viên dự họp.
- Các đ/c TVTU (đề chỉ đạo).
- BCS Đảng UBND tỉnh.
- Các Ban Đảng tỉnh ủy (TGTU, TCTU, NC.TU)
- VP HĐND & UBND tỉnh.
- CPVP.TU – D2
- Lưu

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG
Đỗ Tiến Khải

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

Số 2382 – CV/TU

*V/v thực hiện dự án trùng tu, tôn tạo di tích
Trung ương Cục miền Nam (1961–1962)*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2003

Kính gửi: – Bộ Chính trị Trung ương Đảng
– Ban Bí thư Trung ương Đảng

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về dự án khôi phục trùng tu, tôn tạo di tích Trung ương Cục miền Nam 1961–1962 như sau:

1. Về ý nghĩa lịch sử và sự cần thiết thực hiện dự án trùng tu tôn tạo di tích Trung ương Cục miền Nam 1961–1962:

Tháng 9 năm 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đề ra hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng cho hai miền Nam – Bắc. Do yêu cầu phát triển mạnh mẽ của cách mạng miền Nam từ khi phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam đã chuyển dần lên thành một cuộc chiến tranh giải phóng, đòi hỏi phải thành lập và ổn định chỗ đứng chân cho các cơ quan lãnh đạo và chỉ huy kháng chiến đối với các Đảng bộ ở miền Nam. Ngày 23 tháng 1 năm 1961, Hội nghị lần thứ III Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) ra Nghị quyết về nhiệm vụ của cách mạng miền Nam và quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho tổ chức Xứ ủy Nam bộ, làm nhiệm vụ trực tiếp lãnh đạo các Đảng bộ ở miền Nam. Sau một thời gian chuẩn bị, đầu tháng 10 năm 1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Cục miền Nam được triệu tập tại vùng Căn cứ Chiến khu Đ. Việc thành lập Trung ương Cục miền Nam và tổ chức Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục đã đáp ứng kịp thời nhưng đòi hỏi cấp bách về chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam.

Thời gian Trung ương Cục miền Nam đóng căn cứ ở Chiến khu Đ tuy không dài (từ năm 1961 đến năm 1962), nhưng có tính chất lịch sử quan trọng: là nơi thành lập và hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ; nơi thành lập các cơ quan tham mưu của Trung ương Cục, trong đó có Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam; nơi đón tiếp các đoàn cán bộ cao cấp từ Trung ương chi viện, thành lập lực lượng chủ lực của Miền, nơi xuất phát những chủ trương chỉ đạo quan trọng của Trung ương Cục thay mặt cho Đảng ở miền Nam,

chỉ đạo phát huy phong trào Đồng Khởi, chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng.

Đặc biệt, khu vực này cũng là căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Đông, nơi các đơn vị vũ trang xuất quân góp phần to lớn làm nên Chiến dịch Xuân Lộc và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân 1975.

Nhận thức được ý nghĩa lịch sử của di tích căn cứ của Trung ương Cục miền Nam 1961–1962 ở Chiến khu Đ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai đã xin ý kiến của các đồng chí lão thành cách mạng và được sự ủng hộ của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh và các tỉnh thành miền Đông, chỉ đạo lập dự án trùng tu tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam 1961–1962 với mục đích phát huy truyền thống và những giá trị cao quý của di tích lịch sử cách mạng của Đảng để giáo dục thế hệ mai sau, đặc biệt là thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Kết quả khảo sát và một số công việc chuẩn bị bước đầu:

Thực hiện ý kiến của các đồng chí lão thành cách mạng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai đã chỉ đạo khảo sát thực địa nhằm xác định chính xác địa điểm của di tích. Qua 38 lần khảo sát trong 2 năm; qua làm việc với đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Trung ương Cục, nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, cùng một số nhân chứng lịch sử, đã xác định chính xác địa điểm di tích khu căn cứ nơi thành lập Trung ương Cục và hội nghị đầu tiên của Trung ương Cục miền Nam. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai đã chỉ đạo xây dựng dự án trùng tu, tôn tạo di tích, chủ trương tôn tạo với quy mô vừa phải, không trùng lắp di tích Trung ương Cục tại căn cứ Dương Minh Châu ở Tây Ninh và đúng với ý nghĩa lịch sử (gửi kèm dự án).

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai kiến nghị:

Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng cho phép tỉnh Đồng Nai thực hiện dự án trùng tu tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam 1961–1962, coi đây là một trong những di tích lịch sử cách mạng của Đảng đặc biệt có ý nghĩa to lớn để giáo dục truyền thống cách mạng của Đồng Nai, miền Nam và cả nước.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Nơi nhận:

– Như trên.

– Các đ/c TVTU (để biết-chỉ đạo)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Lê Hoàng Quân

- BCS Đảng UBND tỉnh (để chỉ đạo)
- CP.VPTU
- TH (đ/c Nghĩa)
- Lưu.

Đồng k/gửi:

- Đ/c Võ Chí Công để báo cáo
- Đ/c Phạm Văn Xô –
- Đ/c Võ Văn Kiệt để báo cáo và phối hợp.
- Ban TT VHTW –
- Ban TCTW –
- Bộ Quốc phòng –
- Bộ Công an –
- Bộ VH-TT –
- VPTW Đảng –
- Bộ Tư lệnh QK7 –

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 231 – TB/TU

Biên Hòa, ngày 29 tháng 9 năm 2003

THÔNG BÁO

Ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về Dự án trùng tu tôn tạo di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962)

Ngày 16 tháng 9 năm 2003, đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương về thăm và làm việc với tỉnh Đồng Nai. Nhân dịp này, Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo trùng tu và khôi phục dự án trùng tu tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962), đã báo cáo với đồng chí Trưởng ban về những công việc thực hiện dự án. Tham dự làm việc có đồng chí Lê Hoàng Quân, UV Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Dương Thanh Tân, UVTVTU, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đồng chí Trần Minh Thấu, UVTVTU, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, đồng chí Huỳnh Văn Trung, UVTVTU, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Thành Trí, TUV, Giám đốc Sở Văn hóa – Thông tin, đồng chí Nguyễn Trùng Phương, Trưởng ban Quản lý dự án xây dựng khu di tích lịch sử Chiến khu Đ cùng đồng chí Lê Trí Dũng, Phó Giám đốc Nhà Bảo tàng tỉnh là thành viên của ban, Đại tá Phan Oánh, Giám đốc Bảo tàng Quân khu 7, kiến trúc sư Đỗ Quang, đại diện Công ty Tư vấn thiết kế kiến trúc PA – Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Dự án và chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy.

Qua ý kiến của các đồng chí tham dự hội nghị, đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương đã chỉ đạo một số nội dung chủ yếu sau:

1/– Di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (thời kỳ 1961–1962) được xây dựng tại lâm trường Vĩnh An (Chiến khu Đ), xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ. Dự án trùng tu tôn tạo di tích căn cứ đã được Ban Bí thư Trung ương cho phép triển khai thực hiện (tại Công văn số 4164-CV/VPTW ngày 22–8–2003) và Tỉnh đang trong quá trình hoàn thiện thiết kế kỹ thuật.

Việc cải tạo và trùng tu di tích này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ riêng với Đồng Nai và khu vực mà là của quốc gia trên địa bàn Đồng Nai. Thời gian qua, Đồng Nai đã chủ động mời nhiều nhà nghiên cứu lịch sử, nhà khoa học

và nhân chứng cùng tham gia xây dựng dự án, đây là cách nhanh nhất, hiệu quả nhất để dự án sớm được triển khai. Tuy nhiên, do đây là công trình của cả nước, nên các cơ quan Nhà nước, các ngành quản lý chức năng của Trung ương có trách nhiệm tham gia, kể cả một phần nguồn kinh phí của Trung ương.

2/– Việc lựa chọn phương án cải tạo và trùng tu lại di tích phải chú ý đặc thù của di tích: đây là căn cứ đầu tiên, do yêu cầu của Đảng, căn cứ đặt tại nơi này trong thời gian ngắn (2 năm), được xây dựng giản dị và bí mật, sau đó chuyển về căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh) nhưng có ý nghĩa lịch sử quan trọng, do đó căn cứ phải được tái tạo trung thực lịch sử, tránh phô trương gây phản cảm cho người xem. Vì vậy, các nhà kiến trúc dự án cần quan tâm:

- Việc khôi phục các khu nhà, bia... tưởng niệm chứng tích quá khứ không để các công trình xây dựng mới lấn át, che khuất, đảm bảo tính vĩnh cửu, tránh phải sửa đi, sửa lại tốn kém.

- Toàn bộ cảnh quan, môi trường bao quanh di tích như rừng cây, đường đi, địa hình, sông suối... cũng phải quan tâm tính toán khôi phục chu đáo, tái hiện trung thực, bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, gắn kết với giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng và du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học.

- Di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962) phải được xây dựng cân đối, hài hòa với các công trình lịch sử tưởng niệm Chiến khu Đ của khu vực và các công trình lịch sử quốc gia khác nói chung.

3/– Trên tinh thần chỉ đạo trên, tỉnh Đồng Nai mời Bộ Văn hóa – Thông tin, Cục Bảo tồn Bảo tàng, Viện Lịch sử Đảng cùng tham gia hoàn chỉnh Dự án trình Ban Bí thư Trung ương Đảng trước khi triển khai.

Đồng chí Lê Hoàng Quân – Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy trân trọng tiếp thu ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Khoa Điềm để chỉ đạo hoàn chỉnh dự án và tổ chức thực hiện đạt kết quả chỉ đạo của Ban Bí thư. Đồng thời giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ, chỉ đạo Ban Quản lý dự án xây dựng khu di tích lịch sử Chiến khu Đ và các ban ngành liên quan tổ chức thực hiện nội dung chỉ đạo trên đây và thường xuyên báo cáo tiến độ kết quả triển khai cho Thường trực Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Các thành viên dự họp.
- Các đ/c TVTU.
- BCS Đảng UBND tỉnh.
- HU Vĩnh Cửu (để biết)
- BGĐ Sở NN-PTNT (để thực hiện)
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy.
- CPVP.TU – D2 – TH
- Lưu.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Trần Đình Thành

Đồng kính gửi:

- Đ/c Nguyễn Khoa Điềm (để báo cáo)
- VPTW Đảng (a+b) –
- Ban TTVH.TW (a+b) (để báo cáo và giúp đỡ)
- BCS Đảng Bộ Văn hóa – TT –
- Cục Bảo tồn Bảo tàng. –
- Viện Lịch sử Đảng –

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 261 – TB/TU

Biên Hòa, ngày 23 tháng 12 năm 2003

THÔNG BÁO

**Ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về
Dự án trùng tu tôn tạo di tích căn cứ
Trung ương Cục miền Nam (1961 – 1962)**

Ngày 12 tháng 1 năm 2003, Thường trực Tỉnh ủy đã chủ trì hội nghị, làm việc với đồng chí Đặng Văn Bài, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa, được sự ủy nhiệm của đồng chí Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin, đại diện Bộ Văn hóa – Thông tin đến dự cuộc họp theo chỉ đạo của Ban Bí thư, Ban cán sự Đảng Chính phủ về việc trùng tu tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962) tại Chiến khu Đ miền Đông Nam bộ. Tham dự hội nghị có đồng chí Trần Đình Thành, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Võ Văn Một, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh, đồng chí Dương Thanh Tân, UVTV TU, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đồng chí Huỳnh Văn Hoàng, UVTV TU, Giám đốc Sở Công an, đồng chí Nguyễn Thành Trí, TUV, Giám đốc Sở Văn hóa – Thông tin, đồng chí Phạm Văn Quang, Phó Giám đốc Sở Văn hóa – Thông tin cùng đồng chí Lê Trí Dũng, Phó phòng Nghiệp vụ của Sở, đồng chí Trần Minh Phúc, TUV, Giám đốc Sở Kế hoạch – Đầu tư cùng đồng chí Bò Thị Ngọc Thu, Phó Giám đốc Sở, đồng chí Nguyễn Ngọc Dung, Phó Giám đốc Sở Xây dựng, đồng chí Lương Văn Giàu, Phó Giám đốc Sở Giao thông – Vận tải, đồng chí Nguyễn Trọng Cường, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự tỉnh, đồng chí Trần Quang Toại, Giám đốc Nhà Bảo tàng tỉnh, đồng chí Nguyễn Trùng Phương, Trưởng ban Quản lý dự án xây dựng khu di tích lịch sử Chiến khu Đ, Đại tá Phan Oánh, Giám đốc Bảo tàng Quân khu 7, kiến trúc sư Đỗ Quang, đại diện Công ty Tư vấn thiết kế kiến trúc PA – Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Dự án, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy, chuyên viên HĐND-UBND tỉnh.

Di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961–1962 tọa lạc tại lâm trường Vĩnh An (Chiến khu Đ), xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng của căn cứ Trung ương Cục đầu tiên, dự án trùng tu tôn tạo di tích căn cứ đã được Ban Bí thư Trung ương cho phép triển khai thực hiện. Vì tầm quan trọng của di tích lịch sử Trung ương Cục, trong thời gian qua, tỉnh đã có nhiều nỗ lực từ khâu khảo sát địa điểm (02 năm), xin ý kiến các nhân chứng lịch sử và các đồng chí lão thành cách mạng, nguyên là lãnh đạo

Trung ương Cục và các Ban tham mưu của Trung ương Cục, Văn phòng Trung ương Đảng, (29 đồng chí) và ý kiến của đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư TW Đảng, Trưởng ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương, bổ sung tư liệu chính xác, lập dự án thiết kế và thủ tục xin khởi công. Nhằm đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, kiến trúc, mỹ thuật và bám sát ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên, dự án thiết kế cũng đã được chuẩn bị trong 14 tháng.

Qua ý kiến của các đồng chí tham dự hội nghị và ý kiến của đồng chí Đặng Văn Bài, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa đại diện Bộ Văn hóa – Thông tin, đồng chí Lê Hoàng Quân, UVTV Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chỉ đạo một số nội dung chủ yếu sau:

1– Giao Giám đốc Sở Văn hóa – Thông tin tiếp thu, thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Đặng Văn Bài, Cục trưởng đại diện Bộ Văn hóa – Thông tin, khẩn trương hoàn chỉnh, bổ sung các văn bản, hồ sơ đảm bảo đúng quy trình, thủ tục pháp lý trình Bộ Văn hóa – Thông tin phê duyệt để dự án sớm được khởi công thực hiện.

2– Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng dự án gồm đồng chí Võ Văn Một, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban, Đồng chí Nguyễn Thành Trí, Giám đốc Sở Văn hóa – Thông tin, Phó ban trực, các thành viên trong Ban Chỉ đạo gồm đồng chí Nguyễn Trùng Phương, Trưởng ban Quản lý dự án xây dựng khu di tích lịch sử Chiến khu Đ và lãnh đạo các sở, ban ngành tỉnh có liên quan do Trưởng ban chỉ định. Mời đồng chí Đặng Văn Bài, Cục trưởng Cục Di sản tham gia Ban Chỉ đạo với tư cách là thành viên cố vấn.

3– Về nguồn kinh phí thực hiện dự án, vì Đồng Nai đã và đang tiếp tục triển khai nhiều công trình lịch sử văn hóa lớn của tỉnh, ngân sách có hạn, đề nghị Chủ nhiệm dự án lập dự toán kinh phí thực hiện, trình Bộ Văn hóa – Thông tin xem xét hỗ trợ cho tỉnh đối với công trình tôn tạo và trùng tu di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961–1962.

4– Về thời gian thực hiện dự án, do điều kiện các nhân chứng lịch sử gắn với di tích đã cao tuổi, vì vậy phải phấn đấu với tình cảm và tinh thần trách nhiệm cao nhất để trong quý I–2004 tiến hành khởi công và xây dựng được một số hạng mục công trình quan trọng.

5– Yêu cầu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo xây dựng dự án tôn tạo và trùng tu di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961–1962 phối hợp chặt chẽ, chỉ đạo các ban ngành liên quan kịp thời xử lý các tồn tại, đảm bảo tiến độ triển khai công trình, đáp ứng lòng mong đợi của Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai, thực hiện đúng chỉ đạo của Ban Bí thư, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và lãnh đạo Bộ Văn hóa – Thông tin.

Đề nghị các đồng chí tổ chức thực hiện nội dung chỉ đạo trên đây và thường xuyên báo cáo tiến độ kết quả triển khai cho Thường trực Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Các thành viên dự họp.
- Các đ/c TVTU.
- BCS Đảng UBND tỉnh.
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy.
- VP HĐND & UBND tỉnh.
- CPVP.TU – D2 – TH
- Lưu.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Trần Đình Thành

Đồng kính gửi:

- VPTW Đảng a+b để báo cáo
- Ban TTVH.TW –
- Bộ Văn hóa – Thông tin để báo cáo và giúp đỡ
- Cục Di sản văn hóa–

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VĂN PHÒNG

Số 4164 – CV/VPTW

***Về thực hiện dự án trùng tu, tôn tạo
di tích Trung ương Cục miền Nam***

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2003

Kính gửi: – Ban Cán sự Đảng Chính phủ,
– Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương,
– Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa – Thông tin,
– Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai,

Tại phiên họp ngày 19-8-2003, xét đề nghị của Tỉnh ủy Đồng Nai về trùng tu, tôn tạo di tích Trung ương Cục miền Nam (1961-1962), Ban Bí thư đã kết luận:

– Đồng ý về chủ trương theo đề nghị của Tỉnh ủy Đồng Nai. Đề nghị Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Văn hóa – Thông tin cùng với địa phương xây dựng phương án cụ thể, đảm bảo cân đối chung với các di tích lịch sử khác đã được trùng tu, tôn tạo, báo cáo Ban Bí thư trước khi triển khai thực hiện.

Xin thông báo để các đồng chí biết và thực hiện.

Nơi nhận:	K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
– Như trên,	PHÓ VĂN PHÒNG
– Lưu Văn phòng Trung ương.	Hoàng Thanh Khiết

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VĂN PHÒNG
Số 4579-CV/VPTW

*Về góp ý kiến vào nội dung bia đặt tại
Khu di tích lịch sử Trung ương Cục*

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2003

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai

Theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về đề nghị góp ý kiến nội dung bia đặt tại Khu di tích lịch sử Trung ương Cục tại Chiến khu Đ (Công văn số 3381-CV/TU, 06-11-2003) và dựa vào nguồn tài liệu hiện có tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng, Văn phòng Trung ương Đảng có một số ý kiến góp ý để các đồng chí xem xét, tham khảo (văn bản kèm theo).

Nơi nhận:	K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
– Như trên,	PHÓ VĂN PHÒNG
– Lưu Văn phòng Trung ương.	Nguyễn Quang Điền

MỘT SỐ Ý KIẾN

góp ý “Dự án trùng tu tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961 – 1962)”

Sau khi xem xét “Dự án trùng tu tôn tạo di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962)” của Tỉnh ủy Đồng Nai, căn cứ vào tài liệu hiện có tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng, Văn phòng Trung ương Đảng có một số ý kiến như sau:

I. Theo tài liệu

Tài liệu của Trung ương Cục từ năm 1961 về trước ở Kho Lưu trữ Trung ương rất thiếu, đối chiếu với tài liệu hiện có trong kho, chúng tôi đề nghị bổ sung, xác minh thêm và sửa một số điểm cụ thể như sau:

– Bia số 1: Về thời gian tiến hành Hội nghị Trung ương Cục: theo Điện Hội nghị Trung ương Cục lần thứ nhất gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 10–10–1961, có báo cáo là: Hội nghị khai mạc vào ngày 10–10–1961.

– Bia số 2: Mặt 2, dòng thứ 5, chỉ nên ghi Ban Quân sự Miền, bỏ Ban Quân sự Xứ ủy, vì ghi như trong bia dễ gây hiểu lầm trong cùng một thời gian tồn tại hai tổ chức, thực chất là tên gọi của 1 tổ chức ở 2 thời điểm lịch sử khác nhau.

– Bia số 3: Dòng đầu nên sửa cho chính xác là: Ban Định tình Xứ ủy Nam Bộ.

– Bia số 5: Về nhiệm vụ của Ban Tổ chức Trung ương Cục: trong Chỉ thị của Trung ương Cục, ngày 10–4–1962, có nêu 7 nhiệm vụ về công tác xây dựng Đảng là:

1– Công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ và đảng viên là công tác hàng đầu.

2– Xây dựng củng cố tổ chức cơ sở Đảng.

3– Tổ chức phát triển thêm nhiều Đảng viên mới làm cho Đảng bộ thực sự gắn bó với quần chúng.

4– Bồi dưỡng cán bộ cũ, đào tạo, phát hiện, đề bạt nhiều cán bộ trẻ đáp ứng những yêu cầu cách mạng đang phát triển.

5– Gấp rút kiện toàn tổ chức của các cấp ủy Đảng.

6– Kiện toàn Ban tổ chức của các cấp để giúp các cấp ủy thực hiện được nhiệm vụ xây dựng, phát triển Đảng.

7– Tăng cường công tác Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng, vì đó là cánh tay phải đắc lực thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, đồng thời là lực lượng hậu bị hùng mạnh của Đảng.

Trong chỉ thị này không có phần nào nói riêng về nhiệm vụ Ban Tổ chức như Bia số 5 đã ghi.

– Bia số 6: Về nhiệm vụ của Ban Giao bưu vận: Chỉ thị ngày 20-6-1962 của Trung ương Cục về công tác giao bưu vận có 4 nhiệm vụ như sau:

1– Xây dựng tốt và đảm bảo thông suốt các đường dây chiến lược trong toàn miền Nam.

2– Thực hiện tốt kế hoạch về vận tải hàng hóa và phương tiện nặng.

3– Đưa đón khách đi lại theo yêu cầu một cách an toàn, nhanh chóng.

4– Tiếp phát nhanh chóng và bảo đảm các văn kiện, tài liệu chỉ đạo và các loại quân, dân bưu khác.

2– Theo bài viết về xây dựng căn cứ địa của Trung ương Cục, của đồng chí Tám Nhân (tức Vũ Đức, nguyên phụ trách bộ phận nghiên cứu của Văn phòng Trung ương Cục miền Nam) thì:

a– Thời gian đứng chân tại căn cứ Đông Bắc (tức thuộc địa phận của tỉnh Đồng Nai):

– Theo bài viết, căn cứ của Trung ương Cục gồm 2 khu vực chính: căn cứ Đông Bắc thuộc địa phận Biên Hòa – Bà Rịa, trong đó có Chiến khu Đ cũ và căn cứ Tây Bắc thuộc địa phận Tây Ninh; đầu năm 1961, theo chỉ thị của Trung ương về việc thành lập Trung ương Cục để chỉ đạo cách mạng toàn miền Nam, Xứ ủy từ Đồng Rùm chuyển về căn cứ Đông Bắc để chuẩn bị cho Hội nghị thành lập Trung ương Cục lần đầu tiên. Sau Hội nghị Trung ương Cục, xét thấy Khu căn cứ Đông Bắc tuy rừng núi hiểm trở và tiếp giáp với Tây Nguyên, miền Trung nhưng không thuận lợi cho việc chỉ đạo phong trào, điều kiện tiếp tế cũng khó khăn hơn so với khu căn cứ Tây Bắc, nên cuối năm 1961 cơ quan Trung ương Cục chuyển về phía Tây Bắc. Tuy vậy, ta vẫn tăng cường củng cố xây dựng căn cứ Đông Bắc làm đầu cầu giao thông vận chuyển, nơi tiếp nhận và tập kết các lực lượng hậu cần từ miền Bắc chi viện vào. Cuối năm 1961–1962, tất cả các Cơ quan Trung ương Cục đều đã chuyển hết về khu căn cứ Tây Bắc. Nếu theo bài viết này thì có khác với thời gian trong dự án đã nêu là: thời gian đứng chân của Trung ương Cục ở Chiến khu Đông Bắc là: 1961–1962.

b– Về nhân sự Ban Thường vụ Trung ương Cục, thì ngay tại Hội nghị Trung ương Cục tháng 10-1961 đã có 10 đồng chí, gồm cả đồng chí Trần Văn Quang và đồng chí Huỳnh Văn Cương, 8 đồng chí nêu trong Bia số 1 là do Trung ương chỉ định.

c– Thời gian Đài phát thanh giải phóng phát sóng: Từ cuối năm 1961, ở khu căn cứ Trung ương Cục, đài phát thanh của Mặt Trận bắt đầu phát thanh đều đặn, (Bia số 7 nêu: phải đến ngày 01-02-1962 mới phát buổi đầu tiên).

II. Theo các sách lịch sử đã được xuất bản:

1. Trong cuốn lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945–1975) do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản 2003, trang 271 có nêu: Lễ thành lập Trung ương Cục diễn ra tại Mã Đà (chiến Khu Đ), đồng chí Nguyễn Văn Linh là Bí thư Trung ương Cục, các đồng chí: Phan Văn Đáng (Hai Văn), Võ Chí Công, Trần Lương (Trần Nam Trung), Phạm Văn Xô, Võ Văn Kiệt, Trần Văn Quang, Trương Công Thuận, Phạm Thái Bường là Ủy viên.

Cùng với các ban chuyên môn giúp việc Trung ương Cục, cơ quan Văn phòng Trung ương Cục cũng được thành lập vào cuối năm 1961 tại Mã Đà. Vì vậy nên có bia của Văn phòng Trung ương Cục.

Trên đây là một số điểm bổ sung, để các đồng chí xem xét tham khảo.

BỘ QUỐC PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số 5030/ BQP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
—oOo—

***V/v góp ý nội dung bia đặt tại khu di tích lịch sử
cách mạng Trung ương Cục miền Nam***

Ngày 04 tháng 12 năm 2003

Kính gửi: Tỉnh ủy Đồng Nai

Bộ Quốc phòng nhận được công văn số 3381 -CU/TU ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai về việc xin ý kiến nội dung bia đặt tại khu di tích lịch sử cách mạng Trung ương Cục miền Nam (Chiến khu Đ), Bộ Quốc phòng xin tham gia một số nội dung sau:

1. Khu di tích lịch sử Chiến khu Đ đã được Nhà nước xếp hạng, quy hoạch tổng thể và phê duyệt dự án đầu tư, tu bổ, tôn tạo. Việc xây dựng bia lưu niệm tại địa điểm của các cơ quan thuộc Trung ương Cục miền Nam là phù hợp với Nghị định 92/CP ngày 11-11-2001 của Chính phủ về thực hiện Luật Bảo vệ di sản văn hóa, Bộ Quốc phòng nhất trí việc xây dựng 09 bia lưu niệm tại Khu di tích lịch sử Chiến khu Đ.

2. Về nội dung bia, nên thể hiện ngắn gọn những yếu tố được quy định thống nhất đối với loại bia lưu niệm tại di tích lịch sử cách mạng kháng chiến, cụ thể:

- Tên cơ quan,
- Địa điểm,
- Thời gian làm việc,
- Tóm tắt nội dung lịch sử đã diễn ra (dựa vào hồ sơ lý lịch di tích đã xếp hạng).

3. Đề công chúng tới tham quan di tích có điều kiện cảm nhận tốt về nội dung và hình thức thẩm mỹ của bia di tích, đề nghị nên thống nhất mẫu thiết kế và số lượng, kích thước chữ khắc trên bia lưu niệm.

4. Bộ Quốc phòng giao Tổng cục Chính trị chỉ đạo Quân khu 7 (Cục Chính trị) phối hợp với các cơ quan quản lý văn hóa tỉnh Đồng Nai tham gia phần nội dung có liên quan đến Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam.

Bộ Quốc phòng xin gửi đề các đồng chí nghiên cứu.

Nơi nhận: BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
– Như trên, Đại tướng **Phạm Văn Trà**
– BTTM, TCCT.
– Lưu

Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2004

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai

Ngày 11-11-2003, Bộ Công an đã nhận được Công văn số 3381.CV.TU của Tỉnh ủy Đồng Nai ngày 6-11-2003 về việc đề nghị các Ban, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Đài Tiếng nói Việt Nam, Bộ Bưu chính viễn thông góp ý kiến nội dung Bia đặt tại Khu di tích lịch sử cách mạng Trung ương Cục miền Nam và các cơ quan tham mưu quan trọng của Trung ương Cục tại Chiến khu Đ (1961-1962).

Sau khi nhận được đề nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai, Bộ Công an đã giao cho cơ quan chức năng nghiên cứu, tranh thủ ý kiến một số đồng chí công an lão thành đã từng tham gia lãnh đạo, công tác ở Ban Bảo vệ an ninh Xứ ủy Nam Bộ, sau chuyển thành Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam và đề nghị với Tỉnh ủy Đồng Nai một số nội dung sau:

1- Nhất trí trong số các bia kỷ niệm đặt tại khu di tích lịch sử cách mạng Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ (giai đoạn 1961-1962) có bia số 3 “*Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam*” (1961-1962) vì Ban Bảo vệ an ninh Xứ ủy Nam Bộ được thành lập từ tháng 7-1960 ở căn cứ bắc Tây Ninh, sau đó chuyển thành Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam, đứng chân hoạt động ở căn cứ Chiến khu Đ giúp cho các cấp ủy Đảng chỉ đạo tốt công tác nắm tình hình địch, phục vụ tích cực cho công tác đánh địch, bảo vệ lực lượng cách mạng trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2- Đề nghị ghi nội dung ở 2 mặt bia số 3 “*Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam*” (1961-1962) theo đúng văn bản gửi kèm theo.

Bộ Công an xin gợi ý để các đồng chí tham khảo xây dựng bia kỷ niệm của Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam (1961-1962) tại Chiến khu Đ.

K/T BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC
Trung tướng Nguyễn Khánh Toàn

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TỔ CHỨC**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Số 4854 CV/TCTW**

Về việc góp ý bìa lưu niệm

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2004

Trung ương Cục miền Nam (1961–1962)

Kính gửi: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai

Ban Tổ chức Trung ương nhận được Công văn số 178 – CV/TG ngày 02–6–2004 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo bìa lưu niệm Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ (1961–1962).

Sau khi nghiên cứu, chúng tôi thấy bản thảo được chuẩn bị chu đáo, nội dung đầy đủ. Ngoài ra, chúng tôi đã tham gia một số ý kiến trực tiếp vào dự thảo văn bản để các đồng chí tham khảo.

Nơi nhận:

– Như trên:

– Thường trực LDB (để báo cáo):

– Lưu VP.

T/L TRƯỞNG BAN

PHÓ VĂN PHÒNG

Nguyễn Tuấn Phong

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN TƯ TƯỞNG – VĂN HÓA
Số 4762 – CV/TTVH

V/v góp ý bia lưu niệm

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2004

Kính gửi: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai

Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương phúc đáp công văn số 178 – CV/TG ngày 02–06–2004 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai về việc góp ý bia lưu niệm như sau:

Việc dựng bia lưu niệm tại Căn cứ Trung ương Cục Miền Nam (1961–1962) ở Chiến khu Đ của Tỉnh ủy Đồng Nai nhằm đánh giá đúng ý nghĩa lịch sử căn cứ Trung ương Cục miền Nam, đồng thời cũng thể hiện trách nhiệm, đạo lý cao cả “uống nước nhớ nguồn”, là hình thức giáo dục truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương cơ bản nhất trí nội dung, số lượng các bia lưu niệm Trung ương Cục miền Nam và các cơ quan tham mưu TW Cục tại Chiến khu Đ (1961–1962) đã được chỉnh sửa nhiều lần theo sự góp ý của các cơ quan Trung ương, địa phương và các đồng chí nguyên là cán bộ lão thành Trung ương Cục. Tuy nhiên, Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai rút gọn nội dung các bia lưu niệm cho cô đọng, súc tích hơn trên cơ sở 3 vấn đề chính:

- Ngày, tháng, năm được chính thức thành lập (không nêu lý do thành lập)
- Nhiệm vụ (nêu đầu mục không phân tích)
- Danh sách các đồng chí Trung ương Cục và các cơ quan tham mưu Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ (nêu theo thứ tự 1, 2, 3 và các chức danh bên cạnh).

Cụ thể như bia số 1: ở mặt trước nêu ngày, tháng, năm, địa điểm Trung ương Cục miền Nam chính thức được thành lập và 10 nhiệm vụ cơ bản được Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục xác định; ở mặt sau chỉ nêu danh sách Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ.

Các bia khác cũng tương tự.

Nơi nhận:	K/T TRƯỞNG BAN
– Như kính gửi.	PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC
– Lưu TT.VT	Hồng Vinh

BỘ BUƯ CHÍNH, VIỆN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số 61/BBCVT-LSTT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
—oOo—

V/v: Góp ý kiến nội dung văn bia tại
Trung ương Cục miền Nam

Hà Nội, ngày 13 tháng 1 năm 2004

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai

Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông nhận được công văn số 3381/CV-TU ngày 06-11-2003 của Tỉnh ủy Đồng Nai đề nghị cho ý kiến về nội dung văn bia của Ban Giao Bưu Vận và Ban Thông tin liên lạc thuộc Trung ương Cục miền Nam thời kỳ 1961-1962.

Thừa lệnh Bộ trưởng, Thường trực Hội đồng Lịch sử truyền thống Bộ Bưu chính, Viễn thông xin gửi kèm công văn này nội dung văn bia số 6 để các đồng chí tham khảo

Xin gửi lời chào trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng – CTHĐLSTT Bộ (để b/c);
- Các Phó CTHĐLSTT;
- Lưu VT,LSTT

TL/ BỘ TRƯỞNG BỘ BUƯ
CHÍNH, VIỆN THÔNG

CHÁNH VAN PHÒNG –
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI
ĐỒNG LSTT BỘ

Nguyễn Minh Hồng

BỘ QUỐC PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN LỊCH SỬ QUÂN SỰ VN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số 297/VLS **—oOo—**

Ngày 14 tháng 11 năm 2003

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai

Viện Lịch sử quân sự Việt Nam đã nhận được công văn số 3381/CV-TW ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tham gia góp ý kiến nội dung các bia đặt tại khu di tích lịch sử Trung ương Cục miền Nam.

Sau khi nghiên cứu kỹ nội dung bia và tham khảo các tư liệu có liên quan, chúng tôi xin có ý kiến như sau:

1. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Trung ương Cục là một bộ phận của Ban chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp chỉ đạo cách mạng miền Nam. Do vậy, việc trùng tu, tôn tạo khu di tích lịch sử cách mạng Trung ương Cục và các cơ quan tham mưu quan trọng của Trung ương Cục tại Chiến khu Đ (giai đoạn 1961–1962) là việc làm có ý nghĩa, thể hiện sự trân trọng đối với lịch sử và đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân cả nước nói chung, và nhân dân tỉnh Đồng Nai nói riêng.

2. Về nội dung bia, nhìn tổng thể chúng tôi thấy nội dung của các văn bia là đầy đủ, chính xác, phản ánh trung thực những nét cơ bản nhất về sự ra đời, hoạt động chỉ đạo kháng chiến của Trung ương Cục và các cơ quan trực thuộc trong giai đoạn 1961–1962. Tuy nhiên, đi vào cụ thể hơn, chúng tôi thấy:

+ Ở Bia số 1 (Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ), mặt trước, khổ 1–2, nên sửa lại là: “...Về tăng cường bộ máy chỉ đạo trực tiếp đối với cách mạng miền Nam, sau một thời gian chuẩn bị về mọi mặt, đầu tháng 10 năm 1961, tại nơi đây – nay thuộc Lâm trường Vĩnh An, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai – Trung ương Cục miền Nam chính thức được thành lập và đã diễn ra Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục. Hội nghị lịch sử này đã quán triệt Chỉ thị ngày 31 tháng 01 năm 1961 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam...”.

Cũng ở mặt trước, khổ cuối cùng “Đảng bộ và quân dân Đồng Nai...”, theo chúng tôi, nên đưa xuống dưới khổ cuối cùng của mặt sau thì hợp lý hơn.

+ Bia số 7 (Đài phát thanh giải phóng miền Nam), theo tư liệu mà chúng tôi có được thì buổi phát thanh đầu tiên của Đài là vào lúc 18 giờ 30 phút, chứ không phải 18 giờ. Vì vậy, đề nghị Thường vụ Tỉnh ủy thẩm tra lại cho chính xác, bảo đảm tính khách quan, chân thật của sự kiện.

Trên đây là những góp ý của Viện Lịch sử quân sự vào nội dung bia đặt tại Khu di tích lịch sử Trung ương Cục. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ quan chức năng nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để nội dung bia được ngắn gọn, chính xác hơn.

K/T VIỆN TRƯỞNG

Phó Viện Trưởng

Đại tá **Trần Bích**

Ngày 26 tháng 11 năm 2003

TRẦN VĂN QUANG

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2003

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai

Tôi đã nhận được Công văn số 3381/CT-TU và các văn kiện về việc khôi phục khu di tích lịch sử cách mạng Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ (giai đoạn 1961–1962). Tôi rất cảm ơn các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy đã thông báo cho tôi biết chủ trương, kế hoạch và tranh thủ ý kiến chúng tôi về một số nội dung ghi trên các bia kỷ niệm.

Tôi hoàn toàn nhất trí những nội dung chỉ đạo trùng tu, tôn tạo được ghi trong thông báo số 23/TU. Tôi chỉ có một số ý kiến cụ thể về 2 văn bia số 1+2, xin báo cáo để đồng chí tham khảo.

A– Về bia số 1

a) Tôi hoàn toàn nhất trí nội dung ghi ở mặt trước và danh sách các đồng chí Ủy viên Trung ương Cục miền Nam.

Theo tôi hiểu, 8 đồng chí được Ban chấp hành Trung ương quyết định ngày 27.3.1961 và sau bổ sung thêm 2 đồng chí Trần Văn Quang và Trương Chí Cương đều là Ủy viên Trung ương Cục. *Còn Thường vụ Trung ương Cục* theo tôi hiểu chỉ gồm các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phan Văn Đáng, Võ Chí Công, Trần Lương, Phạm Văn Xô (Sự thật hồi đó chưa lúc nào công khai giới thiệu các đồng chí trên là Thường vụ, nhưng chúng tôi hiểu như vậy, vì 5 đồng chí trên là Ủy viên Trung ương chính thức, (số còn lại đều là Ủy viên Trung ương dự khuyết) và 5 đồng chí này thường làm việc tập trung với nhau.

b) Về tên họ đồng chí Cương, xin ghi rõ **Trương Chí Cương (Tư Thuận)** và **Trần Văn Quang**, xin ghi thêm (**Bảy Tiến**), vì ở miền Nam lúc đó ít ai biết tên thật chúng tôi mà chỉ biết bí danh.

B– Về bia số 2

Theo tôi nhớ, hội nghị Trung ương Cục tháng 10–1961 chưa bàn cụ thể về quân sự. Mà đến Hội nghị Trung ương Cục (mở rộng) tháng 01–1962 mới có nghị quyết đầy đủ gồm 2 phần “**Nhiệm vụ, phương châm xây dựng và hoạt động của lực lượng vũ trang miền Nam**” và “**Nhiệm vụ và một số công tác quân sự năm 1962**”. Vì nghị quyết dài, và tôi không có văn bản chính nên xin ghi tóm tắt các đề mục và ý chính để các đồng chí tham khảo, xem có thể bổ sung hay thay thế 6 nhiệm vụ trong dự thảo văn bia số 2 được không (tất nhiên phải biên soạn lại cho thật chuẩn và ngắn gọn).

Nghị quyết về “Nhiệm vụ, phương châm xây dựng và hoạt động của lực lượng vũ trang miền Nam” gồm:

I– Vị trí và nhiệm vụ của đấu tranh vũ trang trong giai đoạn hiện nay.

A) Vị trí của đấu tranh vũ trang... Hội nghị Trung ương Đảng đã đề ra phương châm đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang... tấn công địch bằng cả chính trị và quân sự... Hội nghị Trung ương Cục tháng 10–1961 cũng viết: “Con đường phát triển có lợi nhất... là dùng đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều là cơ bản, tạo điều kiện và thời cơ tiến lên Tổng khởi nghĩa”...

B) Nhiệm vụ của đấu tranh vũ trang.

1– Kết hợp và thúc đẩy cuộc đấu tranh chính trị ngày càng mạnh chống áp bức bóc lột, làm tan rã bộ máy cùm kẹp của địch ở ấp, xã, quận, làm cho ưu thế chính trị của quần chúng ngày càng phát triển không ngừng.

2– Tiêu diệt sinh lực địch, kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận làm tan rã từng phần quân đội và chính quyền địch...

3– Tích cực xây dựng, phát triển và tích lũy lực lượng vũ trang ta, không ngừng bảo vệ có thành quả đấu tranh, tiêu diệt địch ngày càng nhiều, thay đổi so sánh lực lượng, có lợi cho ta, bảo đảm thắng lợi cuối cùng của Tổng khởi nghĩa.

4– Xây dựng củng cố mở rộng căn cứ địa, kết hợp với phong trào đấu tranh chính trị làm suy yếu và tan rã chính quyền địch ở nông thôn, mở rộng các hình thức chính quyền cách mạng.

C) Phương châm, hoạt động vũ trang.

Ngoài việc quán triệt đường lối cách mạng dân tộc dân chủ, phương hướng tiến lên Tổng khởi nghĩa, phương thức đấu tranh quân sự – chính trị, phải nắm vững:

1. Phương châm công tác 3 vùng...

2. Phương châm tác chiến từ du kích chiến là chính tiến lên vận động chiến, một cách vững chắc...

3. Mọi trận chiến đấu phải phục vụ yêu cầu chính trị trước mắt và lâu dài, tiêu diệt địch, bồi dưỡng ta, thúc đẩy phong trào quần chúng, làm suy yếu tinh thần địch, đánh chắc thắng, tranh thủ yếu tố bất ngờ...

II. Nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang:

1. Quân giải phóng miền Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của dân tộc... chủ yếu là của các tầng lớp lao động... do Đảng xây dựng, giáo dục và lãnh

đạo... Mục tiêu chiến đấu là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đó là một đội quân chiến đấu, dân vận và sản xuất...

2. **Phương châm xây dựng** là xây dựng chính trị tư tưởng làm gốc, phù hợp yêu cầu trước mắt, đồng thời tích cực chuẩn bị lực lượng đối phó tình huống đột biến và phức tạp, tích cực xây dựng 3 thứ quân...

3+4+5. **Coi trọng huấn luyện quân đội**, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng Đảng và công tác chính trị, đoàn kết cán binh, quân dân, phát huy tinh thần anh dũng chiến đấu...

III. **Xây dựng căn cứ địa và công tác binh vận** (mục này đã viết trong nghị quyết hội nghị R).

IV. **Tổ chức chỉ đạo**... Ban Quân sự các cấp là một bộ phận của cấp ủy chịu sự lãnh đạo của cấp ủy, đồng thời chịu sự lãnh đạo của Ban Quân sự cấp trên.

V– **Quyết định ngày Hội của Quân Giải phóng miền Nam**: Hội nghị Trung ương Cục quyết định lấy ngày 15 tháng 02 hằng năm làm ngày Hội của quân đội và các lực lượng vũ trang miền Nam...

Phần 2 nói về một số công tác quân sự năm 1962. Tôi không ghi ở đây.

(Văn kiện này có lưu trong hồ sơ của Đảng và Bộ Quốc phòng, có thể các đồng chí đã đọc. Nhưng với lòng thành kính, tôi ghi tóm tắt để các đồng chí xem, còn sử dụng hay không do các đồng chí quyết định.

*

Về danh sách ban quân sự đầu tiên ghi ở mặt 2 bìa II

a) **Bản dự thảo ghi**: Ban quân sự Xứ ủy (từ tháng 02– 1961 đến tháng 8– 1961): đồng chí Trần Nam Trung... Lúc này tôi chưa được tham gia công tác miền Nam, nhưng tôi biết **lúc này đồng chí Trần Lương đang ở Hà Nội – và hình như đồng chí Lương cũng chưa khi nào tham gia Xứ ủy Nam Kỳ**. Có thể lúc này, Trung ương mới dự kiến đồng chí Lương vào tham gia Trung ương Cục và phụ trách quân sự.

b) **Từ tháng 8 đến tháng 10–1961** – Lúc này đoàn chúng tôi đã vào đến miền Đông Nam bộ. Tuy tôi (Trần Văn Quang) đã được Trung ương và Quân ủy chỉ định tham gia Trung ương Cục, nhưng vì Trung ương Cục chưa họp chính thức **nên tôi chưa có danh nghĩa gì. Lúc đó, đồng chí Ba Bường và Hai Xô vẫn phụ trách quân sự**. Các đồng chí có cho tôi tham gia các cuộc họp bàn về quân sự, nhưng công việc vẫn do đồng chí Ba Bường và Hai Xô thay mặt Trung ương Cục (hay ban quân sự Xứ ủy) quyết định.

c) Sau **Hội nghị Trung ương Cục (tháng 10–1961)** Ban quân sự Miền chính thức gồm:

Về mặt Đảng (Ban Quân sự Trung ương Cục): đồng chí Trần Lương: Trưởng ban; các Ủy viên: đồng chí Hai Xô, đồng chí Ba Bường, đồng chí Trần Văn Quang (Bảy Tiến).

Về chức danh quân đội: Đồng chí Trần Lương (Hai Hậu): Chính ủy; Đồng chí Trần Văn Quang (Bảy Tiến): Chỉ huy quân sự; Đồng chí Phạm Xô (Hai Xô): phụ trách kinh tế, tài chính, hậu cần; Đồng chí Phạm Thái Bường (Ba Bường): Tham gia ban quân sự một thời gian ngắn, đến lúc chuyển sang Dương Minh Châu, đồng chí Bường sang phụ trách công tác an ninh.

(Lịch sử các lực lượng vũ trang miền Nam (1961–1976) cũng đã ghi như vậy).

*

Thưa đồng chí Bí thư kính mến,

Kính chúc đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí lãnh đạo Tỉnh dồi dào sức khỏe, lãnh đạo nhân dân Đồng Nai anh hùng giành được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng Đồng Nai giàu, đẹp, văn minh, hiện đại.

Kính chào thân mến.

Trần Văn Quang
tức **Bảy Tiến**

TRẦN BẠCH ĐĂNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2003

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai

Tôi nhận được thư của Tỉnh ủy hỏi về bia kỷ niệm các cơ quan Trung ương Cục tại Chiến khu Đ, vì quá bận công việc nên hôm nay mới trả lời.

Trước hết, tôi hoan nghênh đề xuất của Tỉnh ủy với Bộ Chính trị và Ban Bí thư khôi phục khu di tích lịch sử cách mạng Trung ương Cục miền Nam và các cơ quan tham mưu quan trọng của Trung ương Cục tại Chiến khu Đ (giai đoạn 1961–1962).

Tôi cũng đồng ý lập 9 bia như chủ trương của Tỉnh ủy. Riêng bia số 7, tôi đề nghị ghi hai cơ quan: Đài Phát thanh Giải phóng và Thông tấn xã Giải phóng miền Nam.

Về bia số 4 (Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam), có một sai lệch rất lớn là danh sách lãnh đạo. Sau Hiệp định Genève cho đến tháng 10–1961, Ban Tuyên huấn Xứ ủy Nam Bộ do đồng chí Lê Toàn Thư làm Trưởng ban và đồng chí Trần Bạch Đằng làm Phó ban. Đồng chí Phan Văn Đáng chưa từng làm Trưởng ban Tuyên huấn Xứ ủy, còn đồng chí Nguyễn Văn Đức tập kết ra Bắc, trở về Nam năm 1960, là cán bộ của Ban công tác ở trường Đảng. Nội dung bia lưu niệm Ban Tuyên huấn, xin thêm ở đoạn cuối: *Ban Tuyên huấn, về công khai, là Ban Thông tin của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam (mà đồng chí Trần Bạch Đằng là Ủy viên Đoàn Chủ tịch), phụ trách toàn khối Tuyên Văn Huấn Giáo.*

Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam từ tháng 10–1961 trở về sau do đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Trung ương Cục, làm Trưởng ban và đồng chí Trần Bạch Đằng làm Phó ban. Đồng chí Phan Văn Đáng chưa bao giờ làm Trưởng ban Tuyên huấn (nếu có, là tạm phụ trách khi Trưởng ban vắng mặt).

Đề nghị các đồng chí sửa lại.

Về Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng. Sau Đồng khởi, Ban Quân sự Xứ ủy do đồng chí Phạm Thái Bường, Ủy viên thường vụ Xứ ủy, làm Trưởng ban và đồng chí Mai Chí Thọ cùng đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến làm Phó ban. Đồng chí Trần Nam Trung có mặt ở chiến trường khi Trung ương Cục thành lập. Ban Quân sự Trung ương Cục bấy giờ làm nhiệm vụ Bộ Chỉ huy của Quân Giải phóng, bởi Quân Giải phóng đã ra mắt với cái tên chung: *Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam*. Người đứng đầu là đồng chí Trần Văn Quang và

Chính ủy là đồng chí Trần Nam Trung, Phó Chỉ huy là đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên. Từ năm 1964, Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng được kiện toàn với các đồng chí: Trần Văn Trà (Tư lệnh), Nguyễn Chí Thanh (Chính ủy), Lê Đức Anh (Tham mưu trưởng).

Có mấy ý kiến đóng góp với các đồng chí.

Thân ái.

TRẦN BẠCH ĐẰNG

Bia lưu niệm số 1 (sửa chữa lần thứ 6)

TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ (1961–1962)

Thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, hội nghị Bộ Chính trị lần thứ III (BCH Trung ương khóa III) ngày 23 tháng 1 năm 1961 đã quyết định giải thể Xứ ủy Nam bộ để thành lập Trung ương Cục Miền Nam.

Tại nơi đây, ngày 10 tháng 10 năm 1961, Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục được tổ chức tại Mã Đà, thuộc căn cứ địa Chiến khu Đ (ngày nay thuộc xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Tại hội nghị lịch sử này, Trung ương Cục đã quán triệt chỉ thị ngày 31-01-1961 của Bộ Chính trị; đánh giá một cách toàn diện phong trào cách mạng miền Nam trong những năm qua, xác định phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam. Hội nghị đã nêu lên 10 nhiệm vụ cụ thể đối với các cấp Đảng bộ miền Nam:

1. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng rộng trên khắp 3 vùng.
2. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang phối hợp với đấu tranh chính trị, phá tan kế hoạch Stalây–Taylo của địch, chuẩn bị mọi mặt cho tổng khởi nghĩa và đối phó với những âm mưu mới của địch.
3. Tăng cường vận động binh lính và sĩ quan trong quân đội địch, đây là công tác có tính chiến lược cần quán triệt trong quá trình cách mạng.
4. Đẩy mạnh công tác Mặt trận và dân vận, tập hợp mọi lực lượng, mọi khả năng chống Mỹ–Diệm.
5. Tiếp tục xây dựng và mở rộng căn cứ địa.
6. Xây dựng và củng cố chính quyền ở vùng giải phóng.
7. Đẩy mạnh công tác kinh tế, tài chính nhằm cải thiện đời sống của nhân dân, đáp ứng nhu cầu to lớn của cách mạng.
8. Xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng ở thành thị.
9. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục.
10. Củng cố, xây dựng, phát triển Đảng và Đoàn.

Việc thành lập Trung ương Cục miền Nam và tổ chức Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục đã đáp ứng kịp thời những đòi hỏi cấp bách về chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng.

Trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tại căn cứ này, thay mặt Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, Trung ương Cục miền Nam đã lãnh

đạo, chỉ đạo quân dân miền Nam vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, tiến hành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đảng bộ và quân dân các tỉnh miền Nam rất tự hào về di tích cách mạng vô giá này, quyết tâm cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cả nước phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mã Đà, ngày 10 tháng 10 năm 2004

Bia lưu niệm số 1 (mặt sau)

**TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ
(1961–1962)**

1. Đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc), Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Cục
2. Đồng chí Phan Văn Đáng (Hai Văn), Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Trung ương Cục
3. Đồng chí Võ Chí Công (Năm Toàn), Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Trung ương Cục
4. Đồng chí Phạm Văn Xô (Hai Xô), Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên
5. Đồng chí Trần Lương (Hai Hậu), Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên
6. Đồng chí Võ Văn Kiệt (Sáu Dân), Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên
7. Đồng chí Phạm Thái Bường (Ba Bường), Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên
8. Đồng chí Nguyễn Đôn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên
9. Đồng chí Trần Văn Quang (Bảy Tiến) – Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên.
10. Đồng chí Trương Chí Cương (Tư Thuận) – Phó Bí thư Khu ủy Khu 5, Ủy viên.

Bia lưu niệm số 2 (sửa chữa lần thứ 6)

BỘ CHỈ HUY QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ (1961–1962)

Ngày 25 tháng 2 năm 1961, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thống nhất tổ chức chỉ đạo, chỉ huy quân sự trong cả nước.

Tháng 10–1961, Trung ương Cục miền Nam quyết định đổi tên Ban Quân sự Xứ ủy thành Ban Quân sự miền Nam, là tiền thân của Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam. Hội nghị Trung ương Cục mở rộng (tháng 1–1962) đã thảo luận và có Nghị quyết quan trọng về “Nhiệm vụ, phương châm xây dựng và hoạt động của lực lượng vũ trang miền Nam”.

Ngày 15–5–1962, Trung ương Cục miền Nam đã ra Nghị quyết về “Nhiệm vụ quân sự năm 1962”, trong đó yêu cầu các cấp ủy Đảng và các ban quân sự cần quán triệt các quan điểm cơ bản:

1. Nhân dân ta và lực lượng vũ trang của ta đang phải đương đầu chống lại một tên đế quốc phản động nhất. Vì vậy, cuộc đấu tranh của ta hết sức gay go, phức tạp, lâu dài và quyết liệt. Chúng ta phải xây dựng tư tưởng bền bỉ đấu tranh, dũng cảm chiến đấu, đem hết nghị lực, trí tuệ, kinh nghiệm và lực lượng chống lại chúng.

2. Nhiệm vụ trước mắt của đấu tranh vũ trang là:

– Làm cho toàn thể nhân dân ở khắp nông thôn, rừng núi, đô thị đứng lên chống địch, đánh địch, tiếp tục đẩy địch vào thế bị động bằng mọi khả năng và hình thức đấu tranh.

– Tất cả lực lượng vũ trang phải ra sức tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, làm cho lực lượng địch dần dần bị suy yếu, lực lượng ta ngày càng lớn mạnh.

3. Phương châm tác chiến của ta là đánh nhỏ, ăn chắc, đánh nhanh giải quyết nhanh, tiếp tục đẩy mạnh thế tiến công, thường xuyên liên tục mở rộng hoạt động vũ trang ra khắp mọi chiến trường, mọi vùng.

4. Phải ra sức đẩy mạnh phong trào du kích và xây dựng xã ấp chiến đấu, đề cao và phổ biến kinh nghiệm của dân quân du kích, phát triển vũ khí thô sơ làm cho mỗi người dân đều có thể đánh được địch. Địch đi đến đâu cũng bị quấy rối, ngăn chặn.

5. Phải tích cực và khẩn trương xây dựng, phát triển lực lượng ba thứ quân mau lớn mạnh. Đồng thời nắm vững phương châm xây dựng cân đối ba thứ quân ở các chiến trường.

6. Cần xây dựng tinh thần đoàn kết và phối hợp chặt chẽ giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, tận dụng mọi khả năng của ta để đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc.

Nghị quyết về nhiệm vụ quân sự năm 1962 do Trung ương Cục miền Nam đề ra đã thực hiện đúng những nhiệm vụ và phương châm chỉ đạo của Trung ương Đảng: “Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự”.

Mã Đà, ngày 10 tháng 10 năm 2004

Bìa lưu niệm số 2 (mặt sau)

BỘ CHỈ HUY QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ (1961–1962)

Chỉ huy trưởng: Thiếu tướng Trần Văn Quang (Bảy Tiên), Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chính ủy: Đồng chí Trần Lương (Hai Hậu), Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phó Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chỉ huy phó:

Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Xuyên)

Các ủy viên:

Đồng chí Phạm Văn Xô (Hai Xô)

Đồng chí Phạm Thái Bường (Ba Bường)

Bia lưu niệm số 3 (sửa chữa lần thứ 6)

**BAN BẢO VỆ AN NINH TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM
TẠI CHIẾN KHU Đ
(1961–1962)**

Tháng 7 năm 1960, Ban Bảo vệ an ninh Xứ ủy Nam Bộ đặt căn cứ ở Bắc Tây Ninh.

Tháng 10–1961, Trung ương Cục quyết định Ban Bảo vệ an ninh Xứ ủy Nam Bộ chuyển thành Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam.

Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục gồm có: Văn phòng, bộ phận điệp báo, tiểu đội bảo vệ vũ trang, đến ngày 16–1–1963 đổi thành Ban An ninh Trung ương Cục miền Nam.

Trong thời gian ở Chiến khu Đ (1961–1962), Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam đã:

– Mở nhiều lớp đào tạo cán bộ an ninh cho các Khu, các tỉnh, thành ở miền Nam.

– Chỉ đạo xây dựng và tổ chức hệ thống an ninh các cấp từ Trung ương Cục đến Khu, tỉnh, huyện, xã và thành lập Ban Bảo vệ ở các cơ quan Dân Quân Chính Đảng.

– Khôi phục và phát triển cơ sở điệp báo trong các cơ quan đàn áp của địch ở Sài Gòn.

– Triển khai công tác vận động quần chúng đấu tranh chống do thám, gián điệp, bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ hành lang, bảo vệ nội bộ cơ quan đơn vị, bảo vệ căn cứ cách mạng và nhân dân.

Hoạt động của Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục miền Nam đã góp phần xứng đáng trong việc xây dựng và phát triển phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, giúp cho các cấp ủy Đảng chỉ đạo tốt công tác nắm tình hình địch, phục vụ tích cực cho công tác đánh địch và bảo vệ lực lượng cách mạng trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mã Đà, ngày 10 tháng 10 năm 2004

Bìa lưu niệm số 3 (mặt sau)

**LÃNH ĐẠO BAN BẢO VỆ AN NINH
TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ
(1961–1962)**

Trưởng ban:

Đồng chí Phan Văn Đáng (Hai Vãn), Ủy viên Trung ương Đảng, phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

Phó ban:

Đồng chí Cao Đăng Chiếm (Sáu Hoàng)

Ủy viên ban:

- Đồng chí Huỳnh Việt Thắng (Tư Thắng)
- Đồng chí Lê Văn Còn (Mười Thạnh)
- Đồng chí Huỳnh Anh (Chín Huỳnh)
- Đồng chí Thái Doãn Mười (Tám Nam)

Bìa lưu niệm số 4 (sửa chữa lần thứ 6)

**BAN TUYÊN HUẤN TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM
TẠI CHIẾN KHU Đ
(1961–1962)**

Nơi đây vào tháng 10 năm 1961, Trung ương Cục miền Nam đã quyết định chuyển Ban Tuyên huấn của Xứ ủy Nam bộ (thành lập tháng 10–1954) thành Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam.

Ban Tuyên huấn là cơ quan tham mưu của Trung ương Cục có nhiệm vụ:

- + Huấn luyện, đào tạo cán bộ tuyên huấn cho cách mạng miền Nam.
- + Đảm bảo cho đường lối, chính sách của Đảng thông suốt trong cán bộ, đảng viên và quần chúng.
- + Biến đường lối của Đảng thành sức mạnh đấu tranh của quần chúng.
- + Giúp cấp ủy trong việc xây dựng và lãnh đạo tư tưởng chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và quần chúng.

Trung ương Cục miền Nam nhấn mạnh: *“Cần tăng cường giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên về chính trị và tư tưởng là công tác quan trọng và yêu cầu cấp bách của Đảng bộ...”*.

Thực hiện nhiệm vụ trên, Trung ương Cục miền Nam đã thành lập Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam, liên tục mở các lớp huấn luyện chính trị trung cấp, cao cấp, đào tạo nhiều thế hệ cán bộ cách mạng kiên định đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc, giỏi công tác tuyên truyền, công tác vận động quần chúng, bản lĩnh chính trị vững vàng, là hạt nhân nòng cốt cho phong trào đấu tranh cách mạng trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam.

Ban Tuyên huấn, về công khai, là Ban Thông tin của Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam.

Mã Đà, ngày 10 tháng 10 năm 2004

Bìa lưu niệm số 4 (mặt sau)

**LÃNH ĐẠO BAN TUYÊN HUẤN
TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TẠI
CHIẾN KHU Đ (1961–1962)**

Trưởng ban:

Đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc), Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Cục.

Phó trưởng ban:

Đồng chí Trần Bạch Đằng (Tư Ánh)

Bia lưu niệm số 5 (sửa chữa lần thứ 6)

**BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG CỤC
MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ
(1961–1962)**

Tháng 10–1961, Trung ương Cục miền Nam quyết định chuyển Ban Tổ chức Xứ ủy Nam bộ (thành lập tháng 10–1954) thành Ban Tổ chức Trung ương Cục miền Nam.

Ban Tổ chức Trung ương Cục miền Nam là cơ quan tham mưu cho cấp ủy về công tác tổ chức, xây dựng cơ sở Đảng, đào tạo cán bộ, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng trong những năm đầu kháng chiến, chống Mỹ xâm lược.

Ngày 10–4–1962, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị về tăng cường công tác xây dựng Đảng. Chỉ thị nêu rõ:

1. Công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ, đảng viên là công tác hàng đầu.
2. Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng.
3. Tổ chức phát triển thêm nhiều đảng viên mới làm cho Đảng bộ thực sự gắn bó với quần chúng.
4. Bồi dưỡng cán bộ cũ, phát hiện, đào tạo, đề bạt nhiều cán bộ trẻ đáp ứng những yêu cầu cách mạng đang phát triển.
5. Gấp rút kiện toàn tổ chức của các cấp ủy Đảng.
6. Kiện toàn Ban tổ chức các cấp để giúp các cấp ủy thực hiện được nhiệm vụ xây dựng, phát triển Đảng.
7. Tăng cường công tác Đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng, vì đó là cánh tay đắc lực thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, đồng thời là lực lượng hậu bị hùng hậu của Đảng.

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam, Ban Tổ chức Trung ương Cục đã tập trung tăng cường công tác xây dựng Đảng, khẩn trương kiện toàn công tác tổ chức, đào tạo đội ngũ cán bộ cách mạng ở miền Nam phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mã Đà, ngày 10 tháng 10 năm 2004

Bìa lưu niệm số 5 (mặt sau)

**LÃNH ĐẠO BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM
TẠI CHIẾN KHU Đ
(1961–1962)**

Trưởng ban:

Đồng chí Phan Văn Đáng (Hai Văn), Ủy viên Trung ương Đảng, phó Bí thư Trung ương Cục.

Phó trưởng ban:

– Đồng chí Nguyễn Văn Ngựet.

– Đồng chí Lê Tự Nhiên.

Bia lưu niệm số 6 (sửa chữa lần thứ 6)

**BAN THÔNG TIN LIÊN LẠC TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM
TẠI CHIẾN KHU Đ
(1961–1962)**

Ngày 14–9–1961, Hội nghị thông tin đầu tiên của Xứ ủy Nam Bộ được tổ chức tại căn cứ Cối Xay (Mã Đà, Chiến khu Đ). Tháng 10–1961, Trung ương Cục quyết định thành lập Ban Thông tin liên lạc Trung ương Cục miền Nam (gọi tắt là Ban Thông tin R).

Nhiệm vụ của Ban Thông tin liên lạc được Trung ương Cục xác định:

- Tổ chức cụm đài thông tin phục vụ công tác lãnh đạo chỉ đạo của Trung ương Cục (B8).
- Xây dựng tổ chức mạng lưới thông tin toàn miền Nam.
- Đào tạo cán bộ nghiệp vụ, cung cấp trang thiết bị, máy thông tin cho các chiến trường.

Trong thời gian 1961–1962, Ban Thông tin liên lạc đã đưa vào hoạt động:

+ **Đài 1:** Có nhiệm vụ chuyển điện CQ (loại điện báo chỉ thị chung của Trung ương Cục cho các đài địa phương, đồng thời tiếp nhận báo cáo của các địa phương).

+ **Đài 2 và 3:** Liên lạc với CP16 Hà Nội (Cục đặc biệt thuộc Văn phòng Trung ương Đảng); các đài Khu, các Ban, Ngành và các đài trọng điểm trực thuộc Trung ương Cục.

+ **Xưởng Kỹ thuật** của Ban Thông tin liên lạc R đã tự lắp ráp được nhiều máy móc thông tin mang ký hiệu GP từ 1 đến 10 (GP: Giải phóng) và đào tạo cơ công tại chỗ cung cấp cho các chiến trường và các khu.

+ **Trường thông tin Lý Tự Trọng** đã đào tạo được hàng trăm cán bộ báo vụ, cơ công bổ sung cho các đài của Trung ương Cục, các Khu và chiến trường trọng điểm.

Hoạt động của Ban Thông tin liên lạc Trung ương Cục miền Nam tại Chiến khu Đ đã bảo đảm cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương và Trung ương Cục đến các chiến trường miền Nam; góp phần đào tạo cán bộ, trang cấp thiết bị liên lạc vô tuyến cho các Ban thông tin liên lạc ở miền Nam.

Mã Đà, ngày 10 tháng 10 năm 2004

Bìa lưu niệm số 6 (mặt sau)

**LÃNH ĐẠO BAN THÔNG TIN LIÊN LẠC TRUNG ƯƠNG CỤC
MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ (1961–1962)**

Trưởng ban:

Đồng chí Nguyễn Thành Danh (Sáu Đại)

Phó ban:

Đồng chí Đỗ Bông (Ba Bông)

Ủy viên ban:

+ Đồng chí Bùi Nê (Bảy Nê)

+ Đồng chí Vũ Đức Ban (Mười Phong)

Bìa lưu niệm số 7 (sửa chữa lần thứ 6)

ĐÀI PHÁT THANH GIẢI PHÓNG VÀ THÔNG TẤN XÃ GIẢI PHÓNG MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ (1961– 1962)

Tháng 10–1961, Hội nghị Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập Đài phát thanh Giải phóng và Thông tấn xã Giải phóng miền Nam – cơ quan ngôn luận của Đảng bộ và nhân dân miền Nam Việt Nam.

Với nỗ lực cao nhất, vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 1–2–1962 tại Mã Đà – Chiến khu Đ, Đài phát thanh Giải phóng miền Nam đã phát thanh buổi đầu tiên, truyền đi tiếng nói đấu tranh của quân dân miền Nam ra cả nước và thế giới.

Đài phát thanh Giải phóng và Thông tấn xã Giải phóng miền Nam đã góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng ta, vạch trần âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ, bản chất phản động của chế độ tay sai Mỹ ở miền Nam; tập hợp các tầng lớp nhân dân miền Nam đấu tranh chống Mỹ – nguy và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

Mã Đà, ngày 10 tháng 10 năm 2004

Bìa lưu niệm số 7 (mặt sau)

LÃNH ĐẠO ĐÀI PHÁT THANH GIẢI PHÓNG VÀ THÔNG TẤN XÃ GIẢI PHÓNG MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ (1961–1962)

Trưởng đài:

Đồng chí Tân Đức (Tám râu)

Phó trưởng đài:

Đồng chí Hai Xuyên

Bìa lưu niệm số 8 (sửa chữa lần thứ 6)

**VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG CỤC
MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ
(1961 – 1962)**

Tháng 10 năm 1961, Văn phòng Xứ ủy Nam bộ chuyển thành Văn phòng Trung ương Cục miền Nam.

Văn phòng Trung ương Cục là cơ quan tham mưu của Trung ương Cục miền Nam, có chức năng theo dõi nắm tình hình, phân tích, tổng hợp mọi diễn biến trên chiến trường miền Nam, đề xuất những chủ trương, biện pháp, để Trung ương Cục ra quyết định lãnh đạo, chỉ đạo phong trào chung và chỉ đạo cụ thể trên từng chiến trường, từng lĩnh vực hoạt động chính trị, vũ trang, kinh tế, văn hóa, xã hội... Văn phòng Trung ương Cục miền Nam gồm các bộ phận: Tổng hợp; Quản trị; Văn thư; Cơ yếu; Bảo vệ...

Trong thời kỳ đứng chân hoạt động ở căn cứ Chiến khu Đ, Văn phòng Trung ương Cục kết hợp chặt chẽ với các ban ngành của Trung ương Cục, tham mưu và giúp Trung ương Cục miền Nam tổ chức và bảo vệ an toàn tối mật các hội nghị tổng kết, hội nghị chuyên đề; các lớp tập huấn, đồng thời phục vụ cấp ủy ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng chỉ đạo các Đảng bộ trực thuộc, góp phần nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng và quyết tâm kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân miền Nam.

Mã Đà, ngày 10 tháng 10 năm 2004

Bìa lưu niệm số 8 (mặt sau)

**LÃNH ĐẠO VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TẠI
CHIẾN KHU Đ
(1961–1962)**

Chánh văn phòng:

Đồng chí Nguyễn Hữu Thế

Phó văn phòng:

Đồng chí Châu Quốc Tuấn

Bia lưu niệm số 9 (sửa chữa lan thứ 6)

**BAN GIAO-BU'U-VẬN TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TẠI
CHIẾN KHU Đ
(Tháng 6 năm 1962)**

Ngày 2 tháng 6 năm 1962, Ban Giao-bưu-vận miền Nam được thành lập (gọi tắt là Ban Giao bưu R). Thường vụ Trung ương Cục đề ra cho ngành giao-bưu-vận bốn nhiệm vụ lớn:

1. Xây dựng tốt và đảm bảo thông suốt các đường dây chiến lược trong toàn miền Nam.
2. Thực hiện tốt kế hoạch về vận tải hàng hóa và phương tiện nặng.
3. Đưa đón các đoàn tiếp vận một cách an toàn, nhanh chóng và ngày càng nhiều.
4. Bảo đảm tiếp phát nhanh chóng công văn, tài liệu chỉ đạo và các loại quân dân bưu khác cho các chiến trường và các địa phương.

Ban Giao-bưu-vận Trung ương Cục gồm có Văn phòng phụ trách công tác hành chính, quản trị và tiểu ban bưu chính; tiểu ban giao thông vận tải; tiểu ban tổ chức và cán bộ.

Hoạt động của Ban Giao-bưu-vận Trung ương Cục nối liền mạch máu chỉ đạo chiến lược từ Trung ương vào miền Nam, đảm bảo hành lang tiếp nhận sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa cho chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mã Đà, ngày 10 tháng 10 năm 2004

Bia lưu niệm số 9 (mặt sau)

**LÃNH ĐẠO BAN GIAO-BU'U-VẬN
TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ (Năm 1962)**

Trưởng ban:

Đồng chí Nguyễn Chí Quyết (Dụng)

Phó trưởng ban:

– Đồng chí Trần Văn Thâm (Ba Cao)

– Đồng chí Nguyễn Văn Hóa (Sáu Tiến)

Ủy viên ban:

Đồng chí Trần Nam Thống (Đức)

DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG CĂN CỨ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM (1961 – 1962)

LÊ XUÂN HẬU (*)

Di tích lịch sử cách mạng căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962) thuộc địa phận Phân trường 4, Lâm trường Vĩnh An, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Di tích nằm ở tọa độ 107°03'37" kinh tuyến và 11°22'47" vĩ tuyến (theo bản đồ tỷ lệ 1:50.000, do Tổng cục Địa chính in lần thứ nhất năm 1994 trên cơ sở bản đồ địa hình UTM do Phân cục Địa dư Đà Lạt ấn hành ngày 02 tháng 06 năm 1967).

Từ Quốc lộ 1A hướng Bắc–Nam, đến ngã ba Bui Chu thuộc xã Hố Nai 4, huyện Thống Nhất, theo đường nhựa rẽ vào Nhà máy Thủy điện Trị An dài 23km đến Lâm trường Mã Đà. Ta theo đường đất đỏ cấp phối 322 vượt qua phân trường Bà Hào, suối Xay (hướng sân bay Rang Rang cũ) khoảng 22km, rẽ phải theo con đường mòn xuyên rừng khoảng 17km là đến khu di tích.

Di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962) là nơi đứng chân của Trung ương Cục – đại diện cho Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng miền Nam trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Sau Hiệp định Giơnevơ, đế quốc Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về xây dựng chính quyền tay sai. Chúng đẩy mạnh chiến dịch tố cộng, diệt cộng, mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá phong trào cách mạng miền Đông; lập khu dinh điền, khu trù mật. Tháng 6 năm 1959, địch ban hành luật 10/59, lê máy chém đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng ngày càng khốc liệt. Tại Chiến khu Đ, địch cho khai thác rừng, mở trại be, mở đường 322, 323... nhằm chia cắt chiến khu. Năm 1959, chúng thành lập tỉnh Phước Thành bao trùm lên cả vùng căn cứ Chiến khu Đ, tạo thành một cứ điểm phòng thủ về hướng Đông và Đông Bắc Sài Gòn, làm điểm xuất phát để đánh phá căn cứ, tiêu diệt phong trào cách mạng.

Tháng 10 năm 1954, Xứ ủy Nam bộ thành lập nhằm kịp thời chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng tại miền Nam. Các tỉnh miền Đông Nam bộ tổ chức thành Liên Tỉnh ủy miền Đông, căn cứ đóng tại Chiến khu Đ. Xứ ủy chỉ đạo xây dựng hai vùng căn cứ lớn: vùng căn cứ Đông Bắc gồm Chiến khu Đ cũ được mở

*

Cán bộ Phòng Quản lý di tích, Nhà Bảo tàng Đồng Nai.

rộng cho đến giáp Nam Tây Nguyên và biên giới Campuchia (khu A); vùng căn cứ Tây Bắc gồm căn cứ Dương Minh Châu cũ và rừng núi Tây Ninh (chiến khu B).

Sau khi triển khai “*Đề cương cách mạng miền Nam*” của đồng chí Lê Duẩn (tháng 8 năm 1956), tháng 12 năm 1956, Xứ ủy chỉ đạo: “Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đơn vị vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ miền núi, tạo thế vững chắc tiến tới đánh đổ Mỹ–Diệm”.

Tháng 10 năm 1957, một trong những đơn vị vũ trang cách mạng đầu tiên được thành lập ở Đông Nam bộ (Chiến khu Đ) là C60, sau đó phát triển thêm các đội vũ trang tập trung C50, C80, C70, C250... Để mở rộng căn cứ, tháng 3 năm 1958, Xứ ủy thành lập Ban Quân sự và Đảng ủy Lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ. Xuất phát từ Chiến khu Đ, lực lượng vũ trang miền Đông (với danh nghĩa giáo phái) đã tổ chức tiến công các sở cao su Minh Thạnh, Dầu Tiếng, Trại Be Biên Hòa... vừa mở rộng Chiến khu, vừa giải quyết hậu cần cho các đơn vị kháng chiến, vận động đồng bào dân tộc Bù Tôm, Bù Cháp, Lý Lịch... phát triển sản xuất, ổn định đời sống.

Thực hiện Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa II), Liên Tỉnh ủy miền Đông chỉ đạo và tổ chức trận tiến công Tua Hai (Tây Ninh) ngày 26 tháng 01 năm 1960 giành thắng lợi, mở đầu cho phong trào nổi dậy vũ trang trên toàn miền Đông. Chiến thắng Tua Hai là sự kiện có ý nghĩa chiến lược về quân sự và chính trị, cung cấp nhiều vũ khí cho chiến trường miền Nam, đưa phong trào cách mạng miền Đông lên thành chiến tranh cách mạng.

Tháng 7 năm 1960, Bộ Chỉ huy Lực lượng vũ trang giải phóng miền Đông (Quân khu miền Đông) và Đảng ủy Quân sự miền Đông (T1) được chính thức thành lập. Cơ quan lãnh đạo, chỉ huy đặt tại Suối Linh (Hiếu Liêm gọi là căn cứ 820) thuộc Chiến khu Đ. Bộ phận thông tin điện đài cũng được hình thành đảm bảo liên lạc giữa Liên Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy, Xứ ủy và Trung ương, phục vụ tích cực cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và phát triển căn cứ, cũng như tác chiến của các lực lượng vũ trang.

Thời gian này, Xứ ủy, Liên Tỉnh ủy miền Đông đã cử hai đội vũ trang theo hai hướng: Hướng Bắc do các đồng chí Lâm Quốc Đăng, Phạm Văn Thuận cùng hai trung đội vũ trang tuyên truyền của Xứ ủy và Tỉnh ủy Phước Long. Hướng Đông Bắc do các đồng chí Nguyễn Hồng Sơn và Nguyễn Trọng Tâm cùng đoàn vũ trang miền Đông gồm 18 đồng chí cắt rừng nối thông hành lang từ Chiến khu Đ ra Tây Nguyên để đón đoàn cán bộ (mở đường Trường Sơn) của Trung ương vào. Tháng 10 năm 1960, hai đoàn gặp nhau tại suối Đạc Rtih. Đường dây liên lạc Bắc Nam được nối liền, con đường Hồ Chí Minh được hoàn thành thông suốt là cơ sở để tiếp nhận chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam.

Tháng 12 năm 1960, Xứ ủy quyết định thành lập Đảng ủy căn cứ Khu A và Khu B nhằm tăng cường lãnh đạo xây dựng căn cứ tạo thế đứng chân vững chắc tiến hành cuộc trường kỳ kháng chiến.

Ngày 20 tháng 12 năm 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập tại Tây Ninh. Đây là một sự kiện quan trọng có tác dụng tập hợp rộng rãi hơn nữa mọi tầng lớp nhân dân yêu nước ở miền Nam, nhằm cô lập và phân hóa kẻ thù, đấu tranh cho độc lập dân tộc và dân chủ. Ngày 15 tháng 02 năm 1961, tại Đồng Rùm, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam họp bàn về nâng cao đấu tranh vũ trang song song đấu tranh chính trị và thống nhất tên gọi Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Hệ thống chỉ đạo, chỉ huy quân sự từ Miền đến xã được tăng cường. Ban Quân sự Miền (trực thuộc Trung ương Cục miền Nam) được thành lập nhằm chỉ huy các lực lượng vũ trang ở chiến trường Nam bộ và cực Nam Trung bộ. Bộ Tư lệnh Quân khu I (miền Đông Nam bộ), Quân khu II (Trung Nam bộ), Quân khu III (miền Tây Nam bộ), Quân khu IV (Sài Gòn – Gia Định) và Quân khu VI (Nam Trung bộ) được thành lập tạo nên thế đứng vững chắc của cách mạng trước những thử thách mới của tình hình thực tế.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH DI TÍCH CĂN CỨ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM (1961–1962)

Tháng 5 năm 1951, Trung ương Cục miền Nam được thành lập với nhiệm vụ trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ. Tháng 9 năm 1954, do yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo đấu tranh ở Nam bộ bấy giờ là đấu tranh chính trị, đòi dân sinh dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, Trung ương Đảng quyết định giải thể Trung ương Cục, tái lập Xứ ủy Nam bộ. Năm 1960, phong trào Đồng khởi ở miền Nam dâng cao, làm tan rã căn bản cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nông thôn, vùng giải phóng được mở rộng. Cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng với quy mô ngày càng lớn.

Trước yêu cầu mới của cuộc cách mạng, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã đề ra nhiệm vụ chiến lược cho hai miền Nam – Bắc. Đặc biệt, với cách mạng miền Nam phải tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Trung ương Đảng về chủ trương, đường lối và tổ chức thực hiện. Điều lệ Đảng ghi rõ: Ban Chấp hành Trung ương có thể cử ra một số ủy viên Trung ương thành lập Trung ương Cục, phụ trách chỉ đạo công tác Đảng ở những Đảng bộ đặc biệt trọng yếu. Trung ương Cục miền Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, do Bộ Chính trị thường xuyên thay mặt chỉ đạo. Trung ương Cục có một Bí thư, hai Phó Bí thư. Các đồng chí trong Ban Thường vụ do Hội nghị Trung ương Cục bầu cử.

Ngày 23 tháng 01 năm 1961, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam và chỉ định Ban Chấp hành do đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) làm Bí thư Trung ương Cục.⁽¹⁾

Theo chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Duẩn, từ năm 1960, đồng chí Phạm Văn Xô (Hai Xô) đã trao đổi với Xứ ủy Nam bộ về vấn đề xây dựng căn cứ địa.

¹ Theo nhiều tài liệu lịch sử đã xuất bản như *Lịch sử miền Đông kháng chiến*, *Lịch sử Chiến khu Đ* thì lễ công bố thành lập Trung ương Cục được tổ chức tại Mã Đà.

Căn cứ nhiệm vụ cách mạng, Xứ ủy đã cử một bộ phận cán bộ do đồng chí Lâm Quốc Đăng phụ trách nghiên cứu xây dựng căn cứ ở khu vực Mã Đà (Chiến khu Đ).

Trung ương Cục miền Nam được giao nhiệm vụ lãnh đạo toàn bộ chiến trường miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào. Theo chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Duẩn (nguyên Bí thư Xứ ủy, Bí thư Trung ương Cục trong 9 năm) về vị trí của Chiến khu Đ đối với miền Đông và Nam bộ, trong tình hình đường Trường Sơn đã được nối thông (từ tháng 10 năm 1960), Trung ương Cục quyết định chọn căn cứ Khu A, bao gồm Chiến khu Đ, mở rộng lên phía Bình Long, Phước Long, Quảng Đức, đứng giữa Trung bộ và Nam bộ để xây dựng và phát triển căn cứ. Trung tâm Chiến khu Đ cách Sài Gòn 30km đường chim bay về hướng Đông Bắc, hướng Tây là đường 16, hướng Nam là sông Đồng Nai. Nằm trên triền rừng bạt ngàn, nổi lên cao nguyên miền Trung và biên giới Campuchia xuống giáp các đô thị Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Sài Gòn, địa hình Chiến khu Đ chủ yếu là vùng bình nguyên, rừng và đồi liên tiếp nối nhau, được bao phủ bằng rừng cây hỗn giao nhiều tầng. Trong lòng căn cứ có hàng trăm sông, suối thuộc lưu vực sông Đồng Nai, tạo thành những tuyến phòng thủ thiên nhiên độc đáo. Hàng chục đường giao thông chiến lược và chiến thuật chạy bao quanh đan xen trong lòng căn cứ. Những yếu tố địa hình trên cộng với vị trí án ngữ hành lang nối Bắc bộ và Trung bộ vào miền Đông Nam bộ khiến cho Chiến khu Đ có một vị thế lợi hại về mặt quân sự. Chiến khu Đ trở thành địa bàn tập kết sức người, sức của từ hậu phương lớn miền Bắc chi viện cho miền Nam theo tuyến đường Trường Sơn xuống Nam Tây Nguyên.

Hội nghị Trung ương Cục lần thứ nhất diễn ra ngày 10 tháng 10 năm 1961 – đã đề ra nhiệm vụ cấp bách là xây dựng các cơ quan chuyên môn giúp cấp ủy đề ra các chủ trương, đường lối, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành các chủ trương, chỉ đạo nghiệp vụ cho cấp dưới và đào tạo cán bộ thuộc ngành phụ trách. Các cơ quan chuyên môn gồm:

- + **Văn phòng:** có nhiệm vụ nghiên cứu, tổng hợp tình hình chung, chuyển công văn giấy tờ, lo công tác hành chính quản trị, quản lý bộ phận mật mã... Chánh văn phòng là đồng chí Nguyễn Hữu Thế; đồng chí Châu Quốc Tuấn là Phó văn phòng.

- + **Ban Tổ chức:** Do đồng chí Phan Văn Đáng làm Trưởng ban, đồng chí Nguyễn Văn Ngựet (Ba Lâm, Ba Rừng), đồng chí Lê Tự Nhiên làm Phó ban. Nhiệm vụ của Ban Tổ chức là thi hành các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, Trung ương Cục về công tác Đảng; tìm hiểu cán bộ; nghiên cứu kế hoạch đào tạo, cất nhắc và cung cấp cán bộ cho Nam bộ; tuyên truyền, triển khai các Nghị quyết của Trung ương, Trung ương Cục và huấn luyện cán bộ.

- + **Ban Cơ yếu:** Do đồng chí Nguyễn Văn Chín làm Trưởng ban, đồng chí Trần Tiến Liên và Nguyễn Hoàng làm Phó ban. Ban này có nhiệm vụ thống nhất chỉ đạo, nghiên cứu quản lý kỹ thuật cơ yếu toàn miền Nam (gồm cơ yếu các ngành và các khu); giữ liên lạc lãnh đạo chỉ đạo giữa Trung ương và Trung ương

Cục, Trung ương Cục với các khu; nghiên cứu, đề xuất ý kiến với Thường vụ Trung ương Cục và các ngành, các cấp về tổ chức liên lạc cơ yếu; phối hợp với các ban và cấp ủy có sử dụng cơ yếu để đào tạo, quản lý chặt chẽ cán bộ nhân viên cơ yếu, điều chỉnh cán bộ trong ngành, thống nhất quản lý chi viện của cơ yếu Trung ương và phân phối trong ngành.

+ **Ban Hậu cần:** Do đồng chí Lý Văn Kỷ làm Trưởng ban, đồng chí Nguyễn Hữu Tân (Năm Mộc) làm Phó ban. Nhiệm vụ là đảm trách vấn đề lương thực, thực phẩm, quản lý quân nhu cho toàn thể cán bộ chiến sĩ Trung ương Cục.

+ **Ban An ninh:** Đầu tiên gọi là Ban Bảo vệ an ninh Trung ương Cục, sau đổi thành Ban An ninh Trung ương Cục, do đồng chí Phan Văn Đáng làm Trưởng ban; đồng chí Cao Đăng Chiếm (Sáu Hoàng) làm Phó ban. Nhiệm vụ của Ban An ninh là bảo vệ an toàn khu căn cứ, vùng giải phóng; chống gián điệp, xây dựng cơ sở an ninh mật trong các khu, ấp chiến lược, vùng địch kiểm soát; diệt ác ôn; phối hợp cùng các lực lượng tại chỗ đánh địch lấn chiếm, làm thất bại các biện pháp chiến lược và chiến thuật của địch; bảo vệ nội bộ, đào tạo cán bộ cho ngành.

+ **Ban Quân sự Miền:** Tư lệnh là đồng chí Trần Văn Quang (Bảy Tiến), Chính ủy là đồng chí Trần Lương. Ban có nhiệm vụ chỉ đạo tác chiến, xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng hình thành ba thứ quân.

+ **Ban Kinh tài:** Tiếp tục nhiệm vụ của Ban Kinh tài Xứ ủy Nam bộ do đồng chí Phạm Văn Xô làm Trưởng ban, đồng chí Nguyễn Văn Phi làm Phó ban. Nhiệm vụ của Ban là nghiên cứu tham mưu cho Trung ương Cục đề ra đường lối chính sách và những biện pháp lớn về kinh tế tài chính; nghiên cứu xây dựng các chính sách cụ thể, các biện pháp để phát triển mạng lưới tổ chức hậu cần, phát triển sản xuất đáp ứng cho các lực lượng cách mạng miền Nam; tiếp nhận chi viện của Trung ương (tổ chức kho tiếp nhận); hướng dẫn địa phương thi hành, chỉ đạo nghiệp vụ cho các ngành bên dưới, đào tạo cán bộ làm công tác kinh tài...

Để xây dựng căn cứ cách mạng vững chắc, Trung ương Cục thành lập Đảng ủy căn cứ (tức C150) do đồng chí Lâm Quốc Đăng phụ trách. Đảng ủy có nhiệm vụ: Xây dựng khu A (Chiến khu Đ mở rộng đến Đông Quốc lộ 13) thành một căn cứ cách mạng hoàn chỉnh với tuyến giao liên và hành lang vận chuyển liên hoàn; mở rộng diện tích sản xuất trong căn cứ, dự trữ vật chất để đón cán bộ, chiến sĩ từ Trung ương vào miền Nam chiến đấu; xây dựng lực lượng vũ trang tập trung cơ động từ một đến hai tiểu đoàn; tổ chức du kích gắn liền với lực lượng bảo vệ sản xuất, bảo vệ đường dây giao liên; tổ chức đường dây liên lạc nối Trường Sơn với các tỉnh, đường dây trong căn cứ từ đường 14 Đồng Xoài xuống Vĩnh An, Cây Gáo; vận động đồng bào dân tộc tham gia kháng chiến, bảo vệ căn cứ.

Theo chỉ đạo của Trung ương Cục, kho quân giới đầu tiên của Miền được xây dựng tại căn cứ Khu A lấy phiên hiệu là C150, đóng quân trên đồi 150 Suối Dài. Đây là nơi cất giấu bảo quản vũ khí, các trang bị, phương tiện tác chiến từ hậu phương miền Bắc chi viện cho miền Nam. Tiếp đó, xưởng quân giới được xây

dựng gồm 20 cán bộ kỹ thuật do đồng chí Phạm Anh Tuấn làm xưởng trưởng, phiên hiệu của xưởng là C10, B8.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ, từ năm 1961, đơn vị C150 chuyển thành đơn vị đảm trách công tác hậu cần và xây dựng căn cứ địa Khu A, lấy phiên hiệu là U50. U50 tổ chức 4 trung đội làm nhiệm vụ sản xuất và bảo vệ Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh T1 và Khu ủy. Ban Chỉ huy U50 gồm các đồng chí Đào Sơn Tây (Tư Khanh), Trần Công An, Năm Ninh... Ban Thông tin Khu, Ban Quân y đều được xây dựng tại căn cứ.

Năm 1961, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện “*Chiến tranh đặc biệt*”. Mỹ tăng cường cố vấn, phát triển lực lượng, tăng cường trang bị vũ khí cho ngụy quân, mở nhiều cuộc càn quét đánh phá căn cứ kháng chiến. Chúng thực hiện dồn dân, lập ấp chiến lược, bình định, hành quân càn quét, triệt phá làng mạc để đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam.

Trước tình hình mới, Đảng ta chủ trương chuyển từ khởi nghĩa sang chiến tranh cách mạng và tăng cường sự chỉ đạo của Trung ương đối với cách mạng miền Nam. Phương châm đấu tranh là: đẩy mạnh đấu tranh chính trị song song với đấu tranh vũ trang, tiến công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự; xây dựng căn cứ địa vững chắc, đảm bảo việc xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, bảo vệ cơ quan đầu não lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng toàn miền.

Tháng 10 năm 1961, Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục miền Nam được triệu tập tại căn cứ Chiến khu Đ. Hội nghị kiểm điểm phong trào cách mạng miền Nam từ Đồng khởi. Trong đó, vấn đề xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng là một trong mười nhiệm vụ cụ thể của Đảng bộ miền Nam được Hội nghị tập trung thảo luận. Trung ương Cục nhấn mạnh nội dung xây dựng căn cứ địa là: xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, tích cực phát triển lực lượng du kích tự vệ bảo vệ căn cứ, gắn hoạt động chiến đấu với xây dựng, phát triển sản xuất, dự trữ hậu cần; tiếp tục củng cố và mở rộng nhiều vùng căn cứ: Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, vùng Rừng Sác, Đồng Tháp Mười, rừng U Minh, vùng rừng núi Tây Nguyên và miền Tây Nam bộ... để hình thành hệ thống căn cứ địa liên hoàn, đảm bảo cho nhiệm vụ lãnh đạo và phục vụ cho các lực lượng cách mạng.

Năm 1962, kế hoạch bình định miền Nam bằng các “khu dinh điền”, “khu trừ mật” bị thất bại, Mỹ chuyển sang kế hoạch mới với hệ thống hàng rào ấp chiến lược được chúng nâng lên thành quốc sách. Địch mở nhiều cuộc càn quét với quy mô lớn nhằm khủng bố, dồn dân lập ấp chiến lược, tiến tới triệt tiêu phong trào cách mạng. Tại các vùng căn cứ, địch tăng cường đánh phá, phong tỏa kinh tế, gây khó khăn mọi mặt cho lực lượng cách mạng, đặc biệt là vấn đề lương thực.

Năm 1962, theo chỉ đạo của Trung ương, Trung ương Cục chỉ còn đảm nhiệm lãnh đạo phong trào cách mạng từ cực Nam Trung bộ trở vào. Để thuận lợi trong lãnh đạo và đảm bảo an toàn cho cơ quan đầu não, Trung ương Cục miền Nam quyết định chuyển căn cứ về Khu B (Bắc Tây Ninh). Vùng căn cứ Bắc Tây Ninh với các địa danh: Sóc Thiết, Hòa Hiệp, Trại Bí, Bàu Cỏ và những khu vực chạy sát

biên giới Campuchia hình thành vùng căn cứ an toàn. Đây cũng là nơi đặt đại bản doanh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền... Vùng căn cứ này rất có lợi thế về mặt quân sự, tiến có thể kết hợp cùng các đơn vị chủ lực tiêu diệt địch, lùi có thể an toàn thoát ra khỏi biên giới Campuchia, công tác hậu cần thuận lợi hơn. Trung ương Cục miền Nam không ngừng củng cố và lớn mạnh đảm bảo sự chỉ đạo thông suốt, góp phần quan trọng làm nên chiến thắng lịch sử mùa xuân năm 1975.

3. KHẢO SÁT MÔ TẢ CHI TIẾT:

Di tích Trung ương Cục miền Nam (1961–1962) tọa lạc cặp theo sông Mã Đà, Suối Nhung, suối Nứa (suối Mum), trên ngọn đồi đất sỏi bằng phẳng, có độ dốc thoải thoải với diện tích khoảng 20 hecta, ở độ cao 20m so với mặt sông Mã Đà. Nơi đây được che phủ bởi rừng cây tạp hỗn giao nhiều tầng với mật độ tương đối dày, dây rừng leo chằng chịt. Các loại cây rừng có đường kính vừa và nhỏ đa phần là các loại cây như: chò, sao, cầy, bằng lăng, dầu... cùng một số cây rừng ăn trái được như: uoi, bứa, dâu, trường và nhiều thực vật khác. Đây cũng là nơi cư trú của rất nhiều loại động vật tạo sự phong phú về môi trường sinh thái cũng như cảnh quan. Di tích nằm giữa đại ngàn, bốn phía đều giáp sông, suối tạo nên ưu thế về mặt quân sự, đã phản ánh được tầm nhìn chiến lược trong việc chọn địa bàn đứng chân của Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1961–1962.

Di tích được cấu thành bởi các bộ phận chính:

- + Hệ thống giao thông hào
- + Hàm trú ẩn
- + Nền nhà

Các bộ phận này được phân bố rộng khắp trên thực địa ở bốn khu vực chính: Ban Giao liên, Ban An ninh, Ban Chỉ huy (Văn phòng Trung ương Cục), Ban Tổ chức – Tuyên huấn.

Hiện nay, các bộ phận này đã được nhân chứng lịch sử xác nhận điểm đứng chân cụ thể trên thực tế mặt bằng di tích, cũng như được thể hiện trên sơ đồ mặt bằng tổng thể di tích bằng các ký hiệu: A, B, C, D và tên gọi. Mỗi ký hiệu đều được đặt số thứ tự tương ứng với các dấu tích theo hướng Nam – Bắc.

* **Ban Giao liên:** Vượt qua suối Nứa (suối Mum) 200m theo hướng Bắc có 04 dấu tích, ký hiệu A1 đến A4 trên mặt bằng tổng thể di tích. Đây là trạm dừng chân đầu tiên trước khi tiếp cận với cơ quan đầu não nơi trung tâm căn cứ.

- Nền nhà và hàm trú ẩn (A1): $13,4m^2$
- Hàm trú ẩn (A2): Dạng chữ chi dài 5,5m; ngang 2,5m; sâu 0,5m.
- Hàm trú ẩn (A3): Dạng chữ chi dài 4,5m; ngang 2,7m; sâu 0,6m.
- Nền nhà (A4): $15m^2$

* **Ban An ninh**: Nằm cách Ban Giao liên 400m, chệch về hướng Tây Bắc của căn cứ. Nơi đây hiện tồn 13 dấu tích, ký hiệu B1 đến B13 trên bản đồ mặt bằng tổng thể, được bố trí đan xen nhau.

- Hầm trú ẩn (B1, dạng âm xuống đất): $3,75\text{m}^2$, sâu 0,5m
- Giao thông hào (B2): Dạng gấp khúc dài 10m; ngang 1m; sâu 1m
- Giao thông hào (B3): Dạng chữ U, dài 8m; ngang 0,6m; sâu 0,5m
- Hầm (B4): Dạng chữ nhật 5m^2 ; sâu 0,4m
- Hầm (B5): 6m^2 ; sâu 0,7m
- Hầm (B6): 2m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (B7): $1,7\text{m}^2$; sâu 0,6m
- Hầm (B8): Dạng chữ T: $8,75\text{m}^2$; sâu 0,5m
- Giao thông hào (B9): Dạng gấp khúc, dài 9m; ngang 0,6m; sâu 0,7m
- Hầm (B10): Dạng chữ nhật, $3,75\text{m}^2$; sâu 0,4m
- Hầm (B11): $6,25\text{m}^2$; sâu 0,6m
- Hầm (B12): Dạng chữ T: $7,75\text{m}^2$; sâu 0,8m
- Hầm (B13): Dạng chữ T: $11,1\text{m}^2$; sâu 1,5m

* **Ban Chỉ huy (Văn phòng Trung ương Cục)**: Nằm cách Ban An ninh 100m về hướng Đông Bắc, tồn tại 26 dấu tích được ký hiệu từ C1 đến C26 trên bản đồ tổng thể. Các dấu tích được phân bố rải rác, độc lập nhau trên đỉnh ngọn đồi. Đây là trung tâm đầu não của Trung ương Cục, nhà nghỉ của Bí thư Trung ương Cục nằm ở vị trí trung tâm Ban Chỉ huy (nay chỉ còn là dấu vết).

- Hầm (C1): 3m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (C2): $2,25\text{m}^2$; sâu 0,5m
- Hầm (C3): Dạng chữ L, bề góc vuông diện tích $5,5\text{m}^2$; sâu 0,5m
- Hầm (C4): Dạng chữ L, bề góc vuông 2m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (C5): Dạng chữ nhật, diện tích $3,75\text{m}^2$; sâu 0,6m
- Hầm (C6): Dạng chữ nhật, diện tích $5,25\text{m}^2$; sâu 0,4m
- Hầm (C7): Dạng chữ nhật, diện tích $4,20\text{m}^2$; sâu 0,5m
- Hầm (C8): Dạng hình vuông, diện tích 4m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (C9): Dạng hình vuông, diện tích 4m^2 ; sâu 0,4m
- Hầm (C10): Dạng hình vuông, 4m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (C11): Dạng hình vuông, diện tích 16m^2 ; sâu 0,6m
- Hầm (C12): Hình chữ nhật, diện tích $8,5\text{m}^2$; sâu 0,6m

- Hầm (C13): Hình chữ nhật, diện tích $2,2 \text{ m}^2$; sâu 0,5m
- Hầm (C14): Hình chữ nhật, diện tích $3,5 \text{ m}^2$; sâu 0,6m
- Hầm (C15): Hình chữ nhật, diện tích 12 m^2 ; sâu 0,6m
- Hầm (C16): Hình chữ nhật, diện tích 2 m^2 ; sâu 0,6m
- Hầm (C17): Hình vuông, diện tích $1,2 \text{ m}^2$; sâu 0,6m
- Hầm (C18): Hình vuông, diện tích 1 m^2 ; sâu 0,6m
- Hầm (C19): 20 m^2 ; sâu 0,6m
- Hầm (C20): 1 m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (C21): 1 m^2 ; sâu 0,6m
- Hầm (C22): 1 m^2 ; sâu 0,6m
- Hầm (C23): Hình chữ nhật, diện tích 2 m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (C24): Có ngách ngầm vào trong: 9 m^2
- Hầm (C25): 1 m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (C26): Dạng chữ L, diện tích $7,75 \text{ m}^2$; sâu 0,6m

* **Ban Tổ chức– Tuyên huấn:** Nằm cách Ban Chỉ huy 400m về hướng Tây Bắc. Gồm 16 dấu tích được ký hiệu từ D1 đến D16 trên bản đồ mặt bằng tổng thể di tích.

- Hầm (D1): Bể góc vuông dạng chữ L: $5,5 \text{ m}^2$; sâu 0,6m
- Hầm (D2): Bể góc vuông dạng chữ L: $6,7 \text{ m}^2$; sâu 0,6m
- Hầm (D3): 1 m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (D4): 3 m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (D5): 1 m^2 ; sâu 0,5m
- Hầm (D6): Dạng chữ T, diện tích $2,75 \text{ m}^2$; sâu 0,6m
- Hầm (D7): 1 m^2 ; sâu 0,4m
- Hầm (D8): Bể góc vuông $6,1 \text{ m}^2$; sâu 0,6m
- Hầm (D9): Dạng chữ chi, bể góc vuông dài 4m ; sâu 0,7m
- Hầm (D10): Hình chữ nhật, 3 m^2 ; sâu 0,7m
- Hầm (D11): Dạng gấp khúc dài 4m; sâu 0,7m
- Hầm (D12): Dạng chữ T, diện tích $5,5 \text{ m}^2$; sâu 0,6m
- Hầm (D13): Dài 3m uốn cong, sâu 0,5m
- Hầm (D14): Dạng chữ T, diện tích $4,5 \text{ m}^2$; sâu 0,7m
- Hầm (D15): Được bể vuông góc, diện tích $5,6 \text{ m}^2$; sâu 0,7m

– Nền nhà (D16): Được đắp cao khỏi mặt đất 0,2m; diện tích 35m²

Hệ thống hầm trú ẩn, nền nhà, giao thông hào bố trí độc lập tách biệt nhau. Hình thể đa dạng: hình vuông, chữ nhật, chữ T, chữ chi, zích zắc... với kích thước vừa và nhỏ phù hợp cho từng cá nhân sống và làm việc tại căn cứ.

4. GIÁ TRỊ KHOA HỌC LỊCH SỬ CỦA DI TÍCH:

Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961–1962) là di tích lịch sử cách mạng, với chức năng là địa bàn đứng chân của Trung ương Cục chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam. Đây cũng là khu vực tập kết các lực lượng kháng chiến, nơi đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt, kiện toàn bộ máy lãnh đạo các cấp. Di tích đã ghi một mốc son, đánh dấu sự ra đời của tổ chức Đảng, kế tục Xứ ủy Nam bộ, thay mặt Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng miền Nam, đáp ứng kịp thời những yêu cầu thực tế của nhiệm vụ cách mạng mới. Căn cứ Trung ương Cục hình thành tại Mã Đà, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Trung ương Đảng, đáp ứng lòng mong mỏi của toàn thể đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, nhân dân miền Đông nói riêng và nhân dân miền Nam nói chung, tạo tiền đề vững chắc chuẩn bị thế và lực cho cuộc trường kỳ kháng chiến.

Tuy chỉ tồn tại trong hai năm 1961–1962, nhưng căn cứ Trung ương Cục miền Nam ở Mã Đà (Chiến khu Đ) là căn cứ chính thức đầu tiên được xây dựng cho cơ quan lãnh đạo cách mạng ở miền Nam sau phong trào Đồng khởi (1960). Khi Trung ương Cục miền Nam di chuyển về Bắc Tây Ninh, căn cứ này tiếp tục tồn tại, là địa bàn đứng chân của nhiều cơ quan quân sự, hậu cần của Khu miền Đông và của Miền.

Tại di tích lịch sử cách mạng này, Trung ương Cục miền Nam đã tổ chức Hội nghị đánh giá phong trào cách mạng miền Nam và đề ra những chủ trương lớn, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, đưa phong trào cách mạng miền Nam phát triển.

Căn cứ Trung ương Cục cũng là nơi đón tiếp các đoàn cán bộ chi viện của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa cho miền Nam, làm nòng cốt xây dựng các đơn vị chủ lực tập trung của miền Nam; là nơi đào tạo, huấn luyện cán bộ chính trị, vũ trang cho phong trào cách mạng; nơi xuất phát các trận tiến công địch giành thắng lợi như Chiến thắng Hiếu Liêm (giải phóng một chi khu đầu tiên), trận Phước Thành (tháng 8–1961) lần đầu tiên đánh chiếm một tỉnh lỵ của địch.

Cũng tại căn cứ này, tháng 6 năm 1972, Đoàn đặc công 113 anh hùng đã được thành lập; và chứng kiến sự ra đời của Quân đoàn 4 (20 tháng 7 năm 1974), đơn vị chủ công làm nên Chiến dịch Xuân Lộc (1975), đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của địch phía Đông Sài Gòn, tạo điều kiện cho Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Đây cũng là Trung tâm của tỉnh. Căn cứ Tân Phú ra đời tháng 10 năm 1973 để thực hiện những nhiệm vụ quan trọng phục vụ cho những chiến dịch lớn.

Đánh giá về hệ thống căn cứ địa ở miền Đông Nam bộ, trong đó có Chiến khu Đ, Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: “...*Vùng giải phóng miền Đông Nam bộ nối liền với vùng rừng núi Khu 6 hình thành một căn cứ chiến lược thường xuyên uy hiếp Sài Gòn. Từ căn cứ này, quân chủ lực ta sẽ tiến đánh Sài Gòn, thắng địch tại đây và trên toàn chiến trường Nam bộ. Như vậy, miền núi Đông Nam bộ và Khu 6 nối với Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long có vị trí tương tự như khu căn cứ Việt Bắc đối với Hà Nội và đồng bằng Bắc bộ trước đây trong cuộc kháng chiến chống Pháp...*”

Hệ thống giao thông hào, hầm trú ẩn, nền nhà bố trí độc lập hiện tồn trong di tích là minh chứng hùng hồn cho tinh thần yêu nước, lý tưởng cách mạng cao cả của Ban lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ trong căn cứ Trung ương Cục; thể hiện được ý chí quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách chiến thắng kẻ thù xâm lược. Căn cứ tiêu biểu cho ý chí, sức mạnh toàn dân, là chỗ dựa về mặt chính trị, tinh thần khích lệ đồng bào khắp nơi trong kháng chiến.

Cùng với “Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ”, “Địa đạo Suối Linh”, Căn cứ Trung ương Cục miền Nam là địa danh lịch sử quan trọng của chiến trường Nam bộ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, góp phần làm nên “**Hào khí Đồng Nai**” rất đỗi tự hào.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

QUYẾT ĐỊNH 02 /2004 /QĐ-BVHTT CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN VỀ VIỆC XẾP HẠNG DI TÍCH QUỐC GIA

XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY HÀO KHÍ ĐỒNG NAI, TRUYỀN THỐNG MIỀN ĐÔNG GIAN LAO MÀ ANH DŨNG

DI TÍCH LỊCH SỬ CÓ Ý NGHĨA QUAN TRỌNG

VÕ VĂN KIỆT

MỘT DI TÍCH CÓ Ý NGHĨA LỊCH SỬ, TÍNH NHÂN VĂN
SÂU SẮC

NGUYỄN TẤN DŨNG

CHIẾN KHU Đ – CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG CỦA
CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM

NGUYỄN VĂN LINH

BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI VÙNG ĐẤT GIÀU TRUYỀN THỐNG VÀ TIỀM
NĂNG

NGUYỄN VĂN LINH

MÃ ĐÀ – CHIẾN KHU Đ, HÀO KHÍ ĐỒNG NAI

PHAN VĂN KHẢI

TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM CHIẾN KHU Đ (1961 – 1962) – NHỮNG NĂM THÁNG KHÔNG QUÊN

VỀ CÁCH MẠNG MIỀN NAM

LÊ DUÂN

NHỮNG ĐIỀU NHỚ LẠI VỀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC
MIỀN NAM THỜI GIAN 1961-1962 Ở CHIẾN KHU Đ

VÕ CHÍ CÔNG

THỰC TIỄN ÁC LIỆT VÀ NHỮNG BƯỚC ĐI “HAI CHÂN,
BA MŨI”

PHẠM VĂN XÔ

GIẢI THOÁT LUẬT SƯ NGUYỄN HỮU THỌ

NGUYỄN ĐÔN

NHỚ NHỮNG NGÀY Ở CHIẾN KHU MÃ ĐÀ

TRẦN BẠCH ĐĂNG

TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM – SỰ RA ĐỜI VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ

NGUYỄN HUY PHÚC

CHIẾN KHU Đ – CHIẾC NÔI RA ĐỜI CỦA QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM

NGUYỄN THỚI BỤNG

HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM LẦN THỨ NHẤT TẠI CHIẾN KHU Đ, VỚI CHỦ TRƯỞNG ĐẨY MẠNH ĐẤU TRANH VŨ TRANG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TẠI CHỖ CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM

LÊ VĂN DŨNG

ẢN TƯỢNG VỀ MỘT CHIẾN KHU

PHAN TRUNG KIÊN

MÃ ĐÀ - CHIẾN KHU Đ NƠI HỘI TỤ, PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ CHỦ LỰC MIỀN

BỘ TƯ LỆNH QUÂN ĐOÀN 4

VAI TRÒ CỦA CĂN CỨ ĐỊA KHÁNG CHIẾN QUA SỰ KIẾN THÀNH LẬP TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TẠI CHIẾN KHU Đ THỜI KỲ 1961–1962

TRỊNH VƯƠNG HỒNG

CHIẾN KHU Đ – NƠI CHÍNH THỨC THÀNH LẬP TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

NGUYỄN VĂN CHIA

NHỚ LẠI NHỮNG NGÀY LẬP LẠI TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

NGUYỄN VĂN CHÍ

GIÚP BẠN ĐÁNH GIẶC, MỞ ĐƯỜNG VÀO MIỀN NAM LÀM CÔNG TÁC TUYÊN HUẤN

TRẦN TRỌNG TÂN

MÃ ĐÀ - CHIẾN KHU Đ, NƠI KHAI SINH TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

HUỖNH VIỆT THẮNG

“LẤY SÚNG MÀ ĐÁNH GIẶC, CON ƠI!”

CHÂU QUỐC TUẤN

BUỔI ĐẦU THÀNH LẬP TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM (1961–1962)

TÔ BỬU GIÁM

ANH CÒN SỐNG MÃI

NGÔ THỊ HUỆ

MÃ ĐÀ SƠN CƯỚC ANH HÙNG TỰ

ĐẶNG HỒNG NHẬT

CHẶNG ĐƯỜNG HÀNH QUÂN TỪ TÂY NINH ĐẾN MÃ ĐÀ

TRẦN MINH TÂM

SẢN XUẤT – CHIẾN ĐẤU TRONG CĂN CỨ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

TRẦN CÔNG AN

KHAI THÔNG HÀNH LANG BẮC NAM – ĐƯỜNG MÒN HỒ CHÍ MINH

GIANG THANH TRÀ

TINH THẦN CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM TRONG QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO ĐẤU TRANH CHỐNG CÁC CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

GS.TS TRỊNH NHƯ

PHỤ LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

TRÙNG TU TÔN TẠO DI TÍCH CĂN CỨ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN
NAM GẮN LIỀN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

LÊ HOÀNG QUÂN

Thông báo số 114 ngày 19-8-2002 của Tỉnh ủy Đồng Nai

Thông báo số 168 ngày 26-3-2003 của Tỉnh ủy Đồng Nai

Công văn số 2382 ngày 27-3-2003 của Tỉnh ủy Đồng Nai

Thông báo số 231 ngày 29-8-2003 của Tỉnh ủy Đồng Nai

Thông báo số 261 ngày 23-12-2003 của Tỉnh ủy Đồng Nai

Công văn số 4164 ngày 22-8-2003 của Văn phòng
Trung ương Đảng

Công văn số 4579 ngày 28-11-2003 của Văn phòng
Trung ương Đảng

Công văn số 5030 ngày 4-12-2003 của Bộ Quốc phòng

Công văn số 80 ngày 2-2-2004 của Bộ Công an

Công văn số 4854 ngày 10-6-2004 của Ban Tổ chức Trung ương

Công văn số 4762 ngày 17-6-2004 của Ban Văn hóa Tư tưởng Trung ương

Công văn số 61 ngày 13-1-2004 của Bộ Bưu chính Viễn thông - Hội đồng
LSTT

Công văn số 297 ngày 24-11-2003 của Viện Lịch sử Quân sự
Việt Nam

Công văn số 1038 ngày 26-11-2003 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7

Thư của đồng chí Trần Văn Quang, ngày 20-11-2003

Thư của đồng chí Trần Bạch Đằng, ngày 4-12-2003

Bìa lưu niệm số 1

Bìa lưu niệm số 2

Bìa lưu niệm số 3

Bìa lưu niệm số 4

Bìa lưu niệm số 5

Bìa lưu niệm số 6

Bìa lưu niệm số 7

Bìa lưu niệm số 8

Bìa lưu niệm số 9

DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG CĂN CỨ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN
NAM (1961 – 1962)

LÊ XUÂN HẬU